

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

ĐƯỜNG VỀ XỨ PHẬT

TẬP IX

Sách này chỉ kính biếu, không bán!

Quý bạn đọc có thể thỉnh sách tại TU
VIỆN CHƠN NHƯ. Ấn bản điện tử được đăng tải
tại trang web:

<https://www.nguyenthuychonnhu.net>

<http://www.thuvienthaythonglac.net>

TRƯỞNG LÃO THÍCH THÔNG LẠC

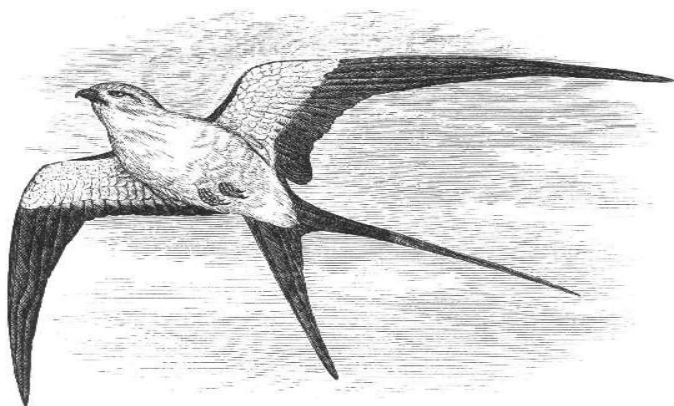
ĐƯỜNG VỀ XỨ PHẬT

TẬP IX



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

BẠC A LA HÁN



*Bạc A La Hán ra đời như cánh chim trời,
tung bay khắp mọi nơi khiến cho vũ trụ rung chuyển,
những tư tưởng mê tín, dị đoan, lạc hậu của loài người
bị đảo lộn, không còn đứng vững, rơi rụng như những
chiếc lá vàng mùa thu.*

Lời nói đầu

Hơn một năm, tám tập Đường Về Xứ Phật được ra mắt quý vị, đến nay tập 9 ra đời để góp thêm những phần còn thiếu sót của bước đường tiến tu về xứ Phật. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo đã được giảng dạy trên hai phần ba, làm sáng tỏ đường lối tu tập của đạo Phật rất cụ thể và rõ ràng, không còn có chỗ nào khiến cho quý vị khó hiểu.

Chúng tôi giảng tới đâu thì pháp hành kèm theo tới đó, nếu ai chịu khó tu tập và lập hạnh sống đúng giới luật của Phật, thì chúng tôi tin chắc rằng quý vị sẽ tìm thấy sự giải thoát ngay liền. Sự giải thoát ngay liền đó là một tâm hồn thanh thản, an lạc và vô sự. Còn nếu quý vị không phải là những người đi tìm sự giải thoát nơi tâm hồn của quý vị, thì khi đã đọc sách của chúng tôi, (chúng tôi tin chắc rằng) quý vị cũng tự hổ thẹn với mình vì đã đọc và hiểu những lời dạy đạo đức của Phật mà không sửa mình lại còn làm người vô đạo đức với mình, với người, tức là làm khổ mình, khổ người, và như vậy quý vị sẽ cảm thấy mình chẳng khác nào như loài cầm thú, nếu quý vị cứ tiếp tục mãi làm khổ mình, khổ người như vậy thì quý

ị còn tệ hơn loài cầm thú nữa, đó chỉ là những loài ác quỷ (hiếu biết mà còn làm khổ mình, khổ người là loài quỷ dữ, chứ không phải là loài người nữa). Phải không quý ị?

Tập 9 này chúng tôi sẽ tiếp tục trả lời tất cả những câu hỏi của quý ị, từ lâu quý ị còn đang ôm ấp trong lòng chưa giải nghi được.

Chúng tôi cố gắng trả lời và làm sáng tỏ lại đạo Phật, nhất là đạo đức nhân bản - nhân quả của Phật giáo để mọi người có đủ duyên may gặp được chánh pháp dạy về đạo đức nhân bản - nhân quả làm người của đạo Phật. Nhờ đó quý ị thực hiện một đời sống đạo đức cao thượng, một đạo đức đẹp đẽ tuyệt vời. Người sống đúng với đạo

đức ấy, thật xứng đáng làm người giữa loài người.

Tập 9, chúng tôi giảng về Thất Giác Chi để mọi người biết cách thực hành sống đúng bảy pháp môn giải thoát của đạo Phật. Mỗi pháp môn thực hành đều có sự giải thoát ngay liền, nên nó được mang tên là Giác Chi chứ không phải đợi tu hết bảy pháp Giác Chi mới có sự giải thoát, nhưng mỗi Giác Chi được tu tập là có sự giải thoát thân tâm của quý vị ngay liền tại Giác Chi đó.

Trong Bảy Giác Chi nó gồm đủ “giới, định, tuệ”, nếu một vị tu sĩ mà không giữ gìn giới luật nghiêm túc thì không thể nào tu tập Bảy Giác Chi được, cũng như không sống đời sống phạm hạnh, không phòng hộ sáu căn, không thiếu dục tri túc, không ba y một

bát, không đi xin từng miếng, từng nhà, không xả bỏ của cải tài sản vật chất, không đoạn lìa những tình cảm người thân quyến thuộc, không lấy gốc cây làm giường nằm mà sống trong chùa to Phật lớn, vì chùa to Phật lớn, giường cao rộng, mền nệm êm ấm, sống trong nhung lụa sang giàu thì không thể nào tu theo Bảy Giác Chi được, vì ngay cuộc sống đó là không “Giác Chi” thì còn tu tập cái gì là Giác Chi được nữa.

Tập 9 này chúng tôi cố gắng vạch rõ sự hiểu lầm của quý vị, từ lâu quý vị đã cho rằng một bậc Thánh phải có những điều kiện như sau:

1/ Một vị Thánh A La Hán phải có thân thông biến hóa, tàng hình, phóng hào quang, ngồi xếp bằng bay trên hư không như chim v.v..

¹ Giác Chi là Bồ Đề, là giải thoát

2/ Một vị Thánh A La Hán phải biết chuyện quá khứ, vị lai của mình, của người khác.

3/ Một vị Thánh A La Hán phải thông suốt tam tạng kinh điển và còn phải thông hiểu cả vũ trụ, cái gì cũng phải hiểu biết hết.

4/ Một vị Thánh A La Hán luôn luôn chịu khổ thay cho mọi người, thậm chí còn phải hy sinh tánh mạng để cho người khác sống.

5/ Một vị Thánh A La Hán chết phải biết ngày biết giờ, sanh ra phải nhớ nhiều đời nhiều kiếp của mình.

6/ Một vị Thánh A La Hán chết phải để lại nhiều xá lợi, hoặc để lại bộ xương khô (nhục thân).

Đó là những tư tưởng hiểu lầm lạc về một bậc Thánh A La Hán của đạo

Phật. Một bậc Thánh của đạo Phật là những người sống đúng phạm hạnh có nghĩa là một đời sống được gọi là Thánh Tăng thì phải ly dục ly ác pháp, sống không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh, đó chính là bậc Thánh Tăng của đạo Phật.

Bậc Thánh Tăng là những người sống không phạm giới, bẻ vụn giới, thấy những lỗi nhỏ nhặt rất sợ hãi, luôn luôn sống đời sống giới luật nghiêm túc, còn sáu loại Thánh A La Hán ở trên mà quý vị tưởng tượng ra, đó là sáu loại Thánh “dỏm”, Thánh lừa đảo thiên hạ, tạo nhân ác cho mình, Thánh vô minh làm khổ mình, khổ người mà không thấy, chỉ thích chạy theo danh lợi hão của cuộc sống tạm bợ trong thế gian loài người.

Còn một vị Thánh Tăng của đạo Phật thì sống thật cho mình cho người, chẳng bao giờ làm khổ mình, khổ người có nghĩa là chẳng bao giờ hờn giận tức tối ai hết dù ai có khó dễ, mắng chửi mình, mặt sát mình thậm tệ nhưng mình vẫn an nhiên tự tại vui vẻ và chẳng hề có một lời nặng nề nói xấu ai hết, trước mặt và sau lưng đều đối xử như vậy. Một vị Thánh của đạo Phật luôn luôn sống có ích lợi cho mình, cho người, sống biết hòa mình với mọi người, không làm khổ mình, khổ người bằng những đức hạnh: nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng, ăn, ngủ không phí thời và sống độc cư một đời sống trầm lặng, nhưng tâm hồn nhẹ nhàng, thanh thoát, an vui và trước mọi cảnh

*vui cũng như mọi cảnh buồn đều thanh thản,
an nhiên không hề dao động tâm.*

Suốt mười bảy, mười tám năm trời tu viện Chơn Như mở cửa đón những người có tâm huyết muốn thắp lại ngọn đèn chánh pháp của Phật giáo và làm gương sáng cho hàng tín đồ, nhưng đến nay tu viện vẫn hy vọng có những bậc ấy. Vì vậy, Tu viện cố gắng hết mình để đào tạo những bậc Thánh Tăng, Thánh Ni ấy để chấn chỉnh Phật giáo lại, nhưng đến giờ này tuy chưa tìm thấy được một ai nhưng tu viện vẫn hy vọng và tin rằng sẽ có những người xứng đáng là đệ tử của đức Phật xuất hiện và nối tiếp mạng mạch của Phật giáo.

Đúng vậy, đến nay năm 2006 chúng tôi đã tìm thấy những bậc ấy xuất hiện qua lớp

*đào tạo những bậc chúng đạt chân lý. Khi
nhuận lại tập 9 chúng tôi báo tin mừng này
đến quý vị để quý vị biết rằng Phật giáo
đâu phải là một pháp khó tu tập như từ lâu
người ta đã tưởng: Phật pháp phải tu nhiều
đời nhiều kiếp, trong khi đức Phật xác định
sự tu tập của Phật giáo chỉ trong 7 ngày, 7
tháng, 7 năm.*

*Sự tu tập của đạo Phật chỉ có hai lộ
trình “thiện và ác”, kinh sách Phật đã dạy
rõ ràng và cụ thể như vậy, từ cách thức thực
hành pháp đến cách thức thực hiện trong
cuộc sống hàng ngày. Càng tu tập càng thấy
sự giải thoát rõ ràng, càng tu tập đời sống
càng an vui, hạnh phúc đầy đủ. Thế tại sao
người ta lại tu theo không nổi?*

Tu theo đạo Phật thì chỉ phải chọn lấy con đường thiện mà đi, cứ sao các vị tu sĩ của đạo Phật lại đi trên con đường ác, trong khi chúng tôi đã giảng dạy cố hết sức mình, mong cho mọi người hiểu rõ sự lợi ích của con đường thiện và sự tai hại của con đường ác, thế mà có hàng trăm người về tu viện tu hành, họ tu như thế nào? Họ hành như thế nào? Có người đã từng sống bảy tám năm trời tại tu viện, thế mà họ vẫn đi theo con đường ác, con đường khổ đau cho mình, cho người, có sung sướng gì đâu mà họ lại bước theo con đường ấy!

Bởi lòng người còn tham dục quá rầy đầy, còn ôm chặt các ác pháp trong tâm, vì thế mà giáo pháp phát triển lợi dụng lòng tham dục ấy nên phát triển những giáo pháp

lừa đảo, mê tín, trêu tượng, ảo giác, phi đạo đức, nhưng mang đầy tính chất tham dục trong đó khiến người tu sĩ đứng sở thích tham dục một cách dễ dàng của họ mà không bị tín đồ chỉ trích.

Mọi người ai cũng biết giáo pháp phát triển không phải là giáo pháp của đạo Phật nhưng vì nó gọi đúng lòng tham dục của thiên hạ, nên mọi người chạy theo nó, tu tập theo nó. Kinh sách phát triển ai cũng biết là thần thánh hoá, mê tín phi đạo đức nhưng không ai bỏ được, nó cũng giống như mọi người đều biết thuốc lá và rượu là có hại cho cơ thể, nhưng thuốc lá và rượu kích thích đúng lòng tham dục của họ, vì thế họ có bị bệnh lao phổi hoặc nằm đường, ngủ bụi, ngủ bờ làm khổ vợ con dòng họ thì họ cũng

không bỏ được. Người tu theo đạo Phật thời nay cũng vậy, họ đều rõ con đường ác là con đường khổ đau, con đường thiện là con đường hạnh phúc, thế mà họ vẫn bám theo mãi con đường ác và chẳng bao giờ muốn bỏ.

Đạo Phật dạy con người thoát khổ bằng đạo lộ thiện, nhưng bản chất con người không muốn thoát khổ nên không muốn đi trên lộ trình thiện, vì thế mà phải đành chịu khổ đau muôn đời muôn kiếp chẳng bao giờ dứt.

Suốt mười bảy, mười tám năm trời không lúc nào mà Thầy không nhắc nhở quý thầy và các con: “đây là con đường thiện và đây là con đường ác, con đường thiện đưa đến hạnh phúc an vui không làm khổ mình,

khổ người và đây là con đường ác đưa đến sự khổ đau, sự phiền toái, sự bất toại nguyện, sự u bi sâu khổ thường làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả muôn loài chúng sanh”.

Con đường chánh pháp của đạo Phật là con đường thiện, con đường lợi ích thiết thực cho loài người là như vậy, nhưng mấy ai đã nghe và đã chấp nhận, còn con đường tà pháp, ác kiến, cúng tế, cầu an, cầu siêu, tụng kinh, niệm chú, bắt ấn, ngồi thiền, lên đồng, nhập xác v.v.. toàn là những pháp mê tín, phi đạo đức thì được mọi người tin theo, làm theo, thực hành theo một cách dễ dàng, nhưng hoàn toàn chỉ là những sự hy vọng hão huyền chứ chẳng có ích lợi thiết thực cho cuộc sống con người chút nào cả. Còn pháp chân

chánh đem lại sự lợi ích thiết thực cho họ thì dường như họ nghe rất thích nhưng sống và thực hành thì họ thực hành không vô. Bởi vậy, tà pháp và ác pháp thì dễ thực hành, dễ làm, còn chánh pháp và thiện pháp tuy vậy rất khó thực hành và khó làm.

Ví dụ: Mình chửi người ta hoặc người ta chửi mình thì chuyện đó ai làm cũng được, nhưng chuyện khó làm là người ta chửi mình mà mình không chửi lại, mình không chửi lại mà còn vui vẻ không hờn tức giận thì chuyện đó còn khó làm hơn nữa. Vì thế, giá trị của người tu theo Phật giáo là ở chỗ này.

Chuyện tụng kinh niệm chú, bất ăn, ngồi thiền, niệm Phật, lạy sám hối, tập luyện Yoga, khí công v.v.. thì rất dễ dàng ai ai cũng có thể làm được, nhưng ngồi mà quan

sát bốn chỗ thân, thọ, tâm, pháp trong thân ngũ uẩn để đẩy lui các chướng ngại pháp ra khỏi bốn chỗ này, để đem lại cho thân tâm một sự giải thoát thật sự, một tâm hồn an vui, thanh thản, một thân tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ, một trạng thái Niết Bàn vĩnh viễn cho những ai biết sống với pháp chân chánh Tứ Niệm Xú này thì như lời đức Phật đã từng tuyên bố: “nội trong bảy ngày, còn chậm là bảy tháng, còn tệ hơn nữa là bảy năm sẽ chứng đạo hoàn toàn”.

Pháp chân chánh là tu tập như vậy, thế mà có người tu đã bảy năm qua, bản chất như thế nào thì còn nguyên như thế nấy không có thay đổi chút nào cả, có nghĩa là trong tâm tham, sân, si, mạn, nghi và ác

pháp vẫn còn nguyên không đổi thay chút nào, thậm chí chúng tôi quan sát xét thấy có phần tham, sân, si, mạn, nghi còn nhiều hơn vì chính tu sai do ức chế tâm dòn nên chịu đựng, đến khi chịu đựng không nổi bao nhiêu ác pháp đổ ra lai láng, vì thế mà nó còn nhiều hơn.

Trong thời đại khoa học ngày càng tiến tới triển khai một đời sống con người thực tế và cụ thể, những gì mơ hồ trừu tượng lừa đảo con người từ xưa đến nay của các tôn giáo sẽ được phơi bày trước ánh sáng của khoa học và kỹ nghệ hiện đại, lúc bấy giờ các tôn giáo sẽ không còn đất đứng trên hành tinh này nữa, nhất là giáo pháp phát triển 62 lập luận của Bà La Môn lại càng rõ nét của sự gian xảo, lừa đảo v.v.,

còn nếu Phật giáo Nguyễn Thủy không làm sáng tỏ trong giai đoạn này thì cũng sẽ bị chung số phận như kinh sách phát triển.

Nếu Phật giáo Nguyễn Thủy mất đi, là mất đi một nền đạo đức tuyệt vời của loài người và vì thế không còn có một nền đạo đức nào để cho tinh thần mọi người quân bình với vật chất của khoa học.

Hiện giờ phải mở ngay một lớp học và tu tập để đào tạo con người sống có đạo đức nhân bản - nhân quả. Nhất là trong giai đoạn này phải có người sống có đạo đức để làm gương sáng cho mọi người trong xã hội soi, là một điều cần thiết không thể thiếu được.

Về Phật giáo có một số người làm tưởng khi vào chùa đi tu là phải ngồi thiền,

tụng kinh, niệm Phật sám hối nhiều, lúc chết để lại nhục thân hay xá lợi, được trực vãng Tây phương. Đó là một quan niệm đắc thiên, chứng đạo như vậy là sai lệch, là không đúng đường lối tu tập của Phật giáo. Nhiều khi họ còn hiểu sai lạc hơn nữa, cho rằng: Người đi tu theo Phật chứng đạo là phải có thần thông, là phải biết chuyện quá khứ vị lai của mọi người; là phải biết biến hóa, tàng hình, làm mưa, làm gió; là phải biết đi trên hư không như chim bay, đi trên nước không chìm v.v..

Những thần thông trên đây là những trò huyễn hóa lừa đảo người, chứ những thần thông đó làm lợi ích gì cho con người đâu, nó còn mê hoặc cho những tâm hồn non yếu tham đắm những chuyện mơ hồ, ảo giác,

huyền hóa, do sự tham đắm này mà bỏ cả đạo đức làm người, quên đi bốn phận làm cha, làm mẹ, làm chồng, làm vợ và làm con cái trong gia đình v.v..

Nói về tôn giáo thì không tôn giáo nào là không muốn thực hiện thần thông, vì thần thông dễ lừa đảo lối cuốn người theo tôn giáo mình, chỉ có một tôn giáo không chấp nhận thần thông, đó là Phật giáo. Phật giáo không dùng thần thông quyến rũ người, nhưng Phật giáo không cần và không tu tập thần thông mà lại có đầy đủ thần thông hơn các tôn giáo khác.

Nho giáo lấy đạo đức tam cương ngũ thường² dạy người, nhất là lấy lễ làm hạnh

² -Tam cương tức là quân thần cương, phụ tử cương, phu thê cương.

đối xử nhau trong cuộc sống, Nho giáo không dùng tưởng thức tập luyện thần thông hoặc tạo ra những điều mê tín, dị đoan để lường gạt, lừa đảo người làm tiền bất chánh, tuy chấp nhận thần thông, nhưng người theo Nho giáo không bao giờ có thần thông vì giáo pháp của Nho giáo chỉ dạy nhân, nghĩa, lễ, trí, tín, không tu luyện tưởng lực.

Phật giáo là một tôn giáo tu tập rèn luyện đạo đức nhân bản - nhân quả làm người không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh, do đạo đức nhân bản này, nên đạo Phật không chấp nhận thế giới siêu hình và thần thông, vì có thế giới siêu hình và thần thông là sẽ sinh ra nhiều điều mê

Ngũ thường tức là: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín

tín, dị đoan. Những điều mê tín, dị đoan là những điều lừa đảo, lường gạt người, đó là những điều phi đạo đức mà Phật giáo không chấp nhận.

Người nào tu theo đạo Phật mà hướng về thần thông và thế giới siêu hình là những người đi ngược lại Phật giáo, phản bội Phật giáo, làm ô uế Phật giáo, làm mất thanh danh Phật giáo, làm mất nền đạo đức nhân bản – nhân quả của loài người thì người đó phải tự xấu hổ, phải tự cảm thấy mình đã làm một tội ác tày trời.

Hơn hai ngàn năm trăm năm bởi những tham vọng của con người, Phật giáo đã chia ra làm nhiều bộ phái, từ đó nền đạo đức của Phật giáo đã bị chìm mất. Con người trên hành tinh này càng ngày càng đông hơn và

càng đông hơn thì nhu cầu của sự sống đòi hỏi phải gia tăng lên, vì thế con người phải trực diện khắc phục thiên nhiên để đem lại sự sống cho nhau, nhưng vì không có đạo đức nên con người phải giày xéo lên nhau vì tham dục; vì miếng cơm manh áo, tranh giành mạnh yếu thua, gian xảo thì no đủ, giàu sang, còn thật thà thì đói khổ, nghèo cùng.

May mắn thay trong cuộc sống của loài người còn có một đạo luật nhân quả tuy thưởng phạt vô hình nhưng rất công minh, chánh trực, ai làm ác thì phải lãnh đủ bản án thọ bao nhiêu tội khổ, ai làm thiện thì hưởng được phước báo, hạnh phúc, an vui.

Từ tập 1 đến tập 9 Đường Về Xứ Phật đã chỉ cho quý vị rõ nền đạo đức nhân

bản – nhân quả của đạo Phật rất cần thiết và lợi ích rất lớn cho cuộc sống của loài người trên hành tinh này. Vì thế, tăng ni cũng như quý vị nam nữ cư sĩ phật tử hãy mạnh dạn dẹp bỏ bài trừ những thần thông bùa chú, thế giới siêu hình và những sự mê tín dị đoan mà kinh sách phát triển bày vẽ đủ mảnh khốe gian xảo để lừa đảo con người.

Nếu quý vị cứ theo kinh sách phát triển mà thực hiện những điều thần thông bùa chú và những sự mê tín dị đoan thì làm sao nền đạo đức nhân bản của Phật giáo sống lại được, nếu nó không sống lại được thì loài người trên hành tinh này còn khổ biết bao!

Hôm nay chúng ta không nên để lỡ mất một cơ hội dựng lại nền đạo đức này, mong sao mọi người đoàn kết với nhau để

làm một việc làm lợi ích lớn, có đầy đủ ý nghĩa lịch sử đạo đức của loài người.

Kính ghi

Trưởng lão Thích Thông Lạc

(Ngày 10 – 8 – 2000)

KINH VIÊN GIÁC

Câu hỏi của Diệu Quang (ngày 10-4-2000)

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Sau khi đọc kinh Viên Giác thấy có một đoạn kinh nghi ngờ, con xin ghi chép ra đây để Thầy dạy cho chúng con hiểu “- Nay thiện nam! Đây là 25 pháp tu của Bồ Tát. Vậy các Bồ Tát phải y theo đây mà tu hành.*

Nếu các Bồ Tát hiện tại và chúng sanh đời sau, muốn y theo 25 pháp môn này mà tu hành, thì phải giữ giới thanh tịnh, tâm suy nghĩ vắng lặng và phải trải qua 21 ngày thành tâm sám hối, rồi viết 25 pháp môn này vào mỗi miếng giấy, niêm lại kỹ, để trên bàn thờ Phật và chí tâm cầu khẩn, rồi tùy tay hành giả rút một miếng giấy, khi mở ra xem thì hành giả sẽ biết trình độ của mình tu pháp Đốn hay Tiệm. Song nếu hành giả một niệm nghi ngờ, thì chẳng thành tựu”.

Kính thưa Thầy, con thấy trong kinh dạy làm như vậy chẳng khác nào như bói toán, làm một việc cầu may. Đây có phải kinh Viên Giác dạy làm một việc mê tín không thưa Thầy?

Thấy kinh dạy như vậy tâm chúng con sinh ra nghi ngờ, mong Thầy giải nghi cho chúng con.

Đáp: Đến với câu hỏi này thì đã có một cư sĩ ở miền Bắc nhận ra kinh này là đã dạy điều mê tín, kinh mà dạy điều mê tín là tà kinh chứ không thể gọi là chân kinh.

Kinh Viên Giác không phải kinh sách Phật thuyết, do các Tổ thuyết, nhưng các Tổ khôn khéo gán cho Phật thuyết để dễ lừa đảo tín đồ Phật giáo. Tín đồ Phật giáo cũng dễ tin tưởng tất cả kinh đều do Phật thuyết, vì kinh sách phát triển tập kinh nào cũng bắt đầu bằng câu: *“Như thị ngã văn nhất thời Phật tại Xá Vệ Quốc, kỳ thọ Cấp Cô độc viên dũ...”*, chỉ nội câu này cũng đủ lừa đảo người khác rồi.

Kinh sách phát triển nào cũng có hai phần:

1. Dụ dỗ
2. Hăm dọa.

Đầu kinh thì dụ dỗ như kinh Pháp Hoa dạy:

“Dù cho tạo tội hơn núi cả

Diệu Pháp Liên Hoa tụng mấy dòng”

Cuối kinh thì hăm dọa: *“Ai chê kinh Pháp Hoa và làm não loạn người nói pháp thì đầu sẽ bể làm bảy mảnh như quả A lê”*.

Kinh sách phát triển lần lượt quý vị đọc kỹ lại sẽ thấy rõ sự dụ dỗ, hù dọa, trùu tượng, lừa đảo, lường gạt, mê tín, phi đạo đức v.v..

Kinh Viên Giác là một loại kinh sách của các Tổ đã mượn ý Chân Không của Ngài Long Thọ rồi dùng danh từ Viên Giác để che mắt tín đồ.

Những điều con hỏi là đúng sự thật, kinh này dạy bói khoa là một điều mê tín. Những kinh sách phát triển mê tín lừa đảo này không đáng cho người phật tử tin cậy. Từ lâu quý vị đã lầm lạc không hiểu, hôm nay đã hiểu thì quý vị từ bỏ, xa lìa nó như từ bỏ xa lìa một bệnh truyền nhiễm.



ĐỨC PHẬT TU TẬP PHÁP MÔN NÀO TRONG 49 NGÀY CHỨNG ĐẠO?

Câu hỏi của cô Diệu Quang

Hỏi: Kính thưa Thầy! Sáu năm khổ hạnh, đức Phật tu tập theo pháp môn của ngoại đạo thì không nói, chỉ nói đến 49 ngày tu tập mà đức Phật đã chứng đạo. Vậy đức Phật tu pháp môn gì? Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.

Đáp: Đức Phật cắt ái xuất gia tu hành trong thời kỳ Bà La Môn Giáo chia làm sáu bộ phái, lấy kinh Vệ Đà làm tiêu chuẩn pháp môn tu tập, nhưng theo tưởng giải riêng biệt của sáu vị Đại sư mà người đương thời gọi là Lục sư, nhưng sáu bộ phái này được xem là một giai cấp Bà La Môn lãnh đạo tinh thần quần chúng lúc bấy giờ.

Sáu năm tu khổ hạnh, đức Phật đã thực hành tất cả những pháp môn khổ hạnh của sáu phái này, nhưng kết quả chẳng tìm thấy sự giải thoát, thậm chí như đức Phật đã nhập đến Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Định mà vẫn không tìm thấy sự giải thoát, nên đức Phật

ném bỏ các pháp môn này như ném bỏ những chiếc giày rách, thế mà đời sau này các Tổ dám cả gan đem bốn loại thiền tướng vô sắc này ghép vào pháp môn của Phật để lừa đảo tín đồ, sau này có dịp chúng tôi sẽ nói rõ về bốn loại thiền vô sắc này để quý vị thấy rõ dã tâm của các vị sư Bà La Môn lồng giáo pháp của mình vào giáo pháp của đức Phật để đánh lừa phật tử. Vì thế, sau này đức Phật gọi các pháp môn của sáu vị Sư này là ngoại đạo, nên trong kinh Nguyên Thủy thường có danh từ: “*Lục sư ngoại đạo*”, là để chỉ cho pháp tu hành không giải thoát.

Vậy đức Phật đã tu pháp môn nào chứng đạo? Trong khi các pháp môn của ngoại đạo đức Phật đã thực hành không có một pháp môn nào mà Ngài không tu tập.

Như vậy, được xem đức Phật đã không còn pháp môn tu tập. Vậy chúng ta trở lại bài kinh Đại Saccaka trong kinh Trung Bộ tập 1. Sau khi đức Phật khổ hạnh tận cùng bằng sự ức chế thân để thoát khổ, nhưng cuối cùng vì tiết thực ăn quá ít cơ thể kiệt quệ đến nỗi không đứng dậy được, lúc bấy giờ Ngài hồi tưởng lại lúc còn bé, khi theo vua cha đến làm lễ hạ điền: “*Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ*

như sau: “Ta biết, Trong khi phụ thân Ta, thuộc dòng Sakka (Thích Ca) đang cày ruộng và Ta đang ngồi dưới bóng mát cây (jambu) diêm phù đề (hồng táo), Ta ly dục ly pháp bất thiện chứng và trú Thiền Thứ Nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh có tâm có tứ”. Khi an trú như vậy, Ta nghĩ: “Đạo lộ này có thể đưa đến giác ngộ chăng?”. Và này Aggivessana, tiếp theo ý niệm ấy, ý thức này khởi lên nơi Ta: “Đây là đạo lộ đưa đến giác ngộ”. Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ: “Ta có sợ chăng lạc thọ này, một lạc thọ ly dục ly pháp bất thiện?” Này Aggivessana, rồi Ta suy nghĩ: “Ta không sợ lạc thọ này, một lạc thọ ly dục ly pháp bất thiện”.

Rồi này Aggivessana, Ta suy nghĩ: “Nay thật không dễ gì chứng đạt lạc thọ ấy, với thân thể ốm yếu kinh khủng như thế này. Ta hãy ăn thô thực, ăn cơm chua trở lại”. Rồi này Aggivessana, Ta ăn thô thực, ăn cơm chua trở lại thì lúc bấy giờ, này Aggivessana, năm vị Tỷ kheo đang hầu hạ Ta suy nghĩ: “Khi nào Sa Môn Gotama chứng pháp, vị ấy sẽ nói cho chúng ta biết”. Này Aggivessana, khi thấy Ta ăn thô thực, ăn cơm chua trở lại, các vị ấy chán ghét Ta, bỏ đi và nói: “Sa Môn Gotama

nay sống đầy đủ vật chất, từ bỏ tình tấn, trở lui đời sống sung túc”.

Và này Agivessana, sau khi Ta ăn thô thực và được sức lực trở lại, Ta ly dục ly bất thiện pháp, chứng và trú Thiền Thứ Nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm có tứ. Nay Agivessana, như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta.

Diệt tâm tứ chứng và trú Thiền Thứ Hai, một trạng thái hỷ lạc do định sanh, không tầm không tứ nội tĩnh nhất tâm. Nay Agivessana, như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta.

Ly hỷ trú xả, chánh niệm tỉnh giác, thân cảm sự lạc thọ mà các bậc Thánh gọi là xả niệm lạc trú, chứng và trú Thiền Thứ Ba. Nay Agivessana, như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta.

Xả lạc xả khổ diệt hỷ ưu đã cảm thọ trước, chứng và trú Thiền Thứ Tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh. Nay Agivessana, như vậy lạc thọ khởi lên nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh, trong sáng không cấu nhiễm, không phiền não nhu

nhuỷễn, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy. Ta dẫn tâm, hướng tâm đến Túc Mạng Minh, Ta nhớ đến các đời sống quá khứ như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, một ngàn đời, một trăm ngàn đời, nhiều hoại kiếp, nhiều thành kiếp, nhiều hoại và nhiều thành kiếp. Ta nhớ rằng: “Tại chỗ kia Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này. Sau khi chết tại chỗ kia, Ta được sanh ra tại chỗ nọ. Tại chỗ ấy, Ta có tên như thế này, dòng họ như thế này, giai cấp như thế này, thọ khổ lạc như thế này, tuổi thọ đến mức như thế này”. Như vậy Ta nhớ đến nhiều đời sống quá khứ cùng với các nét đại cương và các chi tiết. Nay Agivessana, đó là Minh thứ nhất Ta đã chứng được trong đêm canh một, vô minh diệt, minh sanh, ám diệt, ánh sáng sanh, do Ta sống không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần. Như vậy, nay Agivessana lạc thọ sanh nơi Ta được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh trong sáng không cấu nhiễm, không phiền não, nhu

nhuẩn, dễ sử dụng, vững chắc, bình tĩnh như vậy, Ta dẫn tâm hướng tâm đến trí tuệ về sanh tử của chúng sanh. Ta với thiên nhân thuần tịnh siêu nhân thấy sự sống chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Những chúng sanh là ác hạnh về thân và ý, phỉ báng các bậc Thánh, theo tà kiến tạo các nghiệp theo tà kiến; những người này sau khi thân hoại mạng chung, phải sanh vào cõi dữ ác thú đọa xứ địa ngục. Còn những chúng sanh làm những thiện hạnh về thân, lời và ý, không phỉ báng các bậc Thánh, theo chánh kiến tạo các nghiệp theo chánh kiến; những vị này sau khi thân hoại mạng chung được sanh lên các thiện thú cõi Trời, trên đời này. Như vậy Ta với thiên nhân thuần tịnh siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Ta biết rõ rằng chúng sanh, người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh đều do hạnh nghiệp của họ. Ngày Agivessana, đó là Minh thứ hai Ta đã chứng được trong đêm canh giữa, vô minh diệt, minh sanh, ám diệt, ánh sáng sanh, do ta sống không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần. Như vậy

này Agivessana, lạc thọ sanh nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta.

Với tâm định tĩnh, thuần tịnh trong sáng, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng vững chắc, bình tĩnh như vậy, Ta dẫn tâm hướng tâm đến lậu tận trí. Ta biết như thật: “Đây là khổ”, biết như thật: “Đây là nguyên nhân của khổ”, biết như thật: “Đây là sự diệt khổ”, biết như thật: “Đây là con đường đưa đến diệt khổ”, biết như thật: “Đây là những lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là sự diệt trừ các lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là con đường đưa đến sự diệt trừ các lậu hoặc”, nhờ hiểu biết như vậy, nhận thức như vậy, tâm của Ta thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, Ta khởi lên sự hiểu biết: “Ta đã giải thoát”. Ta đã biết: “Sanh đã diệt, phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm, sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa”. Ngày Agivessana, đó là Minh thứ ba mà Ta chứng được trong đêm canh cuối, vô minh diệt, minh sanh, ám diệt, ánh sáng sanh, do Ta không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần. Như vậy, ngày Agivessana, lạc thọ sanh nơi Ta, được tồn tại nhưng không chi phối tâm Ta”.

Trên đây là một đoạn kinh xác định rõ ràng pháp môn mà đức Phật đã tu tập chứng đạo trong 49 ngày dưới cội cây Bồ Đề, thế mà thầy Tổ không dạy chúng ta tu học pháp môn này mà lại dạy chúng ta ngồi thiền, niệm Phật, tụng kinh, bái sám, niệm chú, kiến tánh thành Phật v.v.. như vậy có trái với pháp môn của Phật chăng? Nếu đức Phật tu tập một pháp môn đã được chứng đạo mà lại dạy chúng ta tu những pháp khác không phải là pháp chứng đạo của Phật, chắc chắn nếu điều này khi đức Phật còn tại thế Ngài không dạy chúng ta như vậy. Vậy ai đã làm điều này xin quý vị suy ngẫm?

Bởi đức Phật đã rõ tâm danh lợi của người sau, nên trước khi vào Niết Bàn Ngài di chúc: ***“Này các tỳ kheo, hãy lấy giới luật và giáo pháp của Ta mà làm Thầy, làm chỗ nương tựa tu hành vững chắc”***. Lời di chúc này còn đó, nhưng đệ tử của Người đã đi theo vết chân danh lợi của các Tổ mà chôn vùi giáo pháp chân chánh của Ngài dưới lớp tà giáo mê tín, phi đạo đức, trừu tượng, mơ hồ, lừa đảo, dụ dỗ, dối gạt, hù dọa tín đồ.

Bây giờ quý vị đã rõ 49 ngày dưới cội cây Bồ Đề đức Phật đã tu tập Tứ Thánh Định.

Trong suốt 49 ngày đêm đức Phật đã tinh cần năng nổ tu tập Sơ Thiền, nghĩa là 49 ngày đêm ấy Ngài giữ gìn tâm mình không cho phóng dật, nên Ngài thường nhắc đi nhắc lại câu nói này với chúng tỳ kheo: ***“Do Ta nhiệt tâm tinh cần sống không phóng dật mà chứng được như vậy”*** (kinh Trung Bộ), và lời di chúc sau cùng của Ngài trước khi nhắm mắt lìa đời: ***“Này các Thầy tỳ kheo, chớ có phóng dật. Ta chính nhờ không phóng dật mà thành Chánh Giác, vô lượng điều lành đều nhờ không phóng dật mà có được.”***

Tất cả vạn vật đều vô thường, hãy tinh tấn chớ có phóng dật”. (kinh Trường A Hàm).

Cho nên, trong 49 ngày đêm tinh cần tu tập tâm không phóng dật Ngài đã thành Chánh Giác. Tâm không phóng dật tức là tâm ly dục ly ác pháp, tâm ly dục ly ác pháp là tâm nhập Bất Động, từ bất động liền nhập Sơ Thiền.

Như vậy, trong suốt 49 ngày đêm đức Phật chuyên cần, năng nổ, tu tập đẩy lui các chướng ngại pháp trên bốn chỗ thân, thọ, tâm và pháp, nhờ có tu tập như vậy nên tâm không phóng dật, tâm không phóng dật là tâm có đủ

năng lực nhập các loại định khác và dẫn tâm đến Tam Minh một cách dễ dàng không có khó khăn, không có mệt nhọc.

Vì thế, ngày thứ 49 và đêm đó Ngài đã hoàn tất Tam Minh chứng quả giải thoát hoàn toàn.

Bây giờ, quý vị đã rõ pháp môn nào đức Phật tu tập đã thành Chánh Giác, vậy quý vị hãy cố gắng tu tập không còn sợ sai lạc pháp, Ngài đã tu được thì chúng ta cũng tu được như Ngài, chứ đâu thua gì Ngài. Hãy cố gắng lên quý vị chớ có chểnh mảng, mất thân rồi khó kiếm được thân sau.



CÁC PHÁP ĐỀU KHÔNG

Câu hỏi của Châu Dũng (ngày 20/4/2000)

Hỏi: Kính bạch Thầy! Trong sách Thầy thường hay nói là người muốn tu hành giải thoát thì phải thực hiện không làm khổ mình, khổ người, cắt ái ly gia, ly dục ly ác pháp, hướng thiện tăng trưởng thiện, diệt ác ly ác pháp, xả tâm v.v.. còn sách của Thầy Thanh

Từ, thì coi “Bát Nhã Tâm Kinh” là cứu cánh, tức là lấy cái nhìn mọi sự đều “không” để tu. Theo con hiểu thì hai pháp đều có thể hỗ trợ cho nhau. Từ cái nhìn mọi sự đều không hướng ta tới không làm khổ mình, khổ người, ly dục ly ác pháp cũng đâu có mâu thuẫn gì? Vậy con thấy trong sách của Thầy có nói là kinh sách phát triển hay thiên định Trung Hoa là xuyên tạc giáo lý của Phật, mong Thầy giải thích cho con hiểu.

Đáp: Kinh sách Nguyên Thủy của đức Phật và Kinh sách phát triển tưởng giải về lý thì giống nhau, nhưng Kinh sách phát triển không có pháp hành, không có lối sống đúng giới luật; thường sống phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới luật Phật và sống trong ô nhiễm dục lạc thế gian, nhưng khéo lý luận che đậy bằng cách thấy mọi pháp đều “Không”, đó là sự lừa đảo bằng ngôn ngữ để che mất tín đồ Phật giáo. Thấy các pháp đều không sao quý thầy lại không sống không? Vì thế các thầy theo kinh sách phát triển sống ô nhiễm chạy theo dục lạc, nên có chùa to Phật lớn, vật chất đầy đủ, ăn uống phi thời, mặc y áo sang đẹp, đất tiền giống như nhà giàu. Đi ra thì như vua chúa tiền hô, hậu ủng, Phật tử đông đảo kẻ

trước người sau, thế mà nhìn mọi pháp đều “*không*”. Như vậy cháu có tin là không chẳng? Nói “*không*” mà lại “*có*” và còn chạy theo cái có thì chúng ta có tin lời nói của họ không? Từ chỗ không có một chiếc xe đạp, khi làm trụ trì một thời gian thì cả xe hơi họ cũng có.

Còn Kinh sách Nguyên Thủy dạy các vị tu sĩ phải sống đúng phạm hạnh, không có chùa to Phật lớn, đời sống chỉ có ba y một bát, ăn ngày một bữa, mặc y áo thô xấu, mà còn phải luôn luôn cảnh giác phòng hộ sáu căn bằng Giới luật để giữ gìn đức hạnh của một bậc thánh Tăng. Đối với tu sĩ Nguyên Thủy, như vậy chưa được gọi là ly dục ly ác pháp mà còn phải thực hành ngày đêm liên tục: “*Ngăn ác, diệt ác pháp*” để khắc phục tâm tham, sân, si, mạn, nghi của mình bằng các pháp định như: Định Niệm Hơi Thở, Định Chánh Niệm Tỉnh Giác, Định Sáng Suốt, Định Vô Lậu v.v..

Có sống không ô nhiễm, có thực hiện các pháp định như vậy, thì mới có thể ly dục ly ác pháp, mới không làm khổ mình, khổ người.

Nếu một người quyết tâm tu hành để cầu giải thoát mà cứ nhìn các pháp đến đều thấy nó là “*không*”, thì đó là một lối tu tập ức chế tâm, một lối tu tập chịu đựng, không phải là

giải thoát. Nếu bảo rằng các pháp đều *không* thì chúng ta thử lấy cây đánh vào thân ta thì ta có cảm giác đau không? Nếu không đau là *không*, còn có đau là có, còn có đau mà nói không đau là nói không thật, hoặc nói đau mặc kệ nó, đó là người không trí sáng suốt, người không hiểu biết, người chai lì, v.v.. Bởi vậy Tổ Sư Tử thấy hiểu biết cái gì cũng không mà phải chịu chết oan mạng, cũng do “*Không*” của Bát Nhã Ba La Mật mà ra nông nổi này (Ngũ uẩn giai không).

Kinh sách phát triển thường xuyên tạc giáo pháp của đạo Phật và gọi giáo pháp của Phật là Tiểu Thừa, Thanh Văn, ngoại đạo, cấm không cho tín đồ Phật giáo tu tập, còn gọi những người tu theo giáo lý Nguyên Thủy của Phật là “*tiêu nha bại chủng, chồi khô mọng lép*”.

Tứ Diệu Đế là bốn chân lý của đạo Phật bất di bất dịch, không ai thay đổi được chân lý ấy, thế mà kinh sách phát triển dạy: “*Vô khổ, tập, diệt, đạo*”. Tu mà chỉ biết các pháp cả thiện lẫn ác đều “*không*” là trở thành cây, đá.

Đạo Phật dạy: “***Ngăn ác diệt ác, sanh thiện tăng trưởng thiện***”. Thiện là pháp không làm khổ mình, khổ người, pháp không

làm khổ mình, khổ người là pháp giải thoát, là đạo đức nhân bản - nhân quả làm người, còn nếu thấy các pháp thiện cũng là “không” thì trở thành cây, đá, tu mà thành cây, đá thì tu làm gì?

Bởi vậy, từ khi có sự hý luận của Ngài Long Thọ “*Trung Quán Luận*” là một tai hại rất lớn cho tín đồ Phật giáo từ thế hệ này đến thế hệ khác chỉ toàn là ăn thứ bánh vẽ, cho nên không một vị tu sĩ nào đạt được giải thoát, đến khi chết không có vị nào mà không đau khổ cả, họ đều lăn lộn trần trở trên giường bệnh một cách khổ đau không thua gì người thế tục.



THẾ GIỚI SIÊU HÌNH

Câu hỏi của cháu Dũng

Hỏi: Trong một cuốn sách thấy biên soạn từ Chơn Như, xong không biết có phải Thầy viết hay các đệ tử của Thầy có nói rằng: “Có một đứa bé chăn trâu đột nhiên ngã lăn ra ruộng kêu nóng giãy giụa đau đớn. Sau đó

tĩnh lại trên quần áo có nhiều vết cháy và nó nói rằng bị rơi vào một tòa thành lửa, người viết cuốn sách có giải thích, đó là dư báo hỏa ngục từ kiếp trước. Sau đó nhiều cuốn sách của Thầy lại viết là không có địa ngục thiên đàng, thế giới siêu hình chỉ là tưởng thức. Vậy có gì mâu thuẫn giữa hai cuốn sách này?

Đáp: Cháu đã được đọc một cuốn sách của thầy Chân Quang viết “*Luận Về Nhân Quả*”. Trong cuốn sách này thầy Chân Quang nhờ Thầy đề tựa giới thiệu, chứ Thầy không có viết cuốn sách này. Cuốn sách này được Thầy góp ý với Thầy Chân Quang “*Viết về Nhân Quả mà dùng tưởng thì sai*” nhưng Thầy Chơn Quang nghe hay không nghe đó là quyền của Thầy, cho nên mới có câu chuyện hoang tưởng chú bé mục đồng cảm giác lửa cháy rồi người ta huyền thoại thêm thắt, tạo thành cõi Địa Ngục để lừa bịp mọi người như vậy, chứ kỳ thực không có cõi Địa Ngục, đó là một loại hoang tưởng của tưởng tri tạo ra, nhưng những người không hiểu biết thì tin theo, còn ngược lại đối với những người hiểu biết thì đó là câu chuyện đời xưa của trẻ con.

Thầy Chân Quang là một học giả, còn Thầy là một hành giả. Sau khi nhập Tứ Thiên xong Thầy hướng tâm đến Tam Minh, nhưng

quan sát tìm thế giới siêu hình thì không thấy có cảnh giới nào cả, mà chỉ thấy toàn là cảnh giới tướng do tướng uẩn của con người tạo ra. Muốn vào cảnh giới siêu hình tướng thì phải ra khỏi Bốn Thiên, nương theo hơi thở dừng ý thức, khi ý thức dừng thì tướng thức hoạt động, lúc bấy giờ chúng ta đang ở trong thế giới siêu hình tướng giống như người đang nằm chiêm bao. Cho nên, giấc mộng cũng là một thế giới siêu hình trong tướng tạo ra.

Hầu như các kinh sách của học giả đều viết theo tướng pháp do tướng uẩn tạo ra. Vì thế kinh sách nào của các Ngài biên soạn đều dựng lên thế giới siêu hình. Cho nên, chúng ta không nên trách thầy Chân Quang.



KHÔNG CÓ CẢNH GIỚI NIẾT BÀN, TU RỒI VỀ ĐÂU?

Câu hỏi của cháu Dũng

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Người tu giải thoát trong kiếp này thì về đâu thưa Thầy? Vì*

Thầy nói là không có cả cảnh giới Niết bàn, vậy nơi đó gọi là gì?

Đáp: Thầy đã xác định không có cảnh giới Niết Bàn mà có trạng thái Niết Bàn, trạng thái Niết Bàn như đức Phật đã dạy trong kinh Tứ Diệu Đế, nó được gọi là “*Diệt Đế*”. “*Diệt Đế*” là một trạng thái lìa xa và đoạn dứt tâm ái dục và các ác pháp. Khi người tu hành xong thì lúc nào họ cũng ở trong trạng thái đó, như đức Phật thường dạy ở trong trạng thái đó là nhập vào Bất Động Tâm Định. Nhập vào Bất Động Tâm Định là nhập vào Niết Bàn. Niết Bàn là một trạng thái thanh thản, an lạc và vô sự của thân tâm, dù cho bất cứ các cảm thọ hay các ác pháp nào đến cũng không làm cho họ dao động tâm được.

Chúng ta hãy lắng nghe đức Phật xác định Niết Bàn: ***“Này Bà La Môn, khi vị ấy cảm thọ tham ái được đoạn tận, không có dư tàn, cảm thọ sân đoạn tận không có dư tàn, cảm thọ si được đoạn tận không có dư tàn. Như vậy này Bà La Môn Niết Bàn là thiết thực hiện tại, không có thời gian đến để mà thấy, có khả năng hưởng***

thượng, được người trí giác hiểu”. (Tăng Chi tập 1 trang 285).

Như vậy, Niết Bàn không phải là một cảnh giới mà là một trạng thái của tâm không còn tham, sân, si nữa phải không quý vị?

Cho nên, Niết Bàn là một trạng thái của tâm mình, khi người tu chứng có về đâu? Ngay chỗ trạng thái tâm hết tham, sân, si, mạn, nghi là chỗ về. Chỗ trạng thái tâm hết tham, sân, si, mạn, nghi là Niết Bàn, chứ đâu có cảnh giới Niết Bàn để về. Khi tu xong tâm không còn tham, sân, si nữa, thì chỗ tâm không còn tham, sân, si, mạn, nghi chính là Niết Bàn, chứ không còn chỗ nào khác gọi là Niết Bàn như trên đã nói. Còn có chỗ nào khác gọi là Niết Bàn thì chỗ ấy là cõi tưởng, cõi không có thật.

Niết Bàn cũng như một bàn tay có mặt và trái, trái là tham, sân, si, mạn nghi; mặt là không tham, sân, si, mạn, nghi. Vậy trái và mặt của một bàn tay có phải là một bàn tay hay là hai bàn tay? Chỉ có một bàn tay mà thôi, nhưng mặt trái của bàn tay thì không giống mặt phải của bàn tay. Mặt trái là sự khổ đau, mặt phải là sự hết khổ đau. Do đó, chúng ta suy ra Niết Bàn không phải là một cảnh

giới mà là một trạng thái của tâm mình không còn tham, sân, si, mạn nghi nữa.

Niết Bàn là một danh từ để chỉ cho một trạng thái của tâm, chứ không phải Niết Bàn là một cảnh giới theo kiểu của các nhà học giả dựa theo kinh sách phát triển giàu tưởng tượng bịa đặt ra để lừa đảo con người.

Vì thế, người tu chứng đạo khi bỏ thân tứ đại này thì không có về cõi Niết Bàn mà họ đang ở trong Niết Bàn, vì ngay khi còn sống họ tu chứng thì luôn luôn sống trong trạng thái Niết Bàn của tâm họ, mà ở trên Thầy đã dạy: **“Bất Động Tâm Định”**.

Nếu chúng ta không gọi nó là Niết bàn mà gọi nó là *“TÂM KHÔNG THAM, SÂN, SI, MẠN, NGHI”* hay gọi cách khác nữa là *“TÂM THANH THẢN, AN LẠC VÀ VÔ SỰ”* hay gọi khác nữa là *“DIỆT ĐẾ”* như trong kinh *TỨ DIỆU ĐẾ* hay gọi là *“ĐẠO ĐỨC NHÂN BẢN – NHÂN QUẢ SỐNG KHÔNG LÀM KHỔ MÌNH, KHỔ NGƯỜI VÀ KHỔ CẢ HAI”* thì có gì là khác đâu.



NGƯỜI TU HÀNH CHƯA GIẢI THOÁT HOÀN TOÀN CÓ BỊ VÔ MINH CHE MỜ VÀ CÒN TIẾP TỤC TÁI SANH KHÔNG?

Câu hỏi của cháu Dũng

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Người tu chưa giải thoát hoàn toàn, lỡ giữa đường tu chết đi, người ấy có bị tái sinh không? Họ có bị vô minh che lấp không? Họ có biết mình là ai ở kiếp trước tu những gì không?*

Đáp: Người tu hành đúng chánh pháp của Phật là phải sống đúng giới luật, sống đúng giới luật tức là sống trong thiện pháp, sống trong thiện pháp thì tâm tham, sân, si của họ giảm bớt rất nhiều, do sống trong thiện pháp nên họ thường tạo nghiệp thiện, nghiệp thiện thì không còn tái sinh làm người và như vậy Thầy đã trả lời câu hỏi thứ nhất của con, nhưng ở đây con nên nhớ: Pháp thiện có hữu lậu và vô lậu. Thiện hữu lậu vẫn còn tiếp tục đi tái sinh luân hồi, chỉ có thiện vô lậu mới chấm dứt tái sinh. Đó là điều chắc chắn mà không ai phủ nhận được.

Người sống trong thiện pháp còn bị vô minh che lấp hay không? Không, tại sao vậy?

Vì đối với đạo Phật người có tri kiến giải thoát ở đâu là đạo đức ở đó, đạo đức ở đâu là tri kiến giải thoát ở đó. Vậy đạo đức là gì? Đạo đức là giới luật, là thiện pháp, là pháp không làm khổ mình, khổ người. Người không làm khổ mình, khổ người là không bị vô minh che lấp và như vậy khi chết bỏ thân này họ đều biết kiếp trước của mình là ai? Ở làng nào, tỉnh nào, nước nào? Tên họ của kiếp trước là gì? Cha mẹ là ai? Làm nghề nghiệp gì? Tu pháp môn gì? Sống như thế nào? Và chết như thế nào? Như vậy, Thầy đã trả lời câu hỏi thứ hai của con.

Những người tu hành không đúng pháp của Phật nghĩa là họ không tu “*Giới, định, tuệ*” tức là không tu đức hạnh thiện pháp đạo đức mà tu luyện theo tà giáo ngoại đạo thì phải tái sanh luân hồi và bị vô minh che lấp. Trước khi chết họ thường phải thọ lấy bệnh tật khổ đau như người thế tục và mê man không tỉnh táo nên bị nghiệp lực tương ứng với môi trường ác bất tịnh tái sanh nên không còn biết gì cả (mê muội).



NGƯỜI ĐIẾC KHÔNG SỢ SÚNG

Câu hỏi của cháu Dũng

Hỏi: Kính bạch Thầy! Người kiếp này khổ đau nghèo khó xét theo luật nhân quả là kiếp trước họ làm nhiều điều không tốt, làm ác, nói chung là thường làm khổ mình, khổ người hoặc kiếp này làm nhiều điều ác không tốt khiến mình khổ người khác khổ và kiếp sau sẽ thọ quả khổ, xong cả hai kiếp quá khứ và vị lai cũng không biết mình là ai cả, cũng như con hiện giờ đây, con đâu có biết kiếp trước mình là ai? Ở đâu vậy? Vì thế họ đâu có sợ làm điều ác, vì kiếp sau họ đâu biết họ là ai để mà đau, mà khổ, mà hối tiếc, mà ân hận v.v.. Vậy định luật nhân quả có hạn chế không? Mong Thầy giải thích cho con hiểu.

Đáp: Định luật nhân quả như cháu đã hiểu đó là luật nhân quả của kinh sách phát triển, chứ không phải là đạo đức nhân quả. Đạo đức nhân bản - nhân quả tức là đạo đức gốc của con người. Ví dụ một lời nói làm cho người khác buồn khổ là mình thiếu đạo đức nhân bản. Cho nên, đạo đức nhân bản - nhân quả rất thực tế, không mơ hồ, trừu tượng như

nhân quả của kinh sách phát triển, nhân kiếp trước thọ quả kiếp này, nhân kiếp này thọ quả kiếp sau, đó là một hình thức mơ hồ, trừu tượng, không logic, kẻ gieo nhân và người gặt quả không chủ thể, khiến cho người ta không đủ lòng tin. Kinh sách phát triển thường dạy nhân quả trừu tượng để lừa đảo con người và đã biến luật nhân quả trở thành luật định mệnh hay gọi là số mệnh.

Luật nhân quả của đạo Phật không phải là luật số mệnh, vì luật số mệnh có nghĩa là có sự cố định không thay đổi được. Nếu có luật nhân quả cố định nào như vậy thì đạo Phật sẽ không xuất hiện trên đời này vì không giải quyết mọi sự khổ đau của loài người và tất cả chúng sanh.

Đối với đạo Phật thì luật nhân quả là những hành động sống hằng ngày trong môi trường duyên hợp, duyên tan của các pháp vô thường, thường thay đổi di dịch, biến động liên tục theo các hành của nó. Nếu hành động ác thì sự đau khổ tăng lên nhiều, nếu hành động thiện thì sự khổ đau giảm xuống và giảm xuống dần rồi đi đến hết khổ đau mà đạo Phật gọi là giải thoát hay là Niết Bàn, ngược lại hành động càng ác thì sự khổ đau càng tăng

dẫn đi đến khổ đau tận cùng mà đức Phật gọi là Địa ngục.

Vì rõ thấu môi trường sống của luật nhân quả vô thường như vậy, nên đạo Phật ra đời, ra đời xây dựng cho loài người một nền đạo đức nhân bản – nhân quả để mọi người cùng sống không làm khổ mình, khổ người bằng cách ngăn ác diệt ác pháp trong tâm, sống thiện tăng trưởng thiện pháp.

Nhân quả của kiếp trước tạo nên một môi trường sống cho hiện tại chứ nó không còn nhân quả nối tiếp với hiện tại nữa. Nhân quả quá khứ ví như đám ruộng. Đám ruộng bạc mầu chai xấu không mầu mỡ là nhân quả quá khứ ác, còn đám ruộng mầu mỡ đất phù sa là nhân quả quá khứ thiện.

Nhân quả hiện tại ví như hạt giống tốt, ngọt, ngon, béo v.v.. mà được gieo trồng trên mảnh đất xấu, không mầu mỡ (nhân quả quá khứ ác) thì sự chăm sóc rất vất vả và cực nhọc mới có quả tốt để hưởng. Thiện chuyển ác thành phước báo.

Nhân quả hiện tại ví như hạt giống xấu, chua, cay, đắng v.v.. mà được gieo trồng trên mảnh đất xấu “*nhân quả quá khứ ác*”, thì sự chăm sóc phải gian nan cực nhọc, nhưng lại

hưởng quả chua, cay, đắng và còn cay đắng hơn, đó là quả Địa Ngục. Ác cộng ác thành Địa Ngục.

Mảnh đất tốt màu mỡ (nhân quả quá khứ thiện) được gieo hạt giống tốt ngọt ngon (nhân quả hiện tại thiện) thì thọ hưởng quả an vui, phước báo, hạnh phúc, an lạc v.v..

Mảnh đất tốt màu mỡ (nhân quả quá khứ thiện) nhưng lại được gieo trồng hạt giống chua, cay, đắng (nhân quả hiện tại ác) thì cũng phải gặt lấy sự khổ đau, mặc dù nhân quả quá khứ tốt thiện, nhưng cũng không mang lại cho chúng ta hạnh phúc, an vui được, bởi vì nhân quả quá khứ không còn là nhân quả nữa, nó chỉ còn là một môi trường sống của muôn loài vạn vật đang sống chung nhau mà thôi, chỉ có nhân quả hiện tại mới đáng cho chúng ta lưu ý, khổ, vui, hạnh phúc hay không hạnh phúc đều do nhân quả hiện tại mà có. Do quy luật chuyển đổi được nhân quả này, đạo Phật ra đời dạy chúng ta ngăn ác pháp diệt ác pháp, sống thiện tăng trưởng thiện là để chúng ta thoát khổ, chứ không có nghĩa dạy chúng ta đi tìm một cảnh giới Niết Bàn ở đâu xa mà cũng không có nghĩa đi tìm nhân quả quá khứ để biết mình kiếp trước là ai? Làm gì? Sống ở

đâu? Tỉnh nào, huyện nào, xã nào và nước nào? Tìm như vậy có ích lợi gì?

Phỏng chừng khi biết quả quá khứ như vậy thì có lợi ích những gì cho chúng ta trong hiện giờ chẳng? Đó là một lối hý luận của kinh sách phát triển để biến đạo đức nhân quả thành một triết thuyết nhân quả suông chuyên tranh luận hơn thua.

Suy ra sự khổ đau của con người là ở nhân quả hiện kiếp chứ nhân quả quá khứ và vị lai không có nghĩa lý gì cả đối với một người sống thiện, hành thiện trong hiện tại. Sống thiện, hành thiện trong hiện tại là có một cuộc sống an vui, hạnh phúc, còn ngược lại cho rằng chẳng biết mình ở quá khứ và vị lai là ai để chịu đau khổ, ân hận, hối tiếc về sau, thì hiện tại cứ làm ác đâu sợ vì kiếp sau có biết ai đâu để mà đau, mà khổ, mà tiếc, mà ân hận v.v.. Nghĩ như vậy thì cứ làm rồi kết quả hiện tại sẽ thấy. Ví dụ: cứ đi ăn trộm, ăn cướp, hiếp dâm lấy vợ người thì sẽ thấy quả khổ của nó ngay liền, bị người bắt đánh đập và tù tội có khi mang án tử hình, v.v.. Đó là quả hiện tại chứ đừng bảo sẽ trả quả ở tương lai ai trả mặc kệ họ.

Sự tư duy như vậy là không hiểu nhân quả của đạo Phật. Đức Phật dạy:

“Quá khứ không truy tìm

Vị lai không ước vọng

Chỉ có pháp hiện tại”

Ba câu kệ trên đây đức Phật khéo nhắc nhở chúng ta, nhân quả quá khứ và vị lai đừng truy tìm, vì có truy tìm thì cũng chẳng có ích lợi gì, chỉ có nhân quả hiện tại là đáng kể cho đời sống của chúng ta, vui buồn, khổ đau phiền não đều do nhân quả hiện tại.

Con người sống chỉ có khổ hay vui trong kiếp hiện tại mà thôi, trong hiện tại mà làm ác, sống ác, tức là làm khổ mình, khổ người, khổ tất cả chúng sanh, điều này không thể chạy trốn đâu khỏi sự đau khổ, luật nhân quả rất công bằng và công lý, không tha thứ và vị tình ai cả trong hiện tại, ngược lại trong hiện tại làm thiện, sống thiện tức là không làm khổ mình, khổ người, khổ tất cả chúng sanh, điều này dù muốn dù không người này vẫn phải hưởng phước báo an vui, hạnh phúc trong hiện tại.

Luật nhân quả xử phạt công minh trong hiện kiếp, là do hành động ác thiện của mình

mà mình thọ hưởng quả khổ vui trong hiện kiếp, còn nhân quả quá khứ và vị lai thì chỉ còn là một nền tảng cho nhân quả hiện kiếp do nhân quả mới đâm chồi nảy lộc.

Nhân quả thiện ác trong hiện kiếp trả chưa xong còn tồn đọng dư thừa, khi người ấy chết thì sự thọ khổ vui cũng tan biến thành một môi trường sống, nếu làm ác thì môi trường sống ấy trở thành một hoàn cảnh thiếu trước hụt sau, khi nhân quả sanh ra trong một đời sống cơ cực, ba chìm bảy nổi, vất vả vô cùng, còn ngược lại làm thiện, sống thiện thì môi trường sống kế tiếp khi nhân quả sanh ra không thiếu trước hụt sau, đời sống không cơ cực, không ba chìm bảy nổi, lúc nào cũng gặp may mắn, tiền của dư thừa, có khi nhân quả vừa sanh ra trong môi trường (hoàn cảnh) thì có kẻ hầu người hạ, được học hành đến nơi đến chốn và còn được học đạo đức làm người sống toàn thiện.

Luật nhân quả không tha thứ giảm tội cho những kẻ vô tình làm ác. Vô tình làm ác thì cũng phải trả vay sự khổ đau như kẻ hữu ý, vì thế đức Phật nói vì vô minh mà chúng sanh tự làm khổ, vô minh tức là vô tình, vô ý chứ

không có nghĩa là ngu si tối tăm như mọi người hiểu.

Vô minh không phải là không biết mà biết sai sự thật, biết không chánh kiến, biết sai sự thật, không chánh kiến tức là vô tình làm ác. Do vô tình hiểu biết không chân chánh tức là không có chánh kiến như trên đã nói. Vì thế con người mới làm ác. Làm ác nên cuối cùng phải chịu lấy muôn ngàn sự khổ đau trong kiếp hiện tại.

Người không biết nhân quả không sợ nhân quả mà cứ làm ác thì cũng chịu đủ mọi sự khổ đau trong hiện kiếp.

Sau này có dịp được đọc sách Đạo Đức Làm Người thì cháu sẽ hiểu nhiều hơn về môn đạo đức này.



CÓ THÂN NGƯỜI MỚI ĐỦ ĐIỀU KIỆN TU HÀNH THOÁT KHỔ

Câu hỏi của cháu Dũng

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Trong sách của Thầy có nói: “Người đánh mất thân này đến muôn ngàn kiếp sau cũng khó mà được làm người, ví như con rùa mù tìm bóng cây ngoài biển”, theo con hiểu đó là sau lúc chết đi, đến kiếp sau họ đâu còn biết họ là ai nữa, đó là cái nghiệp khổ của họ, chứ không phải họ chết rồi bị đi đầu thai làm các con vật khác, phải vậy không thưa Thầy?*

Đáp: Sự hiểu biết của cháu là sự hiểu biết chấp đoạn, cái nghiệp ác kia tiếp tục đi tái sanh luân hồi, cái nghiệp đó do ai làm ra? Có phải chính trong cuộc sống của chúng ta đã tạo ra nó không? Khi con người còn sống thường huân tập ác và thiện do lòng ham muốn tạo ra. Khi người chết chẳng còn một vật gì cả nghĩa là không có thân thức, Phật tánh hoặc linh hồn, tất cả đều hoại diệt theo thân xác của họ, nhưng cái còn lại là gì?

Hành động thiện ác của chúng ta còn lại, nó trở thành một cái lực rất mạnh, nên kinh gọi nó là nghiệp lực. Nghiệp lực cũng giống như đứa con của chúng ta sanh ra, tạo ra, rồi đứa con nghiệp lực của chúng ta lại sanh ra cháu nghiệp lực của chúng ta, cháu nghiệp lực của chúng ta lại sanh ra chít nghiệp lực của chúng ta và cứ thế mãi mãi sanh ra trong vô lượng kiếp. Và mỗi nghiệp lực sanh ra như vậy đều do chúng ta mà có, thế mà chúng ta vô trách nhiệm với những nghiệp lực này sao? Khi mà những nghiệp lực này mang đầy đau khổ lúc nó thọ lấy thân người hoặc thân chúng sanh và mãi mãi muôn đời muôn kiếp thì chúng ta là người cha (thân ngũ uẩn) sanh nó ra, cố sao chúng ta không thấy trách nhiệm mình sao?

Trong thư con hỏi: *“Sau lúc chết đi, đến kiếp sau, họ đâu còn biết họ là ai nữa, đó là cái nghiệp khổ của họ, chứ không phải là họ chết đi bị đầu thai làm các con vật, phải không thưa Thầy?”*.

Ví dụ: Như cháu có một đứa con, cháu có muốn cho đứa con ngoan tốt, hiền lành có hiếu thảo, chăm học, không ham chơi hay muốn có

một đứa con không ngoan tốt, hung dữ, bất hiếu, không chăm học, thích chơi đùa không?

Nếu cháu có một đứa con ngoan tốt hiền lành, có hiếu thì cháu có sung sướng không? Chắc hẳn là sung sướng phải không cháu? Bằng ngược lại cháu có một đứa con không ngoan tốt, tánh tình hung ác, bất hiếu thường thích chơi, không thích học thì cháu có khổ không? Chắc hẳn là khổ rồi phải không cháu? Và như vậy, dù biết hay không biết về nghiệp của cháu ở quá khứ hay vị lai, cháu cũng đều phải có trách nhiệm trong hành động thiện, ác của cháu đối với nghiệp. Vả lại, trong hiện kiếp của cháu, sự khổ vui của đời cháu đều do chính hành động nghiệp thiện ác của cháu, nhưng trong thư cháu bảo: *“Cũng không biết kiếp trước mình là ai cả, cũng như con, giờ đây con đâu biết kiếp trước mình là ai? Ở đâu? Do vậy họ đâu có sợ làm điều ác, vì kiếp sau họ đâu biết họ là ai để mà đau, mà tiếc, mà ân hận v.v..”*.

Như Thầy đã dạy: Dù con có biết hay không biết kiếp đã qua và kiếp vị lai của con là ai? Nhưng trong hiện tại con làm điều ác thì con không thể tránh khỏi mọi sự khổ đau. Vì thế, con phải có trách nhiệm bốn phần về đời

sống hiện tại của con, nhất là con phải thấy và hiểu biết trách nhiệm và bốn phận của con trong cuộc sống hiện tại là con không nên làm khổ con, không nên làm khổ người khác bằng những hành động ác thân miệng ý của con, vì những hành động ác ấy trong hiện tại đã khiến cho đời sống hiện kiếp của con phải gặp nhiều sự bất hạnh, khổ đau, bất toại nguyện và cay đắng, v.v.. Con có biết không? Cho nên, con còn phải hiểu biết về luật nhân quả đang chi phối những hành động nghiệp thiện ác của con ở tương lai sau này, vì những hành động thiện ác của con trong hiện kiếp mà vị lai bao nhiêu chúng sanh do nghiệp thiện ác ấy sanh ra phải chịu khổ đau, vui buồn, bất an, bất toại nguyện, v.v.. Đó là trách nhiệm đạo đức làm người con ạ! Con không thể thờ ơ để cho hành động thiện ác của con đi tái sanh mặc khổ vui kẻ nó. Bởi vậy đức Phật dạy: *“chúng sanh là những người thừa kế của nghiệp, nghiệp là cha đẻ ra chúng sanh”*, thừa kế của nghiệp tức là nghiệp sanh ra chúng ta ra.

Nếu chúng ta có đôi mắt nhìn xuyên thấu qua lớp áo thân nghiệp của chúng sanh thì chúng ta sẽ thấy tất cả chúng sanh đều do nghiệp lực của chúng ta sanh ra, chừng đó

chúng ta có nữ lòng nào ăn thịt chúng sanh không? Vì cầm dao cắt cổ gà, đập đầu cá là cầm dao cắt cổ cha mẹ mình, là đập đầu con cháu mình, thì thử hỏi con người có tình cảm, biết khổ đau biết thương khóc, biết nức nở khi mất cha, mất mẹ thì làm sao chúng ta có những hành động ác ấy được. Còn ăn thịt chúng sanh là như ăn thịt cha mẹ, con cháu của mình chứ đâu phải ai xa lạ, chỉ có loài thú vật mới không có sự hiểu biết, mới ăn thịt cha mẹ con cháu như vậy, nhưng con người thì chúng ta sao nữ có những hành động ác độc ấy được, là con người thì không thể sống như con thú vật được, vì con người sống có đạo đức làm người, sống có tình cảm, sống có trí tuệ hiểu biết thì không thể nào sống man rợ hung ác như loài cầm thú được.

Ví dụ: Để cháu thấy nghiệp lực một người bình thường không có sân, đến khi gặp việc trái ý, nghịch lòng, người ấy tức giận giống như một con thú dữ, đó gọi là nghiệp lực của sân.

Chúng ta giết hại chúng sanh để ăn thịt lâu ngày thành thói quen ăn thịt, thói quen ăn thịt tức là nghiệp lực nên khi ăn uống không có thịt chúng sanh thì ăn uống không ngon, do

đó nghiệp thích ăn thịt chúng sanh vẫn còn nên tương ứng với thịt chúng sanh mà tái sanh làm chúng sanh, một nghiệp lực như vậy có thể sanh ra làm trăm muôn con vật để rồi tiếp tục sanh tử theo nghiệp của nó, vay trả trả vay, còn những nghiệp lực thiện cũng tiếp tục tái sanh làm người, một nghiệp lực thiện có thể sanh ra nhiều người tùy theo môi trường sống của hành tinh, tức là môi trường nhân quả trên quả địa cầu này.

Mặc dù họ không biết họ là ai trong kiếp kế, nhưng nghiệp lực thiện ác của họ luôn luôn tiếp tục tái sanh luân hồi làm mọi thân chúng sanh khi cuộc sống hiện tại họ đã giết hại chúng sanh như thế nào thì họ phải vay trả như thế nấy. Làm thân chúng sanh chỉ biết khổ đau mà không biết cách thoát khổ, nghĩa là làm thân chúng sanh không biết thiện ác, chúng làm theo bản năng tự nhiên của chúng để bảo vệ sự sống, vì thế chúng phải chịu khổ vô vàn trong vô lượng ngàn muôn kiếp.



ĐƯỢC THÂN NGƯỜI KHÓ

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Người đánh mất thân này đến muôn ngàn kiếp sau cũng khó mà được làm người, ví như con rùa mù tìm bọt cây ngoài biển, xin Thầy chỉ dạy cho con được rõ.*

Đáp: Đức Phật dạy: **“được thân người là khó”**, khó có nghĩa là khó được thân người, chứ không phải là không được thân người, khi hành động thiện ác của con đã trải qua một thời gian trả nghiệp của nó thì nghiệp ấy lại được sanh làm người.

Một người làm ác luôn luôn làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh thì nghiệp ác ấy chẳng bao giờ trở lại làm người, cho nên đức Phật ví dụ bọt cây và con rùa mù giữa biển, có nghĩa là nghiệp ác không bao giờ trở lại làm thân người nữa được, phải thời gian lâu lắm trả cho hết nghiệp ác đã làm, khi trả hết nghiệp ác đã làm thì nghiệp còn lại tương ứng với loài người thì mới sanh ra làm người. Ở đây con nên hiểu mang lốt nghiệp chúng sanh là mang lốt nghiệp trả nợ máu xương mà con người đã từng gieo rắc, đến chừng trả hết

nghiệp ác của mình đã gây ra, thì mới tương ứng với nghiệp làm người tức là mới đủ duyên sanh làm người.

Vấn đề tái sanh luân hồi và nghiệp thiện ác không phải là vấn đề để cho người còn trí hữu hạn hiểu biết, càng luận về nhân quả luân hồi càng bị tướng tri lừa đảo thành ra hiểu sai mất, vấn đề này phải là người có trí vô hạn không bị ngăn cách bởi không gian và thời gian mới thấu suốt, không bị tướng tri đánh lừa.

Vấn đề này là vấn đề không ích lợi nên đức Phật gọi là hý luận. Trong lúc con người còn bản năng loài cầm thú hung dữ, chà đạp lên nhau vì miếng cơm manh áo và vật chất, kẻ mạnh ăn hiếp kẻ yếu, cuộc sống con người không còn có đạo đức khiến cho loài người quá khổ đau vì phải bon chen trong cuộc sống.

Vấn đề Phật giáo là vấn đề lợi ích cho cuộc sống của con người, đó là đạo đức nhân bản không làm khổ mình, khổ người, chứ không phải ngồi thiền, niệm chú, tụng kinh, niệm Phật hay để tìm hiểu nhân quả ba đời mà khiến cho con người hết khổ. Ngồi thiền, niệm chú, niệm Phật, tụng kinh sám hối hay

tìm hiểu nhân quả ba đời đó là những điều dễ bị tướng lừa đảo dối gạt người.

Đạo Phật có mặt trên đất nước Việt Nam hơn 2000 năm, chùa cất khắp nơi đâu đâu cũng có, mà dân tộc Việt Nam có hết khổ chưa? Chùa càng nhiều càng tạo ra nhiều việc mê tín, lừa đảo, tiền mất tật mang. Hiện giờ chùa tháp xây cất hàng tỷ, tỷ bạc, chùa nào cũng đẹp để khang trang như cung vàng điện ngọc, tiền bạc của tín đồ đổ vào như nước mà có ích lợi gì? Đời khổ vẫn còn khổ như vậy và còn khổ hơn. Đạo đức con người càng ngày càng xuống dốc, ngồi thiền, niệm Phật, niệm chú, tụng kinh, sám hối, v.v.. có giải quyết được những gì lợi ích cho xã hội đâu, hay là một sự tránh né của những người tiêu cực hoặc của những người mượn sự vô minh của người khác làm giàu trên mồ hôi nước mắt bằng danh nghĩa tôn giáo.

Trong lúc nhân dân Việt Nam nói riêng và con người trên hành tinh này nói chung đang cần có một nền đạo đức để con người đối xử với con người đừng làm khổ cho nhau.

Bởi vậy cháu hỏi những điều này là những điều lừa bịp của các tôn giáo nói về con người bằng cách này hay bằng cách khác chứ không bao giờ nói đúng về con người cả.

Được thân người khó, là khó ở năm tiêu chuẩn làm người, chứ không phải khó ở thân người. Thân người cũng giống như thân của loài động vật. Động vật sinh ra trùng trùng thì con người cũng sinh ra trùng trùng. Như vậy thân người như thân động vật thì không khó, nhưng thân người khó là khó ở chỗ năm đức hạnh.



CON NGƯỜI NGÀY MỘT ĐÔNG HƠN

Câu hỏi của cháu Dũng

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Hiện nay trên thế giới, dân số ngày một đông hơn mà điều ác càng ngày càng tinh vi và xảo quyệt hơn tức là càng có nhiều điều ác hơn trước, vậy mà loài người càng lúc càng đông hơn. Vậy có trái với luật nhân quả hay không?*

Thưa Thầy, vì nhiều người làm ác thì không được làm người càng nhiều sau khi chết mà sao dân số càng đông lên là sao vậy?

Thưa Thầy, theo luật nhân quả thì người phải ít đi mà súc vật phải nhiều mới đúng, mong Thầy giải thích cho con hiểu?

Đáp: Theo kinh sách của đức Phật đã dạy và xác định luật nhân quả rõ ràng: **“Chư Thiên giảm thì con người tăng”**, có nghĩa là thiện pháp giảm, ác pháp tăng. Câu hỏi của cháu trong thư ở trên: *“Theo luật nhân quả như con hiểu thì người phải ít đi mà súc vật phải nhiều mới đúng”*, con hiểu luật nhân quả tái sinh như vậy không đúng, con hiểu như vậy là hiểu theo linh hồn đi tái sinh chứ không phải theo nghiệp thiện ác đi tái sanh. Con nên hiểu con người cũng chỉ là một loài động vật như bao nhiêu loài động vật khác, nhưng nó được xem là một loài động vật cao cấp hơn các loài động vật khác mà thôi, người ta ví loài người là một loài động vật ác độc nhất trong các loài động vật trên hành tinh này, nó có thể diệt tất cả các loài động vật trên hành tinh này, nhưng môi trường sống nhân quả sẽ không cho phép nó. Vì thế, nó càng ác độc thì nó lại càng sanh sôi nảy nở nhiều hơn để làm

gì, để nó tự giết nó và tự nó nó sẽ diệt toàn bộ loài người trên hành tinh này, nếu không có một nền đạo đức nhân bản – nhân quả để giúp nó thoát ra khỏi bản chất của loài động vật thì nó tự diệt chủng lấy nó.

Tất cả các loài vật khác sanh ra với bản chất hiền lành tự nhiên của chúng, chúng chẳng có sự tư duy và biết thiện, ác, phải trái, v.v.. như con người, chúng chỉ biết sống và bảo vệ sự sống, nên có lúc chúng ta thấy chúng rất hung dữ, cái hung dữ của chúng là bản năng tự vệ chứ không phải cái hung dữ như con người.

Trong môi trường sống thì có bốn loại sinh:

- 1- Thấp sanh
- 2- Noãn sanh
- 3- Thai sanh
- 4- Hóa sanh

Thấp sanh là những vật sanh ra nơi ẩm ướt như cỏ cây và những loài vi sinh vật, những loài vật này sanh trước tiên (thuộc về ác nghiệp).

Noãn sanh là những loài sanh trứng như loài chim, loài bò sát, là những loài vật này

được sanh ra sau các loại thấp sanh (thuộc về ác nghiệp).

Thai sanh là những loài vật sanh con, những loài vật này được sanh ra sau loài sanh trứng (thuộc về ác nghiệp).

Hóa sanh là những từ trường thiện được sanh ra do hành động làm thiện của con người, nó luôn luôn có sự hiện diện trong môi trường sống của chúng ta. Nếu con người làm ác nhiều thì từ trường thiện sẽ giảm đi và con người làm thiện nhiều thì từ trường thiện tăng lên, từ trường thiện tăng lên thì con người và tất cả loài vật trên hành tinh này đều sống an vui, hạnh phúc, không bệnh tật, không tai nạn và không khổ đau, môi trường sống sẽ không bị ô nhiễm, sức khỏe của con người và loài vật được bảo đảm an toàn, lúc bấy giờ bệnh viện chỉ còn là một cổ tàng viện để con người đến tham quan vui chơi chứ không có bệnh nhân.

Với đôi mắt của đức Phật nhìn suốt qua lốt nghiệp của mọi chúng sanh nên chỉ thấy nó toàn là ác nghiệp chứ không phải có người và loài vật, tức là từ con người cho đến những loài vật khác nhỏ nhít như loài côn trùng sâu bọ đều là con người đang trả vay của một đạo luật nhân quả rất công bằng và công lý, khi vô tình

hay hữu ý họ đã làm những điều ác, mà giờ này họ phải làm thân chúng sanh để trả quả, trả chừng nào hết thì họ mới được tái sanh làm người, khi làm người họ không biết thiện ác nên chạy theo tâm ham muốn sanh ra nhiều ác pháp làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh tạo thành nghiệp ác hay nói cho rõ hơn là từ trường ác, từ trường ác ấy tiếp tục sanh làm các loài vật để thọ lấy những sự khổ đau mà không có phương pháp nào giải cứu được, ngoại trừ chỉ có loài người nhờ có trí tuệ phân biệt được thiện ác, nên đức Phật, Ngài để lại cho chúng ta một kinh nghiệm sống của con người thoát khổ, chấm dứt sự trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi và mãi mãi ở trong từ trường thiện vĩnh viễn.

Vì thế đức Phật dạy: ***“Chư Thiên tăng thì con người giảm, chư thiên giảm thì con người tăng”*** có nghĩa là từ trường thiện tăng thì từ trường ác giảm, từ trường ác tăng thì từ trường thiện giảm. Nói cách khác cho dễ hiểu hơn nhân quả thiện tăng thì nhân quả ác giảm, nhân quả ác tăng thì nhân quả thiện giảm. Bằng chứng con người sanh nhiều và làm ác nhiều thì nhân quả ác tăng, nhân quả thiện giảm. Nhân quả ác tăng, nhân quả thiện

giảm thì con người trên hành tinh này khổ nhiều từ thiên tai dịch họa đến những sự gian xảo lừa đảo giết hại nhau và những bệnh tật đủ mọi thứ cho đến những bệnh thời đại không thuốc trị.

Bức thư của cháu so sánh ở trên con người và con vật thì không đúng luật nhân quả. So sánh luật nhân quả là so sánh thiện và ác, cho nên trong sáu nẻo luân hồi của đạo Phật là sáu trạng thái của tâm:

1- Trời là trạng thái tâm sống trong 10 điều lành gọi là thập thiện.

2- Người là trạng thái tâm sống trong năm điều lành gọi là ngũ giới.

3- A tu la là trạng thái nóng giận, la hét, chửi mắng, đấm ngực, cào mặt.

4- Ngạ quỷ là trạng thái đang bị đói mà không có thực phẩm ăn.

5- Súc sanh là trạng thái ti tiện nhỏ mọn, ích kỷ.

6- Địa ngục là trạng thái đau khổ như đang đau nhức do bệnh tật, do bị đánh đập.

Trong sáu nẻo này theo nhân quả được chia ra làm hai phần: thiện và ác.

1- Trời là cõi thập thiện có 33 cõi Trời tức là có 33 từ trường thiện, hay là 33 cấp thiện của Trời.

2- Người là cõi ngũ giới, Cõi ngũ giới có năm đức:

- a- Đức hiếu sinh
- b- Đức từ bỏ lấy của không cho
- c- Đức chung thủy
- d- Đức thành thật
- e- Đức Minh mẫn

Người giữ gìn và sống năm giới trọn vẹn mới thật sự là ở cõi người, còn không giữ gìn trọn vẹn như vậy thì không được gọi là cõi người mà là mang hình người nhưng ở trong các cõi giới khác như: A tu la, ngạ quỷ, súc sanh và địa ngục. Người và các loài động đang ở trạng thái này đều được gọi là ở cõi ác, cõi khổ đau.

Người làm ác phải thọ chịu những quả khổ. Những người đó được gọi là A tu la, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục; A tu la, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục là những cấp bậc khổ của con người, và sự khổ tận cùng là địa ngục.

Trên đây là sự phân chia nhân quả để chúng ta khái niệm hình dung một mô hình nhân quả thiện ác của trời, người, A tu la, ngạ quỷ và súc sanh, đó là một trạng thái thật sự, chứ không phải chúng ta tưởng tượng ra cảnh giới của sáu cõi luân hồi vừa siêu hình, vừa hữu hình. Cho nên, kinh sách giàu tưởng tượng nói ra như vậy là kinh sách lại còn sai biệt mù.

Như trong thư cháu nói: *“Theo luật nhân quả người phải ít đi mà súc vật nhiều mới đúng”*. Có lẽ cháu đã hiểu câu: *“Được thân người là khó”* nên mới suy luận nhân quả như vậy.

Ý của đức Phật ở đây so sánh trong các loài động vật thì loài người nhờ có bộ óc thông minh hơn các loài vật khác, nhờ đó loài người mới vượt thoát ra bốn sự đau khổ và chấm dứt luân hồi, còn các loài động vật khác thì không thể vượt thoát được, khi một người mất thân khó tìm lại được thân chứ không phải đức Phật nói con người ít đi, giảm đi hoặc con người không sanh ra nữa.

Điều này không phải cách đây 2500 năm trong thời đức Phật còn tại thế, loài động vật trên hành tinh này gồm chung cả loài người thì số lượng loài vật và người so sánh với hiện

giờ thì chỉ bằng một phần trăm, một phần ngàn, một phần triệu. Còn hiện giờ loài động vật mà người ta ăn thịt vừa săn bắt những loài động vật hoang dã và vừa những loài động vật nuôi, một ngày loài người đã giết bao nhiêu loài vật trên hành tinh này, để cung cấp làm thực phẩm nhu cầu hằng ngày cho con người như vậy số lượng đâu phải ít, chỉ có loài vật hoang dã thì giảm và có loài động vật bị loài người diệt chủng.

Loài người càng sanh ra nhiều mà sống trong ác pháp thì đó là một nỗi lo âu của những người trí, vì nó sẽ diệt các loài động vật khác mà còn tự diệt nó bằng trí óc thông minh của nó, bằng chứng hiện giờ “*Kế hoạch hóa gia đình*” là một hiện tượng con người giết con người.

Cháu phải hiểu nhân quả tái sinh chứ không phải linh hồn tái sinh. Vì thế, một người còn sống mà đã tạo ra nhân quả thì nhân quả tiếp đi tái sinh những con người và những con vật khác, những người ấy vẫn còn sống và tiếp tục những hành động nhân quả thiện ác khác rồi những hành động này tương

ưng tiếp tục tái sinh cho đến khi những hành động cặn tử nghiệp của người ấy đi tái sinh, khi người ấy chết. Cho nên, nhân quả trùng trùng duyên sanh và cũng trùng trùng duyên diệt. Đó là lời đức Phật đã dạy: “*Nhân quả trùng trùng sinh khởi*”.

Cháu hãy nhìn cây đu đủ kia, trong một quả đu đủ có nhiều hạt, mỗi hạt lên một cây đu đủ; mỗi cây đu đủ cho nhiều trái; mỗi trái có nhiều hạt; mỗi hạt lên một cây, nhưng cây đu đủ mẹ vẫn còn sống. So sánh nhân quả của cây đu đủ và nhân quả của con người thì có khác chi đâu. Vì mọi vật trên thế gian này được sinh ra đều do nhân quả, sống trong nhân quả và chết cũng đi về nhân quả trừ những người tu chứng, họ đã ra ngoài qui luật nhân quả không còn bị chi phối.

Chúc cháu vui mạnh và sống đúng đạo đức làm người không làm khổ mình, khổ người.

Kính thư,

Thầy của các con

Tái bút: Sách của Thầy viết là triển khai lại lời dạy của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Người đã dạy không có thế giới siêu hình,

Thiên Đàng, Địa Ngục, những cảnh giới siêu hình toàn là cảnh giới tưởng tri. Sách của Thầy Chơn Quang viết nói có thể giới siêu hình là do ảnh hưởng của kinh sách phát triển Bà La Môn và các tôn giáo khác nhất là không hiểu ý Phật dạy trong kinh Nikaya (Nguyên Thủy).

Người tu giải thoát không có đi về đâu vì không có cõi Niết Bàn để đi. Niết Bàn chẳng qua là một danh từ để chỉ cho chân lý thứ ba (Diệt đế). Diệt đế là một trạng thái tâm hết tham sân, si tức là một trạng thái tâm ly dục ly ác pháp v.v..

Cho nên, một trạng thái tâm ly dục ly ác pháp là cảnh giới của người giải thoát ở đó. Đó là một từ trường, không còn có cảnh giới nào khác nữa.

Khi tâm ly dục ly ác pháp thì không còn nghiệp nên không có tái sanh luân hồi.

Khi người còn sống, tâm ly dục ly ác pháp thì giới luật nghiêm chỉnh, không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào. Người giới luật nghiêm chỉnh, không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào là ly dục, ly ác pháp hoàn toàn, là người có tri kiến giải thoát. Tri kiến giải thoát là “*Minh*” chứ không còn “*Vô minh*” nữa. Trong Minh

gồm có giới luật và tri kiến giải thoát, nên Phật dạy: *“Tri kiến ở đâu thì giới luật ở đó, Giới luật ở đâu thì tri kiến ở đó. Tri kiến làm thanh tịnh giới luật, giới luật làm thanh tịnh tri kiến”*. Như vậy, chỗ Niết Bàn đâu phải chỗ hết niệm, vì hết niệm làm sao có tri kiến, có giới luật?

Tóm lại, Niết Bàn không phải là một cõi giới siêu hình, nó chỉ là chỗ tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ.

Chơn Như ngày 19-5-2000



KHỈ VƯỜN CÓ PHẢI LÀ THỦY TỔ CỦA LOÀI NGƯỜI KHÔNG?

Câu hỏi của cháu Dũng

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Từ trước tới nay khoa học đều khẳng định rằng con người là do khỉ vượn sinh ra tức là thủy tổ của loài người, đó là thuyết tiến hóa. Vậy đạo Phật Nguyên Thủy và theo trí vô hạn của Thầy thì nguồn gốc loài người và rộng hơn là nguồn gốc vũ trụ là thế nào?*

Đáp: Con khỉ không phải là Thủy Tổ của loài người như các nhà khoa học đã khẳng định, con khỉ chỉ là con khỉ, một loài động vật như các loài động vật khác.

Theo đạo Phật con khỉ chỉ là một loài động vật cao cấp gần giống như con người. Nếu lấy con người làm tiêu chuẩn thì con khỉ chỉ là con khỉ mà thôi, chứ không thể tiến hoá làm con người được, chỉ có nghiệp lực của con khỉ, khi con khỉ chết nó sẽ tiếp tục luân hồi tái sinh làm người.

Từ con người “Cổ Sơ” sống đơn giản, dựa vào thiên nhiên. Mức sống của thiên nhiên thì có hạn, còn con người sinh sản thì vô hạn nên con người buộc phải tiến hoá dần để bảo vệ sự sống còn của mình duy trì cho đến ngày nay, do đó con người trở thành văn minh phát triển theo chiều hướng khoa học hiện đại hóa, để sản xuất ra vật chất phục vụ cho đời sống con người như hiện nay.

Loài khỉ sống thanh tịnh trong sạch hơn các loài động vật khác, nhờ hành động sống tự nhiên theo nghiệp nhân quả thiện tạo thành nghiệp lực thiện. Khi con khỉ chết, nghiệp lực thiện chiêu cảm môi trường thiện luân hồi tái sinh thành con người. Đừng hiểu rằng con người chết là sẽ tiếp tục sinh làm con người nữa, hiểu như vậy là không đúng luật nhân quả. đức Phật dạy: ***“được thân người là khó,***

khó như con rùa mù tìm bóng cây giữa biển khơi”. Chỗ này có dịp Thầy sẽ giảng dạy để hiểu biết rõ ràng hơn.

Trí hữu hạn của con người không cho phép các nhà khoa học hiểu hơn, cho nên các Ngài dùng sự so sánh những hành động và sự cơ cấu cơ thể của loài khỉ vượn giống như những hành động và cơ cấu của cơ thể của loài người cổ xưa “tiền sử” mà cho rằng thủy tổ của loài người là khỉ vượn. Đó là cái hiểu chưa tới của các nhà khoa học.

Muốn gây tạo giống con người thì phải có môi trường thích hợp với con người. Chính các duyên của con người, chứ chưa có các duyên của con người thì không thể nào gây tạo giống con người được, cho nên thuyết tiến hóa từ con vật thành con người thì mơ hồ, trừu tượng không chính xác. Bởi phần sắc uẩn của con người đầy đủ hơn loài động vật, nhất là sự cấu tạo bộ óc của con người về tế bào não, phần sử dụng về tinh thần tưởng uẩn và thức uẩn thì loài khỉ vượn không thể có được.

Vả lại, cái sai của các nhà khoa học, đó là: Trí tuệ của loài khỉ vượn và trí tuệ của những người tiền sử đều sống dựa trên thiên nhiên, loài khỉ vượn trí tuệ không sáng tạo và phát minh những cái gọi là văn minh và sáng

tạo của loài khỉ vượn được. Cho nên, khỉ vượn ngàn đời chỉ là khỉ vượn, còn người tiền sử đời sống cũng giống như loài khỉ vượn nhưng lại biết phát minh và sáng tạo nên để lại cho chúng ta sau này một kho tàng văn minh vĩ đại từ ngôn ngữ, toán học, y học, sử học, đạo đức học, đến khoa học, v.v.. Chúng ta chỉ là những người thừa kế và dựa theo cơ sở đó mà phát triển khoa học hiện đại, nếu không có văn minh của người tiền sử để lại liệu chúng ta có thể có một nền văn minh khoa học hiện đại và kỹ nghệ hóa như ngày hôm nay chăng?

Cho nên loài khỉ vượn không có trí tuệ thông minh như con người, nó thường sống theo bản năng tự nhiên, thường bắt chước loài người hơn là sáng tạo phát minh như con người.

Thủy tổ của loài người rất thông minh, khi con người có mặt trên hành tinh này, nếu loài người không có sự thông minh thì nó đã bị diệt chủng ngay từ lúc ban đầu. Tại sao vậy?

Vì cấu trúc cơ cấu cơ thể của loài người, tuy có giống như loài khỉ vượn, nhưng hoàn toàn không giống hần, có những chỗ còn sai khác, vì thế con người không thể dùng sức mạnh để bảo vệ sự sống như loài mãnh thú, cũng không thể trốn chạy chuyên nhảy nhanh nhẹ như loài khỉ vượn, hươu nai được.

Loài người bảo vệ sự sống bằng trí tuệ thông minh của mình, nên thường phát minh và sáng tạo đều do bộ óc, đó là điều cần thiết của loài người mà các loài động vật khác không thể có được, cho nên loài khỉ vượn là thủy tổ của loài người là mơ hồ trừu tượng, chỉ có qua sự so sánh những bộ xương của người tiền sử và những bộ xương của loài khỉ vượn giống nhau rồi các nhà khoa học quá vội vàng tuyên bố, e rằng sự tuyên bố này sẽ làm mất uy tín của khoa học, một vài sự chứng minh khoa học đó chưa đủ để xác chứng thủy tổ của loài người là khỉ vượn.

Luật nhân quả đã xác định mọi tiêu chuẩn của mọi loài chúng sanh, nếu chúng sanh sống và tạo những tiêu chuẩn đó thì sẽ sanh làm loài vật đó, chứ không phải tiêu chuẩn đó mà làm loài vật khác được, có nghĩa là loài động vật đó sống thiện ở cấp độ thiện đó sẽ sanh làm loài chúng sanh đó, còn ngược lại sống ác ở cấp độ ác đó thì sẽ sanh làm loại chúng sanh đó, luật nhân quả rất công bằng và công lý nên tiêu chuẩn thiện ác của nó rõ ràng, không thể sai khác được mà với trí tuệ vô hạn của đức Phật, Ngài đã thấu suốt luật nhân quả, do đó Ngài dạy cho chúng ta cách

thức sống năm tiêu chuẩn thiện để còn tiếp tục làm thân người thiện và chỉ có thân người thiện mới đủ trí tuệ thông minh rèn luyện tu tập chấm dứt khổ đau và luân hồi.

Các pháp vô thường luôn luôn theo sát những hành động nhân quả của muôn loài, vì thế, các pháp liên tục thay đổi tạo thành một nghiệp lực, nghiệp lực đó tiếp tục tiến hóa tái sanh làm loài vật cao cấp như loài Trời, Người, mà nghiệp lực đó thoái hóa thì phải tái sanh làm loài động vật hạ cấp, đó là một đạo luật công bằng và công lý đối với tất cả các loài động vật trên hành tinh này, nó không áp dụng riêng cho con người mà cho tất cả, vì muôn loài vật do môi trường sống vô minh duyên hợp sinh ra, do đó từ con vật lớn, nhỏ cho đến loài người đều vô minh lầm chấp, nhưng loài người nhờ trí tuệ thông minh thường tìm tòi sáng tạo và phát minh nên đã thấy sự vô minh của mình, khi đã thấy sự vô minh của mình thì đó là minh, mà đã có minh thì con người làm chủ được môi trường sống của mình, làm chủ môi trường sống của mình tức là làm chủ sanh, già, bệnh, chết. Làm chủ sanh, già, bệnh, chết là làm chủ nhân quả. Làm chủ nhân quả là làm chủ mọi sự đau khổ

và chấm dứt tái sinh luân hồi. Chấm dứt tái sinh luân hồi tức là giải thoát ra khỏi thân nghiệp.



NGUỒN GỐC VŨ TRỤ

Câu hỏi của cháu Dũng

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Nguồn gốc vũ trụ như thế nào? Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.*

Đáp: Nguồn gốc vũ trụ chỉ là một môi trường sống hoặc chết đối với trí hữu hạn của chúng ta, nếu muốn tìm hiểu biết rõ hơn nữa thì trí hữu hạn không cho phép chúng ta hiểu, còn trí vô hạn của chúng ta chưa có mà chúng ta muốn hiểu thì chúng ta sẽ hiểu bằng tưởng tri, mà hiểu bằng tưởng tri thì sai sự thật, cho nên bây giờ chúng ta nên tìm hiểu cái gì có lợi ích thiết thực cho chúng ta và mọi người thì không phí thì giờ quý báu, thì giờ đó chúng ta làm những việc ích lợi khác còn có ý nghĩa hơn.

Cho nên, ngày xưa có những ai hỏi Phật những điều không ích lợi, những hý luận ảo tưởng mơ hồ thì đức Phật làm thinh, không trả lời. Còn ở đây Thầy cố gắng giải thích để mọi người hiểu một cách đại khái về nguồn gốc của vũ trụ. Dù chúng ta có biết rõ về nguồn gốc của vũ trụ thì cũng chẳng có ích lợi gì cho cuộc sống mà hằng ngày chúng ta thọ chịu biết bao nhiêu là sự khổ đau. Bây giờ cháu hãy lắng nghe cho kỹ nguồn gốc của vũ trụ:

Chỗ nào có môi trường sống là nơi đó có cỏ cây và loài động vật xuất hiện, còn chỗ nào không có môi trường sống thì nơi đó là môi trường chết như trên Thầy đã dạy. Chết ở đây nghĩa là chưa có muôn loài vật sống, chứ riêng hành tinh ấy vẫn sống vì nó đang hoạt động, đang đi trên quỹ đạo của nó, cho nên nói nó chết là không đúng.

Những phi thuyền thám hiểm cung trăng và được các nhà khoa học nghiên cứu cho biết mặt trăng là hành tinh chết. Điều này không đúng, vì mặt trăng đang đi quanh trái đất. Nó đang hoạt động như vậy sao bảo là nó chết. Mặt trăng đang vận hành như vậy thì nó sẽ tạo duyên hợp cho các duyên hiện có thành

những duyên mới, những duyên mới hợp với những duyên cũ tạo thành những duyên mới khác nữa. Khi duyên hợp trùng trùng như vậy thì một ngày kia mưa gió sẽ thuận hoà và cỏ cây sẽ xuất hiện. Cỏ cây sẽ xuất hiện, thì lần lượt loài động vật xuất hiện. Loài động vật xuất hiện thì loài người trên cung trăng sẽ xuất hiện. Như vậy, một vài triệu năm nữa cung trăng cũng có môi trường sống như trái đất của chúng ta.

Nói đến môi trường thì không thể nào nói đến môi trường đơn điệu được. Tại sao vậy?

Vì khi có cái này thì phải có cái kia, vì thế đức Phật dạy: ***“Thế giới là do các duyên hợp”***, có duyên hợp mới có thế giới. Có thế giới mới có vũ trụ, nhưng ở đây ai tạo ra duyên hợp?

Thưa quý vị! Chính các hành đấy. Không có hành thì không có duyên hợp, không có duyên hợp thì không có thế giới, không có vũ trụ. Đến đây chúng ta bảo rằng các hành là nguồn gốc của vũ trụ thì chưa đúng. Vì các hành phải có sự điều khiển của ai đó. Vậy ai đó điều khiển các hành?

Xin thưa, không có ai điều khiển các hành, vì các hành thường hoạt động theo sự vô minh của mình, nên Phật dạy: “*Vô minh*”. Như vậy vô minh là nguồn gốc của vũ trụ ư? Không đúng đâu!

Nguồn gốc của vũ trụ là 12 nhân duyên, chứ không thể một nhân duyên mà thành nguồn gốc của vũ trụ được. 12 nhân duyên gồm có:

- 1- Duyên Vô minh
- 2- Duyên Hành
- 3- Duyên Thức
- 4- Duyên Danh sắc
- 5- Duyên Lục nhập
- 6- Duyên Xúc
- 7- Duyên Thọ
- 8- Duyên Ái
- 9- Duyên Hữu
- 10- Duyên Thủ
- 11- Duyên Sanh
- 12- Duyên Ưu bi, sầu khổ, bệnh tử

Đó là nguồn gốc vũ trụ hiện bày một thế giới quan đầy khổ đau của loài người mà đức Phật đã xác định rõ ràng.

Bài pháp 12 nhân duyên là đức Phật đã chỉ rõ cho mọi người biết nguồn gốc vũ trụ. Nếu 12 nhân duyên này không có thì vũ trụ này không có. Vũ trụ này không có thì con người và vạn vật không có. Con người và vạn vật có thì vũ trụ này có. Con người và vạn vật có đều do 12 nhân duyên. Vì thế, gốc vũ trụ là 12 nhân duyên như trên đã xác định.



NGƯỜI HOÀN HẢO

Câu hỏi của cháu Dũng

Hỏi: *Đ*ến nay con gặp được Phật pháp chân chánh của Thầy, con rất mừng như người chết đuối giữa dòng nước vớ được cọc. Khi gặp được Phật pháp chân chánh là con đã có gia đình vợ đại, con thơ. Để sống đúng lời dạy của Thầy “không làm khổ mình khổ người” thì con phải nuôi dạy cháu đến trưởng thành, sau đó

mới có thể đi tu được, đó là cái thiệt thòi của con.

Con biết có nhiều người đã quy y Tam Bảo từ lâu, xong cả đời họ chẳng có một ngày sống mà giữ gìn một giới trong năm giới cấm dành cho người cư sĩ. Con thì không muốn vậy, con muốn rằng một khi đã quy y Tam Bảo thì phải thực hiện Tam Quy Ngũ Giới nghiêm chỉnh, thì phải sống đúng một cuộc sống của người cư sĩ đệ tử chân chánh của đức Phật, còn nếu vì bất cứ một lý do gì mà thấy không làm được thì thôi chứ không nên sống nửa đời nửa đạo như Thầy đã nói, vì điều đó cũng làm khổ mình, khổ người, vì sẽ làm vợ con hoang mang buồn khổ, cuộc sống gia đình nghi kỵ lẫn nhau, hiểu lầm nhau, đó là điều con không muốn. Chính vì vậy mà đến nay con vẫn chưa quy y.

Đáp: Tu theo đạo Phật đâu cần phải quy y, xưa có một Bà La Môn khi nghe đức Phật sống một đời sống phạm hạnh giải thoát như vậy, ông liền bắt chước sống theo, đến khi gặp Phật ông chẳng biết Phật là ai. Lúc bấy giờ đức Phật lấy làm lạ sao lại có một Bà La Môn sống y như mình, nên đức Phật hỏi:

- *“Thầy của Hiền Giả là ai?”*

Vị Bà La Môn trả lời:

- *Thưa Hiền Giả, Thầy của tôi là đức Phật Gotama.*

Đức Phật hỏi tiếp:

- *Có bao giờ Hiền Giả đến gặp đức Phật Gotama chẳng?*

Vị Bà La Môn trả lời:

- *Thưa Hiền Giả, chưa bao giờ tôi gặp Thầy tôi cả, vì Thầy tôi ở tận nước Xá Vệ tại tịnh xá Kỳ Hoàn.*

Đức Phật hỏi tiếp:

- *Phỏng chừng hiện giờ gặp đức Phật Gotama Hiền Giả có nhận ra chẳng?*

Vị Bà La Môn đáp:

- *Thưa Hiền Giả, làm sao tôi có thể nhận ra được Ngài?*

Thấy thế đức Phật rất thương tâm Ngài bảo rằng:

- *Chính ta là đức Phật Gotama đây”.*

Trên đây là một mẩu chuyện để thấy người tu theo đạo Phật đâu cần phải quy y Tam Bảo mà chỉ sống đạo đức nhân bản – nhân quả không làm khổ mình, khổ người tức là sống đúng phạm hạnh Tam Bảo, là quy y

Tam Bảo rồi. Bởi vậy thời nay có hằng vạn người quy y Tam Bảo, nhưng sống làm khổ mình, khổ người thì quy y Tam Bảo có nghĩa lý gì mà còn làm thêm tội cho Phật pháp. Vì thế, đức Phật bảo rằng: ***“Chỉ có những người đệ tử của Ta mới giết đạo Ta chết”***.

Tu theo đạo Phật không có nghĩa là phải vào chùa hay phải vào rừng sâu núi thẳm để xa lánh thế tục, ngồi thiền, tụng kinh, niệm chú, niệm Phật hoặc lạy hồng danh sám hối cho tiêu tai giải nghiệp, hoặc được chư Phật, chư Bồ Tát gia hộ.

Tu theo đạo Phật là phải tu tập đúng như lời đức Phật đã dạy: ***“Chư ác mạc tác. Chúng thiện phụng hành”***, có nghĩa là người muốn tu tập theo đạo Phật thì phải tập sống làm một con người hoàn hảo tức là không còn mang bản chất của loài cầm thú nữa.

Một con người hoàn hảo là một con người có đạo đức nhân bản – nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người và không làm khổ tất cả chúng sanh. Vì thế, trong cuộc sống hằng ngày đối với ông bà, cha mẹ, anh em, chị em, vợ chồng, con cái, bà con quyến thuộc, bạn bè thân hữu, chòm xóm láng giềng, v.v.. luôn luôn phải đối xử với nhau biết nhẫn nhục, tùy

thuận, bằng lòng và còn phải biết tha thứ thương yêu, đùm bọc lẫn nhau, nhờ đó mới không làm khổ mình, khổ người.

Những hành động sống này chính là tu theo đạo Phật, đạo giải thoát thật sự ngay liền, một bằng chứng cụ thể đó là giải thoát đời sống con người khiến cho con người có một đạo đức nhân bản – nhân quả cao thượng tuyệt vời. Đây là giai đoạn tu tập giải thoát thứ nhất mà người cư sĩ và tu sĩ đạo Phật nào muốn cầu giải thoát thì cũng đều phải tu tập cho viên mãn, nếu giai đoạn này tu tập chưa xong mà muốn tìm cầu sự giải thoát cao hơn như ngôi thiên nhập định tịnh chỉ hơi thở thì đó chỉ là một sự mơ mộng viển vông mà thôi.

Khi nào trong cuộc sống đã giữ gìn được đạo đức nhân bản – nhân quả tự sống không làm khổ mình, khổ người thì mới xin bước vào tu hành ở giai đoạn hai. Nếu trong cuộc sống còn làm khổ mình, khổ người thì đừng nên tu tập thêm bước thứ hai, và cũng đừng xin tu Tứ Niệm Xứ, vì Tứ Niệm Xứ là ở giai đoạn tu tập Chánh niệm trong Bát Chánh Đạo, nên nó là giai đoạn thứ hai. Nếu ham tu tập ở giai đoạn hai thì thiếu căn bản, nên kết quả chẳng có gì. Vì thế tu hành chỉ hoài công vô ích mà thôi.

Khả năng không đủ mà tu tập vượt lớp như vậy đôi khi sẽ bị ức chế, khiến cho thân tâm thành bệnh, có khi rối loạn thần kinh hoặc tẩu hỏa nhập ma, điên khùng.



NỎ VỀ ĐẠO ĐỨC

Câu hỏi của cháu Dũng

Hỏi: Kính thưa Thầy! “Ngăn ác diệt ác pháp” xong lại phải “không làm khổ mình, khổ người”, trước đây con thấy nó là mâu thuẫn nhau, từ lá thư của Thầy chỉ bảo cho con, con sáng tỏ được nhiều, con hiểu rằng muốn thực hiện được điều đó còn đòi hỏi sự khéo léo phải không thưa Thầy?

Mình thấy cái ác, cái làm khổ mình, khổ người, cái vô lý thì phải chống lại nó, xong phải làm sao cho người ác hiểu ra mà không được dùng lời nói hành động làm họ đau đớn phải không thưa Thầy?

Trong mọi cuốn sách của Thầy, cuốn nào con cũng thấy Thầy nhắc đi nhắc lại “không làm khổ mình, khổ người” đến nay con hiểu

rằng đó là cứu cánh, nếu thực hiện đúng thì cuộc sống của chúng ta dễ chịu biết bao và đó là Niết Bàn tại thế, có phải không thưa Thầy?

Đáp: Đúng vậy, ngăn ác diệt ác pháp tức là không làm khổ mình, khổ người. Không làm khổ mình, khổ người là một đạo đức cao thượng tuyệt vời. Vì thế, không những phải khéo léo mà còn phải thiện xảo trong mọi hành động từ lời ăn tiếng nói đến những cử chỉ và sự tư duy suy nghĩ, phải khéo léo thiện xảo tinh thức hoàn toàn.

Đúng vậy, thấy cái ác, cái làm khổ mình, khổ người, cái vô lý, cái phi đạo đức thì mình phải chống lại để đem lại sự an vui hạnh phúc cho nhiều người bằng một sự công bằng và công lý, chứ không phải chỉ có đem lại sự an vui hạnh phúc cho một cá nhân của mình.

Vì chống lại sự bất công, sự vô lý, sự phi đạo đức, thì phải có sự va chạm, sự va chạm ấy chúng ta phải khéo léo thiện xảo khiến cho sự va chạm ấy trở thành mát lạnh, vì thế mọi người mới được an vui.

Cũng như Thầy viết kinh sách nói thẳng nói thật, vì biết những lời nói này sẽ mang lại ích lợi lớn cho nhiều người và chỉ va chạm với một số ít người đang bị danh lợi làm mờ mắt,

nhưng cũng là tiếng cảnh tỉnh cho họ và sẽ có lợi ích cho họ sau này.

Ngăn ác diệt ác là một việc làm rất tế nhị, thiện xảo, khéo léo, cho nên nó nêu rõ hành động của chúng ta khi gặp đối tượng có cả hai vế một lượt: **“không làm khổ mình, khổ người”**. Nếu một vế thì chúng ta rất dễ làm, còn hai vế là một điều rất khó, nếu chúng ta không thiện xảo khéo léo thì không thể nào thực hiện được đạo đức nhân bản này. Cho nên đức Phật dạy: **“Thiện xảo nhập vào thiện pháp, thiện xảo an trú sống trong thiện pháp”**. Phần nhiều thiện xảo là cố tránh né va chạm, cho nên lấy nhẫn nhục làm đầu cuộc đấu tranh tư tưởng, kể đó mới tùy thuận nhưng tùy thuận không bị lôi cuốn là một thiện xảo tuyệt vời giúp cho mình vui, người khác vui, vì thế mới được gọi là bằng lòng cả hai mình và người.

Đúng vậy, con đã hiểu không làm khổ mình, khổ người là một cảnh giới Niết bàn, là Thiên đàng tại thế gian chứ đâu còn tìm kiếm nơi đâu.

Sự tu hành theo đạo Phật chỉ có bấy nhiêu đây thôi: **“Không làm khổ mình, khổ người”**. Nhưng nó là một trường kỳ chiến đấu

với nội tâm chứ không phải tu một ngày một bữa là xong. Sự chiến đấu này phải có đầy đủ nghị lực kiên cường, bền chí gan dạ phi thường và còn phải có trí tuệ sáng suốt, khéo léo và thiện xảo trong mọi hành động đối xử với các pháp thì mới không làm khổ mình, khổ người, bởi chính nó là nền đạo đức nhân bản của đạo Phật.

Vài hàng cháu rõ thăm và chúc cháu thành tựu đạo đức nhân bản không làm khổ mình, khổ người trong mọi hoàn cảnh để đem lại cho mình cho người một hạnh phúc chân thật.

Kính ghi



QUY Y TAM BẢO

Câu hỏi của Liễu Tâm

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Hiện nay có một số cư sĩ mong muốn thiết tha được Thầy chấp nhận cho thọ Tam Quy và Ngũ Giới, số danh sách này hiện nay con đang giữ. Với nguyên*

vọng tha thiết như vậy thì có được Thầy cho phép không ạ! Con xin thưa Thầy hãy giúp đỡ?

Nếu đủ duyên thì có 2, 3 cư sĩ ước ao được về tu viện, bái kiến đánh lễ dưới chân đức Từ Phụ thì con sẽ gửi danh sách cho các cư sĩ mang vào, bằng không thì con sẽ gửi qua đường bưu điện, xin Thầy vui lòng cho con biết.

Đáp: Con nên gửi danh sách họ, tên, tuổi và địa chỉ của các cư sĩ để Thầy làm lễ thọ Tam Quy Ngũ Giới cho. Nếu quý cư sĩ không vào được thì nên chọn ngày đầu tháng hoặc ngày rằm, tập trung lại một điểm nơi có thờ đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni. Trước hình ảnh đức Phật tất cả các cư sĩ đồng quỳ xuống chấp tay cầu xin chư Phật chứng minh theo lời nguyện dưới đây: *“Hôm nay chúng con nguyện đời đời thọ Tam Quy Ngũ Giới theo vết chân của đức Phật mãi mãi muôn đời để cầu được giải thoát sanh tử luân hồi”*.

Nguyện xong đánh lễ đức Phật ba lạy, rồi ngồi xuống mở bằng nghe Thầy truyền Thọ Tam Quy Ngũ Giới. Sau khi Thọ Tam Quy Ngũ Giới xong. Các cư sĩ quỳ xuống tác bạch lời tri ân Phật và tri ân Thầy. Sau khi tác bạch xong

Liễu Tâm thay mặt Thầy trao pháp quy y cho mọi người.



TRUNG TÂM AN DƯỠNG CHƠN LẠC

Câu hỏi của Liễu Tâm

Hỏi: Kính bạch Thầy! Ở ngoài Bắc hiện nay có một số các cháu cư sĩ như cháu Tuấn có ước nguyện khi nào Trung Tâm An Dưỡng có đủ duyên được ra đời để giúp người nghèo thì các cháu này cả gia đình tình nguyện về nơi đây được đóng góp sức nhỏ bé của mình dù bất cứ làm việc gì? Miễn sao là làm theo lời Thầy chỉ dạy là các cháu vui mừng lắm. Ngoài ra, còn có các cô cư sĩ cũng có ước nguyện như gia đình cháu Tuấn, con xin kính bạch lên Thầy về những ước nguyện của chúng con, ngưỡng mong Thầy tạo đủ duyên lành cho chúng con để thể hiện được ước nguyện.

Đáp: Hiện giờ Trung Tâm chưa thành lập, nhưng cơ sở kinh tế của Trung Tâm được cư sĩ Hoàng Tâm (Chơn Tâm) thực hiện, nếu các công ty hoạt động thì trung tâm mới thành

hình, chừng đó Thầy sẽ gọi các cháu. Điều cần thiết, hiện giờ các cháu phải ráng tu tập và rèn luyện thân tâm, đức nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng trong mọi hoàn cảnh và mọi đối tượng, nhưng không được để ác pháp lôi cuốn.

Trung Tâm An Dưỡng là nơi để cho mọi người từ già đến trẻ được nghỉ ngơi và học tập đạo đức làm người sống không làm khổ mình, khổ người. Một đạo đức làm người mà mọi người đang sống trên hành tinh này đều cần phải được trau dồi, học tập và rèn luyện để thực hiện một cuộc sống mang đầy đủ ý nghĩa làm người xứng đáng là con người của Phật giáo đầy đủ trí tuệ và lòng yêu thương tha thứ mọi lỗi lầm của những người khác.



ĐƯỜNG ĐI NHÂN QUẢ

Câu hỏi của Liễu Tâm

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Vừa qua con có nghe một số câu hỏi, khiến cho tâm con bất an, vì con còn si mê, nên việc ấy con có suy tư để tự mình phân tích và trả lời cho tâm mình? Có*

chỗ con thông hiểu và có chỗ con chưa thông hiểu, nay con xin mạnh dạn hỏi thẳng vào những chỗ con chưa hiểu thấu đáo, để từ đây con không còn u tối và cả những vị đặt ra câu hỏi cũng đã được thông suốt.

Đáp: Để trả lời câu hỏi thứ nhất:

Với trí hữu hạn người ta không thể thấy loài gia súc là những người thân thương của mình, vì ái kiết sử chưa đoạn, nên khi bỏ thân người, tình cảm thương yêu con cháu vẫn còn, do cuộc sống tạo tội ác ăn thịt chúng sanh, thành nghiệp nên những người thân của chúng ta phải tái sanh làm thân gia súc, để được gần gũi con cháu.

Cô Diệu Quang nuôi mèo chó, không bao giờ đánh đập chúng, quý trọng hơn thân mình, có thể liều chết cứu mèo chó, cô đối xử với chúng là đối xử theo luật nhân quả của ái kiết sử để đoạn dứt nhân quả tiền kiếp bằng cách lấy thiện chuyển nghiệp chứ không phải nuôi để tạo nghiệp mới.

Nếu một người nuôi gia súc bằng cách đi mua hoặc xin về nuôi là tạo nhân quả mới, còn từ đâu loài súc vật đến nhà mình, đó là duyên nhân quả kiếp trước phải trả.

Cô Diệu Quang trả nợ nhân quả, nhưng trả bằng cách nào mà người trả và người vay đều trong thiện pháp có nghĩa là không làm khổ mình, khổ người nữa, tức là không gieo nhân quả mới của kiếp tới.

Loài chó mèo là loài thú ăn thịt sống, chúng thường săn đuổi bắt các loài vật khác ăn thịt. Ở đây cô Diệu Quang cho chúng ăn cá bể:

1. Thứ nhất cho chúng ăn chay chúng thèm thịt nên ăn rất ít và hay tạo tác bắt loài vật khác ăn thịt, làm nên tội tự sát sanh.

2. Thứ hai cho chúng ăn cá bể là mục đích giúp cho chúng đừng tự sát sanh vì nghiệp tự sát sanh là tội rất nặng, nhưng loài chó mèo đã tạo nghiệp ác nhiều đời nên nay đã thành thói quen như vậy. Tạo cho chúng gián tiếp sát sanh tội nhẹ hơn là để tự chúng đi săn bắt và giết các loài vật khác.

3. Thứ ba thấy chúng ăn chay chưa quen nên ăn ít quá thân gầy ốm. Ví dụ như mình nuôi cha mẹ mà cha mẹ ăn chay không được thân gầy ốm thì mình phải làm sao? Để cho cha mẹ ăn được và ít tội lỗi tự sát sanh hơn. Do suy nghĩ đó cô không ngại người ta chỉ

trích cô, cô cứ nghĩ khen chê là bề mặt của danh ở đời, không thực chất của đạo, còn bây giờ cô đang trả nghiệp nhân quả. Loài mèo chó từ đâu đến chứ cô không thích nuôi chúng, nhưng chúng đến cô phải nuôi tận tình như nuôi cha mẹ mình vậy. Cô nghĩ rằng loài gia súc là cha mẹ nhiều đời của mình có duyên mà gặp lại trong đời nay là do lòng thương yêu chưa dứt thì phải hết lòng cung phụng dù ai có nói gì cô sẵn sàng chấp nhận, miễn là làm tròn bổn phận đạo đức làm người. Việc làm này ai hiểu được, trừ những người có đôi mắt nhân quả hoặc có Tam Minh thì mới rõ.

Loài chó mèo là loài ăn thịt sống, chúng thường săn đuổi bắt các loài vật khác ăn thịt. Nếu không cho chúng ăn cá bể thì chúng sẽ bắt những con vật khác hiền lành vô tội để ăn thịt thì phạm vào tội tự sát sanh, tội rất nặng như Thầy đã nói ở trên, còn nếu cho chúng ăn cá bể ôi thúi, thì chúng ít tạo tội tự sát sanh, vậy mà chúng còn bắt giết những con vật khác vô tội như: rắn, rắn mối, cóc, nhái, cào cào, chuột và gà, vịt của người khác, tuy chúng không ăn, vì được cô Út nuôi chúng no đủ, vậy

mà bản chất sát sanh hung ác, chúng thường giết chết những loài vật hiền lành này, nhờ ăn cá bể nên chúng ít đi săn lùng.

Nhờ cho ăn cá bể mà chó mèo ở đây ít tạo tội ác tự sát sanh, đó là việc làm của cô Diệu Quang giúp những người thân của mình hay nói cách khác là giúp cho loài chúng sanh có duyên với cô sớm thoát khỏi thân mèo chó.

Vì nợ nhân quả đời trước nên đời này chó mèo vây quanh cô Út để đòi nợ. Khi cô trả nợ xong, mèo chó cũng sẽ chết hết. Để rồi các con xem hiện giờ tất cả mèo đã chết hết rồi, chỉ còn mấy con chó mà thôi, nhưng rồi đây khi cô Út hết nợ nó cũng sẽ ra đi vĩnh viễn.

Người không hiểu biết còn ở trí hữu hạn cho cô Út mua cá bể cho chó ăn là làm tội ác, đó là không thấy được nhân quả nên kết tội kẻ khác, kết tội kẻ khác tức là tạo tội cho mình, vì luật nhân quả rất công bằng xử phạt ngay liền không thể tránh khỏi, khi mình kết án người là chương ngại pháp đến với tâm mình khiến cho mình bất an, cho nên đức Phật dạy: ***“đừng biết chuyện người mà hãy biết chuyện mình”***.

Ví dụ: Quý phật tử nuôi cha mẹ, cha mẹ ăn chay không được thì quý phật tử nghĩ sao? Phải cho cha mẹ ăn thứ gì? Trong lúc cha mẹ thèm thịt và cá?

Việc làm của cô Út có hai việc lợi ích:

1/ Làm giảm bớt tội lỗi cho loài chúng sanh.

2/ Để thử thách những người tu có theo đúng lời Phật dạy hay không ***“Biết chuyện mình đừng nên biết chuyện người”***, thế mà các cô tu hành luôn biết chuyện người, tu như vậy có đúng lời Phật dạy hay không? Nếu thuận duyên thì đâu thấy được tâm người tu, nhờ có nghịch duyên này mới rõ được các cô không xả mà ức chế tâm, luôn biết chuyện người, thấy phải, thấy trái, thấy tốt, thấy xấu, thấy thiện, thấy ác của người khác mà sao không thấy phải, trái, tốt, xấu, thiện, ác, trắng, đen của mình. Khi mình đem việc của người khác nói ra mình là người tốt lắm sao? Nhất là người tu hành mở miệng nói xấu người ân của mình, người giúp đỡ mình từ miếng cơm manh áo, từ pháp tu hành, từ lời nhắc nhở,

khuyên răn đến những lời la rầy chàm tự ái để mình được giải thoát.

Không lẽ người đi tu cầu giải thoát mà vì những lời la rầy, chàm tự ái, để mình xả tâm mà ôm ấp trong lòng sanh ra thù hận nói xấu, thù hận nói xấu để được những gì? Hay để tạo thêm nhân quả ác cho mình, trong khi cô Diệu Quang la rầy, chàm tự ái để mong mình xả tâm sống đúng đức hạnh nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng là thấp sáng ngọn đèn Phật giáo.

Biết chuyện mình tức là biết lỗi mình để không làm lỗi nữa; biết chuyện mình tức là biết chướng ngại pháp trong tâm mình để mình đẩy lui chướng ngại pháp trong tâm thì tâm mình được an vui thanh thản, không phải là giải thoát hạnh phúc sao? Biết chuyện mình có lợi ích lớn như vậy thế mà các cô tu hành luôn luôn cứ biết chuyện người mà chẳng hề biết chuyện mình. Biết chuyện người có lợi ích cho mình những gì đâu mà còn làm hại cho con đường tu của mình là không xả tâm được.

Do nhờ chuyện nuôi mèo chó mà cô biết được tâm của mọi người tu không xả, nên cô

càng đập mạnh hơn nữa, nhất là các cô đã xuất gia, tu theo kiểu ức chế tâm, không chịu xả, cứ thích ngồi trong thất rồi đi nói chuyện phiếm và kiếm chuyện nói xấu người này người kia trong khi cô hết sức giúp đỡ cho các cô về đời sống và tu tập, thế mà các cô trả ơn bằng những lời chỉ trích nói xấu, không hiểu việc làm của cô như thế nào. Tâm mình còn xấu ác nên thấy việc người đều xấu ác, tâm mình hết xấu ác nên thấy việc người không xấu ác, đó là ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp.

Đập mạnh của cô Út có nghĩa là giúp cho các cô xả tâm diệt ngã để hoàn thành được đạo giải thoát, tâm bất động, còn nếu không xả tâm thì rời khỏi tu viện, đừng lấy sự tu hành mà lường gạt người khác ngồi mát ăn bát vàng, lợi dụng mồ hôi nước mắt và sức lao động của người khác làm ra cơm ăn áo mặc đem cúng dường, để rồi tu chẳng ra gì mà mang hình thức tu sĩ để ăn không ngồi rồi cho khoẻ thân.

Năm năm trời tu tập ngồi trong thất không làm động móng tay, Minh Tông đã bị cô

Út đập cho một trận liên rơi xuống vực thẳm, thế mới biết tâm như đất chưa? Mục đích của đạo Phật là tâm bất động, cho nên người Phật tử dễ nhận ra người tu chơn và người tu giả.

Chính vì các cô nói xấu cô Diệu Quang mà con đường tu chẳng ra gì, còn mang nghiệp quả rất nặng, bằng chứng cháu Liễu Ngọc đã nghe lời các cô nặng nhẹ nói xấu cô Út mà thọ quả điên khùng, hiện giờ lại còn bị phủng nặng, rồi đây các cô đã, đang, sẽ thọ những quả khi mà cô Diệu Quang chịu muôn vàn sự cực khổ mọi mặt và nhiều tiếng tai không tốt, nhưng cô quyết chí để thấp sáng lại ngọn đèn Phật giáo, làm lợi ích cho người đời sau.



NGƯỜI CƯ SĨ ĂN PHI THỜI

Câu hỏi của Liễu Tâm

Đáp: Các cô ăn phi thời, vì các cô còn là cư sĩ chưa thọ đại giới. Theo cô Diệu Quang: “Chiếc áo cư sĩ tập tu đạo đức làm người chưa xong, tâm còn sân hận âm âm, lòng còn ham muốn đủ thứ, lúc nào cũng sanh tâm ganh tỵ

hơn thua và còn tệ hơn nữa là tâm hay thù vật tìm kẻ hở của người khác mà nói xấu”.

Ăn cơm ngộ ngày một bữa là hàng xuất gia chứ không phải cư sĩ tại gia, cho nên các cô nói cô Diệu Quang và các cô phụ nhà bếp sao ăn phi thời, điều phê phán này sai, phải chỉ cô Diệu Quang và các cô phụ nhà bếp đã xuất gia mà còn ăn phi thời là không đúng, rõ ràng các cô xuất gia mà so bì như vậy là các cô không hiểu giới luật của Phật chỉ vì bị cô Diệu Quang đập mà thù ghét đặt ra nói xấu mà thôi.

Tâm ô uế hôi thúi bắn thủ như một đồng rác thành phố mà vội xuất gia tu hành với chiếc áo cà sa và cái đầu trục để làm hình thức lừa đảo thiên hạ mà còn bảo rằng ăn ngộ, ngày một bữa và ăn lén lút hoặc thấy người khác ăn lại sanh tâm thèm khát, đó là lừa gạt người khác thà là làm cư sĩ ăn phi thời không có tội lỗi.

Thời nay tu sĩ nói ngày ăn một bữa chứ kỳ thực là ba bữa, sáng ăn bánh mì uống sữa hoặc ăn phở, mì gói, chiều ăn trái cây, uống bột ngũ cốc. Đối với những tu sĩ này cô Út đập phá rất mạnh, tu được thì tu cho đúng, còn tu không được thì nên đi về đời mà sống như mọi người, đừng có mượn chiếc áo đạo mà tạo cuộc đời. Tu không chịu xả tâm tham, sân, si, hễ ai làm theo ý của mình thì ưa thích, ai làm trái ý mình thì ghét cay ghét đắng, tu như vậy thế

mà muốn mọi người, kẻ hầu người hạ bưng cơm dâng nước cho mình.

Đối với Phật giáo người tu sĩ phải giữ 10 giới nghiêm chỉnh thì sự tu tập mới có kết quả, còn người cư sĩ thì năm giới phải sống trọn vẹn, không hề trái phạm một lỗi nào thì đạo đức làm người mới không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh. Đó là những tiêu chuẩn mà cư sĩ theo năm giới và tu sĩ theo mười giới. Vì thế, chúng ta đừng đứng góc này mà phê phán góc kia thì không đúng cách. Phê phán giới không đúng cách, người ta biết mình chưa thông hiểu giới luật mà nói giới luật, đó làm trò cười cho mọi người.



ĐỨC PHẬT KHÔNG CÓ DẠY PHÁP MÔN ĐẬP PHÁ

Câu hỏi của Liễu Tâm

Đáp: Trong kinh Nguyên Thủy có bài kinh “Khu Rừng” đức Phật dạy: **“*Chỗ nào có cơm ăn áo mặc, nhà ở đầy đủ tiện nghi sống một đời sống sung sướng mà tu hành*”**

tâm tham, sân, si, và các ác pháp khác không từ bỏ được, không xa lìa được thì nên bỏ đi dù có mời thỉnh ở cũng không ở lại”.

“Chỗ nào không có cơm ăn áo mặc nhà ở đầy đủ tiện nghi và không có đời sống sung sướng mà tu hành ly tham, sân, si và đoạn diệt các ác pháp thì dù ở đó có đói khát, có khổ sở, có đánh đập, có chửi mắng, có đuổi đi, có bỏ đói thì nhất định cũng không đi”.

Chúng ta học theo đạo Phật ai cũng biết ***“Ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp”***. Và trong mọi thời gian lúc nào cũng cảnh giác đẩy lui các chương ngại pháp, đó là những pháp tu hành của đạo Phật, cho nên, chỗ không có cơm ăn áo mặc thì đó không phải là chương ngại pháp sao? Mà chương ngại pháp thì không phải là ác pháp sao?

Nếu biết diệt ác pháp, đẩy lui chương ngại pháp thì tâm có an vui, thanh thản không?

Câu kệ đức Phật dạy: ***“Dù có chửi mắng đuổi đi”*** câu này có phải là ác pháp không?

Nếu người không có kinh nghiệm tu hành thì sẽ hiểu bài kinh Khu Rừng là một bài kinh yếm thế tránh né ác pháp. Theo đạo Phật tu hành mà tránh né ác pháp tức là ức chế tâm chứ không phải xả tâm, ức chế tâm thì tu hành không bao giờ có giải thoát.

Đọc bài kinh Khu Rừng này, rõ ràng đức Phật không có dạy chúng ta tu hành đi tìm cảnh thuận theo ý muốn của mình mà hãy tìm nghịch cảnh để xả chướng ngại pháp trong tâm.

Cô Diệu Quang tạo cảnh chướng ngại pháp trong tâm giúp cho quý vị tu hành xả tâm chướng ngại để được giải thoát thì quý vị bảo rằng trong kinh sách Phật không có dạy như cô Diệu Quang.

May mắn thay! Trong kinh Nguyên Thủy còn có những bài kinh như: kinh Song Tầm, kinh An Trú Tầm, kinh Khu Rừng, kinh Tứ Chánh Cần, kinh Pháp Cú và Thời Khóa Tu Tập Trong thời Đức Phật, đủ để xác chứng, nếu không có những lời đức Phật dạy này thì chắc chắn quý vị bảo cô Diệu Quang dạy không đúng.

Chính ngày xưa khi đức Phật còn tại thế, Ngài đã dạy: *“Chớ có tin những lời Ta nói...”*

mà hãy tin những gì Ta dạy tu tập có kết quả lợi ích cho mình, cho người”. Lời dạy này chúng ta nghiệm thấy rất rõ khi cô Út Diệu Quang đập phá mà chúng ta xả được tâm, tâm như đất thì đó không phải là lợi ích lớn cho chúng ta sao? Chỗ tu hành có lợi ích thiết thực như vậy, cho nên đức Phật bảo: “đuổi cũng không đi”.

Nếu quý vị đã nghe lời cô Út Diệu Quang dạy từ lúc đầu thì bây giờ quý vị đã giải thoát từ lâu, tâm quý vị bất động như đất, chỉ vì quý vị không tin người thiện hữu tri thức của mình, người thân cận, người luôn tạo ra nghịch cảnh để cho quý vị xả tâm, mong cho quý vị tu hành sớm giải thoát, cô hết sức tận lực giúp đỡ cơm ăn áo mặc và còn chọc tức quý vị để quý vị xả tâm mà không hề sợ quý vị thù ghét, tai tiếng, nói xấu của quý vị, miễn sao quý vị tu hành tâm bất động như đất là thấp sáng lại ngọn đèn chánh pháp của Phật, đó là điều mơ ước của cô Diệu Quang, cô quyết tâm lấy thân tâm mình lót đường cho quý vị đi, để thấp sáng lại ngọn đèn Phật giáo, cô không hề mơ ước danh và lợi, chỉ làm sao mà giúp cho mọi người xả tâm ác pháp để đi đến giải thoát hoàn toàn, dù cho ai có khen hay chê cô cũng chẳng màng,

ngược lại quý vị không hiểu tâm ý tốt của cô nên sanh ra hờn giận căm ghét và còn đặt ra nhiều điều nói xấu người bạn thân cận tốt nhất của mình, vì vậy đến giờ này quý vị còn phải chịu lặn độn trên đường tu tập và mang đầy một tâm trạng hoang mang về sự tu hành của mình.

Ở đời, người ta ai cũng thích những lời ngon ngọt, nịnh hót, a dua, còn những lời thẳng thừng nghịch ý trái lòng thì ai cũng không ưa, nhưng người tu theo đạo Phật với mục đích là phải đạt được tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ, do đó gặp chướng ngại pháp như gió mùa hè khiến cho tâm hồn mát mẻ vô cùng, trái lại quý vị tu theo đạo Phật mà gặp chướng ngại pháp thì tâm quý vị như lửa cháy mà đổ thêm dầu khiến cho lòng quý vị sôi sục căm tức nên mới có những điều nói xấu theo tưởng tượng đặt ra. Những điều này được đặt ra chứng tỏ quý vị không có xả tâm mà chính quý vị đã mở cửa địa ngục cho mình bước vào, còn ngược lại quý vị thấy cô Diệu Quang có thù oán ghét quý vị không? Mặc dù cô biết rất rõ mọi người nói xấu cô như thế nào, nhưng khi quý vị trở lại tu viện thì cô Diệu Quang vẫn tiếp tục dạy bảo và phân tích

tỉ mỉ cách thức xả tâm để cho quý vị tu cho bằng được, để tìm thấy sự giải thoát nơi thân tâm của quý vị, một người như cô Diệu Quang không biết thù giận ai cả mà chỉ biết giúp cho người tu bằng được sự giải thoát.

Quý vị có nhớ không? Nếu không có duyên Liễu Tâm hỏi những câu này thì muôn đời quý vị mãi còn ôm ấp sự nghi ngờ đối với cô Diệu Quang. Có hỏi Thầy mới nói ra, còn không hỏi thì chẳng bao giờ các con được nghe những điều này, những lời đức Phật đã dạy từ ngàn xưa mà cô Diệu Quang đã dạy lại các con.

Trong thời khóa biểu ngày xưa của đức Phật, Ngài dạy chúng ta tu tập đẩy lui các chướng ngại pháp, nếu quý vị tránh né trốn chạy các chướng ngại pháp thì quý vị lấy pháp gì chướng ngại ở đâu mà tu tập đẩy lui? Cho nên, niệm Phật, ngồi thiền tụng kinh, bái sám, niệm chú, luyện tập Yoga, v.v.. làm sao đẩy lui các chướng ngại pháp trong tâm được, đó là quý vị đã bị kinh sách phát triển lừa đảo, ảnh hưởng tu tập những điều sai này đã thành thói quen nhiều đời, từ các Tổ ngày xưa cho đến các Thầy của chúng ta ngày nay, rồi đến các bạn bè thân hữu của chúng ta cùng với những cư sĩ hàng ngày đến chùa cúng dường tứ sự cho tu

sĩ, họ đều nỗ lực tu hành hết sức, nhưng kết quả thời gian mấy chục năm nay đối với chúng ta, còn Thầy Tổ của chúng ta biết bao nhiêu người tu hành có cả trăm năm, ngàn năm mà chẳng có người nào làm chủ được sự sống chết, hình thức tu hành thì có nhưng kết quả thì không.

Vậy, hiện giờ ai là người tu tập theo Tịnh Độ, Mật Tông, Thiền Tông mà tâm đã hết tham, sân, si tức là tâm bất động làm chủ được tâm mình? ai là người tu tập theo ba tông phái này làm chủ được bệnh hay phải đi bác sĩ, bệnh viện trị bệnh? ai là người tu tập theo ba tông phái này làm chủ được sự chết hay phải chịu chết trong sự bất lực đối với nó?

Bởi ảnh hưởng của ba tông phái này, nên nói đến tu là người ta nghĩ ngay đến nhập thất, tránh duyên, tìm cảnh tịnh để luyện bùa, ngồi thiền, nhập định, hoặc luyện tập Yoga, v.v.. Sự thật tu luyện theo kiểu này tức là ức chế tâm và thân, tự làm khổ mình nhiều hơn.

Ví dụ: Ngồi thiền hai chân đau, tê, nóng mà phải cố gắng cắn răng chịu đau cho hết giờ, thật là tự mình làm khổ mình, tu là phải có giải thoát ngay liền như đức Phật đã dạy: ***“Pháp thiết thực, cụ thể, hiện tại không***

có thời gian”, còn bây giờ Tổ dạy tu sao mà khổ quá vậy? Đời đã khổ vì sanh, già, bệnh, chết thế mà đi tu là làm cho mình lại bệnh khổ hơn, nhưng thói quen tu tập này đã thành nghiệp nên rất khó bỏ. Từ đó, người ta tu tập nói xả tâm chứ kỳ thật mọi người đang tu tập ức chế tâm. Do sự tu sai này, chúng ta kiểm điểm lại tất cả huynh đệ của chúng ta, hiện giờ có người tu trên bốn năm chục năm có người được Giáo hội Phật giáo tấn phong làm Hòa Thượng, Thượng Tọa, Viện Chủ, Viện Trưởng, Trụ Trì v.v.. nhưng nhìn lại Thầy nào cũng bệnh đau, sống bằng thuốc, bằng gạo lúc muối mè, ngồi thiền thì hai ba tiếng đồng hồ, lần chuỗi niệm Phật suốt ngày đêm lúc nào tay cũng không rời xâu chuỗi thế mà không tịnh chỉ được hơi thở thì làm sao làm chủ sự sống chết được. Nói chung tín đồ Phật giáo hiện giờ gồm chung tăng, ni và cư sĩ nam nữ đang bị giáo pháp kinh sách phát triển lừa đảo, nếu không tỉnh giác sớm trở về con đường giáo pháp Nguyên Thủy của đức Phật thì phí cả một cuộc đời tu hành của mình chẳng đi về đâu, đến đâu cả.

Cô Diệu Quang đã hết sức tận tình tạo mọi phương tiện để giúp cho quý vị tu tập đúng

như lời đức Phật đã dạy: ***“Đẩy lui các chướng ngại pháp”, “Ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp”, “Chư ác mạc tác chúng thiện phụng hành”, “Biết chuyện mình đừng nên biết chuyện người”, “Đứng lại thì chìm xuống, tiến tới thì trôi dạt, chỉ có vượt qua v.v..”***.

Quý vị hãy bỏ những lối tu theo kiểu kinh sách phát triển dạy, thì ngay đó quý vị tìm thấy sự giải thoát liền, tâm quý vị thanh thản, an lạc và vô sự.

Bây giờ quý vị đã rõ đức Phật dạy đẩy lui các *“chướng ngại pháp”* và phương tiện cô Diệu Quang tạo *“chướng ngại pháp”* để cho quý vị đẩy lui thì có khác gì đức Phật dạy đâu, nếu không tạo chướng ngại pháp như vậy thì quý vị tu tập sẽ bị ức chế tâm theo kiểu kinh sách phát triển và như vậy tu suốt đời quý vị chẳng tìm được sự giải thoát.

Thời gian quá dài gần bảy tám năm trời quý cô đã chịu ảnh của các hệ phái trên nên không nhìn thấy sự tu tập sai của mình, tới giờ này quý cô chẳng biết tu cái gì, tâm quý cô dao động và bất an, theo quý cô nghĩ đi tu là xuất gia cạo tóc mặc áo cà sa ngồi thiền, niệm chú, tụng kinh, sám hối, ức chế tâm không vọng

tưởng, chừng nào hết vọng tưởng là xong, nghĩ như vậy là sai, tu như vậy không có giải thoát mà còn sanh bệnh, cho nên quý cô và quý thầy tu sai mà thành bệnh.

Cô Diệu Quang tạo các chương ngại pháp như Thầy đã nói ở trên để các cô tu tập hạnh nhẫn nhục, tùy thuận và bằng lòng làm tấm gương sáng cho quý phật tử soi nhưng các cô không biết lấy đó làm đối tượng tu tập tâm mình để được giải thoát, ngược lại lấy đó làm oán hận sanh ra đặt điều nói xấu nào là mua cá cho chó mèo ăn, nào là gây chướng ngại làm động, Phật không có dạy như vậy, nào là các cô ăn phi thời, nào là lấy bột sắn của phật tử cúng dường cho chó uống, v.v.. Khi nói như vậy phật tử không hiểu tin theo và căm ghét cô Diệu Quang chứ phật tử đâu biết rằng khi những con chó bị đau cô mới lấy một ít bột sắn làm thuốc trị bệnh cho chúng, những việc làm của cô Diệu Quang đều thể hiện một lòng yêu thương bình đẳng, từ con người đến con vật, cô làm với tánh cách tự nhiên ước nguyện đời trước của mình, không có tính toán danh lợi, khen chê nên không làm bề mặt khéo che, khéo dạy phật tử. Vì thế cô không ghét, không thù, không oán ai hết, mặc dù mọi người đang

oán ghét dùng những lời lẽ thêm bớt nói xấu, làm mất uy tín cô, quý cô còn lại khiến cháu Ngọc giả điên dùng những lời lẽ của các cô để sỉ mạ cô Diệu Quang một cách thậm tệ, nhưng cô vẫn thản nhiên, chính sự thản nhiên này mà cháu Ngọc thành điên thật, khiến cả gia đình và mẹ của cháu phải khổ sở vô cùng, gần như hạt giống Phật đã bị ung thúi nếu mẹ cháu Ngọc đời trước không gieo duyên sâu dày thì hôm nay chắc không còn tu hành gì cả.

Hoàn cảnh đưa cô Diệu Quang vào vị trí hướng dẫn quý cô tu tập chứ cô chẳng cầu, cũng chẳng mong điều này.

Luật nhân quả hết sức công bằng và công lý, quý cô và quý thầy tu hành không vì sự nghiệp giải thoát mà vì tự ái, bản ngã của mình quyết hạ nhục cô Diệu Quang là một thiện hữu tri thức thân cận giúp đỡ mình từ cơm ăn áo mặc đến những pháp tu hành xả tâm để được giải thoát ra khỏi nhà sanh tử, ơn không có mà oán lại chất đầy, vì thế nên phải trả một giá quá đắt, lặn lội trên đường tu và mất hướng tu giải thoát.

Người tu theo đạo Phật hiện giờ đang chịu ảnh hưởng và thường dính mắc kiến chấp của ngoại đạo, nhất là tu thiền ức chế tâm mong

cho hết vọng tưởng nên đã thành một thói quen khó bỏ.

Cho nên, việc thừa hỏi của các con là một điều rất cần thiết để hiểu đúng giáo pháp của đức Phật, nhờ có thừa hỏi các con mới biết giáo pháp đúng sai để tu tập mới có kết quả, nếu không thừa hỏi thì những điều quý cô cũng như quý thầy đã có cái nhìn lệch lạc, đưa ra những điều nghi vấn và còn tưởng ra những điều không đúng chánh pháp, bóp méo sự thật giáo pháp của đức Phật như cô Diệu Tịnh đã nói: Kinh sách Nguyên Thủy đức Phật không có dạy đập phá bản ngã. *Nhưng trong kinh Nguyên Thủy đức Phật chẳng những dạy đập phá bản ngã mà còn dạy phải diệt bản ngã nữa.* Đó là lối đưa ra lý luận nuôi bản ngã của các cô mà chính những điều này đã làm lệch hướng của đạo Phật khiến tâm mọi người dao động nghi ngờ giáo pháp mà cô Diệu Quang đã dạy là sai không đúng lời Phật dạy, cũng như Thầy Chơn Đức đặt ra câu nghi vấn khiến cho mọi người dao động: *“Coi chừng Thầy Thông Lạc lấy đệ tử làm thí nghiệm pháp môn của mình”*.

Này các con! Xưa đức Phật đã dạy: *“Xuất gia sống không nhà cửa, không gia đình, chỉ*

còn ba y một bát”. Lời dạy này có phải của Thầy hay của đức Phật? Nếu ai thấy được đời sống như vậy là giải thoát thì nên theo đạo Phật tu hành, còn thấy bỏ nhà cửa, xa vợ con không được thì có ai ép buộc đâu, mà đi tu rồi lại cảnh giác bằng lời nói phi Phật giáo như vậy! Lời dạy này đức Phật dạy chứ không phải Thầy dạy. Thầy dạy những gì mà đức Phật đã dạy, Thầy đâu có bảo họ bỏ gia đình, vợ con, nhà cửa, của cải, tài sản đi tu, mà Thầy bảo phải sống có đạo đức không làm khổ mình, khổ người, phải giải quyết mọi mặt cho hết bốn phận đạo đức làm người thì mới đủ duyên tu theo đạo Phật, chứ đừng vào chùa ngồi tu mà nhớ vợ con, tiếc của cải, tài sản thì không đúng. Lời Phật dạy rõ ràng như vậy mà Thầy Chơn Đức bảo *“phải coi chừng pháp môn của Thầy thí nghiệm đệ tử”*, làm như thầy mới chế ra một thứ thuốc để thí nghiệm bệnh nhân, cũng giống như cô Diệu Tịnh nói: *“Trong kinh sách Nguyên Thủy Phật dạy không có đập phá ngã”* mà Thầy đã nói ở trên: - Vậy câu: *“Diệt ngã xả tâm ly dục ly ác pháp”* là ai đã dạy lời này? Không phải ở trong kinh Nguyên Thủy sao? Cô Diệu Quang đập ngã là còn ít, đức Phật dạy diệt ngã mới là nhiều.

Đã đi tu theo đạo Phật mục đích là phải đập phá diệt ngã và xả bỏ tất cả mọi thứ trói buộc là chính, đức Phật đã dạy như vậy và còn nhắc đi nhắc lại rất nhiều lần, thế mà quý Thầy và quý cô đặt ra nghi vấn để làm cho mọi người thối tâm, nếu Liễu Tâm không thưa hỏi thì Thầy không bao giờ đem sự việc này ra dạy bảo, mặc dù Thầy biết rất rõ những điều quý cô nói về cô Diệu Quang. Thầy nghĩ rằng nếu con người không đủ phước thì dù có muốn giúp cho họ tu hành giải thoát thì cũng chẳng bao giờ được, mọi pháp trên thế gian này đều do duyên, duyên của mọi người đã gieo trong tà pháp thì dù có muốn lôi họ vào chánh pháp cũng phải chịu nhọc nhằn và vô cùng khó khăn. Vì lợi ích cho loài người và thấp sáng lại ngọn đèn Phật giáo, nên Thầy và cô Diệu Quang phải đem hết sức ra làm việc để mong sao ngày nào đó tuy đốm lửa nhỏ nhưng sẽ toả sáng ngày một rộng hơn.

Nếu có điều gì nghi ngờ thắc mắc thì các con nên thưa hỏi, hỏi để không còn nghi ngờ, hỏi để thấu rõ con đường mình đang đi có đúng hay sai, hỏi để tránh khỏi những sự lừa đảo của kẻ khác, vì tự ái mặc cảm với tâm ích kỷ nhỏ mọn và vì danh, vì lợi mà bề cong giáo

pháp của đức Phật, nhất là sự lừa đảo của các tôn giáo, vì chính những người đang lãnh đạo tôn giáo đó họ vẫn bị tôn giáo của họ lừa đảo như thường, mà chẳng bao giờ họ biết.

Chính Thầy trả lời những câu hỏi của các con là đã làm sáng tỏ nhiều vấn đề thuộc về tôn giáo, nhất là đạo Phật. Cho nên, bộ sách ***Đường Về Xứ Phật*** có một sự lợi ích rất lớn cho các con nói riêng và lợi ích cho mọi người nói chung. Các con đừng sợ Thầy mệt nhọc mà sợ đời sau không ai dám trả lời như Thầy thì lấy gì các con hiểu để tránh những cạm bẫy của những kẻ manh tâm gian ác dùng lý luận giết Phật giáo như Ngài Long Thọ, Ngài Thế Thân, Ngài Vô Trước, v.v.. Hiện giờ còn biết bao nhiêu người khác nữa, tu theo đạo Phật mà không chịu diệt ngã xả tâm, đạo thì muốn tu mà đời không chịu bỏ rồi sanh ra những lý luận giết Phật giáo như các Tổ, nhất là Tổ Long Thọ đã làm và bây giờ cũng có một số người vô tình lý luận bóp méo sự thật để diệt Phật giáo.

Đạo Phật ra đời vốn không ép buộc cũng không cám dỗ ai theo đạo mình, chỉ có những người nào ý thức được đời là khổ và biết khổ như thật thì xả bỏ hết các pháp thế gian để

tìm đường giải thoát thì mới mong thấy được sự giải thoát. Người nào tu hành chẳng biết buông xả tâm mình, thì đời chẳng ra đời mà đạo chẳng ra đạo, vì thế làm gì thấy được sự giải thoát của đạo Phật. Sự giải thoát của đạo Phật rất đơn giản, chỉ cần ngăn ác diệt ác pháp, sống thiện tăng trưởng thiện pháp là có giải thoát ngay liền.

Ai biết ngăn ác pháp, ai biết diệt ác pháp thì người ấy là Phật tại thế gian, chứ đâu phải Phật ngồi thiền, niệm chú, tụng kinh bái sám, v.v..

Quý cô và quý thầy tu hành chẳng ngăn ác pháp, chẳng diệt ác pháp mà tu theo đạo Phật thì chỉ phí công mà thôi, lại còn mang nợ của đàn na thí chủ, sống trong địa ngục của miệng lưỡi mà không hay biết, thật là đáng thương.



NGÀY SINH NHẬT

Câu hỏi của Liễu Tâm

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Đã từ lâu con ước mong biết được ngày sinh nhật của Thầy? Ngày đó là ngày ghi khắc để chúng con xin nỗ lực tu hành, lấy công đức dâng lên xin tâm thành cung kính cúng dàng Thầy cũng như ngày Đản sanh của đức Phật Thích Ca Mâu Ni vậy. Con cúi xin Thầy từ bi hoan hỷ đáp ứng lòng mong cầu của chúng con ạ thưa Thầy.*

Đáp: Ngày sinh của Thầy 17/9/1928 dương lịch, tức là ngày mừng 4/8 - năm Mậu Thìn âm lịch. Các con đã biết được ngày sanh của Thầy thì nên nhớ, không nên làm lễ sinh nhật của Thầy rườm rà và hao tốn tiền bạc, các con nên lấy ngày sinh nhật của Thầy mà:

1- Thứ nhất lấy ngày ấy làm ngày tu tập rèn luyện thân tâm của các con “*ngăn ác diệt ác pháp*” sống đúng đạo đức nhân bản không làm khổ mình, khổ người, đó là mừng ngày sinh nhật của Thầy.

2- Thứ hai lấy ngày đó làm ngày an ủi những người bất hạnh trong xã hội, khi Thầy

còn sống cũng như Thầy đã chết, các con nên dành ra một ít quà bánh, thuốc thang, sữa, đường, v.v.. giúp cho những người bất hạnh, đó là mừng ngày sinh nhật Thầy.



THỌ BÁT QUAN TRAI LÀ GIEO DUYÊN PHẬT PHÁP Ở NGÀY MAI

Câu hỏi của Liễu Tâm

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Chúng con xin hứa khả trước bậc Thầy tôn kính là: “chúng con xin cố gắng nỗ lực hơn nữa, rèn luyện và khắc kỷ tinh tấn nhiều hơn nữa, để làm tròn những lời dạy bảo răn nhắc của Thầy về đức hạnh làm người cho tròn và ước nguyện con còn muốn đi xa hơn nữa. Đó là theo bước chân của Phật và của Thầy đã đi qua, cô Út Diệu Quang đang đi tới. Con còn phải tu tập xả tâm tham, sân, si, mạn, nghi và các kiết sử cho rốt ráo hơn nữa, nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng là chặng đường con mới đặt chân lên, con tự thấy con còn yếu ớt quá, không hiểu rồi đây, kiếp đời này con có làm được như ý nguyện lớn*

lao này không? Tuổi đời cũng đã cao, gia duyên con còn nặng quá! Sức khỏe vô thường không biết nó sẽ chi phối lâu mau, như lời dạy của Thầy: “Các con hiện giờ như chiếc xe cũ... lại đổ dốc...”. Ôi! Chắc đôi mắt “thông suốt đường đi lối về của nhân quả” mà Thầy của chúng con nay đã nhìn thấy. Chúng con đang chơi vui ở đáy sông đáy biển mà không hay biết gì cả. Chúng con chỉ còn một cách là tự cứu mình như lời dạy của Thầy. Con xin ghi khắc và cố gắng xả tâm diệt ngã để cho mau chóng “tâm như cục đất...”.

Kính thưa Thầy, lá thư con dâng lên trình Thầy vào đúng ngày 15/4/2000 âm lịch gọi là ngày Đản Sinh Phật Thích Ca Mâu Ni. Chúng con nguyện ngày hôm nay là ngày thọ tám giới. Chúng con cố gắng sức nỗ lực tinh tấn hơn các ngày khác để lấy công đức tu hành nhỏ bé này dâng lên cúng dàng Phật Tổ và đức Từ Phụ để tỏ lòng biết ơn sâu dày đến bậc Chánh Đẳng Chánh Giác đã tìm ra, và tìm lại con đường Chánh Pháp mà bấy lâu nay đã dần tắt ngấm.

Đáp: Đức Phật đã hiểu rõ hoàn cảnh của người cư sĩ không thể nào xuất gia tu hành ngay liền được, nên Ngài đã chỉ dạy cho cư sĩ

trong mỗi tháng nên tu tập một hoặc hai ngày “*Thọ Bát Quan Trai*”, tức là tập sống đúng như Phật và chúng Thánh Tăng, trong ngày ấy giữ gìn tám giới thanh tịnh và ôm pháp tu tập, tức là không lìa pháp nghĩa là ngày ấy lấy pháp ngăn ác diệt ác pháp, sống thiện tăng trưởng thiện pháp, vì thế ngày ấy phải sống trầm lặng độc cư không được nói chuyện tào lao, nói chuyện Phật pháp, nghe giảng, luận đạo v.v.. Ngày ấy được xem là ngày làm Phật, làm Thánh Tăng, làm Thánh Ni, làm bậc Hiền Thánh trong đạo Phật; ngày ấy được xem như là một ngày quan trọng nhất của đời người, vì ngày ấy là ngày giải thoát sanh tử và chấm dứt luân hồi muôn đời muôn kiếp.

Cho nên, các con hãy xem ngày thọ Bát Quan Trai là một ngày cao thượng và cao đẹp nhất của đời sống làm người của các con. Một ngày sống toàn thiện cho chính bản thân các con, cho mọi người và mọi loài chúng sanh.

Các con có trân trọng và tôn quý ngày ấy thì các con không vi phạm những lỗi lầm nhỏ nhặt, những lỗi lầm thường xảy ra trong ngày ấy là: nói chuyện, nghe giảng pháp, lo ăn uống, hỏi những điều thắc mắc chưa rõ, lý luận,

tranh cãi, cho cái này đúng cái kia sai, v.v.. Tất cả những sự việc này phải dẹp qua một bên. Ngày ấy các con đến đây để làm Thánh thì phải im lặng như Thánh, phải sống đơn giản như Thánh, phải ăn uống như Thánh, phải ngủ nghỉ như Thánh, phải tôn trọng những người bạn Hiền Thánh của mình, những người đồng chí hướng với mình.

Nếu các con thực hiện đúng được như vậy và trước giờ xả Bát Quan Trai, các con kiểm điểm lại từ sáng đến chiều các con tu tập có lầm lỗi một điều gì chẳng? Có vi phạm một lỗi lầm nào không? Nếu hoàn toàn không có thì ngày ấy chính là ngày các con đã hưởng trọn một ngày thanh thản, an lạc và vô sự, ngày ấy là ngày giải thoát hoàn toàn không còn ác pháp, ngày ấy là ngày các con đã tập làm chủ nhân quả nghiệp báo, ngày ấy là ngày thanh bình nhất trong tâm hồn của các con.

Nếu cuộc đời của các con chưa đủ duyên tu hành trong kiếp này thì ngày thọ Bát Quan Trai là ngày mà các con tạo nghiệp Thánh thiện để kiếp sau nối tiếp duyên tu hành cho

đến nơi đến chốn giải thoát hoàn toàn, chấm dứt luân hồi.

Cho nên, ngày thọ Bát Quan Trai các con hãy tu tập cho đúng pháp, trong cuộc sống hiện tại của các con, các con sẽ là người có đức hạnh không làm khổ mình, khổ người, luôn biết nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng, tạo cảnh sống cho mình cho người một mùa xuân an lạc, một mùa xuân vĩnh cửu.

Nếu ngược lại các con còn thấy mình có lầm lỗi thì hãy rút ra những kinh nghiệm của lần tu tập này, để kỳ thọ Bát Quan Trai tới sẽ không còn phạm phải nữa.



HÃY TIẾT KIỆM

Câu hỏi của Liễu Tâm

Hỏi: Kính thưa Thầy! Sắp tới đây cháu Tuấn lại có dịp về tu viện đánh lễ Thầy và cô Diệu Quang, con xin gửi thêm 10 hộp giấy loại 70 Bã Bằng về để Thầy soạn giáo án, con mong rằng công việc nặng nhọc này, giá mà

Thầy giao cho một cư sĩ nào đó thì chúng con mừng lắm, nếu không có ai đỡ Thầy để Thầy làm hết từ A đến Z thì chúng con lo lắng lắm, sức khỏe của Thầy chóng suy yếu thì chúng con và chúng sanh bị thiếu phước thiếu duyên nhiều quá, ngày nào Thầy còn tại thế thì ngày ấy còn ánh sáng của Đạo, và ngược lại sẽ bị khổ đau, đen tối vô minh.

Đáp: Các con gửi giấy về nhiều thì Thầy đỡ xin phật tử, nhưng các con đều lớn tuổi cả rồi không có làm ra tiền, chỉ còn tiền dành dụm chút ít để tiêu xài trong lúc tuổi già yếu, đừng mua giấy gửi vào trong này nữa, nếu không có giấy photo thầy sẽ xin phật tử còn đang làm ra tiền, các con có chút ít nên góp với nhau để khi Thầy gửi bản gốc ra các con sẽ photo cho mỗi người một bản, nhờ đó các con được nghe lời Thầy nhắc nhở sách tấn tu hành.

Thầy cố gắng phục hồi sức khỏe của mình để trả lời hết những câu hỏi và những nghi vấn của các con, để làm sáng tỏ và lợi ích cho loài người trên hành tinh này, để đem lại một nền đạo đức nhân bản giúp cho con người không còn làm khổ mình, khổ người nữa, và làm sáng tỏ lại Phật giáo chừng ấy Thầy ra đi là vừa đủ.

Vài hàng các con rõ chúc các con tu hành xả tâm tốt, sống đúng đạo đức không làm khổ mình, khổ người.

Kính ghi



NHÓM TU HỌC NGUYÊN THỦY HOA KỲ

Thạch, Kim, Tú thưa hỏi

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Chúng con, một nhóm Phật tử miền Nam California, bấy lâu nay đọc sách và nghe băng giảng của Thầy, rất mến mộ Thầy, nên tự đặt cho mình một nhóm gọi là Nhóm Tu Học Chơn Như để phân biệt với nhóm Nụ Hồng, Khóm Hồng (tu theo Thầy Nhất Hạnh), và nhóm Tam Hòa (tu theo Hòa Thượng Thanh Từ). Chúng con làm như vậy không biết có được không? Kính xin Thầy và cô Út Diệu Quang từ bi chỉ dạy, hoặc cho một cái tên khác để chúng con cùng nhau sách tấn trên đường tu hành.*

Đáp: Câu hỏi thứ nhất: Các con nên đọc kỹ lại nhiều lần những câu trả lời của Thầy dưới đây để suy ngẫm, nếu có lợi ích cho các

con và cho những người khác thật sự thì các con nên tin và làm theo, còn bằng không thì thôi xem như là những lời nói suông của Thầy.

Trong các bạn đạo cùng tu một pháp môn theo giáo lý Nguyên Thủy của đạo Phật, thì các con nên lấy tên: “*Nhóm Tu Học Nguyên Thủy*”, nhưng vì ở Mỹ nên các con thêm vào hai chữ nữa để xác định nhóm tu học của các con rõ ràng, nó trùng tên với các nhóm tu học nguyên thủy khác: “*Nhóm Tu Học Nguyên Thủy Hoa Kỳ*” vì đây là những lời dạy của đức Phật mà các con đồng tu để sửa thân tâm của mình trong thiện pháp, Thầy cũng do những lời dạy này mà tu tập đi đến giải thoát.



THỈNH KINH

Thạch, Kim, Tú thưa hỏi

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Tháng 7/2000 chúng con sẽ họp mặt để cùng nhau ôn lại những điều đã thu thập nơi pháp môn của Thầy. Thỉnh thoảng chúng con cũng có chuyện trò với nhau qua điện thoại, trao đổi về một số*

hiện tượng tu học, làm phước mà bấy lâu nay chúng con cứ nghĩ là đúng, là phải. Giờ đây đem ra soi rọi với lời giảng của Thầy, chúng con thấy rất rõ đâu là tu thật, đâu là tu giả. Chúng con rất mong ước được Thầy và cô Út cho chúng con quyển Đường Về Xứ Phật tập 7, Đạo Đức Nhân Quả, Những Lời Phật Dạy, v.v.. Ở đây chúng con mong mỗi đọc sách của Thầy như hạn hán trông mưa. Sách của Thầy chúng con đọc đi đọc lại nhiều lần, đọc hoài không chán. Chúng con đọc sách của Thầy thay vì đi tụng kinh. Mỗi khi rảnh rỗi chúng con chỉ cần giở ra đọc vài trang mà chúng con ưa thích là cảm thấy tâm hồn thanh thản an vui.

Đáp: Tập 7 Thầy nhuận lại chưa xong, khi nào nhuận xong Thầy sẽ gửi đến cho các con. Thầy đang nhuận lại từ tập 1 đến tập 10, vì trước kia Thầy không có nghĩ soạn và viết kinh sách, mà chỉ nghĩ thuyết giảng dạy người tu tập mà thôi.

Người viết kinh sách là có ý danh lợi trong đó, xưa đức Phật không viết kinh sách là lý do này, danh, lợi có một sức cám dỗ rất mạnh, người tu chưa tới đâu hãy coi chừng, kinh sách của những người này sẽ trở lại giết họ và giết người, không phải giết một người

mà giết nhiều người, không phải những chỉ giết nhiều người mà còn giết nhiều thế hệ.

Thầy không có ý định viết sách, nhưng suốt 17, 18 năm trời hướng dẫn người tu hành, chỉ có ba giới đức của bậc Thánh Tăng mà không có một tu sĩ nào sống đúng, thấy cơ thể vô thường của Thầy sắp đến giờ phút tan rã mà đường lối tu tập chưa có ai rõ, nên suốt ba mùa hạ an cư Thầy giảng giáo án đường lối tu tập của đạo Phật, nhưng khi giảng xong, Thầy nhận một bản in vi tính của cháu Trúc gửi đến, khi đọc lại Thầy cảm thấy cần phải nhuận lại, nhất là những câu hỏi đạo, chứ không thể nào kinh sách mà viết câu trả như thế này được, nào là chưa hết ý; nào là lỗi văn phạm, chính tả, nào là lập đi lập một ý, v.v.. cho nên phải biên tập lại thì cuốn sách mới có giá trị, do đó việc làm không thể nhanh chóng được, phải đọc đi đọc lại nhiều lần thế mà vẫn còn sót, có nhiều chỗ chưa diễn tả hết ý khiến cho người đọc khó hiểu. Ở đây Thầy cố gắng tránh lý luận, nhưng không tránh hết được.

Trong năm nay Thầy cố gắng nhuận cho xong 10 tập Đường Về Xứ Phật và sang năm sẽ cho in bộ sách “Đạo Đức Không Làm Khổ

Mình, Khổ Người”, bộ sách “Giới Đức Làm Thánh” và bộ sách “Những Lời Phật Dạy”.

Mỗi bộ sách được in ra là Thầy sẽ tìm cách gửi đến cho con, nhưng con hãy ráng tu tập để được tâm hồn thanh thản, an lạc và vô sự, để được tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ thì đó là các con không phụ lòng Thầy.

Thầy cảm thông và thương yêu các con vô cùng, khi đọc thư con có những đoạn: *“Ở đây chúng con mong mỗi đọc sách của Thầy như hạn hán trông mưa. Sách của Thầy chúng con đọc đi đọc lại nhiều lần, đọc hoài không chán. Mỗi khi rảnh rỗi chúng con chỉ cần giở ra đọc vài trang mà chúng con ưa thích là cảm thấy tâm hồn thanh thản, an vui”*.

Thầy viết sách là đem lại sự lợi ích cho con người, nếu quả thực có lợi ích thì làm sao Thầy không đem hết tâm lực của mình ra viết, viết để các con đọc, đọc để các con có sự an vui, thanh thản, đọc để các con sống không làm khổ mình, khổ người và thế gian này đã biến thành cảnh giới Thiên đàng, Cực lạc thì đó là niềm vui hân hoan của Thầy.

Đọc sách Thầy mà gia đình các con được an vui, hạnh phúc, mọi người trong gia đình

đối xử nhau biết nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng và không làm khổ mình, khổ người thì đó là sự cúng dàng cao quý nhất và biết ơn Thầy mà không có sự cúng dàng nào cao quý và biết ơn nào hơn được.

Mặc dù năm nay Thầy trên bảy mươi tuổi, sức khỏe tuy yếu, nhưng Thầy cố gắng phục hồi và an dưỡng để viết xong bộ sách đạo đức nhân bản – nhân quả, ngõ hầu giúp cho con người trên hành tinh này sống không còn làm khổ cho nhau.



XÁ LỢI CÓ PHẢI DO TU THIỀN KHÔNG?

Thạch, Kim, Tú thưa hỏi

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Sau đây chúng con có một vài thắc mắc, cúi xin Thầy và cô Út từ bi xót thương và chỉ dạy cho chúng con dứt những điều nghi và an tâm tu tập:*

1/ Xá Lợi có nhất thiết là kết quả tất yếu của người tu thiền hay không? Có một cư sĩ là cựu sĩ quan VNCH xuất gia, tu hành được vài năm (chưa hẳn là tu thiền hoàn toàn), tên là

Thầy Minh Đạt, khi chết thiêu xác thì người ta bảo Thầy ấy có xá lợi rất đẹp.

Đệ tử của HT Tuyên Hóa chụp nhiều ảnh cho thấy HT có quá nhiều xá lợi, từ những cục to nhỏ, đến các mảnh xương đẹp hình răng cửa thật to. Chúng con có cảm tưởng là người ta cố tình thiêu chưa hết hoàn toàn nên mới có nhiều mảnh xương như vậy. Chúng con nhớ đã đọc hay nghe các Thầy ngày xưa dạy rằng: “xá lợi là kết tinh của người đồng ấu xuất gia. Nó là tinh, là tủy của người tu hành chân chánh”. Xin Thầy từ bi chỉ dạy.

Đáp: Trong kinh Nguyên Thủy đức Phật không bao giờ ca ngợi tán thán xá lợi hay là để lại nhục thân hoặc cho rằng do công đức tu hành thiền như thế này, như thế kia mới có xá lợi hay nhập định để lại nhục thân, chỉ có dạy ông A Nan, khi đức Phật tịch lấy những mảnh xương vụn đốt cháy còn sót (Xá lợi)³ lại xây tháp mà thờ: “Này A Nan, khi trà tỳ xong, nhặt lấy những mảnh xương vụn dựng tháp

³ Xá lợi là những mảnh xương thiêu cháy không hết còn sót lại, người đời sau vì kính trọng những mảnh xương của Phật nên gọi là xá lợi cho có vẻ tôn trọng và cung kính, chứ nó là một chất bẩn thỉu uest trước, bất tịnh của thân tứ đại.

treo phan, tại ngã tư đường, để những người đi ngang qua trông thấy tháp Phật mà tưởng nhớ đức Như Lai đã dùng chánh pháp giáo hóa chúng sanh, ngõ hầu sống được phước lợi, thác được sanh Thiên”.

Lời dạy trên đây là cách thức để chúng ta nhớ ơn Phật, nhớ đến ơn Phật là phải thực hiện những lời Ngài dạy để có lợi ích trong cuộc sống hiện tại, nhưng đến khi chết cũng được sanh vào cõi thiện hưởng được sự an vui.

Xá lợi là một danh từ cung kính tôn trọng nắm xương tàn của đức Phật, chứ không có nghĩa lý gì về sự tu tập thiền định kết tinh lại thành.

Các Tổ sau này đã tự vẽ ra lừa đảo lường gạt tín đồ: *“Xá lợi là kết tinh của người đồng ấu xuất gia, nó là tinh, là tửy của người tu hành chân chánh, của những người nhập được thiền định”*. Lời dạy này rất sai vì đức Phật đâu phải là đồng ấu xuất gia mà khi trà tỳ xá lợi quá nhiều đem chia cho tám nước, còn bảo rằng do tu thiền kết tinh lại thành xá lợi, thì lại còn sai hơn nữa, có nhiều người không tu thiền, thiêu xác vẫn có xá lợi.

Đức Phật đã chẳng bảo: *“Thân người là những chất bất tịnh do bốn đại: đất, nước gió,*

lửa hòa hợp mà thành”, thì có cái gì gọi là kết tinh, kết tủy để thành xá lợi, dù có kết tinh kết tủy như thế nào thì nó cũng chỉ là vật vô thường, bất tịnh có gì cho chúng ta quý trọng. Vậy mà các Tổ dựng lên do “*Công phu tu hành kết tinh mà có*” theo kiểu tưởng của thiền Tiên đạo luyện tinh, khí, thần. Đạo Phật không có loại thiền lửa đảo đó, vì xá lợi là những vật vô thường bất tịnh đó chẳng có ích lợi gì cho con người trên hành tinh này.

Đạo Phật vốn quý trọng ở chỗ đạo đức không làm khổ mình, khổ người (giải thoát) chứ không phải quý trọng chỗ thân trường thọ bất tử hoặc tu luyện như thế nào, đến khi chết để lại nhục thân không hoại diệt, như bộ xương khô hoặc để lại xá lợi rất nhiều thì như vậy mới gọi là người đắc thiền, đắc đạo. Đức Phật không có tuyên bố điều này. Thiền đạo này không lợi ích thiết thực cho con người mà chỉ là một trò lừa đảo để làm tiền thiên hạ với những ai quá tin mù quáng.

Người ở đời thấy ai tu hành có thần thông pháp thuật hoặc để lại nhục thân hoặc để lại nhiều xá lợi là cho chúng đạo, chúng thiền, thiền đạo đó là những thứ thiền không đúng của đạo Phật, thiền đạo của đạo Phật sống

không làm khổ mình, khổ người, tâm hồn luôn luôn bất động trước các pháp và các cảm thọ, nên thường ở trong trạng thái thanh thản, an lạc và vô sự mà đức Phật gọi là nhập Bất Động Tâm Định. Bất Động Tâm Định là một trạng thái Diệt Đế trong Tứ Diệu Đế tức là Niết Bàn, đến khi đức Phật diệt độ Ngài xuất Tứ Thiên và nhập vào trạng thái bất động tâm này. Đây là một trạng thái khi sống tu hành xong cũng như lúc chết đức Phật đều an trú trong đó, một trạng thái thực tế và cụ thể không mơ hồ chút nào, cho nên Tứ Diệu Đế gọi là bốn chân lý của đạo Phật thật là xứng đáng chân lý của loài người, một chân lý mà lúc sống cũng như chết người ta đều cũng tìm được hạnh phúc ở nơi đó và nơi đó là nơi toàn là mùa Xuân vĩnh cửu an lạc, yên vui.

Những bộ xương khô và xá lợi dù có để lại hay không có để lại thì nó cũng chỉ là một di tích lịch sử của những ai đã làm lợi ích cho nhân loại, nhìn thấy những di tích này hay không thấy con người vẫn mãi biết ơn và luôn luôn tỏ lòng cung kính, tôn trọng, còn những bộ xương khô và xá lợi của những ai làm hại nhân loại để lại bao nhiêu kinh sách dạy con người những điều mê tín, phi đạo đức, lừa đảo

lượng gạt từ đời này sang đời khác, từ thế hệ này đến thế hệ khác, thì chúng ta xem như là những thứ bất tịnh, không xứng đáng cho chúng ta cung kính và tôn trọng.

Cho nên, người tu theo đạo Phật là tu theo đạo trí tuệ, đạo trí tuệ thì phải luôn luôn sống trong chánh kiến chứ không bao giờ sống trong tà kiến. Như đức Phật đã xác định ***“Trí Tuệ ở đâu là giới luật (đức hạnh) ở đó, đức hạnh ở đâu là trí tuệ ở đó. Đức hạnh làm thanh tịnh giới luật, giới luật làm thanh tịnh đức hạnh”***. Còn những bộ xương khô và xá lợi là những điều lừa đảo và lường gạt người bằng cách thêu dệt cho rằng những thứ bất tịnh này là kết tinh của sự chứng thiền, chứng đạo do tu hành chân chánh mới có, đó là một điều điên đảo lừa đảo mà trong kinh sách Phật không có dạy như trên chúng tôi đã nói.

Có một số người tu theo hạnh Bồ Tát thường cầu chư Phật gia hộ cho thế giới hòa bình và chúng sanh hết khổ. Những hành trì này chúng sanh có hết khổ đâu và thế giới có hòa bình chưa? Hay chỉ là một trò hà hơi rờ vuốt hết bệnh tức khắc nhưng rồi bệnh thiên hạ vẫn trở lại như thường? Biết bao nhiêu ông

thầy thuốc, thầy thuốc Nam, thầy thuốc Bắc, thầy thuốc Tây, thầy rờ, thầy vuốt, thầy nước lạnh, thầy nhin ăn, thầy gạo lứt muối mè, thầy dùng khí công trị bệnh, thầy dùng nhân điện v.v.. nhưng có bao giờ thế gian hết người bệnh không? Bồ Tát Quan Thế Âm cứu khổ cứu nạn chúng sanh, mà hiện giờ chúng sanh có hết khổ nạn bệnh tật hay không? Từ xưa đến giờ cái trò lừa đảo lường gạt người quá nhiều đủ mọi loại mảnh khoe gian xảo bằng mọi hình thức tôn giáo, bằng các loại tướng uẩn của con người. Chỉ vì chúng ta u mê không chịu sống trong đạo đức nhân bản – nhân quả làm người không làm khổ mình, khổ người mà đức Phật đã dạy: *“Trí tuệ đâu ở thì đức hạnh ở đó”*. Chúng ta không sống trong đức hạnh làm người mà cứ chạy theo và dựa lưng vào những sự mê tín thế giới siêu hình, thần thánh gia hộ ông thầy này bà cốt nọ thì có bao giờ hết khổ đâu.

Những điều như trên đã nói là những điều không đức hạnh thì chúng ta không nên tin, luật nhân quả là một đạo luật công bằng và công lý luôn luôn áp dụng cho loài người trên hành tinh này. Tai nạn bệnh tật khổ đau của loài người là do con người làm ra thì con người

phải chịu lấy quả khổ do chính mình, chứ có Bồ Tát nào chịu thế cho ai được đâu và cũng không bao giờ cầu khẩn được cho ai cả, chỉ có con người sống đừng làm khổ mình, khổ người thì bệnh tật tai nạn kia sẽ chấm dứt, cho nên có những người làm việc mê tín gọi là độ chúng sanh, còn dùng những danh từ rất kêu “*cứu thế độ dân*” lừa bịp thiên hạ, làm như mình là Thánh Thần quá thương yêu chúng sanh “*Bồ Tát bệnh vì chúng sanh bệnh*”, mới nghe thì tưởng là có lòng thương yêu chúng sanh đệ nhất không còn ai hơn, nhưng không ngờ đó là một sự lừa đảo đệ nhất.

Đến khi chết những hàng đệ tử khôn khéo này lại còn dùng những mảnh xương vụn bất tịnh để lừa cướp tiền của thiên hạ giữa ban ngày mà pháp luật không kết tội được. Khi còn sống các Thầy Tổ này dạy toàn là những pháp mê tín phi đạo đức, phi Phật giáo, đến khi chết thì học trò tiếp nối lừa đảo người làm giàu trên mồ hôi nước mắt của tín đồ.

Đạo Phật nhìn các sắc pháp của thế gian là vô thường thì có sự kết tinh nào cũng đều là vô thường, “*Hữu sắc là hữu hoại*”. Nên xá lợi đối với đạo Phật không có nghĩa lý gì cả, nó

cũng chỉ là những vật bất tịnh tầm thường như những vật khác trong thế gian này.

Những mảnh xương bần thiêu đó cho dù có kết tinh thành kim cương, ngọc bích thì đối với người tu theo đạo Phật lại càng tránh xa và cũng không cần tu những loại thiền định có sự kết tinh những vật quý giá như vậy, dù vật quý giá hoặc không quý giá thì đối với đạo Phật nó cũng là pháp vô thường.

Những mảnh xương vụn đó chỉ nói lên được lòng cung kính, tôn trọng biết ơn của chúng ta đối với những người quá cố làm lợi ích cho loài người, chứ nó không phải là kết quả tất yếu của người tu thiền định.

Xá lợi là một hiện tượng rất bình thường, vì thân người có những đặc tướng khác nhau; có người trong thân có nhiều chất vôi, khi chết đem thiêu xương cháy không hết nên còn lại rất nhiều, chứ không phải do tu mà có; có người trong thân ít chất vôi khi chết đem thiêu xương thịt cháy hết.

Pháp môn của đạo Phật không có luyện tinh khí thần như ngoại đạo, mà chỉ có sống một đời sống ngăn ác, diệt ác pháp để cho cuộc sống của mình được giải thoát mà không làm khổ mình, khổ người, nhờ thế cuộc sống của

mọi người ai ai cũng có một tâm hồn thanh thản, an lạc và vô sự.

Còn thiền định của đạo Phật thì không có tu tập rèn luyện cơ thể bằng cách này bằng cách khác như thiền Yoga mà chỉ có dùng pháp hướng tịnh chỉ các hành trong thân để nhập các định làm chủ sự sống chết.

Mục đích của đạo Phật rất rõ ràng là làm chủ sanh, già, bệnh, chết chứ không có lừa đảo lường gạt người bằng những việc kỳ lạ tưởng tri như: *“Nào là xá lợi kết tinh do sự tu hành chân chánh; nào là để lại nhục thân do nhập thiền định”*. Trong khi chưa biết thiền định là như thế nào? Nhập định phải làm sao? Trước khi nhập định phải tu tập cái gì? Chứ đâu phải ngồi khoanh chân kiết già rồi ức chế tâm cho hết vọng tưởng, tức là không còn niệm thiện niệm ác mà cho đó là thiền định thì thật là vô minh, thật là thiếu hiểu biết, vì tu thiền định như vậy, cho nên phải tưởng tri xá lợi và nhục thân khô đét như con khỉ khô là kết tinh của thiền định. Thiền định của các Tổ là một loại thiền định tưởng, có nghĩa là các Tổ tưởng ra cho nó là thiền định chứ kỳ thực nó không phải là thiền định. Bởi vậy, thiền định mà không có người tu hành chứng được thì người

sau tướng ra mà tu tập thành ra tu thiên tà, thiên ngoại đạo, may là kinh sách Nguyên Thủy của đức Phật còn ghi lại rõ ràng chứ nếu không thì biết đâu mà tu. Con người trên hành tinh này làm sao biết thiên biết định như thế nào, cho nên những điều lừa đảo lường gạt vô tình hay hữu ý của các Tổ, thì làm sao chúng ta biết được, vì thế chúng ta phải tin theo và rất quý trọng thường có dịp bỏ tiền ra đi chiêm bái xá lợi một cách mù quáng.

Đối với thiên định của đạo Phật như nhập Diệt Thọ Tướng Định, nhập Diệt Thọ Tướng Định là tất cả các hành trong thân đều ngưng nghỉ toàn bộ như khẩu hành, thân hành, ý hành, cho nên thân và tâm bất động toàn bộ vì sức định này diệt các hành uẩn không còn rung động một chút xíu nào cả, nên từ trong định lực của thiên định này lưu xuất ra một từ trường để bảo vệ nhục thân không bị ảnh hưởng thời tiết nắng, mưa, gió, bão, nóng, lạnh xâm thực và còn giữ gìn nhục thân tươi nhuận như người còn sống, chứ không phải khô đét như khỉ khô, từ trường đó nó còn bảo vệ không cho loài thú vật xâm chiếm và phá hoại nhục thân. Một từ trường bảo vệ nhục thân như vậy mà đức Phật còn cho là huyền hóa lừa đảo

người, nên khi đức Phật tịch thì thiêu đốt bỏ, nhưng vì lòng kính trọng của mọi người đối với đức Phật nên những mảnh xương vụn ấy được đệ tử của Ngài chia cho tám nước về xây tháp để tưởng nhớ công ơn của Người đã có công giáo hóa đạo đức giải thoát cho loài người, còn dân chúng trong tám nước này đều xin tro thiêu nhục thân Phật đem về xây tháp để tưởng nhớ công ơn, kinh Du Hành trong Trường A Hàm tập I trang 233: *“Bấy giờ ông Hương Tánh lấy một cái bình và dùng bát đá, chia đều xá lợi làm tám phần bằng nhau. Lúc đó người trong thôn Tát Bát cũng đến xin mọi người một phần tro còn lại để dựng tháp cúng dường”*.

Các Tổ khéo léo dùng thuốc ướp xác trước khi chết bằng cách uống vào người rồi ngồi kiết già lúc bấy giờ thuốc ngấm dần vào cơ thể diệt sự sống của cơ thể và cơ thể nhờ đó không bị hôi thối, từ từ khô dần giống như khỉ khô. Bên Tây Tạng người ta ướp xác bằng cách mổ bỏ ruột gan, còn Việt Nam và Trung Hoa thì ướp xác đặc biệt hơn.

Trong Thời Nam Bắc Triều Phân Ranh, Chúa Trịnh Giang có một người cung nữ chết rồi ướp xác chôn. Gần đây các nhà khảo cổ

Việt Nam đã khai quật những ngôi mộ cổ và xác nàng cung nữ vẫn còn nguyên vẹn tươi tốt như người ngủ.

Giả thiết Trung Hoa và Việt Nam có một loại thiên tu tập để ướp xác thật sự như bộ xương khô của Lục Tổ Huệ Năng, Vũ Khắc Minh và Vũ Khắc Trường thì loại thiên này có ích lợi gì cho loài người, khi pháp môn của các vị này dạy chúng tôi chẳng thấy có đạo đức gì cả, như vậy có lợi ích gì cho đời sống của loài người đâu. Nếu so sánh Pháp môn thiên định của Lục Tổ Huệ Năng và đạo đức của Khổng Phu Tử thì đạo đức của Khổng Phu Tử làm lợi ích cho loài người hơn nhiều.

Đạo đức của đạo Phật dạy cho chúng ta ngăn ác diệt ác pháp để đem lại sự ích lợi cho cuộc sống của mình và của mọi người. Vì thế người tín đồ của đạo Phật, phải sống thường áp dụng Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng và Chánh Tinh Tấn, nhờ biết áp dụng đúng cách nên đệ tử của đức Phật sống không làm khổ mình, khổ người đem lại một trạng thái thanh thản, an lạc, vô sự cho cuộc sống chung nhau trên hành tinh này, biến cuộc sống trở thành Niết bàn, Cực lạc, còn đến khi chết thì cũng giống

như bao nhiêu thân xác của người khác, vì thân xác của người nào cũng đều là bất tịnh, cũng do tứ đại hòa hợp tạo thành, còn có cái gì quý giá ở đây, sống mà không thiện, chết thì còn có cái gì quý? Để lại làm gì những mảnh xương ô nhiễm môi trường, khi chết đem thiêu xác đem chôn vào lòng đất cho kín để giữ gìn môi trường trong sạch là điều tốt nhất cho những người còn sống.

Chúng ta hãy dẹp cái trò lừa đảo để lại nhục thân và xá lợi là tu chứng Thiền, chứng Thánh, đó là vọng ngữ, là nói láo. Đạo Phật không chấp nhận những điều mê tín, lừa đảo này.

Tóm lại, chúng ta nên đọc một đoạn kinh Du Hành trong Trường A Hàm tập 1 trang 240 để biết rõ trong lúc trà tỳ đức Phật có nhiều xá lợi như vậy là nhờ dập tắt lửa để lấy những mảnh xương vụn cháy chưa hết để chia nhau xây tháp, chứ không phải do kết tinh tu thiền: *“Dân chúng Mạt La bảo nhau: “Ngọn lửa cháy mạnh quá khó dập tắt e cháy tiêu hết xá lợi! Chúng ta phải lấy nước ở đâu để tưới? Lúc đó có một vị Thân Ta La đang hầu một bên, dùng thần lực làm tắt ngọn lửa”*. Đoạn kinh trên xác

minh xá lợi của đức Phật không phải do kết tinh của thiên định.

Đến đây chúng tôi xin nhường lại những ý kiến chân chánh của quý Phật tử và quý vị tư duy như thế nào, đừng để kẻ khác lừa đảo chúng ta nữa.



CÚNG DƯỜNG ĐÚNG CHÁNH PHÁP

Thạch, Kim, Tú thưa hỏi

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Từ khi đọc bài của Thầy dạy rằng: “cúng dường một đồng cho các thầy tu phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới, dùng miệng lưỡi lý luận mơ hồ trừu tượng gây mê tín và thần thông, bùa chú lừa đảo người còn nhẹ tội hơn là một người cúng dường một tỷ đồng”. Nhất là nhớ đến đạo đức nhân quả thì chị Nghiêm không dám cúng dường hàng tháng cho các tu viện nữa. Trước đó anh chị có hứa hằng tháng bảo trợ cho các tăng ni Tây Tạng tu học. Bây giờ chị ấy ngưng vì sợ tạo thêm tội. Anh em chúng con có người cho rằng: “các tu sĩ Tây Tạng đâu có lỗi gì. Họ chẳng*

may tu phải một pháp môn không phải của đức Phật. HT Thanh Từ bảo rằng cúng dường cho người tu là gieo duyên, cho họ mắc nợ mình để kiếp sau còn gặp nhau để họ dạy dỗ, nhắc nhở mình tu hành. Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con.

Đáp: Những người dùng tôn giáo và tà pháp dạy những điều mê tín, phi đạo đức, tạo ra những điều kỳ lạ quyến rũ những người nhẹ dạ để đem tiền bạc hoặc thực phẩm cúng dường cho những người đó ăn không ngồi rồi mà chẳng làm ích lợi gì cho ai cả. Khi đã học xong họ lại còn đem những sở học tà giáo ngoại đạo ra phổ biến rộng khắp dạy mọi người làm những điều mơ hồ, trừu tượng không chân chánh “*Tiền mất tật mang*”, không có nghĩa lý và đạo đức gì cho cuộc sống làm người.

Chúng ta đã biết pháp của họ là những pháp mê tín, trừu tượng, ảo giác, lừa đảo lường gạt thiên hạ mà cứ đem tiền bạc cúng dường cho những người đó ăn thì chúng ta tự xét lại mình có phải mình là người khờ dại hay là người thông minh? Cúng dường như vậy có được phước báo gì? Đức Phật dạy: “*cúng dường không đúng chánh pháp như đem hạt giống tốt*

giao trên đất đai xấu, chẳng có phúc báo mà còn tổn phúc”. Tại sao vậy? Vì giúp người làm ác.

Cúng dường gieo duyên như Hòa Thượng Thanh Từ bảo là cúng dường đúng chánh pháp, nhờ cúng dường đúng chánh pháp mà chúng ta gặp được chánh pháp, còn cúng dường cho tà pháp thì đời đời sẽ gặp tà pháp, mà gặp tà pháp thì làm sao chúng ta sống có đạo đức làm người làm Thánh và làm sao tu hành được giải thoát sanh tử luân hồi thì kiếp kiếp đời đời chúng ta sẽ thọ khổ vô lượng vô biên biết chừng nào cho chấm dứt.

Vả lại, cúng dường cho những người tu theo tà pháp mê tín phi đạo đức, là nối giáo cho kẻ khác diệt nền đạo đức của Phật giáo. Bằng chứng là quý phật tử từ xưa đến giờ đã bị kinh sách phát triển dẫn dắt mà quý vị không biết nên cúng dường, do đó chúng duy trì và phát triển, nên diệt sạch Phật giáo, khiến cho loài người 25 thế kỷ nay đã đánh mất nền đạo đức nhân bản - nhân quả làm người tuyệt vời. Bây giờ khắp trên thế giới con người sống bất an thường xâu xé chà đạp lên nhau vì cuộc sống, cho nên chiến tranh thế giới không lúc

nào yên, lần lượt con người sẽ thoái hóa trở thành những loài thú dữ và còn tệ hơn là trở thành ác quỷ. Bởi vậy, cúng dường không đúng chánh pháp tức là cúng dường cho tà pháp, cúng dường tà pháp là quý vị có tội, tội là vì xã hội con người không có đạo đức nên cuộc sống bất an, cuộc sống bất an thì quý vị cũng đang sống trong cảnh bất an đó.

Quý vị cứ suy ngẫm lại xem, từ lâu con người không theo tôn giáo này thì lại theo tôn giáo khác, không theo triết học này thì cũng theo triết lý khác, các tôn giáo dạy người cầu khẩn cúng tế cầu cho quốc thái dân an, thế giới hoà bình bằng cách này hoặc bằng cách khác, nhưng chúng ta có thấy quốc thái dân an bao giờ chưa? Có thấy thế giới hòa bình không chiến tranh chưa? Hay phải muốn quốc thái dân an thì phải bằng sức lực của con người và thế giới muốn có hòa bình thì cũng phải bằng sức lực của con người chứ không có một đấng siêu hình nào của các tôn giáo mà đem lại sự hòa bình cho loài người được. Do đó, bằng những hình thức cầu khẩn, cúng tế lạy cầu hoặc tam bộ nhất bái để cầu quốc thái dân an

và hòa bình thế giới thì đó là một kiểu lừa đảo lương gạt thiên hạ. Vậy mà chúng ta đem tiền của cúng dường cho những hạng người này là làm một việc làm phi đạo đức, nghĩa là không có phước báo mà còn có tội đối với loài người, nhờ chúng ta cúng dường mà những người lừa đảo mới tiếp tục sống lừa đảo, còn nếu chúng ta không cúng dường thì chúng không thể sống lừa đảo được buộc chúng phải sống lương thiện làm bằng mồ hôi nước mắt của mình làm ra để mà sống như chúng ta vậy.

Ví dụ: Mọi người đều biết pháp môn của kinh sách phát triển là pháp môn lừa đảo thì không ai còn cúng dường thì mấy ông thầy của kinh sách phát triển không còn nói láo được nữa và nhờ đó các ông sống trở lại đời sống lương thiện đời sống không làm khổ mình, khổ người.

Đức Phật dạy: ***“Cúng dường đúng chánh pháp, là cúng dường cho cá nhân thanh tịnh và tập thể thanh tịnh”***. Cá nhân thanh tịnh và tập thể thanh tịnh như thế nào?

Cá nhân thanh tịnh và tập thể thanh tịnh là cá nhân và tập thể phải sống đúng giới luật. Người sống đúng giới luật có nói láo không? Quý phật tử hãy nhìn lại quý thầy của kinh sách phát triển và các Thiền Sư Trung Hoa có sống đúng giới luật chưa? Có nhập định làm chủ sự sống chết được chưa? Có hết tham sân, si chưa? Nếu chưa sống đúng giới luật, chưa làm chủ sự sống chết, chưa hết tham, sân, si thì quý Thầy đó thuyết giảng dạy người khác tu là nói sai, có đúng không? Mình tu chưa được mà dạy người khác tu là những người đó có xạo không? Mà người xạo, người nói láo thì có nên cúng dường không?

Vì thế cúng dường cho người lừa đảo, người nói láo là mình có tội thêm và tội rất lớn, do thế cúng dường một đồng ít tội hơn người cúng một tỷ đồng là vậy.

Hòa Thượng Thanh Từ bảo rằng: *“Cúng dường cho những người tu chân chánh là gieo duyên, cho họ mắc nợ mình để kiếp sau còn gặp nhau để họ dạy dỗ, nhắc nhở mình tu hành”*. Lời dạy này của Hòa Thượng rất đúng, đúng là đúng với chánh Pháp của đức Phật, vì pháp của đức Phật là đạo đức làm người không

làm khổ mình, khổ người, còn như chúng ta đã biết Thiên, Mật, Tịnh là tà pháp ngoại đạo thường dạy người mê tín, phi đạo đức, phi nhân quả và có những điều dạy rất mơ hồ, trừu tượng chỉ hiểu bằng tưởng tri. Nếu chúng ta thường đem tứ sự cúng dường cho những bậc thầy này để họ mắc nợ chúng ta, để kiếp sau còn gặp nhau để họ dạy dỗ nhắc nhở mình tu hành những điều mê tín, phi đạo đức, thì chúng ta có nên cúng dường gieo duyên với những người này hay không? Gieo duyên với họ đã tốn tiền của và công sức, nhưng cuối cùng được những gì? Hãy nhìn các bậc Thầy Tổ của chúng ta họ giải thoát được những gì hay chỉ lừa đảo chúng ta mà thôi.

Tóm lại, quý phật tử phải sáng suốt trong lúc cúng dường hay bố thí, phải chọn cho đúng đối tượng, bậc tu hành giới luật phải nghiêm túc và người được bố thí thật sự phải trong cảnh khổ.



MUỐN NHẬP ĐỊNH THÌ PHẢI SIÊNG NĂNG LỄ PHẬT

Thạch, Kim, Tú thưa hỏi

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Thầy Chon Quang bảo rằng ngôi thiên mà còn nhiều vọng tưởng là còn thiếu phước, phải chịu khó siêng năng lễ Phật, một thời gian sau sẽ nhập định dễ dàng hơn. Chúng con nhớ lời Thầy dạy: “ly dục ly bất thiện pháp, diệt ngã xả tâm quét sạch ngũ triền cái và dứt bỏ thất kiết sử thì tâm được thanh tịnh và tâm nhập Vô Tướng Tâm Định (Bất động Tâm Định)”.*

Chúng con tu tập Chánh Niệm Tỉnh Giác và Định Vô Lậu thì thấy vọng tưởng thưa dần. Như vậy có đúng không? Xin Thầy chỉ dạy.

Đáp: Có người bảo rằng: “Ngôi thiên mà còn nhiều vọng tưởng là còn thiếu phước, nên phải chịu khó siêng năng lễ Phật, một thời gian sau sẽ nhập định dễ dàng hơn”. Lời dạy này chúng ta thấy rất mơ hồ, chỉ tưởng giải theo chữ nghĩa của câu kinh: “Năng lễ sở lễ tánh không tịch”, đây là một câu kinh của kinh sách phát triển do tưởng tri của các Tổ viết ra

để lừa đảo con người, để dựng lên tánh không mà Thiên Tông đã lấy đó làm Phật tánh. Kinh sách phát triển đã là sai, mà người lấy câu kinh này tưởng ra thì lại còn sai hơn là chỗ vọng tưởng và phước báo.

Chữ phước ở đây là phước vô lậu hay phước hữu lậu, không xác định rõ. Nếu bảo rằng có phước hữu lậu thì nhập định dễ dàng, nếu vậy thì những nhà giàu có, vua, quan v.v.. đều là những người nhập định dễ dàng. Vậy họ có hết vọng tưởng không và có nhập định dễ dàng không? Lý này không thể có được. Còn nếu bảo rằng phước vô lậu do siêng năng lễ Phật mà có thì điều này là vọng ngữ sống trong tưởng tri mà nói ra. Đức Phật dạy phước vô lậu là do *“ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện”* sanh thiện tăng trưởng thiện không phải là phước vô lậu sao? Đức Phật đâu có dạy lễ Phật mà có phước vô lậu, cho nên đức Phật dạy rõ ràng không có mơ hồ, trừu tượng như nhà học giả này. Còn bảo rằng lễ Phật sau một thời gian nhập định dễ dàng thì các người tu theo Tịnh Độ Tông là những

người siêng năng lễ Phật nhất thế gian mà họ có hết vọng tưởng và nhập định được đâu.

Ở đây chúng ta nên phân biệt phước hữu lậu và phước vô lậu tu như thế nào để có được hai loại phước này?

Người biết cúng dường bố thí đúng chánh pháp, tức là đem của cải tài sản bố thí cho người bất hạnh trong xã hội, nhưng những người này không có tham lam, trộm cắp, cướp của, giết người thì mới có phước hữu lậu, còn ngược lại thì chẳng được phước gì cả, nhiều khi còn phải thọ khổ, cho nên có nhiều người làm từ thiện mà trong nhà không thiện chút nào.

Đem cơm, thực phẩm, y áo, giường nằm và thuốc thang dâng lên cúng dường cho những bậc chân tu giới luật đức hạnh thanh tịnh, thiền định sâu mầu thì được phước hữu lậu bằng ngược lại phi công đức nghĩa là cúng dường cho những người phá giới phạm giới thì không được phước mà còn có tội thêm.

Chúng tôi chưa từng thấy trong Kinh Nguyên Thủy đức Phật dạy siêng năng lễ Phật sẽ nhập định dễ dàng bao giờ. Bởi vậy người

sau thường hay dựng lên những sự tưởng tượng trong khi mình chưa thực hiện được những điều mình dựng lên mà dám dạy người, may mà sự lễ Phật không có tai hại chứ còn nhiều thứ khác rất tai hại như thiền Đông Độ và thiền Minh Sát Tuệ ức chế tâm nhất là tham công án, khiến cho hành giả tu căng mặt, tức ngực, căng thần kinh, đau đầu, v.v..

Người dạy nhập thiền định kiểu này là người chưa bao giờ biết thiền định, chỉ dựa theo kinh sách phát triển dạy ức chế tâm, khi nào tâm hết vọng tưởng là nhập định, dạy kiểu này là dạy thiền điên, đức Phật dạy: *“Tịnh chỉ ngôn ngữ nhập Sơ Thiền, tịnh chỉ tầm tứ nhập Nhị Thiền, ly hỷ tưởng nhập Tam Thiền, tịnh chỉ hơi thở nhập Tứ Thiền, hoặc ly dục ly ác pháp hoặc tâm không phóng dật nhập Sơ Thiền”*, chứ đức Phật đâu có dạy hết vọng tưởng là nhập định.

Đây là một loại thiền định mới của những nhà học giả đẻ ra trong thế kỷ thứ 21.

Lễ Phật để chư Phật gia hộ cho hết vọng tưởng, nhập định dễ dàng mà đời sống ăn uống phi thời chạy theo danh lợi tham tiền, tham

bạc, tham xe cộ chùa to Phật lớn, v.v.. thì dù có lễ mồn đầu gối cũng chẳng hết vọng tưởng. Còn các con tu tập Chánh Niệm Tỉnh Giác Định và Định Vô Lậu để ly dục ly ác pháp diệt ngã xả tâm... Thấy vọng tưởng thừa dần là tu đúng cách.

Mục đích ở đây tu hành là để tâm thanh tịnh (không tham, sân, si) chứ không phải diệt vọng tưởng mà vọng tưởng thừa dần là triệu chứng tâm ít phóng dật.



RÈN LUYỆN NGHI LỰC, BỀN CHÍ, KIÊN NHẪN

Thạch, Kim, Tú thưa hỏi

Hỏi: Chúng con theo thời khóa tu tập mà Thầy chỉ dạy trong ĐVXP VIII, nhưng thay vì thức dậy từ 2 giờ sáng, chúng con thức dậy lúc ba giờ, có khi làm biếng dậy lúc 3h30, hoặc 4 giờ (thật xấu hổ, ham ngủ mà đòi tu thiền và mong được giải thoát!). Thay vì ngồi kiết già thở 5 hơi thở rồi đứng dậy đi kinh hành,

chúng con làm biếng (trong lòng thì nghĩ rằng 5 hơi thở quá dễ, đứng lên ngồi xuống hoài mỗi giờ quá) tại con ngồi thở vài chục hơi mới đứng dậy kinh hành. Chúng con tu tập như thế có được không?

Đáp: Hành giả tu hành phải theo đặc tướng của mình, cho nên thời khóa của người này thì không nên áp dụng cho người kia. Vì thế đức Phật dạy khi tu hành phải thiện xảo, phải khéo léo trong sự tu tập cũng giống như người lên dây đàn, căng dây quá thì không đúng âm, chùng quá thì không thành âm, chỉ có căng dây vừa thì phát âm đúng. Người mới tu tập thì phải tu tập thọ Bát Quan Trai tức là tập sống như Phật để ly dục ly ác pháp. Ly dục ly ác pháp là để tập tâm không phóng dật, tập tâm không phóng dật có nhiều cách:

1/ Tập sống đúng tám giới (Thầy có gửi bằng cho các con tu tập thọ Bát Quan Trai Giới hãy nghe theo đó mà tu cho đúng).

2/ Sống đơn giản.

3/ Sống một mình.

4/ Tập tỉnh thức đi hoặc ngồi.

5/ Tập xả chương ngại pháp.

6/ Tập phá hôn trầm.

Dựa theo thời khóa tu tập trong tập 8 Đường Về Xứ Phật con nên sửa lại cho phù hợp với đặc tướng của mình.

Con không hiểu mục đích tu 5 hơi thở rồi đứng dậy đi kinh hành một vòng, đó là sự rèn luyện nghị lực, bền chí, kiên cường và sự tinh cần. Nếu người tu mà không có nghị lực, không có bền chí, không có kiên cường và không có tinh cần thì khó mà thành tựu con đường giải thoát của đạo Phật. Nó không phải dùng để ức chế vọng tưởng mà để phá tâm lười biếng. Nếu không tu tập 5 hơi thở cho quen như vậy thì sau này gặp hôn trầm thù miên rất khó phá, còn tu tập 5 hơi thở đi kinh hành một vòng đã thành thói quen thì hôn trầm thù miên đến dẹp rất dễ dàng. Đây là pháp hành để phá tâm si mê của các con, giúp các con tỉnh thức.

Đối với tâm tham, sân người ta không sợ, mà chỉ sợ tâm si, trạng thái của tâm si là hôn trầm, thù miên.

Ăn, ngủ, độc cư, ăn ngày một bữa người ta có thể ăn được, nhưng ngủ không phải dễ, mọi người đều bỏ cuộc tu hành do không phá được hôn trầm thù miên, còn nói đến độc cư thì chưa có ai làm được. Phá được tâm si để có tâm tỉnh thức đâu phải dễ, có tâm tỉnh thức

mới sống độc cư được, còn tâm chưa tỉnh thức mà nói sống độc cư là người nói không thật.

Tỉnh thức trên hành động thân hoặc trên hành động hơi thở thì không khó chứ tỉnh thức trên các chương ngại pháp thì khó khăn vô cùng, nếu không tập 5 hơi thở rồi đi kinh hành thì khó có tỉnh thức, cho nên phương pháp tu năm hơi thở đi kinh hành một vòng là một pháp môn rèn luyện nghị lực, bền chí, kiên cường và sự tinh cần đệ nhất.

Nghị lực giúp chúng ta vượt qua và diệt ác pháp trong tâm; tinh cần giúp chúng ta ngăn các ác pháp; bền chí, kiên cường giúp chúng ta gặp khó không lui.

Ví dụ: Khi một cơn sân nổi lên dữ dội, nếu không có nghị lực chúng ta không thể nào dập tắt cơn sân được tức là diệt ác pháp, còn nếu không có chịu khó tinh cần thì ác pháp sẽ xâm chiếm tâm ta và như vậy chúng ta phải chịu khổ đau, cho nên tinh cần là pháp ngăn ác pháp và nghị lực là pháp diệt ác pháp đệ nhất như trên Thầy đã dạy.

Tóm lại 5 hơi thở đi kinh hành 1 vòng là một pháp môn căn bản sơ khởi cho người mới tu để rèn luyện thân tâm có một sức lực bền bỉ

đẻo dai để tiến tu trên đường đạo mà không sợ chùng bước trước mọi sự khó khăn, gian khổ, v.v..



TƯỚNG TỨC

Thạch, Kim, Tú thưa hỏi

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Có lúc hơi thở sao quá nhẹ, tưởng chừng như nó không có tựa vào đâu cả, có lúc con lại cảm thấy làm biếng không muốn thở nữa, mặc dù biết ngưng thở là mình sẽ chết. Nhưng không biết tại sao con lại thích muốn ngưng thở. Xin Thầy chỉ dạy cho.*

Đáp: “Hơi thở quá nhẹ tưởng chừng như không tựa vào đâu cả”, đó là con đã rơi vào trạng thái “*tưởng tức*”, hãy xả bỏ ngay liền, đứng dậy đi kinh hành vì tu như vậy là tu lạc đường. Hằng ngày cố gắng mà xem xét bốn chỗ “thân, thọ, tâm, pháp” (Tứ Niệm Xứ) có chứng ngại pháp hay không? Nếu không thì tâm con sẽ thanh thản, an lạc và vô sự. Tâm con nó rất tự nhiên định vào thân con mà không bị ức chế tập trung, nó định như thế nào?

Khi nó không phóng dật theo các pháp trần bên ngoài. Vậy nó đang biết cái gì? Nó đang biết hơi thở bình thường và hơi thở đó rất bình thường không có một chút gì thay đổi, vì nó không bị ức chế. Nếu hơi thở có thay đổi là do con gom tâm tập trung trong hơi thở, do gom tâm tập trung vào hơi thở nên con rơi vào tưởng tức, thành ra tu sai, các con tu tập nên lưu ý điều này.

Khi nào tâm không phóng dật là lúc bấy giờ tâm định trên hơi thở. Tâm định trên hơi thở tức là tâm không những chỉ biết hơi thở mà còn cảm nhận được toàn thân giống như đề mục Định Niệm Hơi Thở dạy: *“Cảm giác toàn thân tôi biết tôi hít vô, cảm giác toàn thân tôi biết tôi thở ra”*. Đó là tâm định trên thân. Tâm định trên thân tức là tâm đang quán thân như trong kinh Tứ Niệm Xứ đã dạy: *“Trên thân quán thân để nhiếp phục tham ưu”*. Khi tâm đang quán thân thì tâm không phóng dật. Tâm không phóng dật là chứng đạt chân lý. Vì thế đức Phật đã tuyên bố: *“Ta thành chánh giác là nhờ tâm không phóng dật”*. Người tu hành đến đây là xong mong quý vị lưu ý.



CHƯA ĐỦ DUYÊN XUẤT GIA

Thạch, Kim, Tú thưa hỏi

Hỏi: Kính bạch Thầy! Hoàn cảnh của con (Thạch) thật khó khăn, con muốn về VN tu tập, nhưng ai cũng can gián, cho rằng chưa chắc người ta để yên cho con tu. Bây giờ thì con hết mơ xuất gia ở TV Trúc Lâm, mặc dù con đã được HT Thanh Từ hứa khả. Con muốn tu theo pháp môn của Thầy, nhưng thức dậy lúc 2 giờ sáng thì con làm chưa được. Với lại, như lời Thầy dạy, chưa xả tâm, chưa ly dục ly ác pháp mà đòi giải thoát luân hồi sanh tử là điều khó thực hiện. Con hiện không có bị gia duyên ràng buộc, liệu con tu theo Thầy và cô Út có được không? Hay là như một số người khuyên con, “ráng gieo duyên để kiếp sau tu sớm hơn thì được, bây giờ tu rất ráo chưa được đâu”. Xin Thầy từ bi chỉ dạy. Từ khi trở qua Mỹ, 3 tháng nay con tu tập theo pháp môn của Thầy. Nhưng không có ai nuôi cơm, không có chùa để ở. Chùa còn phải tìm cách thu hút Phật tử đến cúng dường, và tu hành không đúng pháp Phật. Cuối cùng con đành phải đi dạy học lại mà trong lòng rất tiếc những ngày

tháng được thông dong, an lạc tu tập xả tâm, ly dục ly bất thiện pháp. Con đã nhận lời dạy ban đêm (kể từ ngày 19/6/2000), nên ban ngày và buổi công phu khuya con còn giữ được. Con nhớ lời Thầy dạy là: “người cư sĩ cũng có thể tu hành như người tu sĩ xuất gia”. Xin Thầy từ bi chỉ dạy cho con. Con định hè năm 2001 thì con về tu viện Chơn Như tu học một tháng. Từ nay đến đó con sẽ cố gắng chuẩn bị thân tâm để có theo kịp các huynh đệ bên nhà.

Đáp: Về vấn đề tu hành của con, con là người Việt Nam nên trở về quê cha, đất tổ để tu hành, làm sáng tỏ lại Phật Giáo Việt Nam, làm rạng rỡ Tổ Tiên nòi giống dân tộc Việt Nam, như những bậc chân tu Việt Nam dám ăn dám nói thẳng sự thật mà các con đã biết.

Ở đây con nên tự xét lòng con có quyết tìm tu giải thoát hay không? Nếu có thật lòng quyết tìm tu giải thoát và quyết tâm dựng lại một nền đạo đức nhân bản – nhân quả làm người của Phật giáo có lợi ích rất lớn cho loài người trên hành tinh này mà nó đã bị chìm mất từ lâu. Khi có quyết tâm như vậy thì ngàn sông cách núi không phải là một việc khó mà khó là ở chỗ lòng con chưa quyết tâm. Thầy chấp nhận những người quyết tìm tu giải thoát cho

mình và làm lợi ích cho người, cho Phật giáo thì dù cho hoàn cảnh có khó khăn nào, có đến đâu Thầy cũng tìm mọi cách giúp cho người đó tu hành đến nơi đến chốn.

Đức Phật đã dạy: *“Được thân người là khó, khó như con rùa mù tìm bọt cây giữa biển, nhưng gặp được chánh pháp còn khó hơn”*. Lời dạy này con cứ suy ngẫm sẽ thấy rất đúng. Mất thân rồi khó tìm được thân con ạ! Gặp pháp tu hành giải thoát cũng không phải dễ, nhưng con nên nhớ đạo đức nhân bản của đạo Phật không cho phép chúng ta làm khổ mình, khổ người nhất là những người thân thương của mình vì đó là duyên nghiệp nhân quả phải trả mà phải trả trong thiện pháp, trong đạo đức làm người, chứ không được làm khổ nhau trong ác pháp, làm khổ nhau trong ác pháp thì trả vay không bao giờ hết. Cho nên, chúng ta đi tu không có quyền làm khổ người, nhất là những người thân thương của mình trong gia đình.

Từ khi có đạo Phật xuất hiện trên đời này, đạo đức nhân bản làm người có mặt, thì sự cất ái ly gia là một điều quan trọng, nhưng cất ái ly gia như thế nào mà không làm khổ

mình, khổ người thì mới được đức Phật chấp nhận. Nó thuộc về ái kiết sử.

Trong thất kiết sử, ái kiết sử là khó đoạn dứt nhất, dứt ngang thì nghiệp nhân quả không tròn. Khi vào chùa tu sống độc cư một mình thì mới thấy nghiệp nhân quả ái kiết sử là khó dứt, trốn nó thì dễ, dứt nó thì khó, *chỉ có làm hết bốn phận đạo đức nhân quả thì ái kiết sử đoạn lìa*. Nhưng không phải vì cứ đó mà chúng ta không có đường tu, chính vì lý do đó mà đức Phật dạy chúng ta thọ Bát Quan Trai Giới và hằng ngày trong chiếc áo của người cư sĩ áp dụng đạo đức không làm khổ mình, khổ người, nếu chúng ta thành tựu đạo đức không làm khổ mình, khổ người thì chúng ta đã ly dục ly ác pháp và vì vậy mà ái kiết sử đã bị đoạn dứt.

Người ly dục, ly ác pháp là người có đầy đủ phước vô lậu nên khi tâm họ khởi muốn xuất gia tu hành thì mọi người thân thương trong gia đình đều hoan hỷ và tán thán ca ngợi hạnh xuất gia của họ, họ ra đi với lòng hân hoan của mọi người tiễn đưa một bậc Thánh nhân mà người trong gia đình ai cũng nhận thấy qua hành động đạo đức của người này đã từng sống với mọi người.

Với chiếc áo người cư sĩ, tu xả tâm không có gì khó đâu. Các đối tượng là chương ngại pháp, nó đến với chúng ta đó là điều kiện để chúng ta diệt ngã xả tâm đẩy lui các chương ngại pháp, như đức Phật đã dạy tu tập Định Vô Lậu, còn bình thường tâm không có ác pháp thì chúng ta nên nhớ rèn luyện pháp hướng tâm để cho tâm có một đạo lực, đạo lực ấy sẽ giúp chúng ta nhập các định sau này còn hiện giờ nó là pháp dẫn tâm chúng ta thường sống thanh thản, an lạc và vô sự.

Hiện giờ con đang sống bên Mỹ, đừng đến các chùa tu hành không đúng pháp đâu sẽ làm con mất thì giờ vô ích. Mỗi tháng con nên chọn một hoặc hai ngày thọ Bát Quan Trai tức là tập sống như đức Phật, ăn ngày một bữa, không nghe ca hát, không nằm giường cao rộng lớn, không trang điểm, sống độc cư trầm lặng một mình, những hành động sống này là tập hạnh giải thoát.

Thời gian tu tập con thấy thích sống như vậy tức là trong một đời này con sẽ tu tập làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi, còn con không thấy thích thì kiếp này tu chưa xong.

Trong những ngày thọ Bát Quan Trai sống trầm lặng độc cư mà tâm con không phóng dật, tâm thường tự nhiên định trên hơi

thở thì con hãy trở về Việt Nam lập tức gặp Thầy để Thầy trực tiếp hướng dẫn nhập các định và Tam Minh.

Trong hoàn cảnh nào mà người quyết tâm tu hành tìm sự giải thoát thì hoàn cảnh nào tu hành cũng tốt, có thì giờ rảnh lúc nào thì chúng ta tu ngay lúc ấy dù là một phút cũng đừng phí bỏ rất uổng.

“Tắc bóng thời gian một tắc vàng,

Tắc vàng tìm được không gì khó

Tắc bóng thời gian khó hỏi han”.

Các con đều đã lớn tuổi hết rồi, năm tháng còn lại quá ít, phải tinh cần ly dục, ly ác pháp, thường đẩy lui các chương ngại pháp trong tâm và đừng quên rèn luyện ***“pháp như lý tác ý”***. Một lần nữa Thầy xin nhắc lại: ***“các con đừng quên, thường nhắc tâm: “Tâm như cục đất phải lìa tham, sân, si cho thật sạch”***. Đó là những điều cần thiết mà các con phải hằng tu tập rèn luyện từng phút từng giây, tự thấp đuốc lên mà đi thì ngay đó là Niết bàn của các con, các con đừng tìm đâu xa, đừng nghe lời lừa đảo của kẻ khác mà hãy tin tưởng, xưa kia đức Phật đã thành tựu cũng do pháp này, ngày nay trong sáu tháng Thầy cũng thành tựu nơi pháp ấy.

Từ lâu các con đã tu theo thiền theo kinh sách phát triển nó đã trở thành thói quen hãy cố mà bỏ xuống, tu tập lại 5 hơi thở đi kinh hành một vòng, nếu sức các con khỏe thì nên tu nhiều một chút, còn sức khỏe các con kém thì nên tu ít lại một chút, tu như thế nào mà cảm giác toàn thân tâm được thanh thản, an lạc chứ không phải tu mà làm khổ thân tâm của mình quá mệt nhọc thì đó là tu sai, tu mà còn làm khổ mình thì không đúng. Ví dụ: ngồi thiền hai chân đau quá mà cứ ráng ngồi chịu đau đó là tu sai.

Các con nên nhớ pháp của đức Phật không tu thì thôi mà đã chấp nhận tu là có thanh thản, an lạc, vô sự, nhẹ nhàng giải thoát ngay liền trong đời sống hiện tại, đó là một sự xác chứng cụ thể của đạo Phật ***“Pháp của Ta thiết thực không có thời gian đến để mà thấy...”***.

Sau cùng Thầy có lời thăm và chúc cả gia đình của các con được an vui mạnh khỏe, chúc các con tu tập xả tâm tốt.

Kính thư



TẬP II (BỘ MỚI)

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: *Con vừa nhận được tập 2 Đường Về Xứ Phật của Thầy nhuận lại và có bổ sung, con thắc mắc tại sao tập 2 này lại khác tập hai cũ. Như vậy học giả sẽ nghĩ gì về bộ sách này?*

Đáp: Tập 2 Đường Về Xứ Phật vừa nhuận xong là nhuận lại trong tập 1 cũ, vì tập 1 cũ nhuận lại cho rõ ràng, dễ hiểu và có bổ sung thêm được đầy đủ hơn thì gần 1000 trang giấy, do đó Thầy chia ra làm ba tập, thay vì tập 2 đã được nhuận xong là tập A2 và kế nữa là tập A3 rồi mới đến tập 2 cũ.

Tập 2 và 3 cũ phần nhiều thuộc về giới luật, sau này tập 2 và 3 cũ sẽ được nhuận lại và đưa qua hệ thống giới luật thuộc về bộ Giới Đức Làm Thánh và bộ Giới Đức Làm Người.

Những tập Đường Về Xứ Phật cũ tập 1, 2, 3 được ra đời là dựa theo băng giảng giáo án đường lối tu tập của Phật giáo, nên khi nhuận lại Thầy phải chỉnh đốn bộ sách cho được hoàn chỉnh rõ ràng và cụ thể để đời sau khi có người nghiên cứu không còn gặp những khó khăn

nữa. Cho nên, tập 2 này không giống tập 2 cũ là vì lý do trên. Nhờ con khéo nhắc, Thầy đã cáo lỗi trong tập 2 mới.



CÔI TRỜI

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: Trong tập 2 mới này ở trang 294, khi đức Phật chứng đạo Ngài quan sát thấy nghiệp lực của mẹ sanh lên cõi Trời và đến cõi Trời đó để dạy mẹ tu hành. Như vậy học giả sẽ nghĩ có sự mâu thuẫn ở đoạn sau Thầy giải thích không có cõi Trời và chư Thiên. Xin Thầy hoan hỷ giải cho con những thắc mắc này.

Đáp: Một lần nữa Thầy xác định và quả quyết thế giới siêu hình không có, mà chỉ có thế giới siêu hình tưởng. Đức Phật thể hiện vào thế giới tưởng để độ mẹ. Thế giới tưởng của đức Phật chứ không phải thế giới tưởng của mẹ Ngài. Bởi vì đức Phật đã xác định 33 cõi trời là 33 cõi tưởng, mà cõi tưởng thì không ngoài con người còn sống mà có. Và như vậy

cõi Trời tưởng của đức Phật chứ không có cõi Trời tưởng của mẹ Ngài vì mẹ Ngài đã chết thì thế giới tưởng của mẹ Ngài cũng không còn, mẹ Ngài chỉ còn là một trạng thái nghiệp thiện, trạng thái nghiệp thiện đó không tái sinh làm người được, chờ khi nào trạng thái nghiệp thiện đó hết duyên thì mới tái sinh làm người, trạng thái nghiệp thiện đó là một từ trường, nói một cách khác dễ hiểu hơn là một luồng khí, đây cũng chỉ là những ví dụ cho dễ hiểu chứ kỳ thật trí hữu hạn của chúng ta mà hiểu trạng thái của nghiệp thì chỉ có tưởng tri⁴ chứ không phải liễu tri⁵.

Một người còn sống thì có ba thế giới: dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Sắc giới là cảnh hiện hữu của chúng ta đang sống, vô sắc giới là cảnh mộng trong giấc chiêm bao của chúng ta. Trong cõi sắc giới có dục giới, cũng như trong cõi vô sắc giới thì cũng có dục giới. Khi một

⁴ *Tưởng tri là sự hiểu biết không cụ thể, phần nhiều tưởng tượng ra bằng những hình ảnh trừu tượng nên nó không thật có.*

⁵ *Liễu tri là sự hiểu biết một sự vật cụ thể có thật, không có tưởng tượng. Phần nhiều người trên thế gian này sống trong tưởng tri ít ai sống trong liễu tri, vì thế mọi người lầm chấp thế giới hữu hình và thế giới vô hình là có thật nên đời đời chịu nhiều khổ đau.*

người chết cõi dục giới, sắc giới và vô sắc giới đều đoạn diệt, chỉ còn nghiệp lực tương ứng nơi đâu thì tái sanh về đó. Vì thế, mà bảo rằng không có thế giới siêu hình khách quan mà chỉ có thế giới siêu hình chủ quan.

Đọc kinh sách Phật, phần nhiều người ta cảm thấy như đức Phật mâu thuẫn, lúc thì đức Phật nói có cõi Trời, lúc thì nói cõi Trời là cõi tưởng.

Đức Phật không mâu thuẫn, khi nói đến cõi Trời là Ngài nói đến cõi tưởng tức là cõi tưởng của Ngài, chứ chúng ta đừng hiểu có cõi tưởng bên ngoài Ngài.

Trong bài kinh Giáo Giới Nandaka dạy: “*Thưa không vậy, Tôn giả. Vì sao vậy? Trước đây thưa Tôn giả, chúng con đã khéo thấy như chơn với chánh trí tuệ rằng: “Sáu thức thân này là vô thường”.*

“*Lành thay, lành thay, chư hiền tử! Chính phải là như vậy, là cái nhìn như chơn, với chánh trí tuệ của vị Thánh đệ tử. Ví như, chư Hiền tử, một ngọn đèn dầu được đốt cháy: dầu là vô thường, chịu sự biến hoại; ngọn lửa là vô thường, chịu sự biến hoại; ánh sáng là vô thường chịu sự biến hoại. Chư Hiền tử, nếu có ai nói rằng: “Ngọn đèn dầu này được đốt cháy; dầu là vô thường, chịu sự biến hoại; bắc là vô thường, chịu sự biến hoại; ngọn lửa là vô thường, chịu sự biến hoại nhưng ánh sáng ấy*

là thường còn, thường trú, thường hằng, không chịu sự biến hoại”; chư Hiền tử nói như vậy là có nói chơn chánh hay không?

- Thưa không vậy, Tôn giả. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả ngọn đèn dầu này được đốt cháy; dầu là vô thường, chịu sự biến hoại; bấc cũng là vô thường chịu sự biến hoại; ngọn lửa cũng vô thường chịu sự biến hoại. Còn nói gì đến ánh sáng cũng là vô thường chịu sự biến hoại!”.

Cũng trong bài kinh này còn cho thêm một ví dụ khác nữa: *“Lành thay, lành thay, các Hiền tử! Chính phải là như vậy, là cái nhìn như chơn với chánh trí tuệ của vị Thánh đệ tử. Ví như, này các Hiền tử, có một cây to lớn đứng thẳng, có lõi cây cây vô thường chịu sự biến hoại, có rễ vô thường chịu sự biến hoại, với thân cây vô thường chịu sự biến hoại, với cành lá vô thường chịu sự biến hoại, với bóng cây vô thường chịu sự biến hoại. Nếu có người nói như sau: “Có cây lớn đứng thẳng, có lõi cây này, với rễ vô thường, chịu sự biến hoại, với thân cây vô thường chịu sự biến hoại, với cành cây lá vô thường, chịu sự biến hoại, nhưng bóng mát của cây ấy là thường còn, thường trú, thường hằng, không chịu sự biến hoại”, này các Hiền tử, người ấy có nói một cách chơn chánh không?*

- *Thưa không, thưa Tôn giả. Vì sao vậy? Thưa Tôn giả, cây to lớn đứng thẳng có lỗi cây này, có rễ vô thường, chịu sự biến hoại, có thân cây vô thường chịu sự biến hoại, có cành lá vô thường chịu sự biến hoại. Còn nói gì đến bóng mát, cũng là vô thường chịu sự biến hoại!”*

Cho nên, thế giới siêu hình là thế giới tưởng, thế giới tưởng là thế giới bóng dáng của thế giới hiện hữu mà chúng ta đang sống. Vì thế khi chúng ta còn sống là thế giới ấy còn, chúng ta mất là thế giới ấy mất.

Hai đoạn kinh trên đức Phật đã xác định rõ ràng thế giới siêu hình không có, nhưng khi nghe Thầy nói đức Phật lên cõi Trời Đâu Xuất để dạy mẹ tu hành thì các con tưởng là có cõi Trời thật.

Không đâu, trong không gian chúng ta có 33 từ trường thiện (33 cõi Trời) muốn tương ứng với từ trường nào đó thì đức Phật nhập vào trạng thái từ trường đó ở tâm mình thì bắt gặp ngay liền từ trường thiện đó. Từ trường thiện đó không phải linh hồn của người chết. Xin quý vị đừng hiểu sai lệch, vì không có ngôn ngữ nên chúng tôi không thể giải thích cho quý vị hiểu, mà chỉ tạm dùng danh từ “TỪ TRƯỜNG” chứ chưa được đúng lắm.

Thêm một lần nữa để chúng ta hiểu cho rõ, trong khoảng không gian trên hành tinh của chúng ta là một môi trường sống, có nhiều từ trường thiện và ác. Những từ trường ác theo nghiệp ác hợp thành thế giới khổ đau (sắc giới, dục giới và vô sắc giới), còn từ trường thiện theo nghiệp thiện nên không hợp thành thế giới được vì là một từ trường đơn điệu.

Muốn thành một cõi giới thì phải có một sự hợp thành, không có một sự hợp thành thì không có cõi giới.

Ví dụ: Một cái nhà không thể lấy một cây cột hoặc một tấm tôn mà cho là cái nhà được, cũng như một cái xe không thể lấy một cây cầm hay một cái đèn xe mà bảo rằng là xe được.

Thế giới chúng ta đang sống mà đức Phật đã xác định là thế giới duyên hợp, do 12 nhân duyên hợp lại mà tạo thành thế giới này. Vì thế, một từ trường đơn điệu không thể tạo thành một thế giới được.

Sau này con có dịp đọc đạo đức nhân quả thì con sẽ rõ thế giới siêu hình cụ thể hơn.



HOÀI VỌNG

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Việc này con cũng như Thầy hoài vọng vào Thầy Minh Tông, Mật Hạnh và Thiện Thuận vì đã vào được Tam Thiên, nhưng nay nghe ra quý Thầy đã là số không, vậy chờ ai nữa cho mau hồi Thầy? Con lo quá! Không lẽ Thầy dạy cách hành rõ như vậy mà thời này không còn ai tu chứng để cùng Thầy tạo chỗ đứng cho chánh pháp càng sâu rộng ra sao?*

Mỗi lần nhìn thấy một bậc gọi là Tỳ Kheo, Hòa Thượng mà cung cách sống không hạnh không đức con cảm thấy xót xa. Vì nghĩ rằng những người và vô số người theo họ, kính phục họ phải bất hạnh biết dường nào! Cũng như con từ khi quy Y Tam Bảo, trải qua 20 năm, con cũng đã lầm đường lạc nẻo, lang thang từ vị Thầy này đến vị Thầy kia những tưởng là chánh pháp đây rồi, dừng chân được rồi. Nhưng sau đó học, đọc những bài pháp, những kinh, không phải cái “gì” sâu thẳm, nhiệm mầu mà con tìm. Con luôn nghĩ còn có cái pháp nào đó sẽ chỉ cho con thấu suốt và

làm chủ được cái tâm, chứ không phải nói chung chung và lập luận, triết lý nghe nhức cả đầu mà không có mùi vị giải thoát gì cả của những và vô số bài thuyết pháp mà con đã nghe.

Đáp: Từ ngày mở tu viện để tiếp độ người tu hành, cho đến nay nhìn lại chưa có người nào làm chủ sanh tử chấm dứt luân hồi, đó là một nỗi tư duy khắc khoải trong lòng của Thầy. Phật giáo ra đời chỉ sống có 100 năm và sau đó chúng tỳ kheo chạy theo đục lặc danh lợi, sanh ra kiến chấp rồi phân hóa giáo đoàn thành nhiều bộ phái, lợi dụng điều này Bà La Môn giáo biến Phật giáo chân chánh thành tà giáo ngoại đạo.

Thầy là người chịu khổ đau nhất trong cuộc đời tu hành của mình, là nạn nhân của các tà giáo ngoại đạo này, nỗi lòng khắc khoải của Thầy từ khi tu hành xong cố hết mình tìm mọi cách để đào tạo những người tu hành được như Thầy, ngõ hầu thấp sáng lại Phật giáo khiến cho người người đều được lợi ích trong cuộc sống trên hành tinh này. Khi đọc bức thư của con, Thầy cảm thông được nỗi lo lắng ưu tư của con như chia sẻ nỗi lòng của Thầy. Nếu

Phật giáo không được chấn hưng trở lại thì những người buôn Phật bán pháp có cơ hội phát triển và nhiều thủ đoạn lừa đảo lường gạt tín đồ Phật giáo, trong khi tín đồ Phật giáo làm sao biết được đâu là chánh pháp và đâu là tà pháp.

Nếu Phật giáo chấn hưng được thì người ta phân biệt Phật giáo và ngoại đạo rất dễ dàng:

- 1- Phật giáo đời sống ly dục ly ác pháp.
- 2- Ngoại đạo đời sống không ly dục ly ác pháp.

Cho nên, kinh sách phát triển triển khai phi giới luật nên dễ phát triển theo sự sống trong dục lạc, nên tu sĩ ưa thích hơn còn Nguyên Thủy sống khó phát triển vì theo hướng giới luật ly dục ly ác pháp.

Minh Tông, Mật Hạnh, Thiện Thuận v.v.. tuy có công tu tập, nhưng đời chưa bỏ hẳn được, chưa đoạn dứt lòng ham muốn, chưa ly dục ly ác pháp trọn vẹn, vì thế làm sao nhập sâu vào thiền định và thực hiện Tam Minh được, Thầy rất tiếc cho họ, số phận của họ chỉ

là những người còn nặng nghiệp nhân quả chưa chuyển được, dù muốn cho họ cao hơn nhưng họ phải tự lực xả bỏ đời thường tình thế gian thì mới tiếp nhận một cuộc sống cao thượng được. Thầy cũng đành chịu thôi, nhìn số phận nghiệp báo của những người đệ tử của mình mà lòng bồi hồi thương tiếc cho những tâm hồn lạc lõng đang hướng về ngõ cụt của cuộc đời và xót xa cho loài người trên hành tinh này còn kém phước nên Phật giáo không có người đủ tài đức đảm đương việc lợi ích lớn, nhưng dù sao, tuy có chậm, Thầy là người đã thực hiện được chánh pháp của đức Phật thì những lời Thầy dạy sẽ có những bậc vĩ đại tiếp nối, nhưng tuyên bố trước là đem tai hại cho những người này, vì khối lượng của Phật giáo phát triển quá vĩ đại, nó sẽ diệt mất những mầm non của Phật giáo.

Các con mỗi người khi nhận ra chánh pháp của đức Phật thì các con hãy ráng mà cứu mình, hãy tự thấp đuốc lên mà đi, không ai đi thế con đường ấy cho các con được.

Chánh pháp là như thế, hãy tin vào mình mà đừng tin vào người khác, hãy thấp đuốc lên

mà đi cho mình và chính mình làm sáng tỏ lại Phật giáo, đừng hy vọng vào người khác mà hãy hy vọng vào chính mình các con ạ!



NGUYỄN ƯỚC

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Nhiều khi con cảm thấy tại sao con ít nói, tại sao con thích ngồi một mình trầm lặng, tại sao con thích chỗ vắng lặng của cảnh thiên nhiên mà không thích chỗ ồn náo, có kiến trúc cực kỳ văn minh, sang trọng. Và tại sao con thích đơn giản, không cầu kỳ hình thức ngày nào cũng như ngày này, không ngày nào mà không thấy buồn khổ của mình và của tất cả chúng sanh, kể cả ngày Xuân (Tết).*

Thưa Thầy hiện giờ tâm con là như thế, con thấy biết Tứ Diệu Đế rất rõ, nhưng con chưa đủ duyên để thực hành thành công Đạo, Diệt. Thầy bảo rằng con yếu đuối không thể thực hiện đạo giải thoát bằng giai đoạn 2. Theo con nghĩ tại con chưa đủ duyên hay

duyên chưa tới. Vì nếu tới thì rất dễ như trở bàn tay.

Con xin Thầy quán xét, con kiếp nào mới thực hiện được nguyện ước xuất gia tu hành chấm dứt sanh tử luân hồi ưu bi khổ não. Con cũng xin Thầy quán xét Nhứt có bước vào Chánh pháp của Phật được không?

Đáp: Đạo Phật tu không khó, ai có thân người đều có thể tu chứng được, chứ không như lý luận của kinh sách phát triển: “*Tu phải trải qua nhiều kiếp*”, nhưng người tu phải có quyết tâm xả bỏ cuộc sống tầm thường, ích kỉ, hèn hạ, nhỏ mọn v.v.. thì mới tiếp nhận được cuộc sống thanh khiết và cao thượng.

Con đủ duyên vì gặp được chánh pháp của Phật, nhưng duyên chưa tới là vì Thầy chưa có một Cấp Cô Độc cúng dường cơ sở cho chúng tỳ kheo tu tập để sống đúng Thánh hạnh.

Ví dụ: Chương trình học và học sinh đã có sẵn, nhưng trường ốc chưa có, đó là duyên chưa tới, nhiều người hiểu sự tu quá đơn giản họ luận: “*Tu thì ở đâu lại tu không được, tu ở tâm chứ đâu phải là chỗ ở*”. Đạo Phật không chủ trương như vậy, mà chủ trương sống thành thói quen, cho nên có môi trường tốt thì con người sẽ sống thành thói quen tốt, môi trường

xấu con người sẽ sống thành thói quen xấu, đó là một bằng chứng cụ thể hiển nhiên, cho nên đức Phật lấy giới đức làm đầu của sự sống “*sống là tu, tu là sống chứ không phải sống khác, tu khác*”.

Chỗ Thầy đang ở là cơ sở của Đại Thừa và Thiền Đông Độ, không phải là cơ sở chúng Thánh tăng ở, trong cơ sở này Thầy đã chuyển hóa rất nhiều, loại trừ những cúng bái tụng niệm, mê tín chỉ còn chưa tổ chức cách thức về ăn uống cho trọn vẹn, ăn uống ở đây còn giống Đại Thừa (nấu ăn) mà hạnh về ăn uống của đạo Phật rất là quan trọng vì nó là nuôi chánh mạng cho các tu sĩ, nếu không tổ chức khâu này thì đương nhiên sống theo kiểu Đại Thừa là nuôi tà mạng, mà nuôi tà mạng thì tu sĩ không bao giờ ly dục ly ác pháp được, nếu không ly dục ly ác pháp thì tu sĩ không bao giờ nhập chánh định được.

Vì thế, con có duyên với Chánh Pháp mà duyên tu chưa tới, nếu có cơ sở sống đúng phạm hạnh Thầy hướng dẫn tu tập, đừng tu sai lời dạy của Thầy thì quyết định trong một đời này con sẽ thực hiện được nguyện ước xuất gia

tu hành, chấm dứt sanh tử luân hồi. Cháu Nhựt cũng vậy, chỉ trong một đời này mà thôi. Con và cháu Nhựt đều có đủ duyên với chánh pháp nên đã gặp Thầy và có lòng tin những gì Thầy dạy, nhưng duyên chưa tới nên cháu Nhựt và con vẫn còn trôi lăn trong việc kinh doanh.

Tám năm trời Thầy giao cho Chơn Tâm lo liệu cơ sở tu hành ở Phước Hải, nhưng gặp nhiều trắc trở khó khăn cho đến nay chưa xong. Âu đó cũng là duyên chưa đủ, phước chúng sanh còn mỏng, nên Thầy bảo con còn yếu chưa tu được ở giai đoạn 2 là lý do này để con yên tâm tu tập xả tâm trong các đối tượng giao tiếp của gia đình và xã hội.

Vài hàng con rõ, Thầy có lời thăm chúc cả gia đình con được mạnh khỏe an vui sống đúng đạo đức nhân quả không làm khổ mình, khổ người

Kính thư



XIN THỈNH KINH

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: Kính bạch Thầy! Xin Thầy cho con Đường Về Xứ Phật tập 4, 5, 7, 9, 10.

Đáp: Tập 4, 5, 7, 9, 10 khi nào nhuận xong Thầy sẽ gửi đến con. Hiện giờ Thầy đang nhuận lại tập 3, tập 7 và sắp cho in tập 9.

Muốn cho bộ sách có một giá trị về các pháp hành của Phật giáo cụ thể và thiết thực thì sự nhuận lại là một điều hết sức quan trọng không thể thiếu được. Trước kia Thầy nghĩ rằng chỉ cần giảng dạy sao cho người nghe hiểu và tu tập được mà thôi, nhưng sau khi đã viết thành sách, nếu không cẩn thận chỉ dùng sai “từ” là đã giết người không những một thế hệ mà nhiều thế hệ. Tuy tuổi già sức yếu Thầy làm việc 22 trên 24 giờ, trừ ra lúc nào quá mệt thì phải nghỉ ngơi phục hồi sức khỏe để rồi tiếp tục làm việc nữa vì Thầy cảm thấy bổn phận và trách nhiệm của mình quá lớn đối với mọi người và tiền đồ của Phật giáo.

Thà là sách không ra đời, mà đã cho ra đời thì phải làm hết bổn phận và sức lực của

mình. Không thể xem đời sống của con người như cỏ rác được, khi cầm cây bút viết nhất là viết sách về đạo đức thì phải thấy trách nhiệm, những gì mình đã tu được thì mới dám nói, còn tu chưa được mà nói ra là giết người.

Viết một cuốn sách là trải lòng thương yêu chân thật của mình trên đó đối với mọi người. Nếu một người viết sách vì mọi nhu cầu khác thì ở đây Thầy xin không dám bàn. Đối với Thầy viết sách là đem lòng yêu thương đến với mọi người, muốn cho mọi người đều cũng thương yêu nhau, đừng làm khổ cho nhau.



TU SAO LÂU QUÁ

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: *Cô Út tu thời còn đức Phật, đến nay vẫn chưa xong, sao lâu thừa Thầy?*

Đáp: Không những riêng cô Út mà còn biết bao nhiêu người khác chưa xong. Số đệ tử của đức Phật rất đông kể cả cư sĩ và tu sĩ, chỉ riêng tu sĩ là 1250 vị Tỳ Kheo còn cư sĩ thì vô số kể mà thành tựu thì chẳng có là bao nhiêu.

Thời gian 2544 năm mà được thân người trở lại là một sự may mắn nhất và còn nhớ lại chánh pháp của đức Phật là một điều hy hữu.

Biết bao nhiêu người trước kia đã từng theo tu học với đức Phật mà hiện giờ là Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng, Ni và vô số cư sĩ học giả từng biên soạn viết kinh sách thế mà chẳng nhớ đúng được chánh pháp của đức Phật trong khi kinh sách Nguyên Thủy họ nghiên cứu rất kỹ, còn cô Út thì không học kinh sách một chữ nào mà tu tập và thực hành đúng chánh pháp, còn Thầy thì phải lẫn lộn hụp trong giáo pháp của kinh sách phát triển trên 30 năm rồi mới trở về đúng chánh pháp của Phật.

Nếu đời nay cô chỉ biết giúp người tu mà không lo cứu mình thì cũng còn trôi lăn biết bao nhiêu đời nữa mới xong.



CHẤN HƯNG PHẬT PHÁP

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Xưa đức Phật thường quan sát chúng sanh nào đủ duyên để độ, nay sao Thầy không làm thế để cho chánh pháp của Phật được chấn hưng nhanh? Còn như quý vị đệ tử của Thầy như thầy Minh Tông từng sống gần bên Thầy 3 năm, đáng lẽ phải biết Thầy nhiều và tin Thầy hơn. Sao lại còn cho Thầy bịa lý “tịnh chỉ hơi thở”.*

Đáp: Khi tu xong, Thầy đã quan sát chúng sanh thấy không có duyên, nên xin Hòa Thượng nhập diệt, Hòa Thượng không chấp nhận yêu cầu Thầy ở lại giúp Hoà Thượng, cho nên Thầy ở lại chỉ có trợ giúp cho Hoà Thượng để lôi họ về với chánh pháp của đức Phật, nhưng duyên chúng sanh quá mỏng đối với chánh pháp nên khó tạo cho họ có niềm tin, còn bây giờ là Thầy tạo duyên mới để chúng sanh biết được chánh pháp của đức Phật.

Từ 8, 9 năm nay Thầy nhận người vào tu là nhận theo cách miễn cưỡng, chứ Thầy đã biết rằng họ không tu được vì họ mang đầy

những kiến chấp và những thói quen tu tập sai nhiều đời, chỉ riêng có Mật Hạnh kiến chấp và tu sai pháp thì không có nhưng nghiệp đời còn nặng. Mật Hạnh giống như Tỳ Kheo Citta trong thời đức Phật ba lần hoàn tục và cuối cùng chứng quả A La Hán.

May mà Thầy dạy những gì trong kinh sách của Phật đều có dạy, chứ nếu Thầy dạy ngoài kinh sách theo kinh nghiệm bản thân tu tập của mình thì chắc chắn không bao giờ ai tin Thầy, dạy đúng trong kinh như vậy mà Minh Tông còn nói Thầy bịa. Khi tu hành có được chút ít kiến giải, có những thần thông tưởng rồi tự cho mình là hơn Thầy, con người thời nay là vậy. Họ tu hành không lấy sự giải thoát thân tâm, mà lấy thần thông và kiến giải cho là cứu cánh. Đó là cách thức đi ngược lại với Phật giáo, đi ngược lại với Thầy để rồi sau này sẽ có những sự hối tiếc.

Minh Tông có trình độ học thức trên đại học, ham tu, tu theo Mật Tông, Tịnh Độ Tông, có nghiên cứu kinh sách Phật nhưng không nắm được yếu chỉ của đạo Phật vì bị ảnh hưởng kinh sách phát triển.

Khi gần Thầy còn mang bản ngã rất lớn cho mình có học cao nên không nghe lời Thầy

dạy xả tâm cứ tu ức chế tâm cho hết vọng tưởng nghe nói tịnh chỉ âm thanh và tịnh chỉ hơi thở thì cứ dùng pháp hướng tâm để tịnh chỉ âm thanh và hơi thở cho đạt được. Do tu sai ức chế tâm nên rơi vào tướng pháp, đưa ra nhiều tướng giải, Thầy dùng lý chánh pháp của đức Phật bác sạch những tư tưởng của Minh Tông, không ngờ Minh Tông quá cố chấp những tướng giải của mình nên mới nói Thầy bịa đặt “*tịnh chỉ hơi thở và không chấp nhận hạnh độc cư*”, thách thức với Thầy trong thời gian ngắn Minh Tông sẽ chứng đạo bằng một lộ trình khác và thực hiện thần thông cho Thầy xem, nào ngờ con đường khác của Minh Tông dẫn Minh Tông đi đến thổ huyết một cách kinh khủng.

Khi bị ra huyết như vậy phải đi bác sĩ trị bệnh một thời gian khá lâu. Do không tin Phật pháp có lời phỉ báng chánh pháp của Phật, nên phải trả một quả nữa, sau khi được con bảo lãnh ra nước ngoài thì lại té thang lầu gần như muốn chết. Thật đáng thương!

Bởi Phật pháp là một chân lý của loài người, khi tu hành chưa chứng đạo, thì đừng nên ăn nói một cách bừa bãi làm lệnh lạc nghĩa lý của Phật thì phải chịu quả báo trong

hiện kiếp, không thể nào tránh khỏi. Trên đây là một cụ thể rõ ràng qua gương nói sai nghĩa lý Phật pháp mà thọ quả báo như vậy. Xin quý vị lưu ý cảnh giác, khi tu hành chưa tới nơi, tới chốn thì nên im lặng như Thánh.



DỪNG THÂN THÔNG ĐỘ CHÚNG SANH

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Thầy không dùng thân thông để độ Minh Tông và Mật Hạnh, để uống phí công lao tu hành mà không đến đích, để giúp Thầy chấn hưng Phật pháp.*

Đáp: Có chứ, Thầy đã thể hiện thân thông giáo hóa vào mùa hạ năm 1995, ngồi suốt 15 ngày đêm không ăn uống, tỉnh chỉ hơi thở hoàn toàn và cuối năm 1999, sau khi làm việc quá sức bệnh phổi Thầy tái phát, vi trùng phổi đề kháng thuốc nên uống và chích thuốc không thuyên giảm, bác sĩ và Phật tử khuyên Thầy nên đi nằm bệnh viện, mỗi lần ho đều khạc ra máu. Thầy xác định với Phật tử: **“Đã là một người tu thì không chấp nhận nằm**

bệnh viện phải làm chủ bệnh tật như thế nào để mọi người trực tiếp nhìn thấy sự làm chủ đó qua Phật pháp mẫu nhiệm”.

Thầy vào thất và xin cô Út mỗi bữa ăn ngọc cho Thầy thêm một ly nước cam tươi, nếu không có thì cho Thầy một ly sữa, suốt 15 ngày Thầy dùng tâm lực của mình để hồi phục cơ thể, lúc bây giờ Minh Tông cũng đã chứng kiến điều này.

Về thần thông có ba loại:

- 1- Thần thông giáo hóa
- 2- Thần thông ký thuyết.
- 3- Thần thông biến hóa.

Những thần thông mà Thầy vừa thể hiện ở trên là thần thông giáo hóa, vì thần thông này có lợi ích rất lớn cho người tu tập như con đã thấy:

1- Để chứng minh Thầy nhập mười lăm ngày thử không ăn uống hơi thở hoàn toàn tịnh chỉ mà không chết, đó là sự lợi ích làm chủ được sự sống chết.

2- Bệnh lao phổi vi trùng đề kháng thuốc thì bác sĩ cũng phải chết, huống chi là một người như Thầy, thế mà dùng tâm lực trị bệnh chỉ có 15 ngày mà cơ thể từ 35 ký tăng lên 44

ký và chỉ trong 12 tiếng đồng hồ không còn khạc ra máu nữa.

Đức Phật đã không chấp nhận hai loại thần thông, đó là thần thông ký thuyết và thần thông biến hóa. Hai loại thần thông này là thần thông huyền hóa lừa đảo người chỉ làm trò hý luận cho người giải trí, do đó Thầy chẳng bao giờ dùng nó để lừa đảo ai cả mặc dù Thầy đủ khả năng sử dụng, nhưng không thể sử dụng hai loại thần thông này để gieo vào lòng đệ tử của mình sự ham muốn.

Người tu hành theo đạo Phật chỉ có lòng ham muốn duy nhất là ham muốn làm chủ bốn sự đau khổ của kiếp làm người: sanh, già, bệnh, chết.

Khi Minh Tông đến xin Thầy tu thì Minh Tông đã trèo lên tảng đá rất cao trước tổ đường để biểu diễn thiền định của mình, thấy bản ngã của Minh Tông quá lộ liễu, và khi được vào tu hành thì nhắm vào thần thông chứ không phải đi tìm sự thoát khổ, nên Thầy đã thử thách cho ngồi trên vết thương rướm máu hơn sáu tháng trời, thế mà bản ngã cũng chưa từ bỏ. Người như Minh Tông mà dùng thần thông biến hóa độ thì Minh Tông sẽ trở thành một lãnh chúa làm bá chủ hoàn cầu, đã không

chấn hưng Phật pháp mà còn tai hại cho những người trên hành tinh này.

Minh Tông là một con người có đầu óc chính trị hơn là một nhà tu hành, nhưng biết chuyển hóa thì cũng trở thành người tu hành tốt.

Đạo Phật là đạo không ức chế tâm, nên tâm còn hướng ra ngoài là đi ngược lại đạo Phật, nhờ có những người tu không nghe lời dạy của Thầy như một số quý Thầy mà làm sáng tỏ thêm đường lối và giáo pháp của đức Phật. Họ chỉ là đá trải đường cho người sau đi mà thôi.



THIỀN YOGA CŨNG TỊNH CHỈ HƠI THỞ ĐƯỢC

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Các tu sĩ ngoại đạo Yoga sao họ chưa ly dục ly ác pháp mà tịnh chỉ được hơi thở, vì Thầy dạy tịnh chỉ được hơi thở khi tâm xả sạch dục và ác pháp?*

Đáp: Các tu sĩ Yoga tịnh chỉ được hơi thở là do tu tập tưởng định, tưởng định sẽ thở bằng lỗ chân lông, bằng rốn, bằng tai, bằng mắt, v.v.. do sự luyện tập bằng tưởng thì đâu cần ly dục ly ác pháp.

Mục đích của đạo Phật là ly dục ly ác pháp để làm chủ cuộc sống, bất động tâm trước các pháp và các cảm thọ để tâm hồn được giải thoát thanh thản, an lạc; còn mục đích của thiền Yoga là luyện thần thông tịnh chỉ hơi thở chôn trong đất chìm trong nước đi trên lửa đỏ, mặc chiếc áo mỏng đi dưới trời không độ, để khiến cho người ta thán phục và kính nể, nhờ đó mới lập nhiều thiền đường Yoga khắp trên thế giới, để bành trướng giáo phái Yoga, nhưng các con xét kỹ nó đem lại sự lợi ích gì thiết thực cho con người hay là để trị bệnh, bệnh là do gốc nghiệp ác mà muốn hết bệnh thì chỉ có ly dục ly ác pháp thì bệnh sẽ hết, chứ đâu phải do luyện tập Yoga mà hết bệnh, hết bệnh của Yoga là hết bệnh tướng chứ bệnh của nghiệp ác không làm sao hết được.

Tất cả những phương pháp ngừa bệnh và trị bệnh trên thế gian này đều là những phương pháp trị ngoài ngọn, chứ không phải trị ở gốc, mà trị bệnh ở ngọn là sự lừa đảo,

lượng gạt người “*tiền mất tật mang*”. Chúng ta cứ quan sát xem có đúng không? Biết bao nhiêu phương pháp ngừa bệnh và trị bệnh mà con người có hết bệnh chưa?

Chúng ta nên phân biệt cho rõ ràng, thiền Yoga tịnh chỉ được hơi thở là do “*tướng lực*” khéo tu tập tướng, thiền của Phật tịnh chỉ được hơi thở là do “*tâm lực*” khéo ly dục ly ác pháp.



TÂM LỰC PHÁP HƯỚNG

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Pháp hướng tâm có lần Thầy bảo, khi nào tâm thanh tịnh hướng tâm mới có kết quả, nhưng chúng con sơ cơ tâm còn quá nhiều tạp loạn, làm sao chúng con dùng pháp hướng tâm có hiệu quả được?*

Đáp: Pháp hướng tâm hiệu quả có cao có thấp như:

1- Trình độ cao tức là tâm đã ly dục ly ác pháp thì hướng tâm diệt tầm tứ, ly hỷ tưởng

và tịnh chỉ hơi thở làm chủ sự sống chết thực hiện Tam Minh và chấm dứt luân hồi.

2- Trình độ thấp là tâm chưa ly dục ly ác pháp thì pháp hướng tâm sẽ giúp chúng ta có nội lực tỉnh thức trước các pháp ác.

Pháp hướng tâm đối với người mới tu cũng như người tu lâu đều có hiệu quả nhưng hiệu quả trong giai đoạn tu của nó, như hiệu quả ở giai đoạn ly thì không hiệu quả ở giai đoạn chỉ, ở giai đoạn chỉ thì không hiệu quả ở giai đoạn diệt, v.v..

Người mới tu ở giai đoạn ly dục ly ác pháp mà muốn pháp hướng có hiệu quả ở giai đoạn chỉ thì không thể nào được, cũng như ở giai đoạn chỉ mà muốn pháp hướng có hiệu quả ở giai đoạn diệt thì không thể được. Chừng nào tu tập viên mãn ở giai đoạn này, làm sung mãn ở giai đoạn kia thì mới thấy hiệu quả pháp hướng tâm cụ thể, rõ ràng.



CÁCH TU ĐỊNH NIỆM HƠI THỞ VÀ ĐỊNH CHÁNH NIỆM TỈNH GIÁC

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Xin Thầy chỉ rõ cách tu Định Niệm Hơi Thở và Chánh Niệm Tỉnh Giác Định.*

Đáp: Cách tu Định Niệm Hơi Thở có 19 giai đoạn tu tập:

1/ Hít vô tôi biết tôi hít vô, thở ra tôi biết tôi thở ra.

2/ Hít vô dài tôi biết tôi hít vô dài, thở ra dài tôi biết tôi thở ra dài.

3/ Hít vô ngắn tôi biết tôi hít vô ngắn, thở ra ngắn tôi biết tôi thở ra ngắn.

4/ Cảm giác toàn thân tôi biết tôi hít vô, cảm giác toàn thân tôi biết tôi thở ra.

5/ An tịnh thân hành tôi biết tôi hít vô, an tịnh thân hành tôi biết tôi thở ra.

6/ Cảm giác tâm hành tôi biết tôi hít vô, cảm giác tâm hành tôi biết tôi thở ra

7/ An tịnh tâm hành tôi biết tôi thở vô, an tịnh tâm hành tôi biết tôi thở ra.

8/ Quán thân vô thường tôi biết tôi hít vô, quán thân vô thường tôi biết tôi thở ra.

9/ Quán thọ vô thường tôi biết tôi hít vô, quán thọ vô thường tôi biết tôi thở ra.

10/ Quán tâm vô thường tôi biết tôi hít vô, quán tâm vô thường tôi biết tôi thở ra.

11/ Quán các pháp vô thường tôi biết tôi hít vô, quán các pháp vô thường tôi biết tôi thở ra.

12/ Quán ly tham tôi biết tôi hít vô, quán ly tham tôi biết tôi thở ra.

13/ Quán ly sân tôi biết tôi hít vô, quán ly sân tôi biết tôi thở ra.

14/ Quán từ bỏ tâm tham tôi biết tôi hít vô, quán từ bỏ tâm tham tôi biết tôi thở ra.

15/ Quán từ bỏ tâm sân tôi biết tôi hít vô, quán từ bỏ tâm sân tôi biết tôi thở ra.

16/ Quán đoạn diệt tâm tham tôi biết tôi hít vô, quán đoạn diệt tâm tham tôi biết tôi thở ra.

17/ Quán đoạn diệt tâm sân tôi biết tôi hít vô, quán đoạn diệt tâm sân tôi biết tôi thở ra.

18/ Với tâm định tĩnh tôi biết tôi hít vô, với tâm định tĩnh tôi biết tôi thở ra.

19/ Với tâm giải thoát tôi biết tôi hít vô, với tâm giải thoát tôi biết tôi thở ra

Đây là 19 giai đoạn khái niệm tu tập về Định Niệm Hơi Thở, còn nếu tu tập cho trọn vẹn là phải 40 giai đoạn.

Hiện giờ con nên tu tập giai đoạn thứ nhất của Định Niệm Hơi Thở trong 1 tháng, khiến cho tâm nhu nhuyễn thuần thục quen dần với hơi thở và với phương pháp này. Vì từ xưa đến nay người ta tu tập hơi thở bằng cách quán niệm hơi thở nên thường ức chế tâm để cho hết vọng tưởng.

Bắt đầu tu con ngồi kiết già hoặc bán già, lưng thẳng, hai bàn tay để chồng nhau lên trên hai bàn chân, hai ngón tay cái đụng đầu vào nhau, khi thân ngồi yên lặng con cảm giác toàn thân được yên ổn, con như lý tác ý: “*Ý thức phải tập trung biết hơi thở ra biết hơi thở vô*”. Hai mắt con bắt đầu tập trung nhìn chóp mũi, con vừa hít vô vừa nhắc tâm: “*Hít vô tôi biết tôi hít vô*”, sau khi hít vô xong, con vừa thở ra vừa nhắc tâm: “*Thở ra tôi biết tôi thở ra*”. Một hơi thở đầu con nhắc tâm như vậy và 4 hơi thở kế tiếp con không nhắc, vẫn để tâm

tự nhiên biết hơi thở ra và hơi thở vô, xong 5 hơi thở con đứng vậy đi kinh hành, trước khi đi kinh hành con nhắc tâm: *“Đi kinh hành ý thức phải biết đi kinh hành”*, bắt đầu đi kinh hành con chú ý bước chân đi và đi rất tự nhiên, đi theo thói quen đi hằng ngày của mình, không nên đi chậm quá mà cũng không nên đi nhanh quá, đi như người vô sự, trong khi đi con thầm đếm mỗi bước đi là một số 1, 2, 3, 4, cho đến 20 bước, mỗi 5 bước là con hướng tâm một lần: *“Tôi đi kinh hành tôi biết tôi đi kinh hành”*, đúng 20 bước thì con ngồi trở lại, y như lúc ban đầu con ngồi tu hơi thở.

Con nên lưu ý: *“giai đoạn tu tập này mục đích là tập luyện sự tỉnh thức, sự tỉnh cần và nghị lực chứ không phải tu tập cho hết vọng tưởng”*.

Sau khi tu tập 1 tháng cho thuần thực Thầy sẽ dạy tiếp giai đoạn 2, còn nếu bây giờ Thầy dạy hết 19 đề mục Định Niệm Hơi Thở này thì con chỉ học để hiểu chứ tu hành bị rối rắm như cuộn tơ. Vì thế, Thầy bảo rằng: nếu có cơ sở sống đúng phạm hạnh Thầy trực tiếp dạy các con tu tập, chứ viết ra thành sách các con hiểu để mà hiểu còn tu tập thì không phải dễ.

Về hơi thở phải tu tập từng đề mục cho thuần thục, khi thuần thục đề mục này xong thì mới tu tập đề mục khác, chứ không phải tu một lần luôn cả 19 đề mục và tu tập như vậy là tu sai pháp.

Định Niệm Hơi Thở là pháp môn có lợi ích rất lớn trong vấn đề tu tập xả tâm trên Tứ Niệm Xứ để hộ trì và bảo vệ chân lý. Nếu không có Định Niệm Hơi Thở thì không thể nào tu tập Tứ Niệm Xứ được và cũng không thể nào tu tập pháp xả Tứ Vô Lượng Tâm được.

Bởi vậy Định Niệm rất cần thiết và hỗ trợ trên bước đường về xứ Phật. Xin quý vị hãy tu tập kỹ lưỡng, đừng coi thường loại thiền định này.



QUÁN VÀ BIẾT

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: *Kính bạch Thầy! “Quán ly tham tôi biết tôi hít vô, quán ly tham tôi biết tôi thở ra”, xin Thầy chỉ cách hành chữ “Quán” và*

nghĩa chữ “Quán” trong câu này. Còn chữ “Biết” là biết hơi thở đang hít vô hay biết ly tham mà tâm đang ly tham hay đã ly tham.

Con trạch pháp hướng tâm có phải mình đang vướng mắc hoặc hướng tâm để thấu lý rõ lý mới dùng ?

Ví dụ: “Tham” con đang ham muốn cái xe hơi đẹp đắt tiền thì con phải quán lý vô thường, xảy ra nhiều cái khổ khác, như cọ quẹt trộm mất, v.v.. quán triệt rồi tâm con ly ham muốn cái xe đó đi. Và phải nhắc hoài để nó ly! Thưa Thầy có phải vậy không? Và như vậy biết “tâm ly tham” hay “hành động hít vô”?

Đáp: Trong câu hỏi của con: “xin Thầy chỉ cách hành chữ quán và nghĩa của chữ quán”.

Quán có nghĩa là quan sát, xem xét, tư duy, suy nghĩ về một pháp gì, một việc gì, một điều gì, v.v..

Cách hành chữ quán như câu “Quán ly tham tôi biết tôi hít vô, quán ly tham tôi biết tôi thở ra”, câu này có ba nghĩa và có ba kết quả trong một hành động tu:

1- Nhắc nhở tôi quan sát xem xét tâm tôi có khởi lên tham muốn cái gì không? Nếu có thì tôi phải tỉnh thức quán xét tâm tham

muốn đó “để xa lìa” như tôi đang tỉnh thức biết hơi thở vô ra vậy.

2- Nếu không có niệm khởi tâm tham muốn thì nó giúp tôi tỉnh thức trên tâm tôi, tôi biết rõ tâm tôi “không có tham muốn” tức là tôi biết rõ tâm tôi đang ở trong trạng thái “thanh thản, an lạc và vô sự” như tôi đang tỉnh thức biết hơi thở ra vô rõ ràng vậy.

3- Nếu tâm tôi không có niệm khởi tham muốn thì câu pháp hướng trên sẽ thấm nhuần “lý ly tham” và sau này trở thành một “nội lực không tham muốn” nó sẽ giúp tôi đoạn diệt lòng tham muốn.

Chữ “Quán” ở đây có nghĩa là quan sát xem xét, còn chữ “Biết” có nghĩa là hiểu biết một cách rõ ràng.

Ba kết quả trên đây giúp chúng ta tin tưởng vào pháp môn như lý tác ý của đức Phật bất lay chuyển để hằng giây, hằng phút, hằng giờ, hằng ngày, hằng tháng, hằng năm rèn luyện tu tập xa lìa tâm tham muốn của mình cũng như giống như mình biết hơi thở vô, hơi thở ra vậy.

Câu “*quán ly tham tôi biết tôi hít vô, quán ly tham tôi biết tôi thở ra*”, đó là con đã hiểu được nghĩa thứ nhất của nó “*đang vướng mắc*”.

Biết “tâm bị tham” là chánh còn hành động hít vô và thở ra là phụ, có nghĩa là nương vào hơi thở vô và ra để biết tâm tham của mình dễ dàng hơn mà xa lìa nó, như đức Phật đã dạy: “***Muốn ly dục ly ác pháp thì Định niệm hơi thở vô hơi thở ra phải khéo tác ý***”.

Ở đây có nghĩa là biết hơi thở để lìa tâm tham, sân, si chứ không phải biết hơi thở để mà biết hơi thở thì không có ích lợi gì. Dùng hơi thở để xả tâm tham, sân, si là có ích lợi, vì tâm được thanh thản, an lạc và vô sự tức là tâm giải thoát. Còn ngược lại dùng hơi thở để nhiếp tâm ức chế tâm không niệm khởi, đó là tu sai, tu không đúng pháp của Phật dạy. Cách thức tu tập này là diệt ý thức khiến cho người tu hành trở thành cây đá.



LY CÁC LOẠI HỖ TƯỚNG

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Xin Thầy cho con nghe qua về cách tu tập để ly các loại hổ tưởng.*

Đáp: Muốn ly các loại hổ tưởng, khi hành giả diệt tâm, tứ, ý thức ngưng hoạt động, tưởng thức xuất hiện hoạt động thì có những trạng thái hổ lạc do dục tưởng sanh ra. Lúc bấy giờ hành giả muốn lìa xa các trạng thái hổ tưởng này thì phải xuất Nhị Thiên, nường vào hơi thở vô hơi thở ra và thỉnh thoảng phải như lý tác ý những câu này: “18 loại hổ tưởng này phải lìa xa không được ở trong thân tâm này” hoặc “Thân tâm phải ly hổ tưởng cho thật sạch”. Tu tập như vậy cho đến khi nào các trạng thái hổ không còn là lúc bấy giờ chúng ta xả niệm hơi thở diệt tâm tứ mà không thấy có trạng thái hổ là chúng ta đã nhập Tam Thiên, còn có trạng thái hổ là nhập Nhị Thiên, cho nên trong kinh dạy: “Ly hổ trú xả nhập Tam Thiên”. Thầy xin nhắc lại một lần nữa, còn xả niệm hơi thở diệt tâm tứ mà có hổ lạc là nhập Nhị Thiên.

Khi nào dạy về Thiền căn bản 2 thì Thầy sẽ giảng rõ, còn bây giờ chưa có ai ly dục ly ác pháp được mà giảng cho nhiều thì mọi người biết để mà biết chứ chẳng có ích gì, đôi khi còn làm hại người khác giúp cho họ chỉ biết nói thiền nói đạo miệng để lừa đảo thiên hạ, như mình đã nhập được thiền định sâu mầu.

Dạy tu tập thiền định mà dạy sai dù là một ly, nhưng vẫn đưa hành giả vào chỗ bệnh tật, chứ không vào chỗ giải thoát, vì thế xin quý vị lưu ý cảnh giác.



XẢ LẠC, XẢ KHỔ, XẢ NIỆM THANH TỊNH NÀO?

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Xin Thầy hoan hỷ cho con nghe qua cách tu xả lạc, xả khổ xả niệm thanh tịnh. Lạc nào? Khổ nào? Và niệm thanh tịnh nào? Đã là thanh tịnh sao lại phải xả?*

Đáp: Muốn xả lạc, xả khổ, xả niệm thanh tịnh thì phải trú vào hơi thở dùng pháp hướng tâm tịnh chỉ thân hành thì xả lạc, xả khổ, xả niệm thanh tịnh sẽ đạt được kết quả như ý muốn, nhưng trước khi xả lạc, xả khổ, xả niệm thanh tịnh thì tâm phải ly dục ly ác pháp hoàn toàn thì tịnh chỉ thân hành không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức, bằng ngược lại chưa ly dục ly ác pháp hoàn toàn mà xả lạc, xả khổ, xả niệm thanh tịnh thì chẳng bao giờ xả được.

Khi tu tập nhập vào tâm bất động thì tâm định tĩnh, nhu nhuyễn, dễ sử dụng. Tâm định tĩnh, nhu nhuyễn, dễ sử dụng là tâm có đủ bảy năng lực Giác Chi. Tâm có đủ bảy năng lực Giác Chi là tâm có đủ Tứ Thần Túc. Khi có đủ Tứ Thần Túc thì xả lạc, xả khổ và xả niệm thanh tịnh rất dễ dàng không có khó khăn không có mệt nhọc.

Xả lạc nào? Xả khổ nào? Và xả niệm thanh tịnh nào?

Lạc, khổ và thanh tịnh là ba trạng thái của thọ, tức là cảm thọ:

- 1- Thọ lạc.
- 2- Thọ khổ.

3- Thọ bất lạc bất khổ tức là niệm thanh tịnh.

Trong phần cảm thọ có hai:

1- Cảm thọ thuộc về thân.

2- Cảm thọ thuộc về tâm.

Lạc và khổ thuộc cảm thọ về thân, còn hỷ và niệm thanh tịnh thuộc cảm thọ về tâm. Như vậy ly hỷ, xả lạc, xả khổ và xả niệm thanh tịnh là xả cảm thọ về thân và tâm; xả cảm thọ về thân và tâm là tịnh chỉ các hành trong thân và tâm.

Cho nên, người nhập Tứ Thiên toàn thân tâm bất động, thân tâm không còn rung động một chút xíu nào thì hơi thở phải tịnh chỉ.

Trong câu hỏi: Lạc nào? Khổ nào? Thanh tịnh nào? Sao thanh tịnh mà lại phải xả?

Lạc, khổ và niệm thanh tịnh có hai phần:

1- Lạc, khổ và niệm thanh tịnh do tâm tham dục sanh ra.

2- Lạc, khổ và niệm thanh tịnh do tâm ly dục sanh ra.

Lạc, khổ và niệm thanh tịnh do dục hoặc do ly dục sanh ra đều phải xả sạch thì mới nhập vào định Tứ Thiên được, còn có trạng

thái thanh tịnh thì không nhập vào Tứ Thiên được, dù là thanh tịnh do ly dục sanh.

Như vậy đến đây con đã hiểu xả lạc, xả khổ và xả niệm thanh tịnh nào rồi. Đức Phật không chấp nhận 3 thọ:

1/ Thọ lạc.

2/ Thọ khổ.

3/ Thọ bất lạc bất khổ.

Thọ là gì? Thọ là các cảm thọ nơi thân tâm. Thọ là một pháp vô thường như các pháp khác; thọ là pháp khổ, là pháp vô ngã. Người tu theo Phật giáo đứng trước các cảm thọ tâm không hề dao động: Thọ lạc không tham đắm, thọ khổ không sợ hãi, thọ bất khổ bất lạc không quan tâm. Vì thế, đứng trước các khổ tâm không hề lay động một mảy may nào. Tâm không hề lay động một mảy may nào tức là xả lạc, xả khổ.

Tại sao lại xả niệm thanh tịnh? Niệm thanh tịnh vẫn còn là một pháp vô thường, khổ, vô ngã. Pháp vô thường, khổ, vô ngã là ác pháp cho nên đức Phật bảo: *“Dù Ta nhập các định do ly dục có hỷ lạc, nhưng hỷ lạc không chi phối tâm Ta”*. Không chi phối tâm Ta là đức Phật bất động tâm, không dính mắc vào

thọ lạc do ly dục sinh, đó là đức Phật xả thọ lạc. Xả lạc thọ giai đoạn đầu là không dính mắc, không thích thú, không chấp trước, không mong đợi, v.v..

Khi tâm định tĩnh,, nhu nhuyễn, dễ sử dụng thì xả thọ là tâm đình chỉ các hành trong thân khiến cho thân an lành không còn một chút cảm thọ nào xảy ra. Khi hơi thở ngưng thì các hành trong thân đều ngưng thì cảm nhận trạng thái thanh tịnh của tâm cũng không còn. Đó là phương cách xả niệm thanh tịnh ở giai đoạn Tứ thiền. Ngoài Tứ thiền thì không có thiền nào xả niệm thanh tịnh.

Cho nên xả lạc, xả khổ, xả niệm thanh tịnh là chỉ có ở trạng thái Tứ thiền. Người nhập Tứ thiền là người đã xả các cảm thọ và xả luôn tâm niệm thanh tịnh. Đó là phương pháp tu tập làm chủ sự sống chết.

Tu theo Phật giáo mà không tu tập Tứ Thánh Định thì không thể nào làm chủ sự sống chết được. Trên thế gian này chỉ có pháp môn Tứ Thánh Định mới tịnh chỉ được hơi thở.



LY HỖ TRÚ XẢ CÓ PHẢI LÀ PHÁP HƯỚNG TÂM KHÔNG?

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: Kính bạch Thầy! ly hỗ trú xả có phải là pháp hướng tâm không? Xin Thầy chỉ dạy lại ý này.

Đáp: Ly hỗ trú xả không phải là pháp hướng tâm, ly hỗ trú xả là những danh từ chỉ cho chúng ta muốn nhập Tam Thiên thì phải lìa xa 18 loại hỗ tưởng, mà muốn lìa xa 18 loại hỗ tưởng thì phải trú trong pháp xả, pháp xả gồm có có hai phần:

- 1- Định Niệm Hơi Thở.
- 2- Pháp hướng tâm như lý tác ý.

Khi muốn ly các loại hỗ tưởng thì phải trú tâm vào hơi thở và khéo tác ý xả nó, do đó đức Phật gọi tắt: “*Ly hỗ trú xả*”, có nghĩa là muốn ly trạng thái hỗ thì phải trú ở trong hơi thở ra, hơi thở vô thì sẽ ly trạng thái hỗ rất dễ dàng, không mấy khó khăn và không có mệt nhọc.

Khi tu tập vừa thấy hay cảm nhận một trạng thái tưởng nào thì mau mau xả pháp môn đang tu tập không được tiếp tục tu tập nữa. Khi xả pháp môn xong thì nên tiếp tục dùng pháp tác ý. Tác ý ngay trạng thái tưởng đó bảo nó phải diệt ngay liền và nương vào tâm thanh thân, an lạc và vô sự và thỉnh thoảng tác ý trạng thái tưởng đó phải dừng lại, cơ thể và tâm phải bình thường. Tác ý đến chừng nào trạng thái tưởng đó không còn nữa mới thôi.

Ly hỷ trú xả không phải là pháp hướng tâm, nó là ngôn ngữ để chúng ta nói cho người khác thông hiểu cách thức lìa xa trạng thái hỷ tưởng. Còn pháp như lý tác ý là phải tác ý đúng trạng thái tưởng đó, đúng tên của nó, chứ không thể nói chung chung được “Ly hỷ” là danh từ chỉ chung thì tâm biết trạng thái hỷ gì mà ly.

Ví dụ: Sắc tướng hiện ra khiến chúng ta thấy ánh sáng như hào quang hoặc thỉnh tướng hiện ra tai tiếng nói của các Tổ hay chư Thiên nói pháp hay tiếng tụng kinh niệm Phật thì phải tác ý đúng tên đúng của nó như: “*Ánh sáng hào quang này là sắc tướng hãy đi đi, Ta không chấp nhận người*” hoặc “*Tiếng nói của*

Tổ hay chư Thiên là thỉnh tướng, là Ma hãy đi đi Ta không chấp nhận người”.



NGHIỆP TÁI SANH

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: Kính bạch Thầy! Con nghĩ khi chúng sanh luân hồi là do nghiệp lực, nghiệp lực như luồng khí, luồng từ trường sẽ thu hút những gì có chung nhân duyên nhân quả với nó để hợp lại tạo nên một kiếp chúng sanh mới? Bởi vì ngay cả con người chết rồi là tan hoại hết thì chỉ còn có nghiệp đi luân hồi. Vậy nghiệp là thế phải không thưa Thầy ?

Đáp: Đúng như vậy, con đã hiểu đúng nghiệp lực đi tái sanh luân hồi là như vậy.

Khi một người còn sống hằng ngày thân, miệng, ý thường hay hoạt động tạo ra nghiệp lực, nghiệp lực có thiện và có ác. Hành động ác thì làm khổ mình, khổ người tạo ra nghiệp khổ chẳng lợi mình, lợi người mang đến sự khổ đau cho nhau, tạo cuộc sống chung như Địa Ngục, còn hành động thiện thì không làm khổ mình,

khổ người tạo ra nghiệp thiện lợi mình, lợi người mang đến hạnh phúc cho mọi người tạo cuộc sống chung an vui, thanh thản như cảnh giới Thiên Đàng.

Khi con người chết rồi tất cả toàn thân ngũ uẩn đều trả về môi trường sống của nó, chẳng còn một vật gì là của ta dù chỉ còn lại một chút xíu nhỏ như đầu mũi kim cũng không còn, nhà cao cửa rộng, con bầy cháu đàn cũng chẳng còn gì, vàng bạc châu báu ngọc ngà cũng vô nghĩa, chỉ còn lại nghiệp ác, thiện mà thôi.

Nghiệp ác, thiện là gì?

Nghiệp ác, thiện như con đã hiểu ở trên, nó là luồng khí như bao nhiêu luồng khí khác trong môi trường sống này, khi luồng khí nghiệp lực đó tương ứng với các luồng khí khác đủ duyên hợp lại thành một con người mới. Nói một cách khác cho dễ hiểu là mỗi hành động của chúng ta làm, nói và suy tư đều có một từ trường, từ trường đó thiện hay ác là do hành động thân, miệng, ý ác hay thiện mà thôi.

Từ trường toàn thiện thì không có duyên để hợp nên không tái sinh chỉ hưởng quả phước thiện ở từ trường đó chờ hết quả phước đó mới tái sinh làm người trở lại. Còn từ

trường thiện nhiều ác ít thì sẽ hợp duyên với những từ trường thiện ác khác trong môi trường sống và từ đó tiếp tục tái sinh làm chúng sanh mới trong hoàn cảnh thiện và phước báo đầy đủ⁶ chứ không có linh hồn đi tái sinh. Từ trường ác cũng vậy sẽ hợp duyên với những từ trường ác khác trong môi trường sống và tiếp tục tái sinh trong hoàn cảnh khốn khổ đủ mọi điều khổ hoặc sanh làm những loài vật nhỏ bé ti tiện như côn trùng, sâu, bọ v.v.. sống nơi ẩm ướt dơ bẩn, thời gian sống quá ngắn ngủi, tuổi thọ không được dài lâu.



THỨC TRONG 12 NHÂN DUYÊN VÀ THỨC NÀO LÀ LINH HỒN

Câu hỏi của Diệu Tâm

⁶ Từ trường thiện không còn có duyên để hợp nên không tạo ra thế giới, còn từ trường ác thì có các duyên để hợp mới tạo ra thành thế giới gồm có: dục giới, sắc giới và vô sắc giới. Do dục giới, sắc giới và vô sắc giới nên mới tạo ra thế giới khổ đau.

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Xin Thầy chỉ dạy “Thức” trong 12 nhân duyên và “thức” nào mà người vô minh cho là linh hồn? Họ dựa vào gì?*

Đáp: Trong 12 nhân duyên có 3 thức:

- 1- Thức là thức uẩn.
- 2- Danh là tướng uẩn còn gọi là tướng thức (cái thức trong giấc mộng).
- 3- Sắc là sắc uẩn còn gọi là sắc thức, sắc thức gồm có sáu thức: Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức.

Người đời vô minh không rõ cho tướng thức là linh hồn dựa vào những hiện tượng phi không gian và thời gian của tướng thức tạo ra sắc tướng như ánh sáng, lửa hay những hình bóng mờ mờ ảo ảo, v.v.. thanh tướng như âm thanh tiếng kêu, tiếng khóc, tiếng rên, v.v.. hương tướng như mùi thơm, mùi thối, v.v.. vị tướng như mùi vị ngon ngọt, cay, đắng xuất phát từ trong miệng của mình, v.v.. xúc tướng như cảm giác mát mẻ, nóng nực, khinh an, hỷ lạc, v.v.. pháp tướng như sự hiểu biết về các pháp tướng v.v.. như Tổ Long Thọ tướng ra trí tuệ Bát Nhã Chân Không, Phật tánh v.v.. hoặc nói chuyện quá khứ vị lai của người chết

hoặc người đang sống rất đúng. Do những hiện tượng này, nên tướng tri của loài người dựng ra có thể giới siêu hình và cho tướng thức là những con người vô sắc (linh hồn) sống trong thế giới đó.

Trong 12 nhân duyên thì duyên “danh sắc” là một duyên mà chiếm hai thức, đó là sắc thức và tướng thức. Do sự tu tập nhập Tứ Thánh Định, tịnh chỉ các thức, mới biết rõ 12 nhân duyên có ba thức chứ không có nhiều thức như các nhà Duy Thức phát triển chia chẻ đặt ra làm cho người sau khó hiểu.

Các nhà kinh sách phát triển cho ý thức không niệm thiện niệm ác là Phật Tánh, đó là một điều lầm lạc, và quá sai do lạc vào tướng tuệ tạo ra Tánh Thấy, Tánh Biết, Tánh Nghe... Xin quý vị cứ suy ngẫm kỹ, nếu xét đúng thì tin chúng tôi, còn nếu thấy chúng tôi nói sai thì đừng tin.

Chúng tôi nói ở đây không phải tự nói mà không thấy, chúng tôi thấy biết rất rõ mới nói và nói ra không phải chỉ có một mình chúng tôi nói mà đức Phật đã nói cách đây 2550 năm, Vì vậy những điều chúng tôi nói là lập lại của đức Phật qua sự chứng thật của mình.

Vì vậy, quý vị tin là có lợi ích cho quý vị, còn không tin thì thôi và quý vị sẽ bị người khác lừa đảo “*Tiền mất tật mang và phí công vô ích*”.

Tóm lại, thân người có 3 thức, không có linh hồn. Khi người chết đều tan hoại tất cả không còn một vật gì tồn tại chỉ còn nghiệp thiện ác do trong lúc sống gây tạo ra do lòng ham muốn.



MINH

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Sách Đường Về Xứ Phật tập VI, Thầy có giải nghĩa “Minh” có từ giới luật, và có đoạn ông Bàn Đạc tối tăm dốt nát, sau khi được Phật dạy tu hành, chứng quả A La Hán thông suốt tam tạng kinh điển, như vậy thời Phật tại thế có kinh điển sao? Và sao Thầy lại bảo quý Thầy đọc các bộ kinh Nguyên Thủy cũng như kinh sách phát triển để khi có ai hỏi để biết trả lời. Theo con nghĩ Thầy nên quán xét và độ họ tu nhanh giải*

thoát xong là cái gì là không biết ? Con thắc mắc xin Thầy chỉ dạy.

Đáp: Nói về “*Minh*” thì các nhà kinh sách phát triển hiểu “*Minh*” có nghĩa là sự hiểu biết một cách rộng rãi bao la mà không cần học, cho nên câu chuyện ông Châu Lợi Bàn Đặc là một câu chuyện bịa đặt của các nhà phát triển.

Ông Châu Lợi Bàn Đặc trong kinh Nguyên Thủy là người tối tăm học bốn câu kệ mãi mà không thuộc, khi chứng quả A La Hán, ông thể hiện thần thông biến ra vô số ông Bàn Đặc ngồi khắp trong rừng, còn kinh sách phát triển nói: khi ông chứng quả A La Hán, liền thông suốt Tam Tạng kinh điển lên đàn thuyết giảng. Trong kinh Nguyên Thủy chúng ta còn tin vì khi ông Châu Lợi Bàn Đặc chứng quả A La Hán thị hiện thần thông, còn kinh sách phát triển chúng ta không tin là vì thời đức Phật chưa có Tam Tạng kinh điển thì lấy gì gọi là thông suốt.

Người ta hiểu lầm ý nghĩa “*trí tuệ*” của đạo Phật, tưởng khi tu chứng đạo là thông suốt cả tam thiên đại thiên thế giới, cái gì cũng hiểu tất cả, điều đó là sai. Đức Phật đã xác định: “***Nếu bảo rằng Ta hiểu biết tất cả là có nói láo trong Ta***” (lời dạy này trong kinh

Tăng Chi). Khi tu chứng là có sự hiểu biết không làm khổ mình, khổ người; là có sự hiểu biết đạo đức nhân bản làm người. Sự hiểu biết đó có mục đích giải quyết sự đau khổ của con người chứ không phải là sự thông suốt vũ trụ cái gì cũng biết. Nếu tu chứng mà biết như vậy có ích lợi gì hay biết như vậy để đi ra tranh luận hơn thua cao thấp với mọi người?

Đức Phật nói: ***“Trí tuệ đâu là giới luật đó, giới luật đâu là trí tuệ đó”*** (kinh Trường Bộ), giới luật tức là đức hạnh, vậy chỗ nào có đức hạnh chỗ đó có trí tuệ, đức hạnh và trí tuệ được gắn liền với nhau. Trí tuệ thông suốt Tam tạng kinh điển chưa hẳn là trí tuệ đức hạnh. Kinh điển phát triển phần nhiều có những bài kinh dạy mê tín trùu tượng mơ hồ và phi đạo đức v.v... Như vậy, người thông suốt Tam Tạng kinh điển chưa hẳn là người có *“Minh”*. Minh của đạo Phật có nghĩa là sự hiểu biết không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh.

Ở đây Thầy khuyên đệ tử đọc kinh sách Nguyên Thủy cũng như kinh sách phát triển là để:

1- Thấu rõ âm mưu thâm độc của Bà La Môn Giáo đã, đang và hiện tại diệt Phật giáo bằng những danh từ chấn hưng đạo Phật.

2- Biết rõ pháp môn nào của Phật giáo và pháp môn nào không phải của đạo Phật.

3- Khi có người chất vấn nếu không đọc hai loại kinh sách này thì biết đâu mà trả lời cho đúng. Vì Minh của đạo Phật không có nghĩa là trí tuệ hiểu biết sự tào lao (tam tạng kinh điển của Bà La Môn), minh của đạo Phật là trí tuệ hiểu biết để làm chủ sự sống chết và chấm dứt luân hồi. Thầy xin nhắc lại một lần nữa, khi đức Phật tu chứng Ngài nói: ***“Nếu Ta nói Ta hiểu biết tất cả trong thế gian này là có nói láo trong Ta”***

Kinh sách phát triển dựa vào lời nói của đức Phật: ***“Ta dạy cho các tỳ kheo như nắm lá cây trong lòng bàn tay và Ta tu chứng như rừng lá cây”***, nghe câu nói này, những người không hiểu biết về Phật giáo nên nghĩ tưởng rằng: đức Phật tu chứng đạo là biết tất cả mọi việc trong tam thiên đại thiên thế giới cái gì cũng biết. Do sự hiểu sai này nên mới bịa ra câu chuyện ông Châu Lợi Bàn Đặc u tối, nhưng khi tu chứng quả A La Hán thì thông suốt Tam Tạng kinh điển, đó là một điều nói

sai của kinh sách phát triển. Nói không đúng sự thật mà không khéo léo để lộ đuôi nên người đời sau thấy rõ. Phật còn tại thế đâu có kinh sách. Vậy mà tu chứng là thông suốt tam tạng kinh điển thì thật là nói láo không sách vở.

Trong sách Đường Về Xứ Phật Thầy nêu câu chuyện ông Châu Lợi Bàn Đạc để gợi ý cho phật tử hỏi, do đó mới có nhân duyên vạch trần sự lừa đảo thêm bớt của kinh sách phát triển để mọi người rõ hơn.



PHƯƠNG CÁCH NHẬP NHỊ THIÊN

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: Kính bạch Thầy! Xin Thầy giảng trạch rõ: - Khi ly dục ly ác pháp nhập Sơ Thiên - Muốn nhập Nhị Thiên phải ra khỏi Sơ Thiên chừng đó điều tâm như thế nào? Nếu như lý tác ý “tịnh chỉ tâm tứ” có được không? Vì lúc đó tâm không còn thanh tịnh hoàn toàn (vì xả Sơ Thiên).

Đáp: Bởi Sơ Thiền con chưa nhập được, nên mới có câu hỏi này. Tại sao?

Tại vì tâm chưa ly dục ly ác pháp nên con không biết được trạng thái này, khi tâm đã ly dục ly ác pháp thì tâm con lúc nào cũng thanh tịnh vì nó không còn tham, sân, si, mạn, nghi nữa, lúc tiếp duyên cũng như lúc không tiếp duyên với mọi người nó đều thanh tịnh.

Cho nên, trước khi nhập Sơ Thiền thì con ly dục ly ác pháp nhập Bất Động Tâm Định. Bất Động Tâm Định là một trạng thái Tứ Niệm Xứ sung mãn, trạng thái này có đủ 7 năng lực của Thất Giác Chi. Do 7 năng lực của Thất Giác Chi con mới nhập vào trạng thái của Sơ Thiền là trạng thái tâm không phóng dật, tâm không phóng dật tức là tâm ly dục ly ác pháp. Nói nhập Sơ Thiền là nói tâm thanh tịnh, khi tâm đã thanh tịnh thì làm sao ra khỏi sự thanh tịnh đó? Nói ra khỏi Sơ Thiền để nhập Nhị Thiền tức là muốn nói tâm ra khỏi 5 chi thiền của Sơ thiền là: Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc và Nhất Tâm. Khi ra khỏi 5 chi thiền này thì nương vào hơi thở và ở trên hơi thở để dùng pháp hướng tịnh chỉ tầm tứ nhập Nhị

Thiền, chứ trạng thái tâm đã ly dục ly ác pháp thì không thể nào trở lui lại với đời sống dục lạc thế gian nữa, chỉ có những người hết muốn tu thì mới trở lui lại chạy theo dục lạc thế gian để hưởng thụ, còn người quyết tâm tu giải thoát thì luôn luôn lúc nào cũng ở trong trạng thái ly dục này.

Ví dụ: Một sinh viên đang học năm thứ nhất trên đại học y khoa, có nghĩa là phải tốt nghiệp lớp 12 cấp phổ thông, hay nói cách khác cho dễ hiểu là anh phải rời khỏi lớp 12 rồi mới lên đại học, học năm thứ nhất mới được. Ở đây không có nghĩa là người sinh viên này trở lại một cậu bé chưa cấp sách đến trường lần nào (chưa biết chữ) mà bước vào năm thứ nhất của Đại học y khoa. Còn nếu anh sinh viên đại học mà cứ ở lại lớp 12 và học bài vở lớp 12 thì không thể nào là sinh viên đại học y khoa được.

Ra khỏi 5 chi của Sơ Thiền là ý nghĩa này chứ không phải rời khỏi tâm thanh tịnh.

Sơ Thiền ví như cái nhà của chúng ta đang ở, là khỏi cái nhà để trồng đám ngô, đám ngô ví như Nhị Thiền, nhưng trồng ngô

xong thì chúng ta trở về nhà nghỉ, nhưng khi chúng ta muốn trồng lúa, đám lúa ví như Tam Thiên, thì chúng ta phải rời khỏi nhà và đám ngô, khi trồng lúa xong chúng ta trở về nhà, v.v...

Còn nếu mình ở trong nhà (Sơ Thiên) mà trồng ngô thì không thể trồng được vì nhà để ở chứ không thể trồng ngô, trồng lúa được, cũng như trong đám ngô thì không thể trồng lúa vào được, trồng như vậy chẳng có kết quả.

Cho nên, xả Sơ Thiên không có nghĩa là một người có học thức mà xả bỏ cái học thức của mình. Xả Sơ Thiên có nghĩa là rời lớp học thấp lên lớp học cao hơn.

Khi muốn nhập Nhị Thiên thì phải ra khỏi Sơ Thiên bằng cách nương vào hơi thở, tâm ở trên đường dây hơi thở này thường như lý tác ý: *“Tâm tứ phải tịnh chỉ nhập Nhị Thiên”*, cứ thỉnh thoảng hướng tâm một lần, chừng nào tâm nhập Nhị Thiên mới thôi vì lúc đó hơi thở cũng mất tiêu, tâm tứ cũng không còn, tâm tứ không còn thì không còn hướng tâm được.

Tâm tứ thuộc về ý thức, nếu tâm tứ dừng thì ý thức dừng. Ý thức là một thức trong sáu thức, nên ý thức dừng thì năm thức kia đều dừng theo hết. Nhóm sáu thức gồm có:

- 1- Nhãn thức
- 2- Nhĩ thức
- 3- Tỷ thức
- 4- Thiệt thức
- 5- Thân thức
- 6- Ý thức

Khi nhập Nhị Thiên tai không nghe tiếng, mắt không thấy sắc, mũi không ngửi mùi hương thơm hay thối, lưỡi không nếm vị, thân không xúc chạm tức là sáu căn ngưng hoạt động thì mới nhập được Nhị Thiên.



HÀNH CÁC PHÁP THIỆN CÓ PHẢI LÀ TU TẬP CHÁNH NIỆM TỈNH GIÁC VÀ ĐỊNH NIỆM HƠI THỞ KHÔNG?

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: Kính bạch Thầy! Xin Thầy hoan hỷ chỉ dạy con cách hành và qua ví dụ để con rõ về hai loại định: “Chánh Niệm Tỉnh Giác Định và Định Niệm Hơi Thở”. Chánh niệm có phải là các pháp thiện không?

Đáp: Chánh Niệm Tỉnh Giác Định là niệm chân chánh. Niệm chân chánh tức là niệm thiện, cho nên Chánh Niệm Tỉnh Giác tức là tâm niệm niệm hằng giây, hằng phút, hằng giờ, hằng ngày trong trong sức tỉnh thức để các niệm ác không xen vào được. Cho nên nó là các pháp thiện, nếu có một niệm ác xen vào thì không thể gọi đây là chánh niệm được.

Trong Bát Chánh Đạo có tám nẻo: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định. Chánh Niệm là

một nẻo thiện trong tám nẻo thiện, pháp hành của đạo Phật là như vậy.

Chánh Niệm trên Tứ Niệm Xứ mà Tứ Niệm Xứ thì có bốn chỗ để tu tập thiện pháp, trên bốn chỗ đó luôn luôn khắc phục ác pháp không cho ác pháp xâm chiếm vào, vì thế, người thường sống trong Chánh Niệm là người sống đạo đức không làm khổ mình, khổ người hay nói một cách khác là người tu thiền Tứ Niệm Xứ.

Chánh Niệm như con đã hỏi có phải là các thiện pháp không?

Đúng vậy Chánh Niệm là niệm các pháp thiện như:

- 1- Không tham.
- 2- Không sân.
- 3- Không si.
- 4- Không làm đau khổ chúng sanh.
- 5- Không trộm cắp, cướp giết, móc túi, lấy của không cho.
- 6- Không tà dâm.
- 7- Không nói vọng ngữ.
- 8- Không nói lời hung dữ.
- 9- Không nói thêu dệt

10- Không nói lưỡi hai chiều.

Niệm các niệm thiện không có nghĩa đọc thầm 10 niệm thiện như niệm chú, đọc kinh, mà chính phải sống trọn vẹn và giữ gìn thân, thọ, tâm, pháp của mình trong 10 điều lành trên đây. Có như vậy mới được gọi là Chánh Niệm Tỉnh Giác Định.

Định Chánh Niệm Tỉnh Giác Định và Định Niệm Hơi Thở là hai pháp môn thiện để tu tập ngăn các ác và diệt các ác pháp.

Ví dụ: Con đi kinh hành, trước khi bước đi con hướng tâm nhắc: *“Tâm như đất từ bỏ tham, sân, si tôi biết tôi đi kinh hành”*, cứ thỉnh thoảng con vừa đi vừa nhắc câu pháp hướng này.

Ví dụ: Con đang nấu cơm, trước khi nấu cơm con hướng tâm nhắc: *“Tâm như cục đất từ bỏ xa lìa lòng tham, sân, si tôi biết tôi đang nấu cơm”*. Và trong thời gian còn đang nấu cơm thì con cứ thỉnh thoảng lại nhắc tâm câu pháp hướng trên cho đến khi nấu cơm xong.

Mục đích ở đây là nương vào hành động làm việc hoặc hơi thở để được tỉnh thức không quên Chánh Niệm tức là pháp hướng nhắc tâm, chứ không phải tỉnh thức trong hành

động làm hay đi hay thở mà nhờ nhắc tâm “*đi, hơi thở và làm việc là để tỉnh thức trên Chánh Niệm từ bỏ tâm tham, sân, si, mạn, nghi*”.

Cho nên, pháp hành của đức Phật thật là rõ ràng và cụ thể mỗi hành động tu tập đều mang đến một ý nghĩa thiện, một kết quả an lạc, yên vui, các pháp hành của đức Phật sẽ mang đến cho chúng ta một điều gì đó rất giải thoát thực tế cho đời sống của con người. Nhờ vậy con người tu tập tức là sẽ sống không làm khổ mình, khổ người. Đây là sự thanh thản, an lạc và vô sự của loài người. Làm người ai ai cũng nên chọn cho mình một sự sống như vậy để đem lại sự an vui cho mình cho người và cho muôn loài vạn vật trên hành tinh này.



PHÁP HƯỚNG TÂM NGẮN GỌN CÓ KẾT QUẢ NHANH HƠN

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Xin Thầy chỉ dạy cho con khi tu Định Niệm Hơi Thở dùng pháp hướng tâm như lý tác ý nhắc nhiều câu pháp*

hướng và mỗi câu pháp hướng thì dài như: “Thân ngồi ngay thẳng không được nhúc nhích xô dịch, không được cảm giác nóng lạnh, đầu không được nhúc... cái tâm không được sanh vọng tưởng... tai không được nghe âm thanh... cái mũi... cái miệng... Như vậy phải nhắc liên tục suốt buổi tu hay thỉnh thoảng cách 5 hơi thở? Và hướng tâm như vậy có hiệu quả không?

Đáp: Trách câu pháp hướng như thế nào “ngắn gọn đầy đủ ý nghĩa và chỉ thẳng mục đích của nó giải quyết tâm trạng đang vướng mắc cần phải xả ly, từ bỏ” trong pháp đang tu hành. Trách câu pháp hướng như vậy là một lệnh truyền thì sẽ có hiệu quả, còn nếu câu pháp hướng tâm dài quá sẽ mất ý nghĩa truyền lệnh mạnh mẽ, do đó sẽ không có hiệu quả.

Khi hướng tâm thì phải thỉnh thoảng 5, 10 hơi thở là lúc ngồi tu định Niệm Hơi Thở hoặc 5, 10 bước đi lúc đi kinh hành mới nhắc tâm một lần chứ không được nhắc liên miện như tụng kinh, niệm chú thì tu tập như vậy là sai không đúng cách, không đúng cách sẽ không có hiệu quả tốt và tu tập như vậy sẽ phí công.

Nên lưu ý: Ở đây tu tập không dùng câu pháp hướng tâm để ức chế tâm khiến cho tâm không còn niệm khởi; ở đây dùng câu pháp hướng để xả tâm ly tham đoạn diệt ác pháp, để thực hiện tâm bất động trước các ác pháp và các cảm thọ; để giữ gìn chân lý thanh tịnh, an lạc và vô sự, chứ không diệt ý thức để trở thành gốc cây, cục đá.



KHI NÀO MỚI BẮT ĐẦU HƯỚNG TÂM

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: *Kính Bạch Thầy! Khi nào mới bắt đầu hướng tâm?*

Đáp: Trước khi đi kinh hành phải hướng tâm rồi mới bước đi và đi được 10 bước lại hướng tâm một lần nữa và cứ tiếp tục 10 bước là hướng tâm một câu. Hướng tâm như vậy có nghĩa là nhắc tâm đừng quên xa lìa lòng ham muốn và các ác pháp, chứ pháp hướng tâm chưa có hiệu quả gì chỉ giúp cho chúng ta nhớ được lòng ham muốn và ác pháp để xả, đó là hiệu quả đầu tiên của pháp hướng tâm.

Ngồi tu Định Niệm Hơi Thở, sau khi tréo chân ngồi xếp bằng, lưng thẳng và toàn thân cảm giác được an ổn, bất động thì mới bắt đầu hướng tâm, sau khi hướng tâm xong, tâm chú ý vào hơi thở thì bắt đầu hít vô và thở ra, đúng 5 hơi thở hoặc 10 hơi thở rồi dừng lại tác ý hướng tâm một lần nữa như câu trên, tu tập cho đến khi xả Định Niệm Hơi Thở mới thôi.

Tóm lại, cách thức dùng pháp hướng tâm trước khi đi kinh hành rồi từ đó về sau cứ mỗi 5 bước hoặc 10 bước là hướng tâm một lần, Định Niệm Hơi Thở cũng vậy, tu tập như vậy phải siêng năng chuyên cần hằng ngày, đừng tu theo kiểu một nắng hai sương thì không có kết quả.

Pháp hướng tâm là một phương pháp dẫn tâm vào đạo. Trong kinh Pháp Cú Phật dạy:

“Tâm dẫn đầu các pháp

Tâm làm chủ tâm tạo tác...”

Pháp hướng tâm là một pháp môn rất đặc biệt, người nào siêng năng tu tập thì có đủ khả năng điều khiển làm chủ thân tâm một cách cụ thể rõ ràng. Vì thế đức Phật nói:

“Thiên thượng thiên hạ

Duy ngã độc tôn

Nhất thiết thế gian

Sanh, lão, bệnh, tử

Chỉ có ***“Tác ý một tướng khác của tướng kia thì tướng kia sẽ bị diệt sạch”***, đó là lời dạy của Phật để chúng ta theo pháp môn này tập luyện mới có đủ nội lực ngăn và diệt các ác pháp và các cảm thọ rất tuyệt vời. Kính mong quý vị đặt trọn lòng tin áp dụng vào đời sống hằng ngày sẽ thấy kết quả ngay liền ***“Pháp Ta không có thời gian đến để mà thấy...”***, đúng như lời đức Phật đã xác định.

Pháp Phật rất đơn giản và tu hành dễ dàng không có khó khăn, không có mệt nhọc như người ta tưởng, vì nó là thiện pháp, là đạo đức của mỗi con người nên con người chỉ cần có nhiệt tâm sống như lời Phật dạy là đã chứng đạt chân lý. Chỉ có những người không chịu hiểu nên tu sai, nhất là không nhận ra pháp thiện pháp, không chấp nhận sống đời đạo đức làm người thì không thể chứng đạt chân lý được. Vì chân lý là một sự thật của loài người mà ai cũng có nơi thân tâm, nó không riêng của một người nào cả.



TU ĐỊNH VÔ LẬU TRÊN BỐN CHỖ THÂN, THỌ, TÂM PHÁP NHƯ THẾ NÀO?

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: Kính bạch Thầy! Khi tu Định Vô Lậu, phải dùng tâm tư duy, quán xét bốn chỗ thân, thọ, tâm, pháp. Xin Thầy dạy rõ hơn về cách hành.

Đáp: Muốn tu tập Định Vô Lậu, ở đây Thầy chỉ thẳng không giải thích lòng vòng. Bắt đầu vào tu, con ngồi kiết già hoặc ngồi bán già lưng thẳng hoặc ngồi trên ghế thường hoặc đi kinh hành hoặc làm mọi việc. Tuy đi, đứng, nằm, ngồi hoặc làm mọi việc con nên để ý bốn chỗ thân, thọ, tâm và pháp của con, nếu trên bốn chỗ này có xảy ra chướng ngại pháp thì con nên quán xét chướng ngại pháp đó rồi dùng pháp hướng đẩy lui ra khỏi bốn chỗ này, khi chướng ngại pháp đã được đẩy lui ra khỏi thân tâm thì ngay đó thân tâm con được giải thoát. Thân tâm con được giải thoát tức là vô lậu, vô lậu tức là thân tâm con thanh thản, an lạc và vô sự.

Tu Định Vô Lậu tức là quán xét như thế nào để cho tâm ham muốn và các ác pháp lìa xa khỏi thân tâm của con khiến cho thân tâm con không còn phiền não đau khổ nữa.

Cách tu hành dễ nhất của nó như Thầy đã dạy ở trên.

Ví dụ: Ngồi quan sát trên bốn chỗ thân, thọ, tâm, pháp giống như người lính gác bốn cửa thành như sau:

1- Thấy thân yên lặng, thanh thản, an lạc và vô sự thì nên để thân tâm tự nhiên, đừng dả động đến nó.

2- Thấy tâm yên lặng, thanh thản, an lạc và vô sự thì nên để thân tâm tự nhiên, đừng dả động đến nó.

3- Thấy thọ yên lặng, thanh thản, an lạc và vô sự thì nên để thân tâm tự nhiên, đừng dả động đến nó.

4- Thấy pháp yên lặng, thanh thản, an lạc và vô sự thì nên để thân tâm tự nhiên, đừng dả động đến nó.

Cảm giác trên bốn chỗ này thấy rất rõ như vậy thì cứ để tự nhiên cho nó, có nghĩa là để cho nó tự nhiên thanh thản, an lạc và vô

sự, đó là tâm không phóng dật. Tâm không phóng dật tức là tâm vô lậu.

Khi tu tập quán Tứ Niệm Xứ còn thấy thân tâm cảm nhận chương ngại pháp:

1- Trên thân, thọ có pháp ác đến, nghĩa là con có cảm giác như: đau, nhức, ngứa, mỗi một, tê, nóng, rát trên thân v.v.. thì con nên quán xét mà đẩy lui nó ra khỏi thân con. Vậy đẩy lui bằng cách nào? Khi con ngồi kiết già chân bị tê, đau nhức hay nóng con muốn đẩy lui chương ngại pháp đó thì con hãy đứng dậy đi kinh hành tức khắc đau tê nhức được đẩy lui, tức là con trở về trạng thái thân tâm thanh thản, an lạc và vô sự.

2- Trên tâm thọ có ác pháp đến, nghĩa là trong tâm con có một niệm khởi, niệm khởi ấy đem đến cho con một sự phiền não, một sự lo lắng, một sự buồn khổ, v.v.. cho đến một niệm tào lao chẳng ích lợi gì tuy nó không làm cho tâm con buồn khổ, phiền não, nhưng nó cũng làm cho tâm con mất thanh thản, an lạc và vô sự, vì vậy con cần phải đẩy lui tất cả để tâm con trở về trạng thái thanh thản, an lạc và vô sự thì mới đúng cách thức tu tập. Ở đây con phải hiểu có nghĩa là con tu tập đẩy lui như thế nào mà tâm con tự nhiên không phóng

dật. Tâm con tự nhiên không phóng dật là con đã đi hết hai phần ba đường của Đạo giải thoát.

3- Trên Pháp thọ có ác pháp đến, có nghĩa là con đang sống một mình và đang quan sát thân, thọ, tâm, và pháp của con thì có một người bạn đến nói chuyện, thì con phải hiểu đó là ác pháp đến với con, khiến con mất đi trạng thái thanh thản, an lạc và vô sự, nếu con thích nói chuyện với người bạn đó hoặc con tùy thuận nói chuyện để khỏi mất lòng bạn bè, thì trong cuộc đời tu hành của con không mạnh dạn quyết tâm đẩy lui các chướng ngại pháp đó thì dù con có tu ngàn đời muôn kiếp cũng chẳng bao giờ giải thoát được, vì đó là duyên để tâm con phóng dật, mà tâm còn phóng dật thì chẳng bao giờ hết lậu hoặc, tâm không hết lậu hoặc thì làm sao tâm hết tham, sân, si được, tâm không hết tham, sân, si thì làm sao có thiền định được.

4- Thọ thân, thọ tâm, thọ pháp như thân thọ tâm pháp ở trên đã dạy đều có ác pháp đến xâm chiếm vào thân tâm con thì con cũng quán xét đẩy lui để tâm con luôn luôn sống trong thanh thản, an lạc và vô sự.

Tóm lại, chỉ có hằng giây, hằng phút, hằng giờ, hằng ngày, hằng tháng, hằng năm, lúc nào, thời gian nào đều phải quan sát trên bốn chỗ thân, thọ, tâm, pháp mà đẩy lui các chương ngại pháp trên đó, để bảo vệ chân lý. Khi nào các chương ngại pháp không còn tác động đến bốn chỗ thân, thọ, tâm và pháp là con đã thành tựu viên mãn sự tu hành của con. Chừng đó con đã chứng đạt chân lý, có nghĩa là lúc nào con cũng sống với tâm bất động mà không một chương ngại nào tác động được. Đến đây con đường tu tập của con đã hoàn thành, ***“Sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, không còn trở lui trạng thái này nữa”***.



VÉN MÀN NGŨ TRIỀN CÁI, BÚT SẠCH THẮT KIẾT SỬ

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: Kính bạch Thầy! Sau khi quán xét thông suốt rồi dùng pháp hướng tâm quét sạch lậu hoặc. Xin Thầy dạy cho cách vén màn ngũ triền cái, bút sạch thắt kiết sử.

Đáp: Ngồi quan sát thân, thọ, tâm, pháp của con và đẩy lui các chướng ngại pháp trên đó là cách thức con đã vén màn ngũ triền cái và bút sạch thắt kiết sử. Nhưng con phải biết rõ, phải nhận thấy tâm nào là tâm tham triền cái và tâm nào là tâm tham kiết sử, phải phân biệt cho rõ ràng. Các con đã học lớp Chánh kiến chưa? Trong lớp Chánh kiến có bài học về ngũ triền cái và Thập thất kiết sử. Khi học xong lớp Chánh kiến thì không có một niệm ngũ triền cái hoặc một niệm thất kiết sử nào qua mặt con được. Vì có học nên con thông suốt tất cả ngũ triền cái và thập thất kiết sử đều là ác pháp, nên không bao giờ con làm nó. Không bao giờ làm nó, do đó con không chấp nhận cho nó tái diễn tới lui nên ngăn và diệt

tận gốc. Khi biết rõ nó thì nhất định không làm theo nó, không làm theo nó tức là ly nó. Và không làm theo nó mãi thì nó bị diệt mất không còn tới lui nữa.

Diệt ngũ triền cái và thập thất kiết sử chỉ có tri kiến giải thoát mà ***“tri kiến giải thoát ở đâu thì giới luật ở đó”***. Cho nên giới luật càng sống nghiêm túc thì tri kiến giải thoát càng thông suốt: ***“Giới luật làm thanh tịnh tri kiến, tri kiến là thanh tịnh giới luật”***.

Như vậy xả tâm ly dục ly ác pháp bằng tri kiến giải thoát, chứ không phải xả tâm bằng nhiếp tâm trong hơi thở ra hơi thở vô, bằng đi kinh hành, bằng niệm Phật niệm chú, tụng kinh, bằng tham công án thoại đầu, v.v..

Muốn tu tập theo Phật giáo quý vị hãy lưu ý những lời dạy trên đây: ***“Xả tâm bằng Chánh tri kiến để chứng đạt chân lý tâm thanh thản, an lạc và vô sự, chứ không phải xả tâm bằng chế ngự vọng tưởng chẳng niệm thiện niệm ác để kiến tánh thành Phật hoặc để được nhất tâm, nhờ đó để được Phật rước về cõi Cực Lạc Tây phương”***.



CÁCH THỨC TU HÀNH THẤT GIÁC CHI

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Xin Thầy chỉ dạy cách tu Khinh An Giác Chi, Định Giác Chi, Xả Giác Chi và cho ví dụ để con được rõ hơn.*

Đáp: Muốn tu tập Thất Giác Chi thì con phải hiểu nghĩa Thất Giác Chi cho rõ ràng rồi mới tu tập. Trong Tứ Niệm Xứ đức Phật có dạy trên pháp quán pháp: ***“Lại nữa này các tỳ kheo, tỳ kheo sống quán pháp trên các pháp đối với bảy Giác Chi. Nay các tỳ kheo, thế nào là tỳ kheo sống quán pháp trên các pháp đối với Bảy Giác Chi? Nay các tỳ kheo ở đây tỳ kheo có Niệm Giác Chi, tuệ tri⁷: “Nội tâm tôi có niệm giác chi”; hay nội tâm tôi không có niệm giác chi, tuệ tri: “Nội tâm tôi không có niệm giác chi”. Và với niệm giác chi chưa sanh nay sanh khởi, vị ấy tuệ tri như vậy, và với niệm giác chi đã sanh, nay được tu tập viên thành, vị ấy tuệ tri như vậy”.*** Đoạn

⁷ -Tuệ tri có nghĩa là “tôi biết rõ”

kinh này trong bài kinh Tứ Niệm Xứ trong kinh Trung Bộ thuộc tạng kinh Pali thuộc Nikaya trang 146. Đoạn kinh này nếu một người không có kinh nghiệm tu hành thì khó giảng giải nổi.

Bây giờ chúng ta trở lại bài kinh Thất Giác Chi, từ lâu chưa có ai hỏi Thầy về Thất Giác Chi, đến nay mới có một nhân duyên tốt, con hỏi Thầy cách thức tu tập nó.

Thất Giác Chi có nghĩa là bảy chi phần giác ngộ giải thoát hay là bảy pháp dùng trí tuệ hiểu biết tu tập làm chủ sanh, già, bệnh, chết chấm dứt tái sanh luân hồi. Thất Giác Chi còn gọi là Thất Bồ Đề Phần. Thất Bồ Đề Phần thuộc về Hán tạng Tiểu Thừa kinh A Hàm.

Thất có nghĩa là bảy.

Bồ Đề có nghĩa là giải thoát.

Phần có nghĩa là chi phần, mỗi phần, mỗi pháp môn trong một chùm bảy pháp có sự liên hệ mật thiết với nhau trong sự tu tập đi đến giải thoát hoàn toàn, mà mỗi phần tu tập đều có sự giải thoát của mỗi phần, nên gọi là Bồ đề phần hay là Giác chi.

Chi phần đầu tiên của Thất Giác Chi là Niệm Giác Chi. Vậy niệm giác chi có nghĩa là gì?

1- Niệm Giác Chi có nghĩa là niệm giải thoát, niệm giải thoát có nghĩa là Chánh Niệm như Chánh Niệm trong Bát Chánh Đạo, Chánh Niệm trong Bát Chánh Đạo tức là Tứ Niệm Xứ, nên đoạn kinh Thất Giác Chi trên đã có trong bài kinh Tứ Niệm Xứ. Nhưng chúng ta nên biết Chánh Niệm tức là niệm thiện. Muốn tu tập niệm thiện thì bắt đầu tu tập pháp môn Tứ Chánh Cần. Mục đích của Tứ Chánh Cần là chấp nhận niệm thiện loại trừ niệm ác. Cho nên, toàn bộ chúng tỳ kheo đệ tử của đức Phật đều phải tu Tứ Chánh Cần, rồi sau đó tùy theo căn cơ mỗi người, có người còn tiếp tu Tứ Chánh Cần; có người tu Tứ Niệm Xứ; có người tu Tứ Như Ý Túc; có người tu Tứ Vô Lượng Tâm v.v.. đều nhắm vào ngăn ác diệt ác pháp để tâm ly dục ly ác pháp: ***“Này các tỳ kheo, trong chúng tỳ kheo này, có những vị tỳ kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm, tu tập Bốn Niệm Xứ. Các bậc tỳ kheo như vậy, này các tỳ kheo, có mặt trong chúng tỳ kheo này. Này các tỳ kheo, trong chúng tỳ kheo này, có những vị tỳ***

kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm, tu tập Bốn Chánh Cần. Các bậc tỳ kheo như vậy, này các tỳ kheo, có mặt trong chúng tỳ Kheo này. Này các tỳ kheo, trong chúng tỳ kheo này, có những vị tỳ kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm, tu tập Bốn Như Ý Túc. Các bậc tỳ kheo như vậy, này các tỳ kheo, có mặt trong chúng tỳ kheo này. Này các tỳ kheo, trong chúng tỳ kheo này, có những vị tỳ kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm, tu tập Năm Căn. Các bậc tỳ kheo như vậy, này các tỳ kheo, có mặt trong chúng tỳ kheo này. Này các tỳ kheo, trong chúng tỳ kheo này, có những vị tỳ kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm, tu tập Năm Lực. Các bậc tỳ kheo như vậy, này các tỳ kheo, có mặt trong chúng tỳ kheo này. Này các tỳ kheo, trong chúng tỳ kheo này, có những vị tỳ kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm, tu tập Bảy Giác Chi. Các bậc tỳ kheo như vậy, này các tỳ kheo, có mặt trong chúng tỳ kheo này. Này các tỳ kheo, trong chúng tỳ kheo này, có những vị tỳ kheo là những vị sống chuyên tâm, chú tâm, tu tập Thánh Đạo Tám Ngành..”.

(Đoạn kinh trên đây trong kinh Trung Bộ tập 3 trang 253 thuộc tạng Pali Nguyên Thủy).

Mặc dù trong chúng tỳ kheo, có người tu pháp này kẻ tu pháp khác nhưng chúng ta nên lưu ý 37 phẩm trợ đạo của đạo Phật không ra ngoài Đạo Đế và mục đích của các pháp môn này không ngoài sự ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp để ly dục ly ác pháp, cho nên pháp môn tuy nhiều tên nhưng tùy theo sở thích của mọi người hợp với pháp môn nào thì tu pháp môn nấy với đặc tướng của mình chứ không phải mỗi pháp môn có sự riêng biệt nhau, khác nhau, các pháp môn có sự hỗ tương cho nhau, như tu pháp này thì nó làm cho sung mãn pháp khác như kinh dạy: ***“Nhập tức xuất tức niệm, được tu tập, làm cho sung mãn, khiến cho Bốn Niệm Xứ được viên mãn, Bốn Niệm Xứ được tu tập, làm cho sung mãn, khiến cho Bảy Giác Chi được viên mãn. Bảy Giác Chi được tu tập, làm cho sung mãn, khiến cho mình giải thoát (vijjavimutti) được viên mãn”.*** (Trung Bộ tập 3 trang 255).

Những lời dạy trên đây chúng ta nhận xét: tu tập Niệm Giác Chi tức là tu tập Tứ Chánh Cần, bởi vì, ngăn ác diệt ác pháp, sanh

thiện tăng trưởng thiện pháp tức là có giải thoát ngay liền, chỉ có người ở trong ác pháp thì mới không có giải thoát, còn sống trong thiện pháp thì muôn người, vạn người đều có sự giải thoát như nhau cả không có người nào là không có giải thoát. Cho nên, Niệm Giác Chi là một tên khác của Chánh Niệm, Chánh Niệm tức là Tứ Niệm Xứ mà Tứ Chánh Cần là pháp môn tu tập trên Tứ Niệm Xứ, vì thế nói đến Chánh Niệm, là nói đến Tứ Chánh Cần, Chánh tinh Tấn, Tấn lực, Tấn căn đều là Niệm Giác Chi cả. Muốn tu tập Tứ Chánh Cần thì Định Niệm Hơi Thở khéo tác ý, Định Niệm Hơi Thở tức là pháp môn Nhập Tức Xuất Tức Niệm, pháp môn Nhập Tức Xuất Tức Niệm là pháp môn ngăn ác diệt ác pháp rất hiệu quả, cho nên người tu tập Nhập Tức Xuất Tức Niệm, làm cho sung mãn khiến cho Bốn Niệm Xứ được viên mãn, khi Bốn Niệm Xứ được viên mãn tức là Bảy Giác Chi sung mãn, Bảy Giác Chi sung mãn khiến cho mình giải thoát được viên mãn. Do đoạn kinh trên đức Phật dạy, chúng ta suy ra: Tu tập Niệm Giác Chi tức là tu tập Tứ Niệm Xứ, tu tập Tứ Niệm Xứ tức là tu tập Chánh Niệm, tu tập Chánh Niệm tức là trên Bốn Niệm Xứ tu tập Tứ Chánh Cần, trên Bốn Niệm Xứ tu Tập Tứ Chánh Cần tức là tu

tập Chánh Tinh Tấn, tu tập Chánh Tinh Tấn tức là tu tập gồm có: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp và Chánh Mạng, tu tập Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng tức là tu tập Thân Hành Niệm, tu tập Thân Hành Niệm tức là tu tập Chánh Niệm Tỉnh Giác Định, tu tập Chánh Niệm Tỉnh Giác Định tức là tu tập Định Niệm Hơi Thở và đi kinh hành, tu tập Định Niệm Hơi Thở và đi kinh hành tức là tu tập Tứ Niệm Xứ, chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: ***“Này các tỳ kheo, trong khi tùy quán thân trên thân, tỳ kheo an trú, nhiệt tâm tỉnh giác chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời, trong khi ấy, niệm không hôn mê⁸ của vị ấy được an trú. Trong khi niệm không hôn mê của vị ấy cũng được an trú, này các tỳ kheo, trong khi ấy Niệm Giác Chi được bắt đầu khởi lên với tỳ kheo”***. Vậy Niệm Giác Chi là gì?

Như trên, chúng tôi đã định nghĩa Niệm Giác Chi là niệm thiện, niệm thiện tức là niệm

⁸ - Niệm không hôn mê có nghĩa là tâm tỉnh thức hoàn toàn lúc nào cũng tự nhiên biết hơi thở ra, vô mà không cần phải gom tâm ức chế, nói cách khác là tâm không phóng dật.

không tham, không sân, không si, không mạn, không nghi. Niệm không tham, sân, si, mạn, nghi là niệm tâm thanh thản, an lạc và vô sự. Niệm tâm thanh thản, an lạc và vô sự là Niệm Giác Chi hay là Niệm Bồ Đề.

Ở trong Niệm Giác Chi này chúng ta suy tư, tư duy, thẩm sát các pháp thì chúng ta thấy rõ pháp ác và pháp thiện rất cụ thể rõ ràng không còn bị vô minh che đậy khiến chúng ta không lầm chấp ác pháp là thiện pháp. Khi suy tư, tư duy, thẩm sát các pháp tức đó là Trạch Pháp Giác Chi. Trạch Pháp Giác Chi là gì?

2- Trạch Pháp Giác Chi có nghĩa là chọn lựa pháp giải thoát, chọn lựa pháp giải thoát tức là chọn lựa pháp thiện. Trong kinh Trung Bộ tập 3 bài kinh Đại Kinh Bốn Mươi (trang 260), đức Phật dạy: ***“Này các tỳ kheo, trong khi trú chánh niệm như vậy, tỳ kheo với trí tuệ suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy, trong khi ấy Trạch Pháp Giác Chi bắt đầu khởi lên với vị tỳ kheo”***. Ở đây có nghĩa là chọn lựa pháp thiện là lúc tâm chúng ta đang ở trong trạng thái chánh niệm, chánh niệm tức là tâm không phóng dật, tâm không phóng dật là tâm thanh thản, an lạc và vô sự, từ trạng

thái tâm này chúng ta chọn lựa pháp thiện cũng như dùng câu pháp hướng tâm một cách dễ dàng không sợ bị sự lừa đảo của tâm mình. Chọn lựa pháp thiện có hai cách:

a- Chọn lựa pháp thiện loại trừ pháp ác tức là tu tập Định Vô Lậu, mà trong kinh dạy: ***“Với trí tuệ suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy trong khi ấy Trạch Pháp Giác Chi bắt đầu khởi lên”***. Khi Trạch Pháp Giác Chi bắt đầu khởi lên tức là chúng ta biết rất rõ pháp nào thiện và pháp nào ác rất cụ thể, và chúng ta không còn lằm lạc nên diệt trừ các ác pháp và lòng ham muốn của mình rất dễ dàng, tức là đẩy lui các chướng ngại pháp trong tâm.

Người muốn tu Trạch Pháp Giác Chi thì giữ gìn tâm thanh thản, an lạc và vô sự tức là tâm tĩnh giác, ở tâm tĩnh giác đó mà Trạch Pháp Giác chi thì rất hiệu quả, có nghĩa là ngăn ác và diệt ác pháp rất dễ dàng và dùng pháp hướng tâm điều khiển không mấy khó khăn. Cho nên kinh dạy: ***“Trong khi ấy Trạch Pháp Giác Chi được tỳ kheo tu tập đi đến viên mãn”***, có nghĩa là chúng ta thường tu tập chọn lựa pháp nào thiện và pháp nào ác để loại trừ và thường hướng tâm đuổi ác pháp đi thì tâm của chúng ta thanh thản, an

lạc, và vô sự, nhờ tâm thanh thản an lạc và vô sự chúng ta cảm thấy sự giải thoát an lạc rất rõ ràng và cụ thể, do đó tự động chúng thích tu tập Trạch Pháp Giác Chi vì tu tập Trạch Pháp Giác Chi có lợi ích thật sự cho cuộc sống của chúng ta mà trong kinh dạy: ***“Này các tỳ kheo, trong khi tỳ kheo với trí tuệ suy tư, tư duy, thẩm sát pháp ấy, sự tinh tấn không thụ động bắt đầu khởi lên với tỳ kheo ấy”***. Sự tinh tấn không có thụ động tức là tự động siêng năng có nghĩa là ham thích, thích thú tu tập Trạch Pháp Giác Chi vì cảm thấy có một kết quả giải thoát an lạc rõ ràng trong thân và tâm của mình.

b- Chọn lựa câu pháp thiện dùng làm pháp hướng tâm cho đúng đối tượng pháp môn của mình đang tu. Ví dụ: đang tu định Sơ Thiền mà dùng câu pháp hướng tâm ***“diệt âm thanh hay tịnh chỉ tâm tứ”*** là không đúng, mà phải dùng câu pháp hướng tâm ***“Tâm ly dục ly ác pháp nhập Sơ Thiền”***. Sự lựa chọn như vậy gọi là Trạch Pháp Giác Chi, Trạch Pháp Giác Chi là sự chọn lựa một câu pháp để tâm mình huân tập sự giải thoát như ý muốn của mình trong ý nghĩa của câu ấy.

Vì cảm thấy sự giải thoát an lạc thật sự nên chúng ta thích thú siêng năng tu tập, sự thích thú siêng năng tu tập đó là Tinh Tấn Giác Chi. Vậy Tinh Tấn Giác Chi là gì?

3- Tinh Tấn Giác Chi có nghĩa là siêng năng tu tập Niệm Giác Chi và Trạch Pháp Giác Chi. Niệm Giác Chi và Trạch Pháp Giác Chi như trên đã dạy là chọn lựa niệm thiện, niệm thiện tức là niệm bồ đề, niệm bồ đề tức là niệm giải thoát, cho nên siêng năng tu tập niệm giải thoát tức là Tinh Tấn Giác Chi. Người siêng năng tu tập Tinh Tấn Giác Chi tức là người sống trong thiện pháp tức là người ly dục ly ác pháp, người ly dục ly ác pháp do ly dục sanh hỷ lạc, vì thế trong kinh dạy: ***“Trong khi ấy tỳ kheo tu tập Tinh Tấn Giác Chi đi đến viên mãn. Hỷ không liên hệ đến vật chất được khởi lên nơi vị tinh tấn tinh cần. Nay các tỳ kheo, trong khi hỷ không liên hệ đến vật chất khởi lên nơi tỳ kheo tinh tấn tinh cần, trong khi ấy Hỷ Giác Chi bắt đầu khởi lên nơi tỳ kheo”***. Bây giờ tâm chúng ta có hỷ, hỷ giải thoát là hỷ không liên hệ với vật chất tức là hỷ do ly dục ly ác pháp như trên chúng tôi đã giảng trạch, như

vậy hỷ do ly dục ly ác pháp là Hỷ Giác Chi. Vậy Hỷ Giác Chi là gì?

4- Hỷ Giác Chi có nghĩa là sự vui trong giải thoát, sự vui trong giải thoát là như thế nào? Ví dụ: Có một người chửi mình mà mình không giận người đó, thấy người tức giận quá khổ, mình không ghét họ mà lại tội nghiệp cho họ, thương họ thì lúc bấy giờ nội tâm chúng ta có một niềm vui thanh thản nhẹ nhàng, niềm vui ấy gọi là Hỷ Giác Chi. Muốn tu tập Hỷ Giác Chi thì chúng ta hãy nhập vào trạng thái tâm ly dục ly ác pháp, hay nói cách khác dễ hiểu hơn là nhập vào Bất Động Tâm Định tức là chúng ta tu tập Hỷ Giác Chi. Hỷ Giác Chi thuộc về tâm. Khi tâm mới có Hỷ Giác Chi và được làm cho sung mãn thì Khinh An Giác Chi phát khởi, như trong kinh đã dạy: ***“Trong khi Hỷ Giác Chi được tỳ kheo tu tập đi đến viên mãn. Thân của vị ấy được tâm hoan hỷ trở thành khinh an, tâm cũng được khinh an. Nay các tỳ kheo, trong khi tỳ kheo với ý hoan hỷ được thân Khinh An, được tâm cũng khinh an, trong khi ấy, Khinh An Giác Chi bắt đầu khởi lên nơi tỳ kheo”***. Như vậy Khinh An Giác Chi là gì?

5- Khinh An Giác Chi có nghĩa là một trạng thái an lạc giải thoát của thân, bởi vì Khinh An Giác Chi thuộc về thân. Khi một người nhập Bất Động Tâm do ly dục sanh hỷ và lạc, hỷ và lạc do Bất Động Tâm sanh ra là Hỷ Giác Chi và Khinh An Giác Chi, muốn tu tập Khinh An Giác Chi thì chỉ có nhập vào Bất Động Tâm Định, cho nên nói Hỷ Giác Chi và Khinh An Giác Chi tức là nói Định Bất Động Tâm, mà nói ly dục ly ác pháp cũng là nói Hỷ Giác Chi và Khinh An Giác Chi, nói Hỷ Giác Chi và Khinh An Giác Chi là nói kết quả của Bất Động Tâm, kết quả của Bất Động Tâm là kết quả của Tứ Niệm Xứ, kết quả của Tứ Niệm Xứ là kết quả của Niệm Giác Chi, Trạch Pháp Giác Chi và Tinh Tấn Giác Chi, vì thế trong kinh dạy: ***“Và Bốn Niệm Xứ, này các tỳ kheo, tu tập như thế nào, làm cho sung mãn như thế nào khiến cho bảy giác chi được viên mãn? Này các tỳ kheo, trong khi tùy quán thân trên thân, tỳ kheo an trú, nhiệt tâm tinh giác chánh niệm, để chế ngự tham ưu ở đời, trong khi ấy, niệm không hôn mê⁹ của vị ấy được an trú.***

⁹ - Niệm không hôn mê có nghĩa là tâm tỉnh thức hoàn

Trong khi niệm không hôn mê của vị ấy cũng được an trú, này các tỳ kheo, trong khi ấy Niệm Giác Chi được bắt đầu khởi lên với tỳ kheo". Niệm không hôn mê tức là sự tỉnh thức một cách tự nhiên, sự tỉnh thức một cách tự nhiên chính là tâm không phóng dật, tâm không phóng dật là Bất Động Tâm Định, Bất Động Tâm Định là tâm ly dục ly ác pháp, do đó lúc nào chúng ta cũng sống trong tâm không phóng dật, tâm không phóng dật là Niệm Giác Chi hiện tiền, Niệm Giác Chi hiện tiền là Trạch Pháp Giác Chi hiện tiền, Trạch Pháp Giác Chi hiện tiền là Tinh Tấn Giác Chi hiện tiền, Tinh Tấn Giác Chi hiện tiền là Hỷ Giác Chi hiện tiền, Hỷ Giác Chi hiện tiền là Khinh An Giác Chi hiện tiền, Khinh An Giác Chi hiện tiền là Định Giác Chi hiện tiền, nên kinh dạy: ***"Trong khi ấy Khinh An Giác Chi được tỳ kheo tu tập. Trong khi ấy, Khinh An Giác Chi được tỳ kheo làm cho đi đến sung mãn. Một vị có thân khinh an, an lạc, tâm vị ấy được định tĩnh. Này các tỳ kheo, trong khi tỳ kheo có thân khinh an,***

toàn lúc nào cũng tự nhiên biết hơi thở ra, vô mà không cần phải gom tâm ức chế, nói cách khác là tâm không phóng dật.

an lạc, tâm vị ấy được định tĩnh, trong khi ấy Định Giác Chi bắt đầu khởi lên nơi tỳ kheo". Vậy Định Giác Chi là gì?

6- Định Giác Chi gồm có Bốn Thánh Định, Bốn Thánh Định là: Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền. Khi tâm nhập được bốn loại thiền định này là nhờ pháp hướng tâm có hiệu quả tịnh chỉ các hành trong thân, nên thân tâm đều định vào nhau tức là Tâm định trên thân, thân định trên tâm. Tâm định trên thân, thân định trên tâm là một nội lực của tâm rất lớn và vi diệu, khiến cho tâm nhu nhuyễn, định tĩnh, dễ sử dụng. Lúc bấy giờ hành giả điều khiển tâm mình bằng pháp hướng Xả Giác Chi. Vậy Xả Giác Chi là gì?

7- Xả Giác Chi có hai cách:

a- Xả Giác Chi thứ nhất, chúng ta không cần nhập định Tứ Thiền mà chỉ với tâm định tĩnh chúng ta nhìn các pháp với ý niệm xả ly, không một pháp nào còn dính mắc trong thân tâm của chúng ta nữa. Toàn cả vật chất thế gian này chúng ta đã buông bỏ xuống sạch, như trong kinh dạy: ***"Trong khi Định Giác Chi được tỳ kheo tu tập. Trong khi Định Giác Chi được tỳ kheo làm cho đi đến sung mãn. Vị ấy với tâm định tĩnh như***

vậy, khéo nhìn sự vật với ý niệm xả ly, trong khi ấy Xả Giác Chi bắt đầu khởi lên nơi tỳ kheo". Đây là trong giai đoạn chúng ta sống bình thường trong tâm định tĩnh, nhu nhuỷên như lúc chuẩn bị nhập Tứ Thiền, nhưng không nhập Tứ Thiền mà ở trạng thái đó, thực hiện Xả Giác Chi.

2- Xả Giác Chi thứ hai tức là hướng tâm đến Tam Minh. Lúc bấy giờ chúng ta chứng và trú Thiền Thứ Tư, không khổ, không lạc, xả niệm thanh tịnh có nghĩa là tịnh chỉ hơi thở hoàn toàn. Khi nhập định này tâm chúng ta định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuỷên, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản vì thế chúng ta hướng tâm đến Tam Minh một cách dễ dàng, không có mệt nhọc không có khó khăn, như trong kinh dạy: ***"Với tâm thuần tịnh không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuỷên, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản như vậy, tôi dẫn tâm hướng đến lậu tận trí. Tôi biết như thật: "Đây là khổ", biết như thật: "Đây là nguyên nhân của khổ", biết như thật: "Đây là khổ diệt", biết như thật: "Đây là con đường đưa đến khổ diệt", biết như thật: "Đây là những lậu hoặc", biết như***

thật: “Đây là nguyên nhân của lậu hoặc”, biết như thật: “Đây là các lậu hoặc được diệt trừ”, biết như thật: “Đây là con đường đưa đến các lậu hoặc được diệt trừ”.

Đoạn kinh trên đây dạy chúng ta xả lậu hoặc bằng Xả Giác Chi một cách cụ thể và rõ ràng, như trong kinh đã dạy: ***“Trong khi ấy Xả Giác Chi được tỳ kheo tu tập. Trong khi ấy Xả Giác Chi được tỳ kheo làm cho đi đến sung mãn”.*** Khi Xả Giác Chi được sung mãn thì tâm vị ấy biết mình đã làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt sanh tử luân hồi một cách rõ ràng, như lời đức Phật đã dạy: ***“Tôi nhờ biết như vậy, thấy như vậy, tâm của tôi thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu. Đối với tự thân đã giải thoát như vậy, tôi khởi lên sự hiểu biết: “Ta đã giải thoát”, Tôi biết: “Sanh đã tận, Phạm hạnh đã thành, việc cần làm đã làm; không còn trở lui trạng thái này nữa”.***

Đến đây sự tu hành Bảy Giác Chi của chúng ta đã hoàn thành xong.



DỪNG MỘT HAY NHIỀU CÂU PHÁP HƯỚNG TRONG MỘT THỜI TU

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: *S*ách ĐVXP II trang 145 (cũ). Hỏi xin các pháp hướng tu về Định Vô Lậu thì trong sách rất nhiều câu:

- Tâm phải ly dục ly ác pháp.
- Tâm phải đoạn diệt lòng ham muốn và sân si.
- Tâm phải gom vô hơi thở.
- Tâm phải tịnh chỉ tâm tứ hoàn toàn.
- Tâm phải tỉnh thức hoàn toàn, thân ngủ tâm không được ngủ.

Con thấy nhiều câu quá. Vậy ta nên dùng một câu suốt giờ tu hay dùng nhiều câu trong thời gian tu đó?

Đáp: Thầy cho nhiều câu pháp hướng tâm như vậy là để cho các con lựa chọn câu nào cho xứng hợp với đặc tướng của mình, hoặc đang tu ở pháp môn nào, giai đoạn nào thì nên chọn câu pháp hướng tâm ở giai đoạn đó, pháp môn

đó cho phù hợp với sự vô lậu của pháp môn giai đoạn đó.

Điều quan trọng là khi dùng pháp hướng tâm là dùng một câu pháp hướng có hiệu quả hơn là nhiều câu hướng một lượt.

Ví dụ: Tháng thứ nhất, người mới bắt đầu tu Định Niệm Hơi Thở thì câu pháp hướng đầu tiên của nó là: ***“Ý Thức phải biết hơi thở ra và hơi thở vô rõ ràng”***, và khi hơi thở thở đều tâm chú ý vào hơi thở thì thỉnh thoảng lại nhắc một câu pháp hướng khác như: ***“Hít vô tôi biết tôi hít vô, thở ra tôi biết tôi thở ra”***.

Sau hơn một tháng tu tập, hơi thở đã thuần thục, thời gian có tăng lên từ 1 phút đến 30 phút thì những câu pháp hướng cũng được thay đổi hoàn toàn chỉ còn giữ câu pháp hướng đầu tiên của Định Niệm Hơi Thở và không còn sử dụng những câu pháp hướng cũ.

Ví dụ: Tháng thứ hai, khi ngồi kiết già lưng thẳng xong thân tâm cảm giác được yên ổn thì dùng pháp hướng tâm: ***“Ý thức phải biết hơi thở ra và hơi thở vô một cách rõ ràng”***, khi tâm đã chú ý hơi thở ra vô đều đều thì con thỉnh thoảng khoảng 5 hoặc 10 hơi thở

lại hướng tâm một lần: ***“Cảm giác toàn thân tôi biết tôi hít vô, cảm giác toàn thân tôi biết tôi thở ra”***, hoặc ***“Cảm giác toàn tâm tôi biết tôi hít vô, cảm giác toàn tâm tôi biết tôi thở ra”***.

Tháng thứ ba con thay đổi câu pháp hướng tâm trên bằng câu: ***“Cảm giác thân hành tôi biết tôi hít vô, cảm giác thân hành tôi biết tôi thở ra”*** hoặc ***“Cảm giác tâm hành tôi biết tôi hít vô, cảm giác tâm hành tôi biết tôi thở ra”***.

Tháng thứ tư con thay đổi câu pháp hướng tâm trên bằng câu pháp hướng khác như: ***“An tịnh thân hành tôi biết tôi hít vô, an tịnh thân hành tôi biết tôi thở ra”***. hoặc ***“An tịnh tâm hành tôi biết tôi hít vô, an tịnh tâm hành tôi biết tôi thở ra”***.

Tháng thứ năm con thay đổi pháp hướng tâm trên bằng câu pháp hướng khác như: ***“Với tâm hân hoan tôi biết tôi hít vô, với tâm hân hoan tôi biết tôi thở ra”***, hoặc ***“Với tâm giải thoát tôi biết tôi hít vô, với tâm giải thoát tôi biết tôi thở ra”***.

Tháng thứ sáu khi tâm con cảm thấy có sức định tĩnh con thay đổi pháp hướng tâm

trên bằng câu pháp hướng khác như: ***“Với tâm định tỉnh tôi biết tôi hít vô, với tâm định tỉnh tôi biết tôi thở ra”***.

Tháng thứ bảy khi tâm có sức định tỉnh pháp hướng tâm có hiệu quả hơn thì con thay đổi pháp hướng tâm trên bằng câu pháp hướng khác như: ***“Quán ly tham tôi biết tôi hít vô, quán ly tham tôi biết tôi thở ra”***, hoặc ***“Quán ly sân tôi biết tôi hít vô, quán ly sân tôi biết tôi thở ra”***, hoặc ***“Quán ly si tôi biết tôi hít vô quán ly si tôi biết tôi thở ra”***.

Tháng thứ tám khi con cảm thấy tâm mình đã ly tham, sân, si, mạn, nghi thì con thay đổi pháp hướng tâm trên bằng câu pháp hướng khác như: ***“Quán đoạn diệt lậu hoặc tôi biết tôi hít vô, quán đoạn diệt lậu hoặc tôi biết tôi thở ra”***.

Tháng thứ chín khi con cảm thấy tâm con không phóng dật tâm thường định trên hơi thở một cách tự nhiên thì con thay đổi pháp hướng tâm trên bằng câu pháp hướng khác và thỉnh thoảng hướng tâm như: ***“Tâm ly dục, ly ác pháp nhập Bất Động Tâm Định”***.

Tháng thứ mười nếu con cảm thấy tâm con đã nhập được Bất Động Tâm Định thì con ở trong trạng thái Bất Động Tâm Định đó con nung vào hơi thở ra và hơi thở vô liền thay đổi pháp hướng tâm trên bằng câu pháp hướng khác và thỉnh thoảng hướng tâm như: ***“Tâm ly dục, ly ác pháp nhập Sơ Thiên”***.

Tháng thứ mười một nếu con cảm thấy tâm con đã nhập được Sơ Thiên thì con xuất ra khỏi trạng thái Sơ Thiên, tâm con trụ trên hơi thở ra và hơi thở vô thì con thay đổi pháp hướng tâm trên bằng câu pháp hướng khác và thỉnh thoảng hướng tâm như: ***“Tâm phải tịnh chỉ tâm, tứ nhập Nhị Thiên”***.

Tháng thứ mười hai, nếu con cảm thấy tâm con đã nhập được Nhị Thiên thì con xuất ra khỏi trạng thái Nhị Thiên, tâm con trụ trên hơi thở ra và hơi thở vô thì con thay đổi pháp hướng tâm trên bằng câu pháp hướng khác và thỉnh thoảng hướng tâm như: ***“Tâm ly 18 loại hỷ tưởng nhập Tam Thiên”***.

Tháng thứ mười ba, nếu con cảm thấy tâm con đã nhập được Tam Thiên thì con xuất ra khỏi trạng thái Tam Thiên, tâm con trụ trên hơi thở ra và hơi thở vô thì con thay đổi pháp hướng tâm trên bằng câu pháp hướng

khác và thỉnh thoảng hướng tâm như: ***“Tâm phải tịnh chỉ hơi thở nhập Tứ Thiên”***.

Đây là những pháp hướng tâm để tu tập về Định Niệm Hơi Thở còn tu tất cả các loại định khác lần lượt Thầy sẽ dạy các con trạch pháp và dùng pháp hướng tâm cho đúng cách, trước kia Thầy chỉ kê ra cho các con biết về pháp hướng tâm chứ chưa soạn thảo một giáo trình tu tập cho các con. Tại sao Thầy không biên soạn giáo trình tu tập cho các con trước?

Tại vì, giáo pháp của kinh sách phát triển đã chìm mất giáo pháp của đức Phật, nên lúc này là giai đoạn chỉ mặt vạch tên để cho mọi người rõ đâu là chánh pháp của đức Phật và đâu là tà pháp của ngoại đạo, cho nên sự hồi đạo của Phật tử hiện giờ là một điều cần thiết hơn là tu tập. Sau khi hồi đạo thấu rõ chánh pháp và tà pháp thì giáo trình tu tập sẽ được ra đời, thì sự tu tập của các con không còn khó khăn nữa, nghĩa là các con được Thầy hướng dẫn từng bước tu tập, còn bây giờ các con hỏi thì Thầy chỉ dạy lồm bồm mà thôi.

Sau này các con sẽ có một giáo trình tu học theo đúng chương trình giáo dục đào tạo những bậc tu chứng của Bát Chánh Đạo.

HƯỚNG TÂM NHƯ THỂ NÀO CÓ HIỆU QUẢ?

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: Kính bạch Thầy! Xin pháp hướng tâm tu Định Vô Lậu, mà dùng câu pháp hướng tâm: “Tâm phải gom vô, tâm phải tỉnh thức hoàn toàn, Tâm phải diệt tâm tứ hoàn toàn v.v...”. Như vậy pháp hướng tâm có tác dụng không?

Đáp: Tất cả các pháp môn của đức Phật tu tập đều có một mục đích nhắm vào tâm vô lậu, mà pháp môn tu tập để tâm được tỉnh thức là pháp môn căn bản nhất, có tỉnh thức mới có xả được tâm, mới ly tham đoạn các ác pháp, do đó tâm mới vô lậu. Có tỉnh thức mới quán xét các niệm hoặc các ác pháp đến để thấu suốt nó thì mới ly tham đoạn diệt được, như bài pháp tu Định Niệm Hơi Thở ở trên. Bắt đầu gom tâm, tỉnh thức từng hơi thở rồi ly tham, ly ác pháp, ly tham ly ác pháp được rồi mới diệt tâm tứ, diệt tâm tứ được rồi mới ly các loại hỷ tưởng, ly các loại hỷ tưởng được rồi mới tịnh chỉ hơi thở, tịnh chỉ hơi thở được rồi mới diệt tận lậu hoặc bằng Lậu Tận Minh.

Biết dùng pháp hướng đúng cách, đúng thời, đúng pháp, đúng giai đoạn tu tập của nó, thì có tác dụng và có lợi ích rất lớn cho hành giả đang tu tập.



THÙY MIÊN HAY TÙY MIÊN

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Danh từ thùy miên là nghĩ ngợi liên tục hết cái này tới cái kia, hay còn có nghĩa là ngủ say thừa Thầy?*

Đáp: Từ thùy miên có nghĩa là ngủ, buồn ngủ, ngủ miên man liên tục không hay biết gì cả, đó là một trạng thái si mê, lười biếng của những người vô minh.

Thùy có nghĩa là ngủ, buồn ngủ; miên có nghĩa là triền miên, miên man, liên tục.

Thùy miên không có nghĩa là nghĩ ngợi chỉ có danh từ tùy miên thì mới có sự nghĩ ngợi liên miên:

Tùy có nghĩa là theo, bám sát, không rời ra.

Miên có nghĩa là triền miên, miên man, liên tục.

Ví dụ: Sân tùy miên có nghĩa là cơn giận không nguôi; tham tùy miên có nghĩa là lòng ham muốn không bỏ được, ham muốn hoài hoài, ham muốn liên tục; si tùy miên có nghĩa ngu si ham ăn, ăn no mà còn ráng ăn, ham ngủ trời sáng trắng mà chưa chịu dậy, ham chơi mà quên học hành, v.v.. Đó là nghĩa của thùy miên và tùy miên con nên nhớ kỹ đừng để hiểu sai và hiểu sai thì tu tập không kết quả.

Cho nên thùy miên và tùy miên hai nghĩa khác nhau hai trạng thái khác nhau không giống nhau chút nào. Người tu hành phải nhận xét cho rõ ràng đừng để nhầm lẫn nghĩa. Đến đây con đã hiểu xong còn chỗ nào nghi ngờ nữa không?



HẠNH ĐỘC CƯ

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Tu hạnh sống độc cư có ba giai đoạn:*

1- Sống hạn chế nói chuyện (ít nói chuyện).

2- Sống riêng làm việc riêng.

3- Sống riêng không làm việc.

Thưa Thầy, sống trong ba giai đoạn độc cư ý nghĩa như thế nào?

Đáp: Người muốn thực hiện thiền định nhập được vào các định mà không sống độc cư thì chẳng bao giờ nhập được định cả dù họ ngồi năm bảy ngày tâm không vọng tưởng cũng chẳng nhập được thiền định.

Bởi vì độc cư là bí quyết nhập các loại định. Tại sao vậy?

Người sống độc cư không cần ngồi thiền nhiếp tâm cho hết vọng tưởng mà chỉ cần sống đúng trong ba giai đoạn độc cư này thì nhập các loại Thánh Định một cách dễ dàng không có mệt nhọc, không có khó khăn cho đến thực hiện Tam Minh như: Túc Mạng Minh, Thiên

Nhân Minh và Lưu Tận Minh cũng dễ dàng như vậy.

Sống độc cư không phải dễ nên phải chia ra làm ba giai đoạn:

1- Giai đoạn thứ nhất: Tập ít nói chuyện tức là chuyện gì đáng nói thì nói không đáng thì không được nói, nhất là không được nói chuyện phiếm. Ở đây chúng ta nên hiểu tập ít nói chuyện có nghĩa là tập dần dần đi đến chỗ hoàn toàn không nói chuyện với ai hết để thực hiện nội tâm ly dục ly ác pháp, nếu còn nói chuyện thì tâm còn phóng dật, tâm còn phóng dật là tâm chưa ly dục ly ác pháp mà tâm chưa ly dục ly ác pháp thì làm sao nhập được định. Nếu một thời gian tập ít nói chuyện mà tâm hồn chúng ta thích sống yên lặng một mình không muốn tiếp duyên ra ngoài thì bước qua giai đoạn độc cư thứ hai.

2- Giai đoạn thứ hai: Sống riêng làm việc riêng, trong giai đoạn này chúng ta còn đọc kinh sách và nghe băng dạy về hạnh độc cư và pháp môn tu tập ly dục ly ác pháp. Sau thời gian suy tầm nghiên cứu thông suốt đường lối và cách thức tu tập của đạo Phật thì chúng ta bước vào giai đoạn thứ ba của hạnh độc cư.

3- Giai đoạn thứ ba: Sống riêng không làm việc, sống riêng không làm việc có nghĩa

là không đọc kinh sách, không nghe giảng, không làm việc gì cả, nhưng lúc bấy giờ làm việc rất nhiều, suốt trong 24 tiếng đồng hồ ngày đêm liên tục quan sát thân, thọ, tâm và pháp của mình để đẩy lui các chướng ngại pháp trên đó. Cho nên, nói không làm việc chứ làm việc nhiều nhất, làm việc mà không biết mỏi mệt.

Nhờ sống độc cư và tu tập như vậy thì tâm mới không phóng dật, tâm không phóng dật là tâm đã ly dục ly ác pháp, tâm ly dục ly ác pháp là tâm đã nhập Bất Động Tâm, tâm nhập Bất Động là tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ, tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ là tâm thanh tịnh.

Người đã có tâm thanh tịnh tức là tâm ly dục ly ác pháp thì nhập Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên và Tam Minh một cách dễ dàng bằng với pháp hướng tâm như lý tác ý.

Người tu sĩ Phật giáo mà không hiểu ý nghĩa và không sống đúng hạnh độc cư thì đi tu theo đạo Phật chỉ là hình thức, chỉ uống một đời tu hành mà chẳng có ích lợi cho mình, cho người gì cả.



SỐNG THƠ THẦN MỘT MÌNH

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: Kính bạch Thầy! Trong phần một của hạnh độc cư, tập sống thơ thần một mình để đẩy lui các chướng ngại pháp trong tâm, xin Thầy chỉ rõ. Nó có giống trạng thái sống riêng và không làm việc?

Đáp: Độc cư ở giai đoạn I, trong suốt ngày đêm chúng ta chia thời gian ra làm bốn thời sáng chiều, tối, khuya, mỗi thời chúng ta dành riêng ra 30 phút tập sống thơ thần một mình, quan sát thân, thọ, tâm và pháp để đẩy lui các chướng ngại pháp trong tâm.

Đến giai đoạn II độc cư thì thời gian sống thơ thần một mình được tăng lên 60 phút hoặc hơn nữa.

Đến giai đoạn III thì hoàn toàn sống suốt 24 tiếng đồng hồ thơ thần một mình, mục đích sống như vậy là để đẩy lui các chướng ngại pháp trong tâm như trên Thầy đã dạy.

Tóm lại, sống thơ thần một mình để đẩy lui các chướng ngại pháp trong tâm là sống riêng không làm việc bên ngoài mà cũng

không làm việc bên trong chỉ duy nhất có một việc làm là việc đẩy lui các chương ngại pháp trong tâm mà thôi. Cho nên, ở giai đoạn một nó chỉ mới tu tập với thời gian ngắn 30 phút “*sống riêng và không làm việc*”.



THƯỜNG BẤT KHINH BỒ TÁT

Câu hỏi của Diệu Tâm

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Thầy bảo không có Bồ Tát mà chỉ do kinh sách phát triển đặt ra, sao bài tu hạnh “**bằng lòng**” Thầy dẫn chứng Thường Bất Khinh Bồ Tát? Thật hay là huyền thoại?*

Đáp: Bồ tát chỉ là một danh từ chỉ cho những người tu hành chưa xong, bồ tát độ chúng sanh, cứu khổ chúng sanh là một sản phẩm của kinh sách phát triển, vì tu chưa chứng mà độ người làm sao độ được cũng giống như một người mù dẫn một đoàn người mù đi thì sự nguy hiểm trước mắt rõ ràng. Cho nên Bồ Tát Quan Thế Âm, Bồ Tát Địa Tạng, Bồ Tát Thế Chí, Bồ Tát Phổ Hiền, Bồ Tát Văn

Thù, v.v.. là không có thật, đó là huyền thoại, còn Thường Bất Khinh Bồ Tát là một con người tu chưa chứng, ông còn đang tu hạnh nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng nên gặp ai ông cũng tôn trọng và cung kính, ông không dám khinh rẻ ai hết do đó người ta mới đặt cho ông cái tên là Thường Bất Khinh Bồ Tát, người ta đâu ngờ rằng ông đang thực hiện tâm ly dục ly ác pháp để đạt được cứu kính của đạo Phật, vì thế Thầy mới dẫn chứng vị bồ tát này làm gương cho chúng ta bắt chước tu hạnh “bằng lòng”.

Danh từ bồ tát cũng giống như danh từ hành giả có nghĩa là người đang tu, ngược lại kinh sách phát triển ca ngợi một vị Bồ Tát không đúng sự thật mà còn đưa vị Bồ Tát đến những việc làm phi đạo đức, không công bằng và công lý của xã hội loài người như Bồ Tát Quan Thế Âm.

Trong kinh sách Nguyên Thủy đức Phật có nói đến Bồ Tát, nhưng Bồ Tát chỉ là một người tu chưa chứng: *“Này các tỳ kheo, khi Ta còn là Bồ Tát chưa chứng ngộ Chánh Đẳng Chánh Giác...”*.

Đức Phật nói đến Bồ Tát không có nghĩa là nói đến Bồ Tát Quan Thế Âm, Địa Tạng,

v.v.. mà nói đến người đang tu chưa chứng đạo, đó là nghĩa của kinh sách Nguyên Thủy, còn nghĩa của kinh sách phát triển, Bồ Tát là những người tu đã chứng đạo vì thương tưởng chúng sanh mà chưa chịu thành Phật, luôn luôn làm Bồ Tát để độ chúng sanh, chừng nào chúng sanh thành Phật hết thì các vị này mới thành Phật. Thật là pháp khí đệ nhất trên thế gian này, chỉ có kinh sách phát triển mới sản sanh ra những loại tướng tri, ảo giác, lừa đảo này đối với những người còn vô minh như thế.

Bồ tát là một danh từ để chỉ cho những người tu hành chưa xong, háo danh muốn làm thầy thiên hạ. Đó là một người mù muốn dẫn dắt một số người mù cùng đi thì sự khổ đau không thể nào tránh khỏi.

Thăm và chúc cả gia đình con vui mạnh, tu tập xả tâm tốt để sống một đời sống thanh thản, an lạc và vô sự.

Kính ghi



THỜI KHÓA TU TẬP CHO NGƯỜI CƯ SĨ

Câu hỏi của một phật tử Miền Bắc

Hỏi: Kính bạch Thầy! Xin Thầy hướng dẫn và chỉ rõ thời khóa tu tập cho cư sĩ tại gia, nhất là những cư sĩ bận việc buôn bán, chỉ rảnh vào buổi tối, ngưỡng mong Thầy hết lòng chỉ dẫn cho, con xin thành kính tri ân.

Đáp: Vào mỗi tối Phật tử được rảnh rang, nên chọn ngay buổi tối tu tập, phải tu tập liên tục. Khi đã chọn buổi tối, đừng bỏ qua một buổi tối nào cả thì sẽ có kết quả giải thoát ngay liền, đó là làm chủ được sự sống của mình, do tâm biết buông xả các ác pháp. Nhất là tu tập được như vậy thì Phật tử sẽ sống trong mọi oai nghi đạo đức nhân bản – nhân quả cao thượng không làm khổ mình, khổ người. Nếu không tu thì thôi mà đã tu thì phải cố gắng tu tập hết sức mình để trước báo ân đức của Phật, sau báo ân của cha mẹ, của Thầy và của Tổ Tiên Ông Bà, v.v..

Trước khi tọa thiền tu Định Niệm Hơi Thở, con nên đến trước bàn thờ Phật, ngồi xếp bằng ngay ngắn, chấp tay trước ngực, mắt nhìn

tượng Phật, con thầm ước nguyện trong lòng: *“Hôm nay con nguyện ước, mong rằng thân, miệng, ý của con không làm điều ác, xin đức Phật chứng minh”*. Sau khi ước nguyện xong, con quan sát, xem xét từ sáng đến tối xem coi thân, miệng, ý của con có làm khổ mình, khổ người không? Tức là có làm điều gì không phải, khiến cho mình hay người khác buồn, giận, phiền não, v.v.. Nếu từ sáng đến tối không có một việc gì làm khổ mình, khổ người, thì con biết rất rõ trong thân tâm của mình hơn ai hết. Khi thấy biết rõ như vậy con thầm nói trong lòng: *“Đây là một ngày tốt lành, đẹp đẽ, thanh thản, an lạc và vô sự nhất của đời con, con xin đức Phật chứng minh cho”*. Bằng ngược lại có những việc làm khổ mình, khổ người con thầm nói trong lòng: *“Đây là một ngày xấu nhất trong đời con. Con xin sám hối với chư Phật và nguyện ước khắc phục tâm con ngăn ác diệt ác pháp sẽ không làm khổ mình, khổ người nữa, ngưỡng mong đức Phật từ bi chứng giám cho con”*. Khi ước nguyện như vậy xong, con tiếp tục ngồi kiết già hay bán già lưng thẳng, hai bàn tay đặt vào lòng hai bàn chân tu tập Định Niệm Hơi Thở như Thầy đã dạy trong sách Đường Về Xứ Phật ở trên.

Bắt đầu tu tập con nên cố gắng ngồi từ 5' rồi từ từ tăng dần lên 30'. Khi tu tập được 30' con dừng tăng lên nữa. Lúc bấy giờ con tu đề mục khác. Ví dụ: Con tu tập Định Niệm Hơi Thở với đề mục thứ nhất xong, con bắt đầu tu tập đề mục thứ hai, nếu đề mục thứ hai tu tập xong, con nên tu tập đề mục kế và tu tập như vậy cho đến khi các đề mục trong Định Niệm Hơi Thở tu tập xong hết mới chuyển qua pháp khác.

Thầy gửi cho con tập sách Cẩm Nang II để con tham khảo thêm về pháp môn tu tập.

Thăm và chúc con dồi dào sức khỏe, tu tập xả tâm tốt.

Kính thư



BỐN LOẠI THỨC ĂN

Câu hỏi của Chơn Thành

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Xin Thầy hoan hỷ chỉ dạy cho chúng con những điều sau đây:*

Trong nẻo thứ năm của Đạo Đế là Chánh Mạng. Thầy mới giảng tóm tắt về bốn loại thức ăn:

- 1- Đoàn thực loại thô hay loại tế.*
- 2- Xúc thực.*
- 3- Tư niệm thực.*
- 4- Thức thực.*

Chúng con xin Thầy hoan hỷ chỉ dạy cụ thể và những chi tiết bốn loại thức ăn này. Để chúng con theo đó mà hành trì.

Đáp: Theo Phật giáo để thực hiện Chánh Mạng thì có bốn cách nuôi thân mạng:

1- Đoàn thực còn gọi là đoạn thực, đoạn thực có nghĩa là cách ăn, chia ra từng đoạn, từng miếng, từng phần thường dùng tay, đũa, nĩa, dao, muỗng v.v.. Cách thức ăn uống này thường dùng mũi, lưỡi, làm thể để ăn các món ăn.

2- Xúc thực còn gọi là lạc thực, lạc thực có nghĩa là cách ăn bằng sự cảm xúc vui buồn.

Ví dụ: Trong khi vui mừng, thấy mình no, hoặc khi buồn rầu, lo lắng, sợ hãi, tức giận, cũng cảm thấy mình no; trong khi xem hát, nghe nhạc hoặc xem bóng đá cả ngày chẳng thấy đói. Như vậy lấy chỗ tâm mình cảm xúc mà làm thể ăn.

3- Tư thực còn gọi là niệm thực. Tư có nghĩa là tư duy, suy nghĩ; thực có nghĩa là ăn. Tư thực có nghĩa là cách thức ăn bằng ý nghĩ suy tư, đó là cách thức ăn bằng ý thức tư duy.

Ví dụ: Một người đang đói, họ nghĩ đến bữa cơm, canh, thực phẩm thơm ngon, sự tư duy nghĩ về ăn uống như vậy là tư thực. Lâu ngày không ăn phở khởi tâm muốn ăn phở nên suy tư về tô phở, đó là tư thực. Trong thời Tam Quốc khi Tào Tháo xua quân đi đánh giặc, ngang qua một sa mạc quân lính khát nước, Tào Tháo bảo: *“Phía trước có một rừng me và trái me rất nhiều, chúng ta hãy tiến quân đến đó ăn me sẽ đỡ khát nước”*. Quân sĩ nghe đến me nên nước miếng tiết ra nhiều khiến cho quân lính không còn thấy khát nước nữa nên quân lính Tào Tháo vượt khỏi sa mạc, đó là nhờ tư thực.

4- Thức thực là cách thức ăn bằng ý thức, khi ý thức khởi ham thích cái này cái nọ cái kia, đó là thức thực.

Ví dụ 1: Ý thức khởi thèm muốn ăn bánh trung thu, thèm muốn ăn tức là thức thực.

Ví dụ 2: Ý thức khởi ham muốn một chiếc xe hơi, ham muốn chiếc xe hơi tức là thức thực. Khi chúng ta khởi tâm ham muốn một điều gì, một vật gì, một món ăn gì, ngay đó là chúng ta đang thức thực.

Đối với đạo Phật được xem bốn sự ăn uống này là ác pháp, là bất tịnh, là khổ đau, là trói buộc. Người tu hành theo Phật giáo cần phải quán xét nhằm chán trên bốn sự ăn uống này. Người đời không biết tu tập nên chạy theo bốn sự ăn uống này, nên suốt đời thọ lấy biết bao nhiêu điều khổ đau, từ đời này sang đời khác.

Người tu sĩ đạo Phật cần phải cảnh giác, cần phải tu tập, cần phải quán xét và cần phải sanh tâm nhằm chán trong bốn sự ăn uống này.

Tóm lại, bốn sự ăn uống này là bất tịnh uế trước, là ô nhiễm, là hôi thối bẩn thỉu. Người tu hành theo Phật giáo cần phải từ bỏ,

cần phải xa lìa. Ai cũng biết: “Ăn để sống, chứ không phải sống để ăn”. Quý vị nên nhớ kỹ: Đừng để những loại ăn uống này làm ô nhiễm thân tâm chúng ta. Phải không quý vị?



MỘT TRUYỀN THỐNG ĐẸP “UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN, ĂN QUẢ NHỚ NGƯỜI TRỒNG CÂY”

Câu hỏi của Chơn Thành

Hỏi: Kính bạch Thầy! “Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây”, làm nên sự nghiệp nhớ ơn người Thầy có công dạy bảo. Đó là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, nhà nào cũng lập một bàn thờ để thờ Phật, Tổ tiên, ông bà và cha mẹ. Ngày giỗ ngày Tết con cháu dù công tác ở nơi đâu cũng trở về quê xum họp với gia đình và tưởng nhớ đến công ơn sinh thành như trời như biển của tổ tiên, ông bà và cha mẹ.

Nhưng cũng những ngày giỗ Tết này thường bày ra ăn uống cỗ bàn linh đình, rượu

chè say sưa, gà lợn thường phải giết để cúng tế, gây tổn kém về kinh tế, gieo nhân ác với loài chúng sanh, v.v..

Để phát huy truyền thống tốt đẹp lâu đời đối với chư Phật, tổ tiên, ông bà và cha mẹ, để đền đáp công ơn sanh thành dưỡng dục như trời biển đó, ngày Tết, ngày giỗ nên tổ chức như thế nào cho đúng ý nghĩa đạo đức nhân quả làm người, không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh. Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.

Đáp: Ngày giỗ, ngày Tết là những ngày truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam “Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây”, nhưng hiện nay người ta lạm dụng ngày tốt đẹp ấy đã biến thành ngày tụ tập để ăn chơi nhậu nhẹt, vì ăn chơi nhậu nhẹt nên phải sát hại chúng sanh làm cỗ linh đình, biến dần ngày ấy thành ngày tội lỗi, biết bao nhiêu sanh linh phải chết cho ngày ấy.

Vì sự sống, sự vui chơi của loài người, nhưng loài người là một loài động vật thông minh nhất sao lại nỡ tâm sống và vui chơi trên sự đau khổ của muôn loài vật khác.

Đặt ngược lại vấn đề, trên thế gian này có một loài động vật khác có uy quyền và

thông minh hơn loài người nữa, loài động vật ấy, chúng biết nuôi loài người và các loài động vật khác, cứ hằng năm ngày Giỗ và ngày Tết hoặc tất cả những ngày lễ lớn, chúng đều bắt loài người và những loài vật khác ra giết và làm cỗ linh đình, ăn uống nhậu nhẹt vui chơi thỏa thích thì lúc bấy giờ loài người sẽ nghĩ như thế nào đối với loài động vật đó?

Chắc chúng ta sẽ nguyên rửa loài động vật ấy là ác quỷ, là quỷ Sa Tăng, là quỷ La Sát, là loài ác thú chứ không phải loài người nữa, v.v.. Có phải vậy không quý vị?

Đến ngày giỗ, ngày Tết và những ngày lễ lớn trong năm, so sánh loài người chúng ta hiện nay cũng vậy, chẳng khác nào như loài ác thú, loài quỷ dữ, chẳng biết thương xót muôn loài vật khác, nhẫn tâm sống trên xương máu đau khổ của chúng. Làm tội ác như vậy chẳng biết thương xót, còn sinh tâm thích thú vui cười khi cầm dao giết hại những loài vật hiền lành rất đáng thương, nhất là những loài chó, mèo, những con vật trung thành và rất thương yêu chúng ta như những đứa con thân thương, thế mà chúng ta nỡ nhẫn tâm giết chúng để ăn thịt, cũng giống như chúng ta ăn thịt những đứa con thương yêu của mình sinh ra.

Nói về con chó là nói về con vật trung thành dù chúng ta có đánh đập xua đuổi chúng như thế nào, nhưng khi gặp chủ thì chúng vẫn vẫy đuôi mừng chủ. Vậy mà con người vẫn ăn thịt chúng được.

Trong khi các loài vật khác giã giũa, kêu la, gào thét, rên xiết, quần quai trên bàn tay đầm máu của loài người thì lúc bấy giờ chúng ta chè chén vui chơi thỏa thích, mà vô tình không nghĩ đến nỗi đau thương ấy.

Chúng ta đâu biết rằng luật nhân quả sẽ không tha thứ cho một ai, nếu kẻ đó chuyên làm ác giết hại và đem thịt, da, xương, máu của chúng sanh ra bán lấy tiền hoặc nấu nướng chiên xào, hầm, kho luộc, v.v.. thành thực phẩm, chi dụng cho cuộc sống hằng ngày của mình, hoặc ăn uống nhậu nhẹt vui chơi thỏa thích trong lúc đó cuộc sống hiện tại của chúng ta sẽ có nhiều sự kiện xảy ra tai nạn bệnh tật khổ đau không chỉ có thân mình mà cả chòm nhân quả như cha, mẹ, vợ, con.

Ví dụ: Trong những ngày Tết, ngày giỗ, ngày lễ lớn v.v.. khi ăn uống nhậu nhẹt thường xảy ra sự rầy rà to tiếng chửi mắng đánh đập với nhau, có khi xảy ra án mạng kẻ nằm nhà

thương người đi ở tù, đó là nhân quả xảy ra trong sự kiện hiện tại.

Ngày Tết, ngày giỗ là ngày truyền thống đạo đức ân nghĩa để tỏ lòng biết ơn sâu xa tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, nhưng người ta không hiểu ý nghĩa của nó, nên đã lạm dụng ngày đó ăn chơi theo dục vọng tầm thường của kẻ phàm phu tục tử, biến dần thành những ngày tội lỗi sát hại sanh linh, chỉ để thỏa thích cho lòng ham muốn theo dục lạc vui chơi trần tục “ăn nhậu” say sưa mất hết tư cách đạo đức làm người, tự chúng ta đã biến dần chúng ta trở thành những con thú vật mà không hay biết, mất hết lương tri, chẳng biết xấu hổ và còn hung ác như loài thú dữ. Lúc bấy giờ chúng ta đâu còn biết nghĩa lý gì đạo đức hiếu sinh, sống trước cảnh tàn ác, tàn nhẫn, nhẫn tâm giết hại và ăn thịt các loài vật như vậy, không có một chút lòng yêu thương thì đâu còn gọi là người biết ân biết nghĩa đối với những con người có đạo lý làm người.

Ngày đạo đức tốt đẹp ấy là ngày truyền thống văn hoá tốt đẹp của một dân tộc mà giết hại và ăn thịt chúng sanh như vậy thì không thể gọi là ngày *“uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây”* của dân tộc Việt Nam, ngày ấy chỉ còn là ngày tụ họp dòng họ anh,

em, chị, em, cùng chòm xóm láng giềng ăn uống chè chén vui chơi say sưa một cách hạ liệt, để rồi la hét chửi mắng, đánh đập nhau, xâu xé như loài ác thú.

Ngày tốt đẹp ấy không còn là ngày con cháu tụ họp về để nhớ cội nguồn của dòng họ Tổ tiên, ông bà đã làm vẻ vang lịch sử quê hương tổ quốc của dân tộc Việt Nam nữa.

Ngày tốt đẹp ấy không còn là ngày đạo đức nhân bản - nhân quả làm người biết thương yêu muôn loài sống trên hành tinh này, biết thương yêu và tha thứ cho nhau những lỗi lầm. Ngày ấy, bấy giờ trở thành ngày sát hại sanh linh biết bao nhiêu loài vật hiền lành và vô tội phải chịu chết cho ngày ấy; ngày ấy đã biến thành ngày độc ác nhất trong năm của con người, ngày ấy là ngày tội lỗi nhất của con người; ngày ấy là ngày con người đã tạo nghiệp tái sanh luân hồi làm thân loài vật mãi mãi trong muôn kiếp.

Ngày tốt đẹp ấy là ngày tụ họp con cháu lại để nhắc nhở con cháu chớ nên làm điều ác, mất đạo đức; chớ nên làm những điều tội lỗi, những điều mất danh giá, làm cho Tổ tiên ông bà, cha mẹ phải xấu hổ dưới tuyên đài, làm cho những người còn sống khó nhìn mặt mọi người.

Vì thế ngày ấy là ngày giết hại sanh linh, làm cỗ bàn linh đình, xúm lại ăn uống chén chén say sưa giống như loài thú vật chỉ còn biết tụ họp để ăn nhậu, thì còn nghĩa lý gì là ngày truyền thống tốt đẹp “*uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây*” của dân tộc Việt Nam.

Từ một ngày mang đầy tính chất đạo đức ân nghĩa tốt đẹp của một truyền thống văn hóa dân tộc anh hùng, ngược lại ngày nay nó đã biến dần mất hết ý nghĩa cao đẹp ấy.

Nếu chúng ta không kịp thời sửa sai lại thì con cháu của chúng ta sẽ chạy theo quá đà dục lạc thường tình thế tục “*tham ăn thích uống*” thì ngày ấy chỉ còn là ngày “*ăn chơi*”, nhậu nhẹt, say sưa, la lối, chửi mắng như người điên thật là tội lỗi. Ngày ấy không còn là ngày mang đầy đủ ý nghĩa văn hoá cao thượng và đẹp đẽ của một dân tộc Việt Nam nữa.

Đứng trên nền tảng đạo đức nhân bản - nhân quả làm người không làm khổ mình, khổ người mà chỉnh đốn lại ngày ấy để mang đầy đủ ý nghĩa văn hóa cao thượng và cao đẹp của nó, xứng đáng là ngày truyền thống văn hóa của dân tộc Việt Nam “*Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây*”:

1- Ngày ấy bác, chú, cô, dì, cha, mẹ, anh, chị, em, con cháu phải tụ họp về đầy đủ nơi nhà thờ Tổ tiên, ông bà, không được vắng mặt dù có đi làm việc và ở đâu xa cũng phải trở về họp mặt cho đầy đủ, để nói lên được tình sâu nghĩa nặng, đạo đức cao đẹp ân nghĩa làm người, *“uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây”*.

2- Ngày ấy không được giết hại sanh linh, vì ngày ấy là ngày ân nghĩa, không thể đem sự đau khổ chết chóc của muôn loài vạn vật ra làm ân làm nghĩa đối với Tổ tiên, ông bà, cha mẹ của chúng ta được; ngày ấy chỉ là ngày họp mặt của dòng họ, để nói lên con cháu của dòng họ này là những người hiền lành sống có đạo đức không làm khổ mình, khổ người và khổ muôn loài chúng sanh. Nếu ngày ấy giết hại sanh linh làm cô linh đình thì còn nghĩa lý gì gọi là làm ân, làm nghĩa của những con người có đạo đức nhân bản – nhân quả biết thương mình, thương người và thương muôn loài vạn vật. Ngày ấy xương thịt của chúng sanh nằm trên cỗ bàn la liệt như một bãi chiến trường thì mất hết ý nghĩa, ân nghĩa cao đẹp của những ngày ấy đối với Tổ tiên. Vì thế, tuyệt nhiên ngày ấy không được đổ máu dù một giọt máu rất nhỏ. Tại sao vậy?

Tại vì, ngày ấy Tổ tiên, ông bà của chúng ta đã đi tái sanh làm muôn loài vạn vật, tuy là Tổ tiên, ông bà của chúng ta nhưng đã mang lột chúng sanh làm loài vật thì chúng ta đâu còn biết được. Xưa lúc đức Phật còn tại thế, Ngài đi xin đến một nhà nọ, có một con chó chạy ra sữa Ngài, Ngài liền nói chuyện với con chó: *“Này con chó kia, nhà người có biết trước kia nhà người là ai không? Con chó không còn sữa nữa đứng lắng tai nghe, Đức Phật nói tiếp: “Trước kia nhà người là chủ nhân của ngôi nhà này, khi chết nhà người không kịp trời trăng cho các con cháu biết nhà người đã có giấu một số vàng trong nhà, vì thế sau khi chết nghiệp tiếc của cải của nhà người mà phải chịu tái sanh làm thân chó để giữ gìn của cải đó”.* Từ khi nghe đức Phật nói như vậy, con chó bỏ ăn và chẳng bao lâu con chó chết. Do câu chuyện này chúng ta suy ra: *“Nghiệp sát sanh của Tổ tiên, ông bà, cha mẹ của chúng ta làm sao tránh khỏi tái sanh làm thân loài vật, từ loài gia súc nuôi trong nhà như: gà, vịt, heo, dê, ngựa, bò, mèo, chó v.v.. cho đến các loài cá, tôm, rùa, trạch v.v.. coi chừng đều là Tổ tiên, ông bà, cha mẹ của chúng ta tái sanh, do lòng thương yêu con cháu không muốn xa lìa hoặc do nghiệp sát sanh mà phải chịu làm thân thú*

vật”. Xưa đức Phật còn tại thế, Ngài đã thuật lại cho chúng ta nghe một câu chuyện: “*Có hai vợ chồng nhà kia, người chồng bệnh chết, nhưng vì quá thương cô vợ trẻ, do nghiệp thương ấy người chồng tái sanh làm con dòi ở trong lỗ mũi vợ, khiến cho cô vợ trẻ này đau nhức trong lỗ mũi rất khó chịu, một hôm cô đến nhờ một vị thầy thuốc trị dùm lỗ mũi, vị thầy thuốc dùng kẹp bắt ra một con dòi, cô vợ trẻ trông thấy con dòi quá sợ và từ đó chứng bệnh đau lỗ mũi không còn nữa*”. Đối với con mắt hữu hạn của chúng ta đâu nhìn qua được lốt nghiệp, vì lòng yêu thương con cháu, vì trả nợ miệng bà con xóm làng nên giết hại sanh linh làm cỗ bàn linh đình, nên ngày nay làm thân súc vật để con cháu giết lại làm cỗ đãi người, đó là luật nhân quả trả vay vay trả muôn đời muôn kiếp vô cùng tận không bao giờ dứt, nếu chúng ta không sáng suốt đình chỉ ngay bàn tay đầm máu thì chúng ta cũng không thoát khỏi nợ máu này, đừng lạm dụng ngày nhớ ân Tổ tiên ông bà cha mẹ rồi lại giết hại Tổ tiên ông bà cha mẹ của mình thì còn nghĩa lý gì đạo lý làm người? Ngày nhớ ơn lại trở thành ngày phi ơn.

Đối với đạo Phật, ngày giỗ, ngày Tết và tất cả những ngày lễ lớn trong năm nên tổ

chức đúng ý nghĩa đạo đức làm người tức là phải tổ chức đúng theo đường lối đạo đức nhân bản - nhân quả trong Bát Chánh Đạo:

- 1/ Chánh Kiến
- 2/ Chánh Tư Duy
- 3/ Chánh Ngữ
- 4/ Chánh Nghiệp
- 5/ Chánh Mạng
- 6/ Chánh Tinh Tấn
- 7/ Chánh Niệm
- 8/ Chánh Định

Những ngày giỗ, ngày Tết và tất cả những ngày lễ lớn trong năm thì nên tổ chức đúng theo năm nẻo trong Bát Chánh Đạo. Vậy tổ chức theo Chánh Kiến như thế nào?

Tổ chức những ngày ấy đúng chánh kiến theo đạo Phật như:

1- Thứ nhất không nên giết hại chúng sanh làm cô linh đình.

2- Thứ hai không được tế lễ, cúng kiến lễ bái cầu siêu cầu an theo kiểu mê tín, dị đoan, tin có linh hồn người chết về ăn uống, phù hộ con cháu.

3- Thứ ba không nên lạm dụng ngày đó tụ họp ăn uống nhậu nhẹt say sưa la hét, chửi mắng, đánh lộn, v.v..

4- Thứ tư không được dùng ngày đó làm cỗ linh đình trả nợ miệng làng xóm.

Muốn tổ chức những ngày ấy đúng chánh kiến đạo đức ân tình nghĩa nặng của những người đệ tử Phật thì phải.

- Thứ nhất trên bàn thờ tổ tiên phải được quét dọn sạch sẽ không chưng hoa chỉ có quả, đèn hương phải trang nghiêm.

- Thứ hai mọi người về tụ họp đều phải mua sắm những thực phẩm thực vật hoặc bánh trái cây, v.v.. tránh mua sắm thực phẩm động vật và bông hoa.

5- Thứ năm tránh mọi sự lo lắng, nhọc nhằn cho người giữ gìn nhà thờ Tổ tiên, bằng cách khi mọi người về họp mặt trong những ngày ấy đều phải mua và mang về theo nhiều hoặc ít trái cây thực phẩm để tỏ lòng biết ân qua hiện vật của ít lòng thành còn người nào nghèo quá thì cũng nên về cho đông đủ để nói lên ý nghĩa cao đẹp của sự biết ơn sâu dày như trời biển của tổ tiên, ông bà, cha mẹ mà không cần phải mua sắm vật gì.

6- Thứ sáu, ngày ấy trong dòng họ phải có một người hiểu biết lịch sử và gia phả của dòng họ, đứng lên nhắc lại công ơn Tổ tiên, ông bà, cha mẹ để cho con cháu biết và khích lệ sách tấn con cháu sống đúng đạo đức làm người không làm khổ mình, khổ người và không làm khổ muôn loài vật khác. Con cháu phải nhớ học tập tốt có đức, có tài, làm việc siêng năng cần mẫn thanh liêm, luôn luôn làm sáng tỏ danh đức dòng họ Tổ Tiên, không được làm ô nhục, làm xấu ô danh dòng họ, phải làm cho danh thơm, tiếng tốt.

7- Thứ bảy, ngày ấy bác chú, cô dì, anh chị em, con cháu nội ngoại gần xa đều về đông đủ để biết được nhau không còn xa lạ, ông bà biết con cháu, con cháu biết ông bà, ngày ấy là ngày để dòng họ biết nhau, gần nhau, giúp đỡ nhau.

Tóm lại, ngày ấy nếu biết tổ chức đúng ý nghĩa theo đạo đức nhân bản làm người thì mới xứng đáng với câu: *“Uống nước nhớ nguồn ăn quả nhớ người trồng cây”*.



CÓ BA HẠNG NGƯỜI TU TẬP GIỚI, ĐỊNH, TUỆ

Câu hỏi của Chơn Thành

Hỏi: Kính bạch Thầy! Có ba hạng người tu hành giới, định, tuệ:

1- Hạng người thứ nhất ưa thích bóng tối, sống trong bóng tối, tu tập trong bóng tối.

2- Hạng người thứ hai ưa thích ánh sáng, sống trong ánh sáng, tu tập trong ánh sáng.

3- Hạng người thứ ba tùy thuận bóng tối tự nhiên, tùy thuận theo ánh sáng tự nhiên. Sống trong bóng tối tự nhiên, sống trong ánh sáng tự nhiên. Tu tập theo bóng tối tự nhiên, tu tập theo ánh sáng tự nhiên.

Trong ba hạng người này, loại người nào tu đúng, sống đúng theo giáo lý của đức Phật và có thể tiến tới chánh trí, chứng ngộ Niết Bàn?

Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được hiểu rõ và theo đó hành trì.

Đáp: Trong ba hạng người này:

1/ Hạng người thứ nhất ưa thích bóng tối, sống trong bóng tối, tu tập trong bóng tối. Đó là những hạng người làm việc mờ ám, gian lận, lừa đảo, lường gạt người khác, không xứng đáng là người tu sĩ Phật giáo.

Người ưa thích bóng tối, sống trong bóng tối, tu tập trong bóng tối là những người trộm cắp, cướp giật, là những loài thú vật đi ăn đêm, là những người gian xảo lừa đảo, v.v..

Người tu sĩ đạo Phật không chấp nhận những điều này, phải ăn thật, nói thật, làm thật.

Vả lại tu hành là giải thoát cho mình chứ đâu phải giải thoát cho ai, tu hành đâu có cầu danh, cầu lợi, cầu khen ngợi, ca tụng v.v.. mà chỉ vì sự sống chết bệnh khổ và tái sanh luân hồi.

Tại sao chúng ta đã bỏ cuộc đời đi tu mà lại tu giả, tu dối, tu không thật?

Tại sao chúng ta đã bỏ cuộc đời đi tu mà còn ham vui thích nói chuyện, nói chuyện có ích lợi gì? Vừa làm cho mình tu không được mà cũng vừa làm hại người khác chẳng an tu hành.

Tại sao chúng đã bỏ cuộc đời đi tu, không tu đúng lời dạy của Thầy, nỡ tâm phá hạnh độc cư của mình bằng mọi cách, để rồi cuộc đời tu hành của mình chẳng ra gì? Đời chẳng ra đời, đạo chẳng ra đạo, lại hằng ngày thọ dụng của đàn na thí chủ mà chẳng biết xấu hổ.

Những người tu hành trong bóng tối là những người lười biếng, dụng bóng tối để thỏa thích lòng tham ngủ, còn tham ăn, tham ngủ là người còn mang bản năng thú vật, sống chỉ biết tranh đấu cho cái ăn, cái ngủ thì không còn nghĩa lý gì cho cuộc sống, nhất là cuộc sống của người tu sĩ Phật giáo.

Đừng luận rằng đức Phật ngày xưa đâu có dầu đèn thấp, nên bây giờ mình tập sống trong bóng tối. Luận như vậy là sai, xưa đức Phật, đến chỗ nào sống không đèn đuốc thì vẫn sống tu không đèn đuốc như bình thường, nhưng đến nơi có đèn đuốc thì đức Phật cũng sống tu trong ánh sáng đèn đuốc, chứ không có đèn đuốc đòi cho có đèn đuốc hoặc có đèn đuốc lại tắt tối thui để tránh sự dòm ngó của người khác trong khi mình lén ngủ.

Trong tu viện sự tu tập có thời khóa rõ ràng, giờ tu, giờ nghỉ, người sử dụng bóng tối

tu tập là có gian ý lười biếng để đánh lừa người khác.

2/ Hạng người thứ hai ưa thích ánh sáng, sống trong ánh sáng, tu tập trong ánh sáng. Đó là những người dùng ánh sáng làm bình phong che mắt mọi người, dùng ánh sáng để chứng tỏ mình là người tốt, người siêng năng tu tập, người làm thiện chứ thật ra cũng là cách thức lừa đảo lường gạt người khác. Đối với người tu sĩ đạo Phật còn một chút xiu tâm lừa đảo, gian lận thì tâm niệm đó còn mang đầy ác pháp, làm sao tu hành cầu giải thoát được. Phật dạy: ***“Các pháp ác chớ làm, nên làm các pháp thiện”***. Tâm còn gian xảo dùng ánh sáng để che đậy sự xấu, sự lười biếng, để lường gạt kẻ khác.

Ví dụ: Một nhà giàu có muốn làm giàu hơn trong sự bất chánh họ dùng mách khéo từ thiện để qua mắt Nhà nước và mọi người. Một ông thầy thuốc Nam bốc thuốc từ thiện, nhưng lại muốn làm tiền bằng cách khôn khéo lợi dụng lòng tin Phật của bệnh nhân nên đặt một tượng Bồ Tát Quan Thế Âm và một thùng phước sớ trong phòng mạch. Nhờ đó ông thầy lang tuy không nhận tiền thuốc mà vẫn làm giàu còn được tiếng làm phước thiện.

Thường trong các chùa của Đại Thừa trước điện Phật, đặt một cái tủ nhỏ, gọi là thùng phước sương, thùng phước sương là một hình thức lừa đảo tín đồ mê tín, đó cũng là một nguồn lợi đáng kể trong nhà chùa. Đó là lấy ánh sáng che mắt thiên hạ để lừa đảo dễ dàng. Người tu hành gian xảo dùng ánh sáng che mắt mọi người, cứ cho đèn cháy sáng rồi mặc tình mà ngủ. Họ đâu biết rằng tu hành là tu cho họ chứ đâu phải tu cho người khác, thế mà họ cũng lừa đảo người khác. Người tu theo đạo Phật tu như vậy để làm gì? Có ích lợi gì? Nên trở về sống đời sống cư sĩ với đạo đức nhân bản - nhân quả làm người còn tốt hơn.

Những năm tháng trong tu viện chúng tôi đã chứng kiến mọi sự lừa đảo của tu sĩ giả dối, người dùng bóng tối ngủ thẳng chân, kẻ dùng ánh sáng ngáy khò khò. Những điều này đã khiến cho chúng tôi rất thương tâm cho những người còn tham đắm, si mê trong ăn ngủ mà muốn tu theo đạo Phật thì làm sao được.

3/ Hạng người thứ ba tùy thuận bóng tối tự nhiên, tùy thuận ánh sáng tự nhiên, sống trong bóng tối tự nhiên, sống trong ánh sáng tự nhiên, tu tập theo bóng tối tự nhiên, tu tập theo ánh sáng tự nhiên. Đây là những hạng

người biết sống đúng nghĩa bóng tối và ánh sáng, biết tùy thuận đúng nghĩa bóng tối và ánh sáng, biết tu tập đúng nghĩa bóng tối và ánh sáng.

Tùy thuận bóng tối tự nhiên như thế nào?

Khi bóng đêm đến, trời tối chúng ta nên sống trong tự nhiên với bóng đêm mà không đòi hỏi phải có đèn đuốc ánh sáng. Nếu chúng ta đòi hỏi hoặc chuẩn bị đèn đuốc hoặc đèn sáp, đèn cây, đó là sự không tùy thuận trong bóng đêm, khiến cho tâm bất an phải lo lắng, nên tâm hồn không được thanh thản, an lạc và vô sự.

Tâm hồn không được thanh thản, an lạc và vô sự đó là chướng ngại pháp trong tâm, chướng ngại pháp trong tâm tức là ác pháp, nếu tâm gặp ác pháp phải mau mau quán xét đẩy lui hoặc diệt cho thật sạch và luôn lúc nào cũng giữ gìn tâm bất động trước các chướng ngại pháp, đó mới chính biết tùy thuận bóng tối tự nhiên.

Thời nay người tu hành chẳng biết tùy thuận bóng tối tự nhiên nên chẳng làm chủ sự sống chết và chấm dứt luân hồi.

Sống, tùy thuận và tu tập theo ánh sáng tự nhiên như thế nào?

Trong khi chúng ta sống trong ánh sáng ban ngày mà ước muốn có ánh sáng trăng ban đêm, cũng như chúng ta đang sống trong ánh sáng đèn dầu mà đòi hỏi phải có ánh sáng đèn điện, v.v.. Những sự ước muốn này là sống không tùy thuận, không bằng lòng, không tu tập ánh sáng tự nhiên.

Ví dụ: chúng ta đang ngồi dưới ánh sáng đèn điện bỗng nhiên bị cúp điện, tất cả mọi vật đều trở thành bóng đen, do đó tâm ta rất khó chịu, phải đi tìm đèn đốc thắp lên, đó là sự sống không tùy thuận, không bằng lòng, không tu tập ánh sáng tự nhiên. Ánh sáng có như thế nào thì chúng ta sống tùy thuận, sống tu tập theo ánh sáng đó đã có, ánh sáng không có thì chúng ta sống tùy thuận và tu tập theo ánh sáng không có. Người biết tùy thuận sống và tu tập như vậy là người biết ngăn ác diệt ác pháp, còn ngược lại sống không biết tùy thuận và tu tập như vậy thì dù có nói ngăn ác diệt ác pháp một triệu lần thì cũng chỉ là lời nói suông mà thôi chẳng có ích lợi gì cho mình cho người và tu hành như vậy chỉ hoài công vô ích, uống một cuộc đời bỏ công tu tập.

Sống, tùy thuận và tu tập theo bóng tối tự nhiên như thế nào?

Sống, tùy thuận và tu tập theo bóng tối tự nhiên là sống theo bóng tối như thế nào thì chúng ta sống theo bóng tối như thế này, không than trách, không phiền toái là hôm nay trời tối quá hoặc trời sáng quá. Tối hay sáng không có nghĩa làm bận tâm cho người tu sĩ. Người tu sĩ sống theo bóng tối tự nhiên là luôn luôn giữ gìn tâm, cảnh giác tâm trong mọi thời gian để phòng hộ bảo vệ tâm lúc nào tâm cũng thanh thản, an lạc và vô sự thì đó là sống theo bóng tối tự nhiên.

Sống, tùy thuận và tu tập theo bóng tối tự nhiên là người biết ngăn ác diệt ác pháp không cho tâm bị chướng ngại pháp, vì thế bóng tối như thế nào họ sống như thế này, sống một cách an vui nhẹ nhàng thanh thản an lạc của một tâm hồn vô sự.

Sống, tùy thuận và tu tập theo ánh sáng tự nhiên như thế nào?

Sống, tùy thuận và tu tập theo ánh sáng tự nhiên tức là không lưu ý đến thời gian và không gian, có nghĩa là không để ý đến trời sáng, chiều, tối, khuya luôn luôn ôm pháp tu tập không để kẻ hở khoảng trống nào cả, lúc

nào cũng phòng hộ sáu căn, luôn giữ gìn tâm thanh thản, an lạc và vô sự.

Sống, tùy thuận và tu tập theo ánh sáng tự nhiên là sống dưới mọi ánh sáng như: tối không ánh sáng, sáng mờ mờ, sáng tỏ, sáng trắng, sáng nhạt, v.v.. đều tự nhiên sống dưới ánh sáng đó, không bất toại nguyện, không than thở, không buồn phiền, không trách cứ, không lo ngại, tâm luôn thanh thản, an lạc và vô sự trước mọi thứ ánh sáng.

Sống tùy thuận và tu tập theo ánh sáng tự nhiên tức là sống không làm khổ mình, khổ người, sống không dối trá, lừa đảo, lường gạt người khác, trước mặt cũng như sau lưng không bao giờ nói xấu, nói lén ai cả.

Sống, tùy thuận và tu tập theo ánh sáng tự nhiên tức là sống không giết hại sanh linh, sống không làm khổ chúng sanh, sống không ăn thịt chúng sanh, sống với tâm từ bi thương yêu muôn loài vạn vật, thậm chí đến ngàn cây nội cỏ tâm hồn vẫn luôn biết thương yêu như con của mình.



SỰ TU TẬP KHỔ ĐẾ, DIỆT ĐẾ TRONG TỨ NIỆM XỨ

Câu hỏi của Chơn Thành

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Thế nào là Khổ, Tập, Diệt, Đạo Thánh Đế, tu tập trong Tứ Niệm Xứ, xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ từ sanh khởi, xả ly, diệt trừ và an trú.*

Đáp: Muốn tu tập Khổ, Tập, Diệt, Đạo Thánh Đế trên Tứ Niệm Xứ thì bắt đầu sanh khởi, xả ly, diệt trừ và an trú tại bốn chỗ: “*Thân, thọ, tâm, pháp*”:

1/ Thứ nhất chúng ta bắt đầu quan sát và xem xét nơi “*Thân*” Tứ Niệm Xứ coi có các chướng ngại pháp trên đó hay không? Nếu có (sanh khởi) tức là “*Khổ, Tập Thánh Đế*” đang tạo tác trên thân khiến cho thân bất an, thì chúng ta nên dùng Định Vô Lậu quét sạch (xả ly) “*khổ, tập*” trên đó xong rồi thì chúng ta dùng câu pháp hướng tâm để tạo cho tâm có một nội lực sung mãn để Tập Đế không còn tập hợp (diệt trừ) trên thân Tứ Niệm Xứ được và cuối cùng thân Tứ Niệm Xứ của chúng ta được an lạc và vô sự “*Diệt Đế*” (an trú). Đây là

sự tu tập *Khổ, Tập, Diệt Thánh Đế* từ sanh khởi, xả ly, diệt trừ và an trú trên thân Tứ Niệm Xứ.

2/ Thứ hai kế tiếp chúng ta cũng quan sát và xem xét (sanh khởi) “*Thọ*” Tứ Niệm Xứ của chúng ta và cũng tu tập như thân Tứ Niệm Xứ vậy. Đây là sự tu tập *Khổ, Tập, Diệt Thánh Đế* từ sanh khởi, xả ly, diệt trừ và an trú.

3/ Thứ ba, sau khi tu tập *Thọ* Niệm Xứ xong chúng ta tiếp tục quan sát xem xét “*Tâm*” Tứ Niệm Xứ và cũng tu tập như Thân Niệm Xứ ở trên vậy. Đây là sự tu tập *Khổ Tập, Diệt Thánh Đế* từ sanh khởi xả ly diệt trừ và an trú.

4/ Thứ tư, sau khi tu tập “*Tâm*” Niệm Xứ xong chúng ta tiếp tục tu tập “*Pháp*” Niệm Xứ. Pháp Niệm Xứ chia ra làm hai loại:

1- Pháp Niệm Xứ ngoại.

2- Pháp Niệm Xứ nội.

Pháp Niệm Xứ ngoại gồm có hai phần:

a- Pháp Niệm Xứ ngoại thế gian.

b- Pháp Niệm Xứ ngoại xuất thế gian.

Pháp Niệm Xứ nội gồm có hai phần:

a- Pháp Niệm Xứ nội Thế gian.

b- Pháp Niệm Xứ nội xuất thế gian.

Dù chia sẻ các pháp ra như vậy, nhưng chúng ta phải hiểu các pháp thế gian dù nội hay ngoại đều là ác pháp cả, còn ngược lại pháp xuất thế gian dù nội hay ngoại đều là thiện pháp cả. Vì thế đức Phật dạy: “*Ngăn ác diệt ác pháp*” đó là pháp thế gian, “*sinh thiện tăng trưởng thiện pháp*” đó là pháp xuất thế gian.

Sau khi chia ra và phân biệt rõ pháp nội và ngoại, thế gian và xuất thế gian, từ trên pháp chúng ta tu tập như thân Tứ Niệm Xứ vậy. Đây là sự tu tập Khổ, Tập, Diệt Thánh Đế từ sanh khởi, xả ly, diệt trừ và an trú.



TỬ TRƯỜNG

Câu hỏi của Chơn Thành

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Do nhân gì, duyên gì mà các loài động vật nhất là loài động vật sống hoang dã rất thích sống gần các nhà tu hành theo đạo Phật? Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.*

Đáp: Các loài động vật hoang dã rất thích sống gần những người tu hành như:

1- Thứ nhất họ không giết hại các loài vật, dù là con vật hung dữ và nguy hiểm.

2- Thứ hai hằng ngày họ thường ăn và để dành những thực phẩm đều mang cho chúng ăn.

3- Thứ ba người tu hành thường không giết hại và ăn thịt chúng sanh, nên xung quanh họ tỏa ra một từ trường hiền lành khiến cho các loài vật không sợ hãi, nhất là những loài vật có khúu giác tinh vi bén nhạy, khi bắt gặp từ trường đó, chúng an tâm và khi tiến gần vị tu sĩ thì cảm giác chúng lại còn an tâm hơn nữa, do đó nên các loài thú hoang dã đến gần những người tu sĩ chân chánh, không còn sợ hãi, hầu như chúng cảm thấy gần gũi bên những người tu sĩ này như có một sự che chở bảo vệ cho chúng.

Nói đến từ trường tức là nói đến nghiệp lực nhân quả thiện ác do con người hành động theo ba chỗ thân, miệng, ý của họ tạo ra một khoảng không gian rộng hẹp nhất định theo sự huân tập nhiều ít của họ.

Từ tâm lực thiện của người ấy phóng từ trường ra trong khoảng không gian đó, khi loài thú vật hoang dã đến gần hoặc đi vào khoảng không gian đó, khúu giác và trực giác của chúng giao cảm được từ trường thiện đó, nên chúng không cảm thấy sợ hãi, rất an tâm, vì thế chúng thường quần quýt bên những người tu sĩ, có khi chúng bò lên hoặc đậu lên tay chân của những người tu hành ấy.

Chúng tôi xin nói thêm các loại từ trường để quý vị suy ngẫm. Lúc Hòa Thượng Huệ Hưng còn sống, ông nói với chúng tôi rằng: *“Khi đến thăm Thượng Tọa Pháp Tri, nơi chỗ Thượng Tọa ở sao mà sát khí đằng đằng, cảm giác ớn lạnh người”*.

Tại sao nơi chỗ Thượng Tọa ở lại sát khí đằng đằng?

Đó là một từ trường bất thiện mà Hòa Thượng Huệ Hưng cảm nhận được khi bước chân vào đó. Lúc bấy giờ chúng tôi không biết Thượng Tọa Pháp Tri là ai, nên hỏi Hòa Thượng, Hòa Thượng bảo: *“Đó là một nhà sư Phật giáo thuộc hệ phái Nam Tông”*.

Nơi đâu có giết hại và ăn thịt chúng sanh là nơi đó có từ trường ác.

Nơi đâu không giết hại và không ăn thịt chúng, nhưng nơi đó không có lòng từ bi thương xót chúng sanh thì nơi đó cũng không có từ trường thiện vì tâm người còn ác, không có lòng hiếu sinh, nên phóng xuất từ trường ác, chính vì tâm con người ở đó còn tham, sân, si, mạn, nghi ngút ngàn.

Nơi đâu có lòng từ bi thương xót muôn loài chúng sanh thì nơi đó có từ trường thiện.

Nơi đâu có đạo đức không làm khổ mình, khổ người thì nơi đó có từ trường thiện.

Nơi đâu ly dục ly ác pháp là nơi đó có từ trường thiện.

Ngược lại nơi đâu còn có tâm tham, sân, si, mạn, nghi là nơi đó có từ trường ác như chúng tôi đã nói ở trên.

Nơi đâu tu sĩ Phật giáo đời sống phạm hạnh không có, thường phạm giới, phá giới, bề vụn giới thì nơi đó có từ trường ác.

Trên đây là những từ trường thiện ác trong cuộc sống hằng ngày của con người phóng ra theo hành động đạo đức nhân bản - nhân quả và không đạo đức.

Từ đó, chúng ta suy ra mới thấy được môi trường sống trong không gian trên hành tinh

này tốt hay xấu, ô nhiễm hay trong sạch đều do hành động thiện hay ác của loài người và loài động vật cùng ngàn cây nội cỏ. Từ những hành động thiện ác của loài người phóng ra thường mang đến cho loài người hạnh phúc hay khổ đau.

Nếu con người trên hành tinh này sống có đạo đức nhân bản – nhân quả không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh, thì từ trường trong không gian này toàn thiện và như vậy môi trường sống của con người sẽ không bị ô nhiễm. Môi trường sống không ô nhiễm thì con người không có bệnh đau, thiên tai, hỏa hoạn, động đất, hồng thủy, v.v.. không bần mẫn. Thiên tai, hỏa hoạn, động đất, hồng thủy và bệnh tật đều do con người sống trong ác pháp, với tâm tham, sân, si ngút ngàn.

Còn có những từ trường khác hơn những từ trường trên đây, đó là từ trường của các loại định, mỗi loại định đều có những từ trường khác nhau như:

1/ Định Nhị Thiên khi khẩu hành tịnh chỉ thì ý thức ngưng hoạt động, ý thức ngưng hoạt động có nghĩa là sáu thức ngưng hoạt động, sáu thức như: nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Người

nhập định này mắt không còn thấy sắc tướng, tai không còn nghe âm thanh dù âm thanh to lớn như tiếng trời sét cũng không nghe, v.v..

Khi khẩu hành tịnh chỉ, sáu thức ngưng hoạt động tức là khẩu hành định, sáu thức định, thì từ trong các định này phóng ra một loạt từ trường để bảo vệ khẩu hành và sáu thức của nó, đây là từ trường của định Nhị Thiền, mắt thường không thể thấy được, chỉ có khứu giác tinh vi hoặc trực giác mới nhận ra được.

Định Tam Thiền do ly 18 loại hỷ dục tướng, là 18 loại hỷ dục tướng này thì có một từ trường phóng ra để bảo vệ giác ngủ an lành không có mộng寐.

Định Tứ Thiền tịnh chỉ hơi thở các hành trong thân ngưng hoạt động, để bảo vệ sự sống của thân tứ đại, từ trong thân hành tịnh chỉ này phóng ra một từ trường, từ trường ấy làm cho các cơ quan nội ngoại của cơ thể không bị hư hoại trong một khoảng thời gian dài, nhờ có từ trường đó mà cơ thể có thể phục hồi sự sống lại một cách dễ dàng.

Các từ trường trên đây chỉ là một luồng khí vô hình, nhưng nội lực mạnh yếu đều do hành động thiện ác nhiều ít của con người

hoặc sức tịnh chỉ các hành trong thân tùy theo khẩu hành, thân hành và ý hành tạo ra định lực sâu cạn nhiều ít mà phân ra các loại định. Mỗi loại định đều có từ trường phóng ra để bảo vệ người đang nhập định.

Định Diệt Thọ Tướng là một loại định diệt thọ ấm và tướng ấm, muốn diệt thọ ấm và tướng ấm thì phải tịnh chỉ ý hành, ý hành tịnh chỉ thì ý căn phải ngưng hoạt động, ý căn¹⁰ ngưng hoạt động thì cơ thể hoàn toàn giống như người chết. Vì muốn bảo vệ cơ thể không bị hoại diệt nên Định Diệt Thọ Tướng phải phóng ra một từ trường rất kinh khủng, lớp từ trường như một kính pha lê che phủ cơ thể người nhập định, ở xa thì trông thấy, nhưng đến gần thì không được, dù cho thời tiết mưa nắng cũng không xâm thực được, lửa không cháy, nước không làm ướt được, tất cả loài vật và người không bao giờ xâm chiếm đến gần được. Từ trường ấy tuy vô hình, trong suốt như pha lê, nhưng vững chắc hơn thành

3- Ý căn là bộ óc của con người, ý căn ngưng hoạt động là bộ óc con người ngưng làm việc. Tứ Thiền hơi thở tịnh chỉ tức là hơi thở dừng, nhưng bộ óc còn hoạt động, còn nhập Diệt Thọ Tướng Định thì bộ óc hoàn toàn ngưng nghĩ.

đồng vách sắt, không có một vật gì trên thế gian này làm hại được thân người nhập định này.



CÚNG DƯỜNG VÀ NHẬN ĐỒ CÚNG DƯỜNG NHƯ THẾ NÀO ĐÚNG PHÁP?

Câu hỏi của Chơn Thành

Hỏi: *Kính bạch Thầy! Quý vị cư sĩ Phật tử cúng dường cho chư Tăng như thế nào là đúng pháp và như thế nào là không đúng pháp?*

Chư Tăng khi nhận đồ cúng dường như thế nào đúng pháp và như thế nào là không đúng pháp? Phải làm gì khi thọ nhận sự cúng dường? Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.

Đáp: Người cư sĩ Phật tử cúng dường đúng chánh pháp là phải chọn một vị tăng giới đức nghiêm chỉnh, phải đầy đủ oai nghi tế hạnh, phải có một đời sống phạm hạnh, phải thiếu dục tri túc giống như Phật và chúng

Thánh Tăng ngày xưa thì sự cúng dường ấy mới đúng là chánh pháp.

Chọn được một vị tu sĩ như vậy thì phải thành tâm dâng lên cúng dường với một tấm lòng cung kính ngưỡng mộ, mặc dù của ít lòng nhiều, không phải đòi hỏi ở những món ăn cao lương mỹ vị mới có lòng thành, mà chỉ là những món ăn đơn giản như cơm muối, củ khoai và tương chao rau đậu luộc, v.v..

Người cư sĩ phật tử cúng dường không đúng chánh pháp là cúng dường cho những vị tăng phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới, sống không đúng oai nghi tế hạnh.

Cúng dường cho những vị tăng này là nối giáo cho ngoại đạo diệt Phật giáo. Bởi đức Phật dạy: ***“Giới luật Ta còn là Đạo Ta còn, giới luật Ta mất là Đạo Ta mất”***, câu nói này có nghĩa là tu sĩ còn giữ gìn giới hạnh nghiêm chỉnh thì đạo Phật còn, tu sĩ không giữ gìn giới luật nghiêm chỉnh thì đạo Phật mất.

Lời dạy năm xưa của đức Phật đến giờ này nó còn nguyên giá trị rất lớn, giúp cho chúng ta quan sát đạo Phật còn hay mất.

Theo lời dạy này, đạo Phật không còn nữa. Từ khi đức Phật và chúng Thánh Tăng đã

viên tịch hết thì không còn ai giữ gìn giới luật nghiêm chỉnh nữa, nên đạo Phật đã mai một từ đó.

Hiện giờ, quý vị cư sĩ phật tử muốn cúng dường đúng chánh pháp thì phải chọn những vị tăng xứng đáng, giới luật nghiêm trì không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào thì mới cúng dường, còn ngược lại thì quý vị không nên cúng dường cho những vị tăng phạm giới, phá giới, vì cúng dường như vậy là gián tiếp quý vị diệt Phật giáo, ***“Phật giáo còn là giới luật còn, Phật giáo mất là giới luật mất”***. Các vị tăng phạm giới, phá giới là những vị Tăng đang diệt Phật giáo, đang giết chết Phật giáo. Quý vị cư sĩ hãy cảnh giác những vị tăng này, họ là những Ma Vương đội lốt tu sĩ Phật giáo để diệt Phật giáo.

Còn quý vị tăng tu hành chân chánh khi nhận sự cúng dường đúng chánh pháp thì không được nhận tiền, bạc, vàng, châu báu, y áo vải hàng tốt đẹp mà phải bằng vải hàng thô xấu, cách thức ăn mặc của một vị tăng chân chánh thì không được ăn mặc sang đẹp, vì ăn mặc sang đẹp là chưa nhàm chán thế gian, chưa nhàm chán thế gian là lòng tham muốn còn đầy đủ tham muốn. Tâm tham muốn

còn đầy đủ là người thế gian chứ không phải là người tu, tâm chưa phải là người tu thì không nên nhận sự cúng dường, nhận sự cúng dường như vậy thì không đúng chánh pháp.

Cho nên, những tu sĩ ăn mặc sang đẹp, ở trong chùa to Phật lớn, xe cộ đủ loại, tiền bạc cất giữ mà nhận của cúng dường thì không đúng chánh pháp.

Một vị tăng phải giữ gìn giới luật nghiêm túc, đời sống phải ba y một bát, thiếu dục tri túc, luôn luôn sợ hãi trong các lỗi nhỏ nhặt, mới xứng đáng nhận của cúng dường. Nhận sự cúng dường như vậy mới đúng chánh pháp.

Một vị tăng chân chánh khi xứng đáng nhận đồ cúng dường là phải tu tập những pháp môn rất nghiêm chỉnh như sau:

1/ Thứ nhất phải sống một đời sống phạm hạnh thì mới xứng đáng thọ nhận của cúng dường bằng ngược lại thì mang nợ đàn na thí chủ.

2/ Thứ hai là phải sống một đời sống giới luật nghiêm chỉnh, thấy các lỗi nhỏ nhặt sợ hãi, mới xứng đáng thọ nhận của cúng dường bằng ngược lại thì mang nợ đàn na thí chủ.

3/ Thứ ba là phải nhập cho được Bất Động Tâm Định. Bất Động Tâm Định tương đương với Sơ Thiền. Người nhập được Bất Động Tâm là người ly dục ly ác pháp, người ấy mới xứng đáng nhận của cúng dường, nếu tâm chưa ly dục ly ác pháp thì chưa xứng đáng nhận của cúng dường.

4/ Thứ tư là phải siêng năng chuyên cần tu tập Tứ Chánh Cần tức là ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp, nếu một vị tăng mà không tu pháp môn này thì không xứng đáng nhận của cúng dường.

5/ Thứ năm là phải siêng năng tu tập Tứ Niệm Xứ để đẩy lui các chương ngại pháp tức là khắc phục tâm tham ưu của mình thì mới xứng đáng thọ nhận sự cúng dường.

6/ Thứ sáu là phải siêng năng tu tập Tứ Bất Hoại Tịnh, tức là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng và niệm Giới thì mới xứng đáng thọ nhận sự cúng dường.

7/ Thứ bảy là phải siêng năng phòng hộ giữ gìn các căn không cho dính mắc các trần tức là tu tập ngũ căn thì mới xứng đáng thọ nhận sự cúng dường.



NỖI ĐAU VỀ THỂ XÁC

Câu hỏi của Thiện Đức

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Con có bà ngoại năm nay ngoài 70 tuổi đang bị bệnh ung thư, sự sống không còn bao lâu nữa, tuy ở xa nhưng con có cảm tưởng hiện giờ ngoại đang chịu nỗi đau về thể xác (sự hoành hành của bệnh) và nỗi đau về tinh thần (lo sợ cái chết). Con là trong những đứa cháu được ngoại yêu quý. Trong tình cảm này con rất muốn làm một việc gì đó thiết thực giúp cho ngoại. Thầy có thể chỉ dạy cho con được không?*

Đáp: Trước tiên con nên về gặp bà ngoại con và an ủi người, để cho người đừng dao động tâm khi cơn bệnh hoành hành và khuyên ngoại con: “Đây là nhân quả của bà ngoại do tiền kiếp ngoại có biết không?”.

“Nhân là hạt, quả là trái. Khi vô tình hay hữu ý mình đã gieo hạt giống xấu (hành động ác) thì ngay trong hiện tại mình phải gặt lấy tai họa hay bệnh tật khổ đau. Ngoại bệnh đau cũng vậy, đời trước hay trong kiếp này vì thương chồng, thương con vô tình ngoại đã gieo

một hạt giống xấu bây giờ ngoại phải chịu bệnh một mình như vậy. Ngoại đừng buồn khổ nghe ngoại? Ngoại không buồn khổ là ngoại sẽ hết bệnh mau”.

Ví dụ 1: Ngay trong đời sống hiện tại mình lái xe không cẩn thận, lạng lách, vượt qua mặt, chạy ẩu sang lề khác, phạm vào luật lệ giao thông, đó là nhân. Nên tai nạn xảy ra làm cụt tay gãy chân, có khi mất mạng, đó là quả.

Ví dụ 2: Ngay trong đời sống hiện tại mình không giữ vệ sinh chung, quăng rác bừa bừa thừa thải khắp nơi; hoặc ăn uống không vệ sinh, dùng đũa ăn đó, không biết dơ sạch, đó là nhân. Khi bị bệnh đau phải tốn tiền đi bác sĩ, đến bệnh viện có khi bị chết, đó là quả.

Ví dụ 3: Ăn thịt chúng sanh, dùng con gì ăn con vật nấy, không biết trong thịt chúng sanh có nhiều chất độc tố, đó là nhân. Đến khi bị bệnh đau, gặp những bệnh nan y khó trị, phải chịu khổ sở đau nhức, lăn lộn trên giường bệnh, đó là quả.

Ví dụ 4: Ý quyền thế, la lối chửi mắng người, xem mọi người dưới quyền như tôi tớ người làm công không ra gì, đó là nhân. Khi bị

bệnh đau hoặc tai nạn xảy ra cho mình hay những người thân trong gia đình, đó là quả.

Cho nên, nhân quả thường đi song song với nhau, hễ có nhân là có quả. Vừa mở miệng nói xấu người khác, đó là nhân, thì ngay đó bị người khác xem thường mình, cho mình là người xấu ác, đó là quả.

Nhưng muốn chuyển nhân quả ấy thì phải làm sao?

Nhân quả muốn chuyển được thì phải vui vẻ chấp nhận để trả nợ nhân quả. Khi đứng trước hoàn cảnh tai nạn bệnh tật thì không nên buồn rầu, lo sợ, không nên than thân, trách phận, không nên đổ thừa cho ai cả mà hãy vui vẻ nhận chịu một cách tự nhiên đầy can đảm và dũng cảm.

Khi nhân quả đến muốn chuyển hóa nhân quả thì phải sống đúng tám giới luật của Phật tức là Thọ Bát Quan Trai. Tám giới luật của Phật là chín đức hạnh làm người. Chín đức hạnh làm người là chín pháp thiện. Nhờ sống đúng chánh pháp thiện mà chuyển tất cả quả khổ. Vậy, con hãy lắng nghe Đức Phật dạy mà hướng dẫn cho ngoại con: *“Này các tỳ kheo muốn ước nguyện một điều gì, điều đó được viên mãn thì giới luật phải nghiêm chỉnh”*.

Tám giới luật Phật tức là chín đức hạnh. Chín đức hạnh gồm có:

1/ Đức hiếu sinh (Lòng thương yêu sự sống của muôn loài).

2/ Đức buông xả (Không gian tham trộm cắp cướp giựt, móc túi, lấy của không cho).

3/ Đức chung thủy (Không tà dâm lấy vợ người, chồng người khác).

4/ Đức thành thật (Không nói dối).

5/ Đức sáng suốt (Không uống rượu).

6/ Đức tự nhiên (Không trang điểm, đeo vòng vàng chuỗi ngọc và thoa dầu thơm).

7/ Đức trầm lặng độc cư (Không ca hát, không nghe ca hát, không gõ mõ tụng kinh, niệm Phật, niệm chú).

8/ Đức thanh bần (Không nằm giường cao rộng lớn).

9/ Đức ly dục (Không ăn uống phi thời, không ăn uống lật vật, chỉ ăn ngày một bữa).

Sau khi sống đúng 9 giới luật (Bát Quan Trai) tức là những đức hạnh làm người thì con hướng dẫn Ngoại con dùng hai cánh tay đưa ra, đưa vào và tác ý.

Trước khi đưa tay ra thì bảo: ***“An tịnh thân hành tôi biết tôi đưa tay ra”***. Khi đưa tay ra xong thì tác ý tiếp: ***“An tịnh thân hành tôi biết tôi đưa tay vô”***. Khi đưa tay ra thì dùng tưởng nghĩ như bệnh theo tay mà đi ra. Cứ nhiếp tâm an trú vào cánh tay đẩy lui bệnh tật như vậy thì bệnh sẽ hết, nhưng khi đưa tay vô thì dùng tưởng thân không bệnh đi vô.

Đây không phải là phương pháp trị bệnh mà đây là phương pháp chuyển nghiệp. Do chuyển nghiệp nên phải sống đúng giới luật.

Phương pháp chuyển bệnh này mà trong kinh Tứ Chánh Cần gọi là ***“Ngăn ác diệt ác, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp”***.

Nếu Ngoại con tin tưởng nơi Phật pháp là pháp mầu nhiệm cứu Ngoại con thoát bệnh khổ thì Ngoại con nên yên tâm ôm pháp chuyển bệnh thì không bao lâu Ngoại con sẽ hết bệnh khổ.

Không biết con có nhận được một bức thư của Thầy gửi cho ngoại con không? Nếu được bức thư ấy mà ngoại con nương vào đó giữ tâm thanh thản, an lạc và vô sự cho đến khi bỏ thân tứ đại thì chấm dứt tái sanh luân hồi.

NHÂN QUẢ

Câu hỏi của Thiện Đức

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Khuya 2 giờ con thức dậy ra sau hè tu tập thì con chó (ban quản lý nuôi canh giữ ký túc xá) thường chạy theo con. Trong suốt thời gian con tu tập nó nằm im một xó vừa bị run, vừa lạnh, vừa bị muỗi đốt trông rất tội nghiệp. Con đuổi nó đi, nhưng nó vẫn nằm ì, ngày thường con đâu có cho nó ăn gì, chẳng hiểu sao nó lại mến con. Có khi nào con và nó có nhân duyên tiền kiếp với nhau? Nghe người ta nói loài chó mèo rất có linh tính. Điều đó có đúng không thưa Thầy?*

Đáp: Tất cả những loài vật và mọi người đang sống chung quanh ta, đều có duyên nhân quả thuận hay nghịch với nhau.

Những loài vật nhỏ như kiến, trùng, muỗi, mòng, rắn, rết đang sống chung quanh con đều có duyên nhân quả với con cả, chứ không riêng con chó này. Nếu con giết chúng là con tạo nhân ác. Một con muỗi đến thăm con là đòi nợ máu của con, vô tình con chẳng biết đập chết

nó là con đã không trả nợ máu cho nó xong mà lại còn mang thêm nghiệp sát sanh giết muỗi.

Khi một con kiến cắn, một con muỗi, một con mòng, một con rết hoặc con rắn cắn đều có nợ nhân quả với nhau cả. Ta hãy vui vẻ đừng giết chúng, vì có giết chúng thì quả đau khổ của chúng ta cũng không hết liền được mà lại tạo thêm nhân ác là giết chúng. Vì thế, khi bị chúng cắn đau đớn thì con nên nghĩ ngay rằng con đang trả nợ nhân quả. Do hiểu biết đang trả nợ nhân quả thì con liền dừng tay không làm thêm một tội ác (giết chúng sanh).

Bố thí một ít máu cho con muỗi, con có chết gì đâu mà lại giết chúng để mãi mãi nợ nhân quả ác từ kiếp này đến kiếp khác không bao giờ dứt.

Một con chó theo quán quít bên con đều có nhân quả. Đời trước nó là một người thân của con, hiện giờ ở lớp nghiệp chó, con không biết nó là ai, nhưng khi con có đôi mắt Tam Minh vượt qua nghiệp thì con biết nó là ai ở kiếp trước của con. Nó có thể là cha, là mẹ, là anh chị em, là cô bác, là những người thân chứ không có ai xa lạ đâu con ạ!

Vì hiểu biết nhân quả cho nên mọi người, mọi vật chung quanh ta đều là những người

thân của chúng ta, do đó ta đừng đánh đập chúng mà hãy thương yêu và tha thứ khi chúng đã lỡ làm xúc phạm đến ta hoặc làm cho ta khổ đau hoặc chúng đói khát ăn lén thực phẩm của ta thì ta nên tha thứ đừng giết hại chúng, đừng làm chúng đau khổ mà hãy thương xót chúng như thương thân ta vậy con ạ!

Vì nghiệp nhân quả mà con nuôi đốt ta để hút máu nuôi sống thân, chúng có biết gì đâu, chỉ theo qui luật nhân quả đời là phải ăn, mà ăn thì phải làm ác cũng giống như chúng ta vậy. Phải không con?

Ở đời mọi người sống cũng vậy, vì không rõ nhân quả nên mọi người vì cuộc sống của mình mà chà đạp lên sự sống của loài vật khác, người khác.

Vì cuộc sống của ta nên ta trở thành kẻ ác, gian tham, giết hại lẫn nhau.

Vì cuộc sống mà con người mất bản tính thiện chỉ còn tính ác hay hung dữ của loài ác thú.

Vì cuộc sống của mỗi dân tộc, của mỗi nước mà thế giới chẳng hòa bình, nước lớn mạnh ăn hiếp nước nhỏ yếu.

Vì cuộc sống của ta mà ta hãy thương yêu mọi cuộc sống của người khác và loài vật khác. Có như vậy mới chính vì cuộc sống của ta.

Con chó vì nhân quả ái kiết sử đời trước chưa tan, nên nó vẫn theo sát và nằm gần bên con, dù cho trời lạnh, muỗi đốt mà không hề rời con. Lòng yêu thương nó, con đuổi nó vào nhưng nó vẫn không nỡ rời lìa bỏ con vào nhà. Xem thế đủ biết luật nhân quả ái kiết sử quả là ghê gớm thật. Có đúng như vậy không con?

Thương thì ai cũng thương, nhưng bản chất hung dữ và giận hờn, oán ghét thì ai cũng còn, chứ không bao giờ bỏ được, phải không con?

Chúng ta được sanh làm người đều do nhân quả nên lúc nào cũng bị chi phối bởi luật nhân quả. Buồn rầu, đau khổ, bệnh tật tai nạn, thương yêu, giận hờn, v.v.. đều do nhân quả cả.

Chúng ta sống trong vòng tay nhân quả mà không biết chuyển đổi nhân quả thì không thể nào thoát khỏi vòng tay nhân quả.

Không gian và thời gian là những mảnh lưới thiên la, địa võng của nhân quả, nên không có một vật nào thoát ra khỏi sự chi phối của nó.

Muốn thoát ra khỏi qui luật của nhân quả thì chỉ có sống thiện. Sống thiện có 10 điều, chúng ta cần phải thực hiện trong cuộc sống hằng ngày.

1- Không giết hại và ăn thịt chúng sanh.

2- Không gian tham trộm cắp, lấy của không cho.

3- Không nên tà dâm với người khác làm hại gia đình người, gia đình mình.

Chưa lập gia đình phải giữ gìn cho trong sạch đừng nên trao thân gởi phận cho người khác, khi chưa thành hôn. Chúng ta là con người, chứ không phải là con thú vật. Hành dâm dục là phải có đạo lý, chứ đâu phải dục dục đâu hành dâm đó. Nếu không lấy đạo lý mà giữ gìn đức hạnh thì khổ đau và hối hận không thể tránh khỏi trong cuộc đời đầy dẫy những ác pháp.

4- Không nên nói lời hung dữ, nạt nộ, chửi mắng người.

5- Không nên nói xấu người.

6- Không nên nói vu khống người.

7- Không nên nói dối, nói không đúng sự thật.

8- Không tham lam, ham muốn.

9- Không sân giận.

10- Không si mê.

Trên đây là 10 điều thiện để chuyển hóa nhân quả, khiến cho nhân quả xấu trở thành nhân quả tốt. Con hãy đọc sách Hành Thập Thiện và Tứ Vô Lượng Tâm mà Thầy đã cho ấn tống thì rõ.



PHÓNG SANH

Câu hỏi của Thiện Đức

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Ở Châu Đốc người ta thường lợi dụng dịp vía bà Chúa Xứ, vía Quán Âm rằm lớn bắt chim nhốt vào lồng bán cho khách hành hương phóng sanh đó có ý nghĩa gì không? Thế nào là phóng sanh đúng chánh pháp?*

Đáp: Phóng sanh đúng chánh pháp là phóng sanh theo luật nhân quả, là phóng sanh đúng thời, đúng đối tượng. Đúng thời, đúng đối tượng như thế nào?

Đúng thời và đúng đối tượng là thời gian vô tình chúng ta gặp một con vật đang bị lưới, bị câu thì ngay đó chúng ta xin mua con vật đó để phóng sanh. Đó là đúng giờ giấc và đối tượng nhân quả ta và con vật. Nếu xem xét trong nhân quả thì ta và con vật có nhân duyên với nhau đã khéo gieo nhân quả trong tiền kiếp, nên kiếp này gặp nhau trong hoạn nạn.

Ta phóng sanh như vậy là phóng sanh đúng thời, đúng đối tượng, còn ra chợ mua chim cá phóng sanh là khiến cho người bắt chim cá giam nhốt lại trong chậu trong lồng để chờ chúng ta đến mua phóng sanh cho có giá. Phóng sanh như vậy là chúng ta mang tội đồng lõa với kẻ bắt chim cá. Có nghĩa chúng ta phóng sanh là trở lại thành tội sát sanh. (Vì đi bắt chim cá nhốt là đã vô tình giẫm đạp một số con vật chết; và khi nhốt thì có thể chúng bị thương, bị đói, bị xa đàn, lẻ bầy..., lòng dạ chúng cũng thương nhớ, âu sầu, sợ hãi... và chết; hoặc có khi người khác thích ăn loại chim cá ấy đến mua thì chúng bị giết hết).

Kinh sách Đại Thừa dạy phóng sanh nhưng không giải thích rõ ràng, vì thế người phóng sanh không được phước báo, ngược lại

trong nhà có nhiều tai nạn, bệnh tật cho người này hoặc người khác. Làm phước mà không thấy phước, mà chỉ thấy tai họa, thật là tội nghiệp.

Nếu từ đây có ai phóng sanh thì con khuyên họ phóng sanh cho đúng chánh pháp, cho đúng luật nhân quả, chứ không khéo phóng sanh mà cuối cùng lại mang họa vào thân.

Loài chim cá bị lưới rập chài câu đều là do nhân quả đời trước, mà đời nay phải làm thân chim cá để bị người đời chài câu lưới rập lại.

Cho nên, người làm nghề chài lưới cá tôm sau này thành thân cá tôm cho người khác chài lưới lại, đó là nhân quả.

Người săn bắn lưới rập chim thú, sau này trở thành chim thú cho người khác săn bắn và lưới rập trở lại.

Qui luật nhân quả xoay vần không ai có thể thoát lưới rập của nó được.

Loài người và loài vật được sanh ra đều do qui luật của nó. Cho nên, không ai trốn khỏi luật nhân quả. Nhân nào thì quả nấy, có vay thì phải có trả. Đối với luật nhân quả mà

không đủ trí tuệ thì làm một điều thiện nhưng trở lại là làm một điều ác như đi ra chợ mua chim cá phóng sanh. Mới nghe thì rất thiện, nhưng lại là ác pháp vì không trí tuệ, thiếu sự hiểu biết vô tình khiến người làm ác lại làm thêm, nên làm thiện mà lại làm tội ác đồng lõa.

Cũng như bố thí cho người ăn mày nghèo, không ngờ chúng ta lại bị người không nghèo lừa đảo. Họ không nghèo giả vờ nghèo, họ không tàn tật giả vờ tàn tật ngửa tay xin tiền. Ta vô tình bị lừa đảo tiền mất mà không phước lại còn bị kẻ lừa đảo cười chê cho mình là ngu. Cho nên, có một hôm Vua Ba Tư Nặc hỏi Đức Phật:

- *Chúng con là người cư sĩ bố thí, cúng dường, phóng sanh đúng chánh pháp như thế nào xin Thế Tôn chỉ dạy.*

Đức Phật bảo:

- *Này Đại Vương muốn cúng dường, bố thí, phóng sanh cho đúng chánh pháp. Khi cúng dường phải chọn những người tu sĩ giới luật nghiêm chỉnh mà cúng dường thì mới được phước báo. Còn cúng dường cho những tu sĩ phạm giới, phá giới thì không được phước*

mà còn thêm tội nổi giáo cho các tu sĩ phạm giới diệt Phật giáo.

Tội ấy muôn đời sẽ không còn gặp chánh pháp của Đức Phật và đời sau sanh làm người, làm vật đều gặp nhiều tai nạn, bệnh tật nan y khổ đau vô cùng, vô tận.

- Nay Đại Vương muốn bố thí thì phải chọn một người nghèo mà ăn ở hiền lành, hiếu hạnh đối với cha mẹ, không tham lam, trộm cướp, không giết của người, không lấy của không cho. Bố thí cho những người ấy thì được phước báo vô lượng, bản thân ít bệnh tật, ít tai nạn, gia đình luôn luôn mọi người đều được bình an, yên vui và hạnh phúc tràn trề. Còn bố thí cho những người ác tham lam, lấy của không cho, trộm cắp, cướp giết thì không được phước báo mà còn tai họa sẽ đến, hay gặp bệnh tật khó trị.

Sư cô Trí Hải chuyển dịch Anh ngữ sang Việt ngữ những kinh sách có giá trị được mọi người biết đến, nhưng khi đi làm từ thiện, đem tài vật đi bố thí cho những người nghèo, bất hạnh, nhưng bị tai nạn giao thông làm Sư cô chết một cách đột ngột thê thảm và đau xót. Bố thí mà không được phước mà mang họa vào thân.

Nhân quả do những người tham lam giết người, cướp của, hại mạng chúng sanh hay ăn thịt chúng sanh hoặc bắt chim cá bán cho người phóng sanh. Vì thế mới lâm vào cảnh màn trời chiếu đất nghèo khổ, bất hạnh. Họ là những người không thiện, thế mà mình không trí tuệ mang của cải tài sản đến cho họ, nên mình phải lãnh nhân quả của họ. Vì thế, tai nạn mới về mình.

Cho nên, đức Phật dạy bố thí phải chọn lấy những người hiền lành mà bố thí thì mới được phước báo.

Muốn phóng sanh thì phải chọn đúng nhân quả mà phóng sanh, chứ không phải đi tìm nhân quả của loài chúng sanh đang trả vay nợ nhân quả mà phóng sanh thì sai, không đúng chánh pháp. Phóng sanh như vậy là lãnh nhân quả của chúng. Cho nên, người phóng sanh không được phước mà lại gặp tai nạn, đó là lãnh nhân quả của chúng.

Kinh sách phát triển dạy phóng sanh hay bố thí thì người phóng sanh, bố thí không biết mình phóng sanh, bố thí và người nhận bố thí và vật được phóng sanh cũng không biết. Theo kinh sách phát triển phóng sanh và bố thí như vậy mới là bố thí và phóng sanh đúng chánh

pháp. Lời dạy này là lời dạy phóng sanh bố thí không trí tuệ, dạy như vậy đi phóng sanh và bố thí để trở thành cây đá. Bố thí mà không biết mình bố thí, phóng sanh mà không biết mình phóng sanh thật là vô lý, người được bố thí mà không biết mình được bố thí. Thật là ngu ngơ. Bố thí, phóng sanh như vậy, là kẻ ngu đại si mê.

Đối với Đạo Phật phóng sanh hay bố thí đều bằng trí tuệ nhân quả. Soi sáng tận gốc của nhân quả mới bố thí, cúng dường và phóng sanh.



NHÂN QUẢ PHẢI TRẢ

Câu hỏi của Thiện Đức

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Ở kế nhà con có bà lão tuổi cao, sức yếu thế mà ngày nào cũng phải đi bán vé số lo cho hai cháu đi học. Thằng con trai cậu tự của bà cũng chính là cha của hai đứa bé, suốt ngày ăn chơi, rượu chè, cờ bạc về nhà kiếm chuyện đập phá đồ đạc. Đòi tiền bà như là món nợ tiền kiếp. Lúc*

ở nhà con thường qua lại nói chuyện với bà. Bà mến con lắm. Nhìn tình cảnh của bà mà con động lòng thương. Con muốn nói lời nào đó an ủi bà, giúp bà vui vẻ trả nghiệp, vượt qua đau khổ mà suy nghĩ mãi không ra. Thầy có thể giúp con không?

Đáp: Bà lão này nợ đứa con trai và hai đứa cháu trong đời trước, đời này chúng sinh ra để đòi nợ, cho nên bà không bỏ được mà phải vất vả bán vé số nuôi hai cháu, nhưng còn phải đưa tiền cho cậu con trai đi nhậu, nếu không có tiền đưa nó thì đập nhà phá cửa. Thật là tội nghiệp cho bà, nhưng luật nhân quả ai gieo thì phải gánh chịu, dù chúng ta có thương giúp đỡ nhưng nghiệp nhân quả bà đâu trốn khỏi.

Con thương bà nên khuyên bà đừng buồn rầu, đừng than thân trách phận mà hãy vui lòng trả món nợ tiền kiếp.

Vui vẻ chấp nhận khi con trai về xin tiền bà hãy vui lòng mà vét sạch tiền cho nó với tâm không buồn rầu, không trách mắng.

Đối với luật nhân quả muốn chuyển hóa thì phải vui vẻ và giữ gìn tâm bất động, xem như không có việc gì xảy ra. Khi nhân quả đến, đến với sự khắc nghiệt cay đắng đến mức

độ nào, dù cho có chết ta cũng giữ gìn tâm bất động, chẳng sợ hãi, chẳng khiếp đảm thì ngay lúc ấy ta đã chuyển hóa nhân quả. Nếu chỉ có một chút xíu sự buồn phiền, than trách trong lòng, là ta bị nhân quả chuyển hóa tức khắc; là ta đang tạo thêm nhân quả.

Con muốn giúp bà thì nên khuyên bà vui vẻ sẵn sàng tha thứ cậu con trai, thì mới chuyển đổi cậu con trai sẽ trở thành người tốt, lo làm ăn nuôi dưỡng hai cháu và phụng dưỡng bà.

Nhân quả chỉ có sống thiện, làm thiện thì mới chuyển đổi được, còn sống ác làm ác thì không bao giờ chuyển đổi được nhân quả mà còn gia tăng thêm.



CẦU CƠ

Câu hỏi của Thiện Đức

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Hằng năm sắp đến kỳ thi thì có những học sinh, sinh viên không lo học bài mà chỉ rủ nhau đi cầu cơ để hỏi vong hồn xem đề ra câu gì rồi học tủ câu*

đó. Chẳng may, ma, quỷ, Thần, Thánh yếu năng lực chỉ sai câu, làm hại nhiều HS, SV thì rớt chán nản, có người còn rơi vào tình trạng tuyệt vọng đến bất cần sống.

Thưa Thầy, câu cơ là như thế nào? Có thực vong hồn về không? Tại sao nó nói nhiều chuyện đúng thực tế làm cho nhiều người phải khâm phục mà tin theo?

Đáp: Trong thân con người gồm có 5 uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức.

Sắc uẩn là phần hữu hình của bốn uẩn kia thường hoạt động trên thân tứ đại (đất, nước, gió, lửa). Trong thân tứ đại gồm có sáu căn, sáu thức và thường tiếp xúc với sáu trần bên ngoài.

- Sáu căn gồm có:

- 1- Nhãn căn
- 2- Nhĩ căn
- 3- Tỷ căn
- 4- Thiệt căn
- 5- Thân căn
- 6- Ý căn

- Sáu thức gồm có:

- 1- Nhãn thức

- 2- Nhĩ thức
- 3- Tỷ thức
- 4- Thiệt thức
- 5- Thân thức
- 6- Ý Thức
- Sáu trần gồm có:
 - 1- Sắc trần
 - 2- Thinh trần
 - 3- Hương trần
 - 4- Vị trần
 - 5- Xúc trần
 - 6- Pháp trần

Sáu căn tiếp xúc sáu trần sinh ra sáu thức, tạo thành một sự sống của muôn loài muôn vật; một thế giới quan của Phật giáo hiện bày; một thế giới khổ đau đến với cuộc sống của con người và cả loài vật; một thế giới duyên hợp tướng tri khiến cho con người sống điên đảo lầm chấp là có thật, nên tạo ra biết bao nhiêu điều ác làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh. Thế mà, còn chưa đủ lại tướng tri thế giới siêu hình có linh hồn người chết, ma, quỷ, Thần, Thánh, v.v.. chính những hình ảnh ấy mà tướng uẩn mới dựa vào

đó mà hoạt động thành ra mới có người lên đồng, kẻ nhập cốt; mới có kẻ cầu cơ; mới có người cúng bái cầu siêu, cầu an, coi sao, bói quẻ, v.v..

Tưởng uẩn là phần vô hình của thân ngũ uẩn, nhưng nó hoạt động theo sự tiếp nhận của các từ trường sắc uẩn còn lưu lại trong không gian.

Tưởng uẩn cũng có những năng lực như sắc uẩn và còn hơn nữa. Cho nên, có những điều sắc uẩn không làm được mà tưởng uẩn làm được. Vì những năng lực hoạt động kỳ lạ phi thời gian và không gian ngắn hạn của tưởng uẩn, nên tri kiến, kiến thức của con người không thể nào hiểu được. Do đó, họ cho những năng lực ấy là thế giới siêu hình, là có sự sống sau khi con người chết. Do không hiểu nên người ta mới tin tưởng cầu siêu, cầu an, cầu cơ, v.v.. Do cầu siêu, cầu an, cầu cơ, v.v.. mà gần đây người ta thành lập ra một tôn giáo siêu hình tưởng. Nói chung tất cả các tôn giáo không chứng minh giáo lý được như khoa học là tôn giáo tưởng, tôn giáo mê tín.

Cầu cơ là một hình thức cầu linh hồn người chết giáng cơ bút cho biết những điều mình ước muốn trong tương lai.

Cầu cơ là một loại mê tín tri thức, chứ không phải loại mê tín bình dân. Cầu cơ là một phương pháp tập hợp tín lực vào một đối tượng ảo tưởng để nội lực tín lực của những người có mặt trong lễ cầu cơ thực hiện những ước muốn. Nhất là những người trực tiếp cầu nguyện. Nếu những người đặt trọn lòng tin vào cơ bút thì tướng uẩn sẽ hoạt động mạnh và rõ ràng. Còn không đủ tín lực thì tướng uẩn không hoạt động, cơ bút không về hay nói cách khác là cầu cơ không được.

Cầu cơ chẳng qua là một việc làm đánh thức năng lực của tướng uẩn hoạt động. Năng lực tướng uẩn hoạt động đúng thì người cầu cơ phải thân tâm thanh tịnh, nếu thân tâm không thanh tịnh thì cầu cơ không linh tức là không đúng, vì thế những học sinh cầu cơ thì rốt là vậy. Cho nên, trước khi cầu cơ thì thân phải tắm rửa sạch sẽ, còn tâm thì phải giữ gìn trai giới nghiêm chỉnh, nhờ có sự thanh tịnh như vậy nên tướng uẩn giao cảm nhận ra từ trường đúng như thật. Còn thân tâm không thanh tịnh thì tướng uẩn không nhận ra đúng, nên tín lực tạo thành ảo tưởng, vì thế mọi việc cơ báo đều sai.

Cầu cơ cũng giống như lên đồng, nhập cốt qua một hình thức khác nhưng cũng chỉ có một tướng uẩn hoạt động mừng tướng như linh hồn người chết về nhập vào, thay vì nhập vào người thì gọi là lên đồng, lên cốt, nhập vào cơ thì gọi là cơ bút.

Cho nên, cơ bút chỉ là tướng uẩn của con người hoạt động, chứ không có linh hồn người chết hay Tiên, Phật, Thần Thánh, quỷ, ma nhập vào.

Những điều kỳ lạ xảy ra chung quanh thế giới của con người cũng chỉ nơi thân tâm con người lưu xuất, ngoài thế giới con người đang sống thì không bao giờ có thế giới vô hình nào khác.

Bởi mỗi con người đều có năm uẩn mà phần sắc uẩn chỉ có một, còn phần không hình sắc tới bốn uẩn như:

- 1- Tướng uẩn (vô hình)
- 2- Thức uẩn (vô hình)
- 3- Thọ uẩn (vô hình)
- 4- Hành uẩn (vô hình)

Cho nên, kẻ nào tin có Thiên Đàng, Cực Lạc, có linh hồn người chết, có Phật tánh, có thần thức, có ma, quỷ là mê tín, là thiếu óc

khoa học, là thiếu đạo đức nhân bản - nhân quả, là những người còn lạc hậu.

Cầu cơ là một loại mê tín tri thức như trên đã nói, do những nhà tri thức mê tín, trong đó có học sinh, sinh viên và một số người có trình độ học thức cao, nhưng vẫn không thoát ra khỏi sự mê tín này, ngay cả những nhà khoa học vẫn sống trong mê tín, vì những trạng thái mê tín khoa học chưa giải thích được. Gần đây, có một số nhà khoa học dựa vào đạo học Đông phương giải thích theo khoa học vật lý.

Cuốn sách “*Đạo Của Khoa Học*” được dịch từ sách “*The Tao of Physics*” của tác giả Fritjof Capra do nhà khoa học, giáo sư Nguyễn Tường Bách biên dịch. Tập sách dựa trên ngôn ngữ khoa Đạo Học Đông Phương, nhất là tư tưởng của Lão, Trang và Thiền Tông Trung Hoa để minh chứng một số vật lý siêu hình.

Dù cho các nhà khoa học có cố gắng làm sáng tỏ mọi vấn đề trừu tượng, nhưng vì vấn đề tri kiến của các nhà khoa học vẫn còn bị hạn cuộc trong không gian và thời gian. Vì thế, không thể vượt qua hàng rào không gian và thời gian mà minh chứng được rõ ràng. Muốn vượt qua hàng rào không gian và thời gian thì

chỉ có tu tập Tứ Thánh Định của Phật giáo, ngoài ra trong thế gian này không có một loại thiền nào vượt qua hàng rào không gian và thời gian được. Thường các loại thiền đều sống trong từ trường tưởng nên diễn tả thiền đạo bằng ngôn từ hư ảo, thực thực, hư hư v.v.. khiến cho mọi người hiểu rồi không hiểu; không hiểu rồi hiểu. Giống như một trò cút bắt. Do những danh từ hư ảo ấy mà các nhà khoa học lầm đạo học giống như khoa vật lý khi khám phá về vật lý thấy các pháp duyên tan hợp liên tục rồi cho đó là “ĐẠO CỦA VẬT LÝ”. Cho nên các nhà khoa học còn bị “ĐẠO HỌC” qua mặt hướng chỉ là những người bình thường.

Kính thưa quý vị, ĐẠO HỌC như vậy có ích lợi gì cho ai? Có bao nhiêu người đạt được đạo học ấy? Đạt được để làm gì? Hay chỉ để sống không bình thường như Bùi Giáng, Trần Chấn, Tế Công v.v..

Cầu cơ là một sự đánh thức tưởng uẩn hoạt động để nó giao cảm với những từ trường mọi sự việc đã, sẽ xảy ra bằng tín lực của con người.

Còn đúng sai là do thân tâm của những người cầu cơ có thanh tịnh hay không thanh tịnh như trên đã nói.

Linh hồn con người không bao giờ có. Người chết chỉ còn lưu lại những âm thanh, sắc tướng khi còn sống trong không gian bằng những từ trường.



MA ĐÈ

Câu hỏi của Thiện Đức

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Cách đây khá lâu con bị tình trạng ma đè hay bóng đè (theo cách gọi dân gian). Toàn thân con bị tê cứng, con không điều phục được gì, ngoại trừ hơi thở, lúc đó vô tình con nhớ đến pháp môn Định Niệm Hơi Thở của Thầy bèn tác ý “hít vô tôi biết tôi hít vô, thở ra tôi biết tôi thở ra”.*

Chỉ trong hai hơi thở con đã phục hồi trạng thái thân thể bình thường không cần xoa bóp chỗ tê như những người khác đã từng bị ma đè.

Điều này được lý giải như thế nào? Xin Thầy chỉ dạy.

Đáp: Ma đề là một trạng thái tướng, khi ngủ nửa tỉnh nửa mê, tình trạng này sắc uẩn chưa ngưng nghỉ thần kinh trọn vẹn, còn tướng uẩn mới bắt đầu hoạt động nên cũng chưa hoạt động trọn vẹn, khiến thân con bị cứng không động đậy được, miệng chỉ ú ớ, chứ không kêu la được như người ngủ mơ. Người bị ma đề cố gắng vùng vẫy cho đến khi tỉnh hẳn thì trạng thái ma đề biến mất.

Một người ngủ say thì không bị ma đề; một người ngủ trong chiêm bao cũng không bị ma đề, chỉ có người ngủ nửa tỉnh nửa mê, trạng thái ấy trong thiền định của Phật Giáo gọi là hôn tịch. Nhóm hôn tịch gồm có: hôn trầm, thùỵ miên, vô ký, hôn tịch, ngoan không, chiêm bao, v.v.. đó là một nhóm trạng thái si mê, do tướng uẩn hoạt động. Tướng uẩn hoạt động điều khiển thần kinh chưa trọn vẹn, nên lúc bấy giờ có một số thần kinh không hoạt động. Một số thần kinh không hoạt động, nên người ngủ nửa tỉnh nửa mê mới có cảm giác thân bị đè nặng và không động đậy được.

Ở đây, không có ma đè mà có một số thần kinh nghỉ ngơi chưa hoạt động trở lại bình thường trong khi còn đang ngủ nên cảm thấy thân cứng đơ.



QUY Y TAM BẢO

Câu hỏi của Thiện Đức

Hỏi: Kính thưa Thầy! Đối với người chưa từng biết Phật pháp là gì, nhưng đời sống của họ rất thiện. Vậy, họ có cần phải quy y Tam Bảo gieo duyên chủng tử Phật pháp hay không thưa Thầy?

Đáp: Tuy rằng sống trong thiện Pháp, nhưng đó là những thói quen thiện pháp theo truyền thống hay gen thiện của ông bà, cha mẹ. Những truyền thống và những gen thiện pháp ấy chưa đủ để hiểu biết về thiện pháp nhân bản - nhân quả của đạo đức làm người. Vì thế, dù có sống trong thiện pháp của truyền thống ông cha, nhưng chưa trọn vẹn nên vô tình chúng ta vẫn còn làm khổ mình, khổ người, khổ chúng sanh, cho nên chúng ta phải quy y Tam Bảo.

Quy y Tam Bảo có nghĩa là nương tựa và học hỏi những thiện pháp mà chúng ta chưa hiểu biết. Những thiện pháp của Tam Bảo là đạo đức nhân bản - nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh.

- Thứ nhất là học hỏi về Phật Bảo. Học hỏi về Phật Bảo là học đạo đức làm Phật. Đạo đức không tham, sân, si.

- Thứ hai là học hỏi về Pháp Bảo. Học hỏi về Pháp Bảo là học đạo đức ngăn ác diệt ác pháp, sinh thiện tăng trưởng thiện pháp.

- Thứ ba là học hỏi về giới luật của một vị Tăng (Tăng Bảo). Học hỏi về giới luật của một vị Tăng là đạo đức làm Thánh vô lậu. Vậy đạo đức làm Thánh vô lậu như thế nào?

Đạo đức làm Thánh vô lậu là những hành động sống hằng ngày của một vị Tăng. Vậy, các con muốn hiểu rõ nghĩa này thì phải hiểu nghĩa của các cụm từ như: vô lậu, Tăng. Vậy vô lậu và Tăng nghĩa là gì?

Vô lậu nghĩa là không còn tham, sân, si; không còn phiền não, tức giận; không còn tham danh, chức tước, quyền cao; không còn đắm lợi chùa to, Phật lớn, tiền bạc nhiều v.v..

Tăng là một người tu sĩ cạo bỏ râu tóc, mặc y áo thô xấu, sống chỉ có một bộ đồ: y thượng, y trung và y hạ. Một chiếc bát bằng đất nung, để xin cơm, ăn uống cũng trong chiếc bát ấy. Sống không gia đình, không nhà cửa, lấy trời làm màn, lấy đất làm chiếu, đó là hạnh tri túc thiểu dục, không có chùa to Phật lớn.

Tăng là một người tu sĩ sống đúng 10 Thánh hạnh:

1- Thánh đức hiếu sinh, sống thương yêu chúng sanh như con. Không làm chúng đau khổ, không giết hại chúng, không ăn thịt chúng, luôn luôn an ủi, xoa dịu những vết thương đau của chúng.

2- Thánh đức buông xả, sống không lấy của người khi họ chưa cho, tức là không tham lam, trộm cắp, cướp giật, móc túi lấy của người khác.

3- Thánh đức thanh tịnh, sống không dâm dục, xa lìa dâm dục, từ bỏ dâm dục, đoạn diệt dâm dục, vì dâm dục là con đường sanh tử luân hồi, đầy đầy mọi sự đau khổ.

4- Thánh đức chân thật, sống không nói dối, xa lìa nói dối, từ bỏ nói dối, đoạn diệt nói dối. Vì người nói dối không có việc ác nào mà

họ không làm. Người nói dối sẽ làm mất lòng tin đối với mọi người khác.

5- Thánh đức minh mẫn, sống không uống rượu, dù bất cứ loại rượu nào cũng không uống, vì uống rượu đầu óc u tối không sáng suốt minh mẫn, không biết xấu hổ, nằm đường ngủ bụi không biết vệ sinh dơ sạch. Người uống rượu càng lúc càng ngu si, cơ thể thường sinh bệnh tật, lời nói của người uống rượu không có giá trị, ít ai tin cậy.

6- Thánh đức tự nhiên, sống không trang điểm, làm đẹp, làm sang, không đeo vòng vàng, chuỗi ngọc, tràng hoa, không thoa dầu thơm, v.v..

7- Thánh đức trầm lặng độc cư, không tụng niệm cúng tế, không ca hát, không nghe ca hát, không hội họp nói chuyện, sống độc cư, độc bộ, độc hành.

8- Thánh đức thanh bần, lấy gốc cây làm giường nằm, từ bỏ nằm giường cao rộng lớn, lấy chòi tranh vách lá làm nhà ở, từ bỏ ở chùa to, Phật lớn, v.v..

9- Thánh đức ly dục, sống từ bỏ ăn uống phi thời, không ăn uống phi thời là ly dục ăn. Ly dục ăn mà không khắc phục được, thì không xứng đáng là một vị Thánh Tăng trong Đạo Phật. Một vị Thánh Tăng còn ăn phi thời,

ngày hai ba bữa là chưa ly dục ăn. Chưa ly dục ăn là chưa phải một vị Thánh Tăng đệ tử của Đức Phật. Xin quý phật tử hãy cảnh giác, họ chỉ là Ma Ba Tuần trong Phật giáo, họ là những người diệt Phật giáo.

10- Thánh đức ly tham, sống từ bỏ cất giữ tiền bạc, xa lìa cất giữ tiền bạc, còn cất giữ tiền bạc không phải là một vị Thánh Tăng. Vì tiền bạc sẽ sai khiến con người. Một vị Thánh Tăng không còn nô lệ cho tiền bạc của cải tài sản, sống thiếu dục tri túc ba y một bát ngày đi xin ăn, tối ngồi thiền xả tâm.

Trên đây là những Thánh hạnh tiêu chuẩn của một vị Thánh Tăng, khi các con muốn quy y Tăng Bảo thì hãy chọn những vị nào sống đúng 10 Thánh hạnh này thì mới xứng đáng là Thầy của các con. Còn nếu vị Thầy nào sống không đúng 10 tiêu chuẩn này thì các con đừng chọn họ quy y Tam Bảo. Họ không xứng đáng làm Thầy của các con đâu.

Nếu không quy y Tam Bảo thì không bao giờ thông hiểu và biết cách tu sửa những lỗi lầm sống không đúng đạo đức nhân bản – nhân quả thì cuộc đời rất là đau khổ. Phải không các con?



TRI KIẾN VÀ BẢN LĨNH CỦA NGƯỜI TU THEO CHÁNH PHÁP NGUYÊN THỦY

Bài viết của Nguyễn Thanh

Khi chúng ta đến với chánh pháp Nguyên Thủy, chúng ta có những ước nguyện, có những tâm nguyện tu tập để chấm dứt mọi sự khổ đau của kiếp người, để gieo duyên với chánh pháp Nguyên Thủy. Chúng ta có hữu duyên từ nhiều tiền kiếp xa xưa nên ngày hôm nay mới được gặp gỡ hội tụ về đây cùng chung sống bên nhau tu tập. Chúng ta sống một ngày làm Phật; một ngày làm Thánh A La Hán; một ngày được sống trong thiện pháp; sống trong những từ trường thương yêu của chư Phật, của Thầy, của Út. Tâm của chúng ta luôn hân hoan, khinh an, thanh thản, an lạc và vô sự trong những ngày tháng đó. Vì vậy, ta cố gắng khắc phục những nhược điểm của chính mình; cố gắng tu tập để có được những kết quả tốt; cố gắng tu tập để có những giây phút thanh thản và vô sự; những giây phút một mình ở trong thất, đối diện với chính mình; đối diện với những tư tưởng của chính ta. Đó là những giờ phút chiến đấu oanh liệt nhất. Khi chúng ta

bước chân vào tu viện tu tập, khi chúng ta đến với chánh pháp Nguyên Thủy.

Đến với tu viện chúng ta tập sống một mình, sống cho mình, tu cho mình. Chúng ta tập sống một ngày làm Phật, một ngày làm Thánh A La Hán. Nên mọi cái khó khăn của chính ta được khắc phục, chế ngự, từ cái ăn uống, đến cái ngủ nghỉ, cái chỗ ở, cái nói chuyện, đều được ta khắc phục một cách dễ dàng không khó khăn chi. Bởi vì ta đang hướng đến làm Phật, làm Thánh A La Hán, để giải thoát làm chủ sanh tử. Cho nên ta không muốn đòi hỏi một cái gì hết. Ta tập sống, đời sống thiếu dục tri túc, như thời Đức Phật thuở xưa. Mỗi ngày ta ôm bình bát đi xin cơm về ăn, cho gì ăn nấy, không đòi hỏi cầu kỳ, ta ngủ cũng vậy, đúng thời khóa tu tập giờ giấc nghiêm chỉnh, ta không nói chuyện nhiều. Chỉ nói những điều cần thiết và thưa hỏi pháp khi gặp khó khăn. Tại sao chúng ta phải sống như vậy? Thưa các bạn! Vì ta đang tập sống, ta đang hướng đến như Phật, như Thánh A La Hán. Chúng ta đang tập sống theo truyền thống quá khứ của chư Phật để lại.

Đức Phật dạy rằng: ***“Này các tỳ kheo, nghề sinh sống hèn hạ nhất là nghề khát***

thực (đi xin). Đây là một lời nguyên rủa trong đời, này các tỳ kheo khi nói ông là kẻ khát thực (xin ăn) với cái bát trên bàn tay, ông đi chỗ này, chỗ kia và đây là nghề sinh sống. Này các tỳ kheo, điều mà các thiện gia nam tử chấp nhận là những vị nào sống vì lý tưởng, mục đích. Duyên với lý tưởng mục đích, không phải vì ma cưỡng ép, không phải vì trộm cướp cưỡng ép, không phải vì thiếu nợ, không phải vì sợ hãi, không phải vì không có nguồn sinh sống mà với ý nghĩ, ta bị chìm đắm trong sanh, già, bệnh, chết, sầu, bi khổ, ưu não, bị chìm đắm trong đau khổ, bị quanh vây bởi đau khổ. Rất có thể sự chấm dứt toàn bộ khổ uẩn này được tìm ra¹¹”.

Như vậy, Đức Phật đã dạy cho chúng ta thấy rằng: Khi ta ôm bình bát đi xin cơm về ăn là để xả tâm ly dục, ly ác pháp. Khi ta đi đến một trú xứ nào đó hoặc ta đi đến khu nhà bếp để thọ nhận thức ăn là để xả tâm; xả những cái ham muốn ăn ngon; xả cái ham

¹¹ Người khát thực đại tạng kinh Việt Nam Tương Ứng Kinh tập III trang 171, 172, 173

muốn ăn cầu kỳ; xả cái ham muốn ăn đòi hỏi, cũng như đòi hỏi *“cho tôi một tuần thêm đĩa rau hoặc một tuần đĩa khoai; cho tôi cơm mềm; cho tôi cơm trắng; cho tôi thêm cái này; cho tôi thêm cái khác, v.v...”*.

Chúng ta ăn uống là để ly dục, chứ không phải ăn uống để đắm nhiễm, cho nên đi khát thực, cho gì ăn nấy, không nên đòi hỏi, thêm cái này, thêm cái khác; chê cái này, chê cái khác. Nếu như vậy, chúng ta chưa xả được cái tâm của mình, ta chưa khắc phục được nội tâm của mình, vì ở khu vực nhà bếp cô Út Diệu Quang đã sắp xếp soạn sẵn cho mỗi người một khẩu phần khát thực quá đầy đủ, chỉ còn đem về thất thọ nhận mà thôi. Nếu ở nhà, hay ở chùa hoặc ở một trú xứ nào đó, ta có thể sống đòi hỏi, chạy theo tâm dục của chính mình, muốn ăn uống thêm cái này, thêm cái khác bao nhiêu cũng được. Nhưng khi ta bước chân vào tu viện tu tập, chúng ta hãy tập sống một ngày làm Phật, làm Thánh A La Hán thì chúng ta phải cố gắng khắc phục, chế ngự tâm của mình, để được sống trọn vẹn trong một ngày đó, trong những tháng đó. Vì ta đang hướng tâm đến quả thánh giải thoát, nên ta phải sống đúng thiện pháp. Thực hành mục

đích Sa Môn hạnh trong ngày đó, trong những tháng đó. Vì thế, ta không đòi hỏi một điều gì hết. Út cho gì ăn nấy, ta không khen, chê một điều gì. Bởi vì, mục đích ta đến tu viện Chơn Như tu tập là để làm Phật, làm Thánh ALaHán, làm chủ sanh tử chấm dứt luân hồi. Cho nên, ta phải khắc phục, chế ngự tâm dục của mình. Để buông xả xuống hết, không đòi hỏi mong cầu một điều chi. Vì ăn uống là để được khỏe mạnh tu tập, để được no bụng mà tu, chứ có phải ta đến tu viện để du lịch hay nghỉ mát? Ta đến tu viện là để giải thoát, không còn bị trói buộc trong ăn uống, ngủ nghỉ, chứ không phải đi bổ dưỡng.

Ngày xưa Đức Phật, A La Hán Thích Ca Mâu Ni đang trên đường tu tập, có bao giờ Ngài gọi điện về xin vua Sudd- Hodana (vua Tịnh Phạn) hoặc xin bà con, bạn bè cho thêm cái này, thêm cái khác? Có bao giờ Ngài đi xin ăn mà xin thêm của đàn na tín thí cho tôi thêm đĩa rau, cho tôi thêm đĩa khoai, cho tôi cơm mềm, cơm trắng, cơm gạo lứt, v.v..? Và Ngài đi xin ăn, thí chủ cho gì Ngài đều hoan hỷ nhận đem về dùng, Ngài không có đòi hỏi và tất cả chúng tỳ kheo thời đức Phật đều như thế cả.

Chúng ta hãy noi gương hạnh của Trưởng Lão Thông Lạc đi khất thực, cho gì ăn nấy không đòi hỏi, mặc dù Trưởng Lão tuổi tác khá cao, 78 tuổi rồi, Trưởng Lão làm việc suốt ngày trên computer, dạy chúng tu tập, làm việc không ngừng nghỉ, viết sách, đóng sách, dán sách, quét lá mỗi buổi sáng, v.v... Trưởng Lão có bao giờ đòi hỏi Út cho Thầy thêm cái này, cái khác, đi xin cơm về ăn, có gì ăn nấy, ăn xong rửa khay bát như mọi người. Không có một vị thị giả nào. Có hôm ăn rau luộc không có nước tương, Người bỏ một chút muối và lấy nước canh hoà tan để chấm rau ăn. Trưởng Lão sống rất tùy thuận, Người là ngọn đuốc soi sáng của tu viện Chơn Như. Chúng ta đến tu viện tu tập là để giải thoát trong cái ăn uống, ngủ nghỉ, nói chuyện, chứ không phải để trói buộc; trong cái thêm ăn uống; trong cái thêm ngủ nghỉ; trong cái thêm nói chuyện.

Nhớ thuở xưa, đức Phật và chúng tỳ kheo thường ngủ nghỉ trong những ngôi điện thờ Capala, Gotamaka, điện thờ Sattambaka, Baluputta, Sarandada, những gốc cây, những ngôi nhà trống. Còn chúng ta bây giờ quá sung sướng và đầy đủ tiện nghi được Thầy và cô Út cho mỗi người một cái thất, điện nước quá đầy

đủ. Cái thất bằng liếp tre tầm vông của mỗi chúng ta là cái cội bồ đề. Vậy mà đôi khi ta còn bỏ cái cội bồ đề này để tìm cầu một cái cội bồ đề khác, đầy đủ tiện nghi hơn. Ta chạy theo tâm dục đòi hỏi của chính ta, chứ ta không ly dục. Nếu ta muốn ly dục thì ta đâu chối bỏ cái cội bồ đề (cái thất bằng liếp tre tầm vông) mà tìm cầu cái cội bồ đề khác (ngôi nhà gạch). Những diễn biến xảy ra chung quanh ta là môi trường tốt để cho ta xả tâm, khắc phục và chế ngự tâm mình, khi có ác pháp xảy đến. Chúng ta sống chết dưới cội bồ đề này. Nếu nó mục nát và hư hỏng Thầy và Út sẽ cho ta cái cội bồ đề khác. Chúng ta hãy tập sống để buông xả, chứ không phải bị trói buộc.

Chúng ta hãy noi gương hạnh của Đức Trưởng Lão Thông Lạc, cội bồ đề của Trưởng Lão là cái thất bằng liếp tre tầm vông đã cũ kỹ, bên trong có một tảng đá, mà hằng ngày, hằng đêm Trưởng Lão tọa Thiền nghỉ ngơi, để phục hồi sức khỏe. Không chiếu, gối, mền, chỉ có 3 y một bát, đơn sơ đi đâu cũng gọn gàng. Còn cô Út Diệu Quang thì chỗ nào cũng là cội bồ đề, Út ngủ nghỉ khi ở nhà bếp, khi ở nhà kho, v.v... miễn là ngủ nghỉ qua đêm, khuya dậy sớm vừa tu tập, vừa nấu cơm, cô Út rất nhọc

nhân. Trên đôi vai gầy yếu đó, đã chu toàn mọi việc cho chúng ta yên tâm tu tập mỗi ngày. Thế mà chúng ta có ai nghĩ đến điều này chưa?

Đôi khi chúng ta phải tư duy rằng: Cô Út Diệu Quang phải thức dậy từ lúc 2 giờ sáng để lo cơm nước, tuổi tác của Út cũng khá cao rồi (68 tuổi) thân gầy ốm, buổi khuya thức dậy nấu cơm, hộ thất nuôi chúng tu tập. Cái khó khăn, cái vất vả khổ cực của Út chúng ta cần phải tư duy thật sâu sắc để xả cái tâm đòi hỏi ăn ngon đồ, đòi hỏi các món này, các món khác. Chỉ có cái ăn uống ngủ nghỉ, cái nói chuyện chúng ta chưa làm chủ được, chưa thực hành thuần thục thì cái quả A La Hán kia làm sao tu chứng được? Phải không các bạn? Chúng ta chỉ tu chứng những trạng thái tưởng điên đảo mà thôi.

Nếu bạn đến tu viện Chơn Như tu tập mà chưa sống trọn vẹn những thiện pháp này như: Ba hạnh ăn, ngủ, độc cư; ba đức nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng thì dù bạn có ở nơi đâu, có ở một trú xứ nào đó, thì cũng rất khó mà tu tập. Vì ở nơi đây là môi trường rất thuận lợi cho việc tu nhập thất miên mật và giữ hạnh độc cư trọn vẹn, mà bạn chưa tu tập nổi thì

làm sao đến một trú xứ nào đó mà tu tập được. Rất khó khăn vô cùng, bạn cứ suy nghĩ và nghiệm lại xem có đúng không: Xét về hạnh ăn vừa ra khỏi cổng chùa là đã bắt đầu ăn theo ý thích của mình rồi. Nào là gạo lứt, nào là phải đủ chất này, chất kia, nào là uống thuốc này, thuốc nọ, v.v.. Cứ chạy theo cái ý của mình mãi thì làm sao rèn luyện nội lực được? Còn xét về ba đức thì ra đi khỏi chùa là giải quyết sự việc nhiều hơn giải quyết cái tâm. Hơn nữa đã xa thiện tri thức thì ai là người thử thách và kiểm chứng tâm bạn? Do đó, có rất nhiều hành động sai lầm mà cứ chấp chặt, cứ thực hành mãi, rồi giậm chân tại chỗ cũng không hay biết.

Ở tu viện Chơn Như còn có Thầy và cô Út, có nội quy kỷ luật mà bạn còn vi phạm nội quy thì làm sao đến một trú xứ nào đó mà tu tập nổi. Bao nhiêu ác pháp quanh vây đánh vào, làm sao chống trả nổi. Rất dễ đầu hàng, sự tu tập chỉ còn giậm chân tại chỗ không tiến lên được. Cho nên hơn bao giờ hết, chúng ta phải cố gắng nỗ lực trau dồi rèn luyện mỗi ngày. Sống và giữ đúng phạm hạnh, chấp hành nội quy kỷ luật của Tu viện, thực hành thiện pháp, hạnh ăn, hạnh ngủ, hạnh độc cư, ba đức

nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng thì mới hy vọng được giải thoát sẽ làm chủ sanh tử, chứng Thánh quả A La Hán.

Chúng tôi xin ghi lại những lời dạy của Ngài Sariputta (Xá Lợi Phất) về BỐN THÁNH CHÚNG trong kinh Trường Bộ tập II trang 588, 590.

Ngài Sariputta là bậc đại trí tuệ, trưởng tử của Như Lai, đã tu chứng Thánh quả A La Hán. Ngài dạy:

1. Nay các hiền giả, ở đây vị tỳ kheo tự bằng lòng với bất cứ loại y nào, tán thán sự bằng lòng với bất cứ loại y nào, không cố gắng tìm cầu y một cách không xứng đáng, không có phiền não (tham, sân, si) nếu không được y. Nhưng khi được y, vị này không nhiễm trước, không say mê, không có phạm tội, vị này dùng y thấy các nguy hiểm và biết rõ sự giải thoát, vì tự bằng lòng với bất cứ loại y nào, vị ấy không khen mình, chê người. Ở đây vị này khéo léo, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm. Nay các hiền giả, vị tỳ kheo ấy được gọi là một vị đã trung thành với Thánh chúng, theo truyền thống quá khứ.

2. Đây các hiền giả, ở đây vị tỳ kheo tự bằng lòng với bất cứ món ăn khát thực nào, không cố gắng tìm cầu món ăn khát thực một cách không xứng đáng, không có phiền não (tham, sân, si) nếu không được món ăn khát thực. Nhưng khi được món ăn khát thực vị này không nhiễm trước, không say mê, không có phạm tội, vị này dùng các món ăn khát thực, thấy các nguy hiểm và biết rõ sự giải thoát. Vì tự bằng lòng với bất cứ món ăn khát thực nào, vị này không khen mình, chê người. Ở đây vị này, khéo léo, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm. Đây các hiền giả, vị tỳ kheo ấy được gọi là một vị đã trung thành với Thánh chúng theo truyền thống quá khứ.

3. Đây các hiền giả, ở đây vị tỳ kheo tự bằng lòng với bất cứ phòng xá nào, tán thán sự bằng lòng với bất cứ phòng xá nào không cố gắng tìm cầu phòng xá một cách không xứng đáng không có phiền não (tham, sân, si) nếu không được phòng xá hoặc trú xứ. Nhưng khi được phòng xá vị này không nhiễm trước, không say mê, không có phạm tội. Vị ấy dùng các phòng xá thấy các nguy hiểm và biết rõ sự giải thoát vì tự bằng lòng với bất cứ phòng xá nào, vị này không khen mình, chê người. Ở

đây vị này khéo léo, tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm. Nay các hiền giả, vị tỳ kheo ấy được gọi là một vị đã trung thành với Thánh chúng theo truyền thống quá khứ.

4. Nay các hiền giả, vị tỳ kheo ưa thích đoạn trừ, hoan hỷ đoạn trừ, ưa thích tu tập, hoan hỷ tu tập. Nên không khen mình, chê người. Ở đây vị tỳ kheo này khéo léo tinh cần, tỉnh giác, chánh niệm. Nay các hiền giả, vị ấy được gọi là một vị đã trung thành với Thánh chúng theo truyền thống quá khứ”.

Qua những lời dạy chúng tỳ kheo trên đây của Ngài Sariputta (Xá Lợi Phất) chúng ta thấy thấm thía vô cùng. Những lời dạy này, chính như Người đang nhắc nhở chúng ta. Vì hiện giờ chúng ta xét lại thấy mình quá lỗi lầm với Thầy và cô Út Diệu Quang, không xứng đáng là những người tu sĩ, cư sĩ tu tập theo Phật giáo Nguyên Thủy, nếu căn cứ theo lời giáo giới của Ngài Sariputta.

Thưa các bạn! Những lời chúng tôi nói trên đây, có những điều chi không hợp thì xin quý bạn vui lòng tha thứ cho. Chúng tôi nói ra đây để chúng ta biết những sự sai lầm của mình; để cố gắng khắc phục những sai lầm ấy; để trở thành những Thánh tu sĩ và Thánh cư

sĩ xứng đáng là đệ tử của Phật, đệ tử của Thầy; để không hổ thẹn với lòng mình; để không mang nợ của đàn na thí chủ. Phải không các bạn?

Thân mến kính chào các bạn. Chúc các bạn thành công trên đường tu tập.

Tu viện Chơn Như

Ngày 20- 8- 2003



5 NĂM VÀ 13 NĂM, NĂM NÀO ĐỨC PHẬT CHẾ GIỚI LUẬT

Một số câu hỏi của Nguyễn Thanh

Sau khi đọc “Giới Bốn Khất Sĩ Tân Tu” (The Revised Pratimoksha) (Tác giả là một vị Thiên Sư nổi tiếng của Làng Hồng ở bên kia đại dương) con có vài nghi vấn và thắc mắc. Con thành kính xin được thưa hỏi lên Thầy.

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Theo giới bốn của các Tổ biên soạn Ba La Mộc Xoa Đề thì sau 13 năm từ khi chứng đạo Đức Phật mới chế giới. Còn bộ Giới Luật Khất Sĩ Tân Tu thì cho biết sau năm năm từ ngày thành đạo thì Đức Phật mới chế giới. Vậy ở đây thời gian chế giới của Đức Phật có sai khác, chúng con không biết thời gian nào đúng, thời gian nào sai. Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được hiểu.*

Đáp: Khi biên soạn giới bốn Ba La Mộc Xoa Đề các Tổ dựa vào những truyền thuyết, chứ không có căn cứ vào lịch sử, vì trong thời Đức Phật lịch sử không có ghi lại rõ ràng cụ thể, nên mạnh ai cứ dựa vào chỗ nào theo kiến tưởng giải của mình cho là đúng, rồi cứ thế

biên soạn. Các Tổ cho rằng 13 năm sau khi Đức Phật thành đạo, còn bộ Giới Luật Khất Sĩ Tân Tu cho rằng 5 năm sau khi Phật thành đạo mới chế giới. Bộ giới luật này không biết căn cứ vào truyền thuyết nào, bộ sử nào mà dám xác định thời gian như vậy. Chúng tôi xin nhường lại cho những nhà sử học xác định.

Theo chúng tôi nghĩ khi muốn biên soạn nói một điều gì về lịch sử của một bậc vĩ nhân thế giới như Đức Phật thì không nên ghi một cách bừa bãi như vậy cần phải căn cứ vào kinh sách nào, lịch sử nào?

Cho nên, thời gian 13 năm chế giới của các Tổ và thời gian 5 năm của bộ Giới Luật Khất Sĩ Tân Tu còn là một nghi vấn chưa xác định thời gian cụ thể về chính sử và chính kinh. Vì vậy, thời gian 13 năm và 5 năm chế giới luật là một giả thuyết chúng ta chớ nên tin.

Theo kinh sách Nguyên Thủy thì hai giả thuyết thời gian chế giới của các Tổ và bộ Giới Luật Khất Sĩ Tân Tu là sai sự thật.

Chúng tôi thiết nghĩ, mặc dù lịch sử không có ghi thời gian Phật chế giới luật năm nào, ngày nào, nhưng chúng tôi căn cứ vào những kinh sách Nguyên Thủy do Phật Thuyết

thì Đức Phật không có chế giới luật mà giới luật đã có sẵn trước khi Đức Phật thành đạo, xin các bạn đọc lại kinh Trường Bộ tập 1 bài kinh Sonadanda thuộc Tạng Kinh Việt Nam.

Trong bài kinh ấy Bà La Môn Sonadanda có nêu ra 5 điều kiện của một Bà La Môn:

- 1- Đẹp trai, tướng tốt (32 tướng tốt 80 vẻ đẹp).
- 2- Bầy đời liên tục là Bà La Môn.
- 3- Chú thuật, tụng niệm và thông suốt ba bộ kinh Vệ Đà.
- 4- Tri kiến.
- 5- Giới luật.

Trong năm điều kiện này Đức Phật chỉ chấp nhận giới luật và tri kiến còn ba điều kia Đức Phật không chấp nhận bằng một lý luận sắc bén bẻ gãy những luận thuyết khiến cho Bà La Môn Sonadanda phải chấp nhận. Trong bài kinh ấy Đức Phật kết luận một câu rất tuyệt vời: ***“Giới luật ở đâu là tri kiến ở đó, tri kiến ở đâu thì giới luật ở đó. Giới luật làm thanh tịnh tri kiến, tri kiến làm thanh tịnh giới luật”.***

Bài kinh này đã xác định giới luật có trước Đức Phật vì đạo Bà La Môn có trước Đạo Phật.

Đọc bài kinh này chúng ta nhận xét các Tổ và những người sau này không lo tu tập, không chịu khó nghiên cứu kinh sách Nguyên Thủy mà cứ dựa theo kinh sách và giới luật phát triển của Đại Thừa, đó là những kinh sách chịu ảnh hưởng của tà giáo ngoại đạo, cho nên thời gian chế giới của đức Phật trong các bộ sách này là sai sự thật.

Trong kinh sách Nguyên Thủy thường hay nhắc đến Phạm hạnh. Như đoạn kinh dạy: ***“Sanh đã tận Phạm hạnh đã thành, những việc làm đã làm xong, không còn trở lại trạng thái này nữa”***.

Phạm hạnh là giới luật, xin các bạn hãy đọc lại đoạn kinh Kandarakka trong tập II kinh Trung Bộ, tạng kinh Việt Nam: ***“Ở đây này Pussa lại có người vừa không hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, vừa không hành khổ người, không chuyên tâm hành khổ người. Người ấy không hành khổ mình, không chuyên tâm hành khổ mình, không làm khổ người không chuyên tâm làm khổ người, hay trong hiện***

tại không tham dục, tịch tịnh cảm thấy mát lạnh, cảm giác lạc thọ tự ngã trú vào Phạm thể. Nay Pessa, bốn hạng người này, hạng người nào được tâm ông thích nhất?”.

Như trong đoạn kinh này dạy: ***“Người không làm khổ mình, khổ người là người trú vào Phạm thể”***. Vậy Phạm thể là gì? Phạm thể là đức hạnh của Phạm Thiên. Cho nên đức hạnh của Phạm thiên là sống không làm khổ mình, khổ người, khổ cả hai. Đức hạnh không làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai là giới luật. Do căn cứ vào những bài kinh Sonandanda và kinh Kandarakka chúng ta quyết chắc giới luật đã có trước Đức Phật. Đức Phật không có chế giới mà chỉ loại trừ những giới luật phi đức hạnh của Bà La Môn. Vì giới luật là đạo đức của con người, là hành động không làm khổ mình, khổ người, khổ cả hai như trên đã nói. Người nào có những hành động làm khổ mình, khổ người và khổ cả hai là người phạm giới, phá giới. Vả lại giới luật là thiện pháp. Người sống trong thiện pháp là người không phạm giới, người sống trong ác pháp là người phạm giới.

Hạnh Phạm Thiên dạy sống ly dục ly ác pháp mà chúng ta sống không ly dục ly ác pháp là sống phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới làm cho Phật Giáo suy đồi, chìm mất đạo đức nhân bản - nhân quả, tội ấy rất nặng.

Ví dụ: Lấy của không cho, nói láo, dâm dục, giết hại và ăn thịt chúng sanh, ăn uống phi thời, ở trong chùa to Phật lớn, đó là sống trong ác pháp. Mà đã sống trong ác pháp là phạm giới.

Ăn uống phi thời ngày ăn hai ba bữa, là phạm giới, vì không làm ra của cải tài sản ăn nhiều quá phí phạm mồ hôi nước mắt của đàn na thí chủ. Đó là phạm giới không ly dục.

Ở chùa to Phật lớn là phạm giới không thanh bần, không xứng hạnh tu hành giải thoát của người tu sĩ Phật Giáo “xả phú cầu bần, xả thân cầu đạo”.

Cho nên, giới luật là Phạm hạnh, người nào sống không đúng Phạm hạnh là phạm giới.

Giới luật là đạo đức, người nào sống không đúng đạo đức là phạm giới.

Giới luật đâu cần phải chế. Chế giới luật là bắt buộc người đó là những tổ chức của các

phe đảng phái và các tôn giáo khác chứ đạo Phật đâu có bắt buộc ai phải tu theo đạo mình. Vì đạo Phật là đạo đức của loài người. Ai muốn sống có đạo đức thì theo nó. Theo nó thì cuộc đời sẽ không còn khổ đau và được tiếng thơm là người có đạo đức; còn ai không theo đạo Phật, không muốn sống đạo đức làm người thì phải chịu khổ mãi mãi và trở thành người vô đạo đức.

Vì sự giải thoát mọi sự khổ đau của cuộc đời, người ta mới chấp nhận sống đời sống Phạm hạnh dưới sự hướng dẫn của đức Phật.

Cho nên, một vị ngoại đạo đến xin Phật tu hành thì Phật chấp nhận, nhưng phải sống biệt trú 4 tháng đúng Phạm hạnh thì đức Phật mới cho xuất gia làm Tăng theo Phật, còn sống không đúng giới luật thì xin về, chứ đức Phật không có bắt buộc người nào sống đúng giới luật như Phật. Nhờ đó chúng ta quyết chắc Phật không có chế giới luật cấm các tu sĩ mà chính các tu sĩ phải tự nguyện sống đời sống giới luật.

Còn bây giờ Tổ chế ra giới luật cấm ngăn, thế mà tu sĩ phạm giới, phá giới tan nát. Hình thức một ngôi chùa xây cất đồ sộ vĩ đại tốn hao hàng tỷ bạc. Đó là sự sa đọa của Phật

giáo, chúng tở tu sĩ Phật giáo đang sống theo dục lạc thế gian, phạm giới, phá giới làm cho Phật giáo suy đồi và nền đạo đức của Phật giáo cũng không còn.

Tóm lại, 5 năm và 13 năm bảo rằng Phật chế giới luật là sai. Phật không có chế giới, vì giới luật đã có sẵn trong đời sống Phạm Thiên và Bà La Môn.



BỎ NHỮNG GIỚI NHỎ NHẤT

Câu hỏi của Nguyễn Thanh

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Trong tập sách “Giới Bốn Khất Sĩ Tân Tu” (The Revised Pratimoksha), có đoạn nói là trước khi nhập diệt Đức Phật dạy: “Này A Nan, khi ta nhập Niết Bàn thì những giới nhỏ nhất nào không cần thiết và không quan trọng mấy có thể được bỏ bớt đi, để sự hành trì giới luật luôn luôn mang tính thích ứng, nhưng đến nay đã hơn 2500 năm mà lời dạy của Đức Bốn Sư vẫn chưa thực hiện”.*

Thưa Thầy những giới nào là giới nhỏ nhất? Những giới nào là giới không thích ứng? Xin Thầy dạy cho chúng con được rõ.

Đáp: Giới luật là đức hạnh, là thiện pháp thì có giới luật nào là nhỏ nhất; thì có giới luật nào là không thích ứng với thời đại. Dù bất cứ thời đại nào cũng phải cần đến đạo đức; có đạo đức thì cuộc sống của con người mới có an vui hạnh phúc; có đạo đức thì xã hội mới có trật tự, đất nước mới phồn vinh thịnh trị; có đạo đức thì thế giới mới có hòa bình thật sự. Có thời đại nào con người không cần đạo đức đâu? Đạo đức như cơm ăn áo mặc hằng ngày của con người, sống không đạo đức như con người thiếu thực phẩm, vậy con người có sống được không các bạn? Con người sống không đạo đức là con thú vật các bạn ạ! Chỉ có những người không biết giới luật là đạo đức, là thiện pháp thì mới dám cho nó là những giới nhỏ nhất và không thích ứng với thời đại nên bỏ nó.

Thưa các bạn! Các bạn có thấy đạo đức nhân bản – nhân quả nào mà không thích hợp với thời đại không? Nhưng đã bảo là đạo đức nhân bản - nhân quả thì làm sao không thích hợp với mọi thời đại được? Các bạn có hiểu không? Đạo đức nhân bản - nhân quả, chứ

không phải những đạo đức phục vụ phong kiến phi nhân bản như đạo đức Khổng Mạnh, như các giáo điều phi nhân bản của ngoại đạo tà giáo nên mới không thích ứng với thời đại đang đi lên.

Phạm hạnh là đức hạnh sống ly dục ly ác pháp, là đức hạnh nhân bản - nhân quả, là giới luật của Phật giáo. Tất cả những hành động sống Phạm hạnh là giới luật. Vậy bỏ những giới luật nhỏ nhặt cho thích ứng với thời đại thì chúng tôi xin hỏi các bạn và các bạn hãy thành thật trả lời:

- Ăn uống phi thời là giới nhỏ nhặt phải không?

- Ngủ trên giường cao rộng lớn, sống trong chùa to Phật lớn là giới nhỏ nhặt phải không?

- Không ca hát không nghe ca hát tức là tụng kinh niệm Phật là giới nhỏ nhặt phải không?

- Cất giữ tiền bạc là giới nhỏ nhặt phải không?

- Ăn mặc chải chuốt, y áo đắt tiền là giới nhỏ nhặt phải không?

Tất cả những giới nhỏ nhặt này quý thầy muốn bỏ giới nào để được thích nghi với thời đại?

Bỏ những giới nhỏ nhặt này để ăn uống ngày ba bữa, để ăn uống phi thời mà không Phật tử nào dám nói. Có đúng như vậy không?

Bỏ những giới nhỏ nhặt này để ở trong chùa to Phật lớn; để tụng niệm ca hát ê a, để xem tivi, xem phim ảnh cho thích ứng với thời đại mà Phật tử không ai dám nói. Có đúng như vậy không?

Những giới nhỏ nhặt này là Phạm hạnh của người tu sĩ Phật giáo. Tu sĩ không còn giữ gìn những giới luật này là tu sĩ sa đọa.

Người tu sĩ Phật giáo còn ăn phi thời ba bữa hay ăn uống lặt vặt thì có ly dục ly ác pháp không các bạn? Các bạn cứ trả lời đi!

Người tu sĩ Phật giáo nằm giường cao rộng lớn, sống trong chùa to Phật lớn có ly tham không các bạn?

Người tu sĩ Phật giáo còn tụng niệm ê a là còn ca hát, còn xem ti vi thì có sống trầm lặng độc cư không các bạn? Những người tu sĩ như vậy có ly tham ly dục không các bạn?

Xét như trên đây thì giới nào là giới nhỏ nhất, giới nào là giới không thích ứng với thời đại?

Thưa các bạn! Nếu các bạn muốn thích ứng với thời đại thì các bạn hãy trả chiếc áo cà sa lại cho chùa, rồi về đời mà sống thích ứng với mọi người thì có ai nói các bạn đâu? Các bạn đừng mượn chiếc áo đạo làm cuộc đời thì tội nghiệp cho Phật giáo lắm các bạn? Tội cho những người tu hành nghiêm chỉnh giới luật *“Một con sâu làm rầu nồi canh”*.

Các bạn có bao giờ nghe những danh từ trong nhà Phật dạy không?

Người muốn tu theo đạo Phật thì *“phải sống ly dục ly ác pháp”*. Vậy các bạn muốn cho thích ứng với thời đại thì sự tu hành của các bạn có ly dục ly ác pháp được không?

Thưa các bạn! Nếu các bạn không hiểu giới luật thì các bạn hãy làm thỉnh, dựa cột mà nghe đừng có bắt chước các Tổ chế giới luật, rồi nay thêm giới này, mai bớt giới kia. Việc làm sai không dám chịu rồi gán cho Phật, và bảo rằng Phật chế giới luật năm này, năm khác, rồi bỏ những giới luật nhỏ nhất, giới này giới kia, rất tội cho đức Phật, vốn Người không làm mà phải chịu. Nếu không có những kinh

sách Nguyên Thủy còn lại thì lấy đâu minh oan cho Đức Phật?

Phật giáo là một chân lý đạo đức của loài người thì không bao giờ còn có ai dám thêm bớt vào được. Vì chân lý của con người thì muôn đời không còn sai một li hào nào, dù thời đại khoa học có tiến bộ đến đâu thì chân lý của con người vẫn là chân lý của con người thì làm sao là lỗi thời, là không thích ứng. Vậy mà, các bạn cả gan dám thêm bớt. Xưa kia các Tổ dám thêm vào kinh Niết Bàn một đoạn như sau: *“Này A Nan, khi ta nhập Niết Bàn thì những giới nhỏ nhất nào không cần thiết và không quan trọng thì có thể được bỏ bớt đi”*. Ngày nay các bạn lại dám thêm vào một đoạn nữa: *“Để sự hành trì giới luật luôn luôn mang tính thích ứng, nhưng nay đã hơn 2500 năm mà lời dạy của đức Bốn Sư vẫn chưa thực hiện được”*. Thêm vào kinh Niết Bàn câu này nữa thì có chỗ dựa để chế ra bộ giới luật mới, đó là dùng băng keo dán miệng thiên hạ để không còn ai bắt bẻ các bạn được. Đó là lời dạy của đức Phật, các bạn chỉ làm theo, chứ đâu phải của các bạn tự làm. Thầy Tổ khéo lắm, nhưng không bịt mắt người tu chứng được.

Thích ứng với mọi thời đại Phật giáo hiện giờ lại có thêm một bộ luật mới, “*Giới Bốn Khất Sĩ Tân Tu*” (The Revised Pratimoksha).

Nếu một người làm được thì các hệ phái khác cũng sẽ làm được. Do đó, giới luật sẽ phát triển không thua gì kinh sách Đại Thừa.

Thưa các pháp hữu! Các bạn hãy xem xét lại trình độ tu tập của những người biên soạn chế ra bộ giới luật tân tu này. Họ đã làm chủ được những gì nơi thân và tâm của họ chưa?!

Thứ nhất, đời sống giới luật của họ có nghiêm chỉnh không? Nếu giới luật của họ nghiêm chỉnh thì họ chế giới ra thì chúng ta chấp nhận. Nếu giới luật của họ sống không nghiêm chỉnh thì bộ giới luật biên soạn của họ sẽ không đủ cho chúng ta có niềm tin.

Về thiền định họ có nhập được Tứ Thánh Định chưa? Nếu họ chưa nhập được Tứ Thánh Định mà biên soạn bộ giới luật này thì chúng ta biết chắc chắn rằng họ chưa đủ khả năng và kinh nghiệm để biên soạn bộ giới luật Phật giáo.

Về sự tu tập của họ, họ đã làm chủ sanh, già, bệnh, chết được chưa? Nếu chưa làm chủ được mà biên soạn bộ giới luật thì chúng ta

biết chắc rằng họ biên soạn giới luật là để phạm giới luật mà không ai dám phê bình.

Họ có thực hiện được Tam Minh chưa? Họ có sống đúng đạo đức không làm khổ mình, khổ người chưa? Nếu họ chưa thực hiện được Tam Minh, chưa sống đúng đạo đức nhân bản - nhân quả không làm khổ mình, khổ người thì bộ giới luật của họ không đủ cho chúng ta tin tưởng.

Kính thưa các bạn! Các bạn chưa sống đúng giới luật, chưa làm chủ sanh già bệnh chết, chưa nhập Bốn Thánh Định, chưa thực hiện Tam Minh. Mà các bạn muốn bỏ giới luật cũ, để chế giới luật mới thì chúng tôi e rằng việc làm của các bạn quá nông nổi.

Ví dụ: Bạn đang sống phạm giới mà chế giới là bạn sẽ phá giới, diệt giới chớ đâu phải bạn chế giới. Có đúng như vậy không các bạn?

Các bạn chưa sống được như Phật mà các bạn chế giới là các bạn đã đi xa đạo Phật và có thể các bạn đang diệt Phật giáo, các bạn có biết không?

Các bạn có thấy gương của thầy Tổ chưa? Do tưởng giải mà viết kinh sách Đại Thừa là các Tổ đã diệt Phật giáo từ hơn 2500 năm nay

rồi. Vì thế mà từ đó đến nay các bạn có thấy ai tu chứng quả A La Hán chưa? Nếu các bạn bảo rằng có người tu chứng thì chúng tôi xin hỏi các bạn trả lời cho:

Tu chứng quả A La Hán sao kết tập kinh sách còn sơ bồ, sơ bộ như thế này?

Đạo đế là chân lý, là chương trình giáo dục đào tạo của những bậc thánh A La Hán thế mà chứng quả A La Hán lại không phân ra được các cấp, các lớp tu học và không biên soạn ra được giáo trình tu học thì chứng quả A La Hán chỗ nào? Xin các bạn chỉ cho!

Tuy các Tổ kiến giải dựa vào kinh Phật viết ra giới luật, nhưng chưa có ai dám bỏ những giới luật nhỏ nhặt nào, vì các Tổ cũng tự xét mình tu hành chưa tới đâu, chứng chưa bằng Phật nên không dám bỏ. Chỉ nêu ra như vậy để khi lỡ có phạm giới thì không ai chê cười vì đó là giới nhỏ nhặt.

Hiện giờ chúng ta được đọc bộ giới mới, nhưng nếu bộ giới này đừng bỏ giới nào hết thì rất hay, những giới mới thêm vào, nhưng nó không mới vì những giới cũ đã có đủ. Nếu các bạn là người tu chứng bằng Phật thì bộ giới luật này có giá trị rất lớn cho tăng ni và cư sĩ. Còn nếu các bạn chưa chứng như Phật mà biên

soạn bộ giới luật này thì chưa đủ khiến cho mọi người tin tưởng và vì vậy bộ giới luật này không có giá trị.

Giới luật là đức hạnh thì không có giới luật nào nhỏ nhất. Có giới luật nhỏ nhất là do các bạn không hiểu giới luật. Các bạn hiểu giới luật của Phật như là pháp luật của quốc gia, hiểu như vậy là các bạn đã hiểu sai; hiểu như vậy thì giới luật Phật không phải là pháp môn vô lậu.

Ví dụ: Giới sát sanh và giới không nằm giường cao rộng lớn, nếu hiểu về đức hạnh thì hai giới này bằng nhau. Sát sanh là đức hiếu sinh, không nằm giường cao rộng lớn là đức thanh bần. Đức thanh bần và đức hiếu sinh bằng nhau. Còn hiểu hai giới này là pháp luật thì giới sát sanh là giới trọng, còn giới nằm giường cao rộng lớn là giới khinh.

Ví dụ: Giới vọng ngữ là đức thành thật, giới ăn uống phi thời là đức ly tham. Vậy đức ly tham và đức thành thật bằng nhau cho nên đức hạnh thì bằng nhau không có đức hạnh này cao, đức hạnh kia thấp. Mà cả hai đều bằng nhau vì là đức hạnh. Chỉ có giới cấm là có giới trọng giới khinh, giới vọng ngữ là giới trọng, còn giới ăn uống phi thời là giới khinh.

Đối với Đạo Phật không có giới nhỏ nhất mà là nền đạo đức nhân quả - nhân bản. Các Tổ không hiểu giới luật của Phật chính là đạo đức, nên mới phân loại theo pháp luật mà kê tội, nên mới có những giới nhỏ nhất (giới khinh).

Như trên đã nói giới luật là đức hạnh nên không có giới nào là không thích ứng với thời đại, dù thời đại khoa học kỹ nghệ tiến bộ đến đâu thì đức hạnh nhân bản - nhân quả không bao giờ lỗi thời. Chỉ có những người không hiểu giới luật nên cho nó không thích ứng.



ĐỪNG LỢI DỤNG LINH ĐỘNG, SỐNG ĐỘNG ĐỂ SỬA ĐỔI GIÁO PHÁP VÀ GIỚI LUẬT PHẬT

Câu hỏi của Nguyễn Thanh

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Bức thư ngỏ trong tập sách Giới Bổn Khất Sĩ Tân Tu (The Revised Pratimoksha) có câu dạy. “Đạo Bụt phải được duy trì như một thực tại sống động. Như một thân cây các cành khô phải được cắt đi để cho những nụ mới được xuất hiện. Những nụ mới này là những giáo lý và những phương pháp thực tập có thể đáp ứng được những nhu yếu của thời đại và văn hóa mới. Những phát triển kỹ thuật, tin tức báo chí và tốc độ của đời sống, nó đã ảnh hưởng nhiều tới đời sống những người xuất gia”.*

Kính thưa Thầy! Những lời dạy trên đây có đúng với giới luật và giáo pháp của Đức Phật không thưa Thầy?

Đáp: Giáo lý của Đạo Phật là một chân lý của loài người: khổ, tập, diệt, đạo. Đã là chân lý của con người thì không còn có chỗ nào

sai. Nếu còn có chỗ sai thì không gọi là chân lý. Giáo lý của các tôn giáo khác còn có chỗ sai nên không được gọi là chân lý mà chỉ gọi là triết lý, giáo điều. Triết lý, giáo điều còn nhiều chỗ sai nên các tông đồ của các tôn giáo khác thường hay chỉnh sửa giáo lý cho thích hợp với thời đại. Còn giáo lý của đạo Phật là chân lý của con người nên nó không còn sai. Nhất là chân lý ấy do con người ở trên hành tinh này tu chứng nói ra, chứ không phải chân lý ấy từ cõi nào. Cho nên, không ai được quyền sửa, nếu người nào muốn sửa thì người ấy hãy tu chứng như Phật, còn tu chưa chứng thì đừng có sửa chân lý. Các bạn có biết không? Chỉ có những người điên mới dám cầm bút sửa chân lý, chứ người không loạn thần kinh thì chẳng bao giờ dám sửa.

Những người không hiểu giáo lý của Phật giáo là chân lý nên mới cho giáo lý ấy như một thân cây, các cành khô phải được cắt đi để cho những nụ mới xuất hiện. Người nào hiểu như vậy là hiểu Phật giáo là một triết lý, chứ không phải hiểu là chân lý.

Những nụ mới xuất hiện đó là giáo lý của Đại Thừa, Thiên Tông và Minh Sát Tuệ. Các bạn có biết không?

Nó có thể đáp ứng được nhu yếu của thời đại và văn hóa mới, nên tăng ni sống phi phạm hạnh, phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới, sống trong chùa to Phật lớn như cung đình điện ngọc. Do đó, tăng ni lo xây chùa to Phật lớn, và chùa to Phật lớn hiện giờ mọc khắp nơi. Đời sống của các tăng ni vật chất dục lạc đầy đủ, ăn ngủ phi thời. Một người tu sĩ sống như người thế tục thì Phật giáo còn gì là Thánh đức thừa các bạn? Do tu hành như vậy nên bây giờ khó tìm cho ra một người chân tu, một người tu hành làm chủ sanh, già, bệnh, chết hoặc nói cách khác là bao giờ mới tìm thấy một người chứng quả A La Hán.

Do cắt tĩa mãi Phật giáo chân chánh bây giờ thành Phật giáo phát triển và Thiền Tông. Giới luật hiện giờ tu sĩ không còn biết đến, nếu ai hỏi đến giới đức, giới hạnh, giới hành thì ngơ ngẩn chẳng biết đâu mà trả lời.

Cắt tĩa mãi Phật giáo hiện giờ thành Thần giáo, một tôn giáo mê tín, một tôn giáo tha lực, mất hết tự lực.

Cắt tĩa mãi Phật giáo thành một tôn giáo dục lạc, chứ đâu còn là một tôn giáo ly dục ly ác pháp nữa. Có đúng như vậy không các bạn?



KHẾ LÝ, KHẾ CƠ

Câu hỏi của Nguyễn Thanh

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Trong lời ngỏ của Tập sách Giới Bổn Khất Sĩ Tân Tu (The Revised Pratimoksha) vừa có tính cách khế lý, khế cơ, vừa có tính cách thực tiễn. Như vậy có đúng không thưa Thầy?*

Đáp: Muốn đưa một giáo pháp mới vào Đạo Phật thì các Tổ hay dùng những từ khế lý, khế cơ để che đậy mắt mọi người.

Các Thầy Tổ bao giờ cũng muốn mình hơn Phật, nên dùng những danh từ rất kêu để sửa kinh sách Phật: khế lý khế cơ, thích ứng, thích nghi với thời đại, duy trì như một thực tại sống động, đáp ứng những nhu yếu của thời đại và văn hóa mới, vv..

Các Thầy Tổ dùng những lời này chứng tỏ các Thầy tổ không hiểu Phật giáo.

Xin thưa cùng quý bạn! Giáo lý Phật giáo là đạo đức nhân bản - nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người nên khi mọi người mới bắt đầu vào tu thì đức Phật dạy: “*Các pháp ác không nên làm, nên làm các pháp*

thiện” (“*Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành*” hoặc “*ngăn ác diệt ác pháp sinh thiện tăng trưởng thiện pháp*”). Tu tập như vậy có cái gì không khế lý khế cơ với thời đại? Tu tập như vậy có cái gì không thích ứng, thích nghi với thời đại? Tu như vậy có cái gì không đáp ứng những nhu yếu của thời đại và văn hóa mới? Các bạn cứ tự hỏi lại xem giáo pháp của Phật dạy như vậy có cái gì không khế lý khế cơ, không đáp ứng những nhu yếu của thời đại và văn hóa mới chỗ nào?

Dạy niệm Phật, ngồi thiền, tụng kinh, niệm chú, bắt ấn, niệm hồng danh chư Phật lay sám hối, tụng kinh cầu siêu, cầu an, v.v.. như vậy là khế lý khế cơ đáp ứng những nhu yếu của thời đại và văn hóa mới hay sao? Dạy đạo như vậy là dạy mê tín, phi đạo đức nhân bản – nhân quả, phi Phạm hạnh. Quý bạn có biết không?

Quý bạn muốn sửa giáo lý của đức Phật, thì nhìn lại các bạn có tu tập được như Phật chưa? Giới luật còn sống chưa đúng, chưa thanh tịnh, ăn uống ngủ nghỉ còn phi thời, sống còn ở trong chùa to Phật lớn. Phạm hạnh của một người tu sĩ và cư sĩ như vậy sao? Phạm hạnh sống chẳng ra gì mà muốn chỉnh lại kinh

sách Phật là một việc làm chẳng biết lượng sức mình.

Kính thưa quý bạn! Chừng nào quý bạn tu theo Phật Giáo sống như Phật, làm như Phật, chứng đạo như Phật thì lúc bấy giờ các bạn sẽ không còn có ý nghĩ sửa kinh, sửa giới luật Phật nữa.

Các bạn như con cóc, mà muốn làm ông Trời thì làm sao được các bạn? Các bạn như con nhái mà muốn làm bằng con bò thì làm sao được. Phải không các bạn?

Xin thưa cùng các bạn, các bạn chưa hiểu Phật giáo thì các bạn đừng đụng đến nó, mà hãy lo tu tập đi để cứu mình ra khỏi sự khổ đau của kiếp người, đừng mơ mộng sửa kinh sách Phật là các bạn đã tự giết mình, giết Phật giáo, giết hàng bao thế hệ, các bạn có biết không?



NHỮNG GIỚI KHÔNG THÍCH HỢP ĐƯỢC THAY BẰNG NHỮNG GIỚI KHÁC

Câu hỏi của Nguyễn Thanh

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Trong Giới Bốn Khất Sĩ Tân Tu (The Revised Pratimoksha), có những giới cũ không còn thích hợp với hiện tại được thay thế bằng những giới có công năng bảo hộ cho sự thực tập và giá trị đích thực của người xuất gia trong thời đại mới. Như những giới có liên hệ tới sự sử dụng xe hơi, máy vi tính, máy truyền hình, điện thoại cầm tay, trò chơi điện tử, điện thư, và mạng lưới internet v.v..*

Kính thưa Thầy! Giới Bốn Khất Sĩ Tân Tu (The Revised Pratimoksha) đặt ra những giới này có mới không hay chỉ là những danh từ mới? Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.

Đáp: Thực ra, Giới Bốn Khất Sĩ Tân Tu là bộ sách pháp luật, chứ chưa phải là giới luật của Phật. Những giới luật trong Giới Bốn Khất Sĩ Tân Tu được đặt ra gọi là mới, chứ thực ra trong giới luật của Phật đã có đầy đủ, nhưng

các bạn biên soạn ra bộ giới luật này không chịu khó nghiên cứu giới luật Phật nên không hiểu giới đức, giới hạnh, giới hành trong giáo lý Phật. Vì thế, tưởng nó mới chứ thực ra những giới luật này không mới. Có lẽ các bạn tưởng rằng thời đại khoa học phát minh ra nhiều máy móc tối tân mà trong thời Đức Phật chưa có, nên Đức Phật không có chế giới luật đó chứ gì? Không đâu các bạn ạ! Các bạn đã lầm! Những giới luật và giáo pháp của Phật chính là nền đạo đức, nên nó đã vượt không gian và thời gian. Vì thế, thời đại khoa học có phát triển đến đâu thì vẫn đi sau giới luật và giáo pháp của Phật. Bởi vì thời đại khoa học luôn luôn đi sau giới luật và giáo pháp của Phật, đó là một bằng chứng rõ ràng, nên giới luật và giáo pháp của Phật luôn thích ứng với mọi thời đại, không bao giờ lỗi thời.

Ví dụ: Giới không nằm giường cao rộng lớn là các bạn phải hiểu nó là giới cấm không cho tu sĩ ở chùa to, cốc lớn, sang đẹp. Có đúng như vậy không các bạn? Chúng ta nên suy ra giường cao rộng lớn là phải được đặt trong ngôi nhà to lớn, nếu giường to rộng lớn mà đặt trong nhà nhỏ thì làm sao đặt được. Phải không các bạn?

Sau này các bạn hãy đọc bộ sách Văn Hóa Truyền Thống Thánh Hạnh thì giới luật Phật không thiếu một giới nào trong thời hiện đại này. Cho nên, sự chế giới mới của các bạn là thừa, vì trong giới cũ đã có đầy đủ, nhưng các bạn không hiểu nên tưởng là không có. Còn bỏ những giới nhỏ nhặt là vì các bạn chưa hiểu đức giới, hạnh giới, hành giới. Bỏ những giới nhỏ nhặt là bỏ những hành động đạo đức nhân bản - nhân quả không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh là một việc làm sai lầm các bạn ạ!

Đức Phật dạy: ***“Này các tỳ kheo, tỳ kheo phải sống đầy đủ giới hạnh, đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chơn chánh lãnh thọ và học tập các học giới”***. Ở đây, đức Phật nhắc nhở chúng ta: ***“Thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt”***. Vậy theo lời dạy này thì chúng ta bỏ những giới nhỏ nhặt nào? Có những giới nhỏ nhặt nào bỏ được. Phải không các bạn?

Khi tu hành chưa chứng đạo thì các bạn đừng làm một việc ngoài sự hiểu biết của các bạn. Ngoài sự hiểu biết của các bạn thì việc

làm ấy không bao giờ đúng chánh pháp, nó làm hại bạn, làm hại Phật Giáo, làm hại mọi người, nó có tính cách giết Phật Giáo. Chứ không phải chấn hưng Phật Giáo đâu các bạn.



TÂM QUAN TRỌNG CỦA GIỚI BỐN TÂN TU

Câu hỏi của Nguyễn Thanh

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Các bạn đồng tu cho rằng: “Sự công bố Giới Bốn Khất Sĩ Tân Tu (The Revised Pratimoksha) sẽ ảnh hưởng không những đối với Phật giáo mà cũng sẽ ảnh hưởng tới các tôn giáo khác và đây không phải chỉ là một sự kiện thuộc giới tâm linh và tôn giáo, nó còn là một sự kiện văn hóa”.*

Vậy bộ giới luật này có tầm quan trọng đến như thế nào?

Xin Thầy dạy rõ cho chúng con được hiểu.

Đáp: Các bạn chỉ ca ngợi bộ Giới Bốn Khất Sĩ Tân Tu của mình như vậy chứ sự thật ra nó cũng giống như những bộ giới cấm Ba La Đề Mộc Xoa của các Tổ. Với bộ giới luật này nó chỉ là pháp luật của một quốc gia như trên đã

nói, chứ chẳng có gì đặc biệt trong giới luật cả. Nó không nói lên được giới đức, giới hạnh, giới hành mà nó chỉ là những giới cấm. Giới cấm là những giới luật không đúng tinh thần tự lực, tự giác của Phật giáo. Giới cấm (bị bắt buộc) làm mất sự tự nguyện, tự giác của người tu sĩ Phật giáo.

Xưa Đức Phật trước khi nhận một người mới vào tu học thì cho họ sống biệt trú 4 tháng, nếu trong bốn tháng biệt trú mà người ấy thấy khả năng của mình sống đầy đủ giới luật thì mới xin làm đệ tử của Phật bằng không sống nổi thì xin về, chứ không ép buộc người nào cả.

Do điều kiện này mà chúng tôi xác định giới luật Phật không có giới cấm, chỉ có giới đức, giới hạnh, giới hành. Vì thế giới cấm là do các tổ làm ra. Bây giờ các bạn không hiểu nên lại chế ra giới cấm tân tu một lần nữa, đó là một việc làm giẫm lại lối mòn của các Tổ, khiến cho tu sĩ Phật giáo đã phá giới, phạm giới lại còn phá giới và phạm giới hơn nữa.

Cho nên, bộ giới luật này không có giá trị, nó cũng giống như những bộ giới Ba La Mộc Xoa Đề của các Tổ mà thôi.



NHỮNG THẦY PHẠM GIỚI LÀM SAO THAY ĐỔI VÀ SỬA ĐỔI GIỚI LUẬT ĐƯỢC

Câu hỏi của Nguyễn Thanh

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Khi viết bộ Giới Luật Khát Sĩ Tân Tu (The Revised Pratimoksha), sợ có người hỏi nên các bạn đã rào đón câu này: “Có người hỏi: Quý vị là ai mà dám tu chỉnh giới của Bụt? Câu trả lời: chúng ta đều là con của Đức Thế Tôn và chúng ta là sự tiếp nối của Người”.*

Thưa Thầy câu trả lời này đúng hay sai? Xin Thầy giảng rõ cho chúng con được hiểu.

Đáp: Phần đông những tu sĩ phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới thường hay có ý chỉnh giới luật để sự vi phạm giới luật không ai phát giác ra được, cho nên câu trả lời này cũng nhằm ý ấy để che đậy những sự phạm giới, phá giới. Câu nói: “*chúng ta là con của Đức Thế Tôn và là sự tiếp nối của Người*” là chúng ta có quyền sửa những gì của Phật. Phải không các bạn?

Ta là con của đức Phật, là sự tiếp nối của Người, nhưng ta có làm được như Người chưa? Chưa làm được như Người mà dám sửa những lời dạy của Người thì có ai tin các bạn không? Các bạn có sống đầy đủ giới hạnh như Người chưa? Tu hành có chứng đạo được như Người chưa? Chưa được như Người thì chưa đủ khả năng chỉnh lại những gì mà Người đã dạy. Các bạn có biết không?



GIÁO ĐOÀN XUẤT GIA CÒN LÀ ĐẠO BỤT CÒN

Câu hỏi của Nguyễn Thanh

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Có người bảo: “Đạo Bụt sở dĩ còn có mặt, đó là nhờ giáo đoàn xuất gia chưa bao giờ từng dứt đoạn”. Lời nói này có đúng không thưa Thầy?*

Đáp: “Giáo đoàn xuất gia còn là Đạo Bụt còn”, lời nói này là nhắm vào lực lượng đông người, chứ đông người mà phạm giới, phá giới, còn tu hành là tu danh, tu lợi thì đông người có

ích gì cho mình, cho Đạo Phật. Đông người như vậy là làm hại Phật giáo thêm. Dù tu sĩ có hàng vạn người theo tu mà giới luật vi phạm thì Phật giáo được xem là đã mất. Xưa đức Phật sắp nhập Niết Bàn Ngài đã di chúc: ***“Nếu giới luật còn là đạo Ta còn, giới luật mất là đạo Ta mất”***.

Lời phát biểu trên đây là lời của một đảng phái chứ không phải là lời của Phật giáo nữa, cho nên các bạn phát biểu mà không suy nghĩ chín chắn: *“Đạo Phật sở dĩ còn có mặt, đó là nhờ giáo đoàn xuất gia chưa từng bao giờ dứt đoạn”*.

Đúng vậy, lời nói này là các bạn xem Phật giáo giống như một đoàn thể, một đảng phái, chứ không phải là tôn giáo Phật giáo nữa. Phật giáo lấy giới luật làm nền tảng tu học cho mình, cho người, nên đức Phật dạy: ***“Giới luật còn là Phật giáo còn, giới luật mất là Phật giáo mất”***. Vì thế, Phật giáo không phải là đảng phái mà cũng không phải là tôn giáo, vì nó là đạo đức của con người nên gọi nó là đạo đức nhân bản. Các Tổ sau này không hiểu giới luật và giáo pháp của Phật là đạo đức nhân bản - nhân quả nên mới suy tôn

nó thành tôn giáo Phật giáo. Các bạn có biết chưa?

Những người tu sĩ Phật giáo hiện giờ có cái nhìn giới luật và giáo pháp của Phật như luật đảng luật đoàn của một nhà chánh trị hơn là một nhà đạo đức, một nhà chơn tu.



CÚ 25 NĂM GIỚI LUẬT PHẢI ĐƯỢC SỬA ĐỔI

Câu hỏi của Nguyễn Thanh

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Trong tập sách “Giới Bổn Khất Sĩ Tân Tu” (The Revised Pratimoksha) Tác giả cho rằng: Cú 25 năm thì giới luật lại được tu chỉnh một lần.*

Lời dạy này có đúng không thưa Thầy? Xin thầy dạy rõ cho chúng con được hiểu.

Đáp: Giới luật là một đạo đức nhân bản - nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người, khổ chúng sanh, vậy mà phải 25 năm thay đổi một lần, như vậy giới luật của Phật là pháp luật chứ đâu còn là giới luật nữa. Phải

không các bạn? Có lẽ các bạn hiểu giới luật là pháp luật của nhà nước, nên phải 25 năm Quốc Hội họp lại để sửa đổi.

Giới luật Phật là một pháp môn tu học để tâm được vô lậu nên gọi là “giới vô lậu”. Vậy là các bạn biến giới luật Phật thành pháp luật, để bắt buộc tu sĩ phải thi hành theo pháp luật, nếu tu sĩ nào vi phạm pháp luật thì bỏ tù hoặc tử hình hoặc phạt tiền, v.v.. Giới luật khi vi phạm bị phạt tội như quỳ hương phát lồ sám hối hoặc tẩn xuất như vậy sao gọi là giới vô lậu được. Như vậy Đức Phật đề ra Tam Vô Lậu học để làm gì? Các bạn trả lời đi?

Phật giáo là trường huấn luyện đạo đức con người, chứ Phật giáo không phải đảng phái nên bắt ép người khác phải thi hành luật đảng.

Nếu Giới Luật Khất Sĩ Tân Tu này ra đời thì hàng đệ tử của Phật không bao giờ tu chứng quả vô lậu và Phật giáo sẽ trở thành một đảng phái Phật giáo chứ không còn là đạo Phật đạo đức nữa. Và từ đó về sau có nhiều đảng phái ra đời tranh quyền cố vị danh lợi, chứ không còn là một tôn giáo để tu tập đi đến chỗ rốt ráo giải thoát hoàn toàn.

Hiện giờ có rất nhiều sách Phật giáo ra đời. Nhưng chúng tôi xin cảnh giác các bạn:

- Khi tập sách nào được xuất bản ra đời thì hãy nhìn tác giả tu hành tới đâu, giới luật sống có nghiêm chỉnh chưa?

- Thiền định có nhập được Tứ Thánh Định chưa?

- Có thực hiện được Tam Minh chưa?

- Có làm chủ được bốn sự đau khổ: sanh, già, bệnh, chết chưa?

Nếu biết rõ tác giả đã hội đủ bốn điều kiện trên thì cuốn sách ấy có giá trị rất lớn cho con đường tu tập của các bạn sau này. Còn về phía tác giả nếu trả lời chưa được những câu hỏi trên đây mà các vị viết kinh sách thì kinh sách ấy không có giá trị, chỉ là những kinh sách kiến giải, tưởng giải lừa đảo mọi người mà thôi.

Vậy, các bạn hãy cảnh giác đừng để những nhà học giả lừa đảo làm phí sức, phí công, phí của tiền mà tu hành chẳng tới đâu, chỉ uống một đời.



THAY ĐỔI GIỚI LUẬT CÓ LÀM ẢNH HƯỞNG TỚI PHẬT GIÁO KHÔNG?

Câu hỏi của Nguyễn Thanh

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Nếu giới luật đã tu theo thời gian, theo mỗi truyền thống của thời đại, của mỗi nền văn hóa thế giới thì hiện có còn bảo đảm chất lượng cho hàng đệ tử của Phật hay không? Tại sao giới luật lại “tân tu”? Điều này có đi ngược lại luật nhân quả hay không?*

Con xin Thầy giảng dạy cho chúng con được thấu hiểu.

Đáp: Đạo Phật là đạo tự giác, tự nguyện, tự lực, nên bộ giới cấm là sai. Đạo Phật lấy thiện pháp làm vũ khí tiến thẳng vào cứu cánh, nên cuộc sống lấy giới luật làm căn cứ địa. Vì và toàn bộ giáo lý của Phật là giới đức, giới hạnh, giới hành.

Bộ giới bốn Ba La Mộc Xoa Đề các Tổ cũng dựa vào kinh Phật biên soạn ra thành bộ giới cấm. Các Tổ không hiểu biết giới luật Phật là pháp môn tu tập tâm vô lậu nên biến

nó thành pháp luật. Cho nên, chỗ sai của các Tổ là chỗ “cấm” làm mất hết ý nghĩa của đạo Phật. Đạo Phật là đạo tự giác, tự nguyện. Đạo không khuyến dụ, không bắt buộc người khác, tự mọi người ý thức đời là khổ đau nên tự nguyện sống theo Đạo Phật để thoát mọi sự đau khổ.

Bộ giới luật Ba La Mộc Xoa Đề của các Tổ do cấm mà lỗi thời không thích ứng với thời đại là vậy, bộ Giới Luật Khất Sĩ Tân Tu cũng là một bộ giới cấm, nhưng chỉ có thay đổi những danh từ theo thời đại cho thích ứng người nghe, chứ chẳng có gì mới mẻ cả.

Như trên đã nói: nó chỉ sai là đi ngược lại với tông chỉ của đạo Phật là tự giác, tự nguyện, chứ không phải cấm, bắt buộc. Bộ Giới Luật Khất Sĩ Tân Tu cũng vậy, nó cũng giẫm lại lối mòn của các Tổ. Giới luật không có gì đi ngược lại với qui luật nhân quả. Giới cấm có đó, nhưng người tuân thủ giới cấm thì không có, cho nên tu sĩ Phật giáo hiện giờ sống phá giới, phạm giới không còn xem giới luật ra gì. Bộ Giới Luật Khất Sĩ Tân Tu bỏ những giới mà tu sĩ thường vi phạm để được thích ứng với thời đại mà không bị phạm giới. Đó là cái khéo léo

của bộ giới luật này để tu sĩ chạy theo dục lạc dễ dàng hơn.

Nhìn những bộ giới cấm của các Thầy Tổ mà đau lòng cho Phật Giáo, nó đã làm mất hết ý nghĩa tự giác, tự nguyện sống đời đạo đức không làm khổ mình, khổ người, khổ cả hai.



PHẠM HẠNH CÓ CHẤP NHẬN CHÙA TO, PHẬT LỚN KHÔNG?

Câu hỏi của Nguyễn Thanh

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Sau khi con được đọc tập sách mỏng “LỜI DẠY CỦA THẦY” (tác giả là một vị Thiền Sư nổi tiếng). Trong đó có một đoạn nói rằng: “Tôi tu hành chỉ lo hướng dẫn tăng, ni biết rõ đường lối tu, chứ không đặt nặng chùa to Phật lớn, song bây giờ tôi lại có chùa to Phật lớn. Đây dường như là điều mâu thuẫn. Vì tôi lo cho tăng ni mà tăng ni ngày càng đông nên chùa phải to, chùa nhỏ làm sao dung chứa hết? Chùa to thì Phật cũng phải to theo. Đó là điều tự nhiên. Không gượng ép gì hết”.*

Đọc đến đoạn này. Con xin Thầy giảng cho con được hiểu hơn về điều này “Chùa to Phật lớn”. Vì con thấy ở tu viện Chơn Như tăng ni cũng rất đông mà đâu có thấy chùa to Phật lớn, con chỉ thấy mái nhà tranh, vách liếp thoáng mát, mỗi người được nhận một cái thất riêng biệt để lo tu tập. Vì thế, con kính xin Thầy giảng dạy cho con thấu hiểu để mỗi ngày tri kiến của con được sắc bén, và sâu sắc hơn nữa.

Đáp: Đối với câu hỏi này, Thầy không có ý kiến gì cả, vì câu hỏi của con đã có câu trả lời rồi.

Thầy chỉ mong sao các bậc Tôn Túc khi tịch được tự tại trong sanh tử, đừng nằm liệt giường liệt chiếu. Một hình ảnh của một người tu hành theo Phật Giáo không bao giờ mong gặp.

Khi các bậc Tôn Túc tịch mong sao các huynh đệ đều đoàn kết là đẹp nhất.

Chùa to Phật lớn là hình ảnh danh lợi. Cho nên, khiến lòng người dễ sa ngã bị phân hóa nội bộ.

Chùa to Phật lớn là hình ảnh danh lợi. Người tu sĩ giới luật nghiêm chỉnh thì không

thể nào chấp nhận, không thể nào sống trong đó được.

Trong giới luật Sa Di có giới luật tu sĩ không được nằm giường cao rộng lớn, tức là đức Phật dạy tu sĩ không nên ở trong chùa to Phật lớn. Tại sao có nghĩa này?

Chúng ta lấy giới này suy ra thì biết ngay liền. Giường cao rộng lớn là phải được đặt trong trong chùa to, cốc lớn, nếu am tranh, cốc nhỏ làm sao đặt giường cao rộng lớn được. Phải không các bạn? Cho nên, giới không nằm giường cao rộng lớn là giới không được ở trong chùa to Phật lớn. Như vậy, các bạn ở trong chùa to Phật lớn là các bạn không hiểu giới luật Phật. Giới luật là đức hạnh của người tu sĩ. Người tu sĩ phải sống có đức hạnh thanh bần mới đúng là Thánh Tăng, còn sống trong chùa to Phật lớn thì Thánh hạnh thanh bần đâu còn nữa. Phải không các bạn?

Giới luật và giáo pháp của Phật không cho phép người tu sĩ sống trong đó. Vì giới luật và giáo pháp của Phật dạy ly dục ly ác pháp, mà sống trong đó là làm sao ly dục ly ác pháp được.

Không ly dục ly ác pháp thì tu pháp nào cũng là tu theo ngoại đạo. Tu mà không ly dục ly ác pháp là tu tập có ích lợi gì. Tu mà không sống đời Phạm hạnh là không xứng đáng người tu sĩ Phật giáo.



HẾT TẬP IX

MỤC LỤC

Lời nói đầu.....	5
Kinh Viên Giác	30
Đức Phật tu tập pháp môn nào trong 49 ngày chứng đạo?.....	34
Các pháp đều không	43
Thế giới siêu hình	47
Không có cảnh giới niết bàn, tu rồi về đâu?.....	49
Người tu hành chưa giải thoát hoàn toàn có bị vô minh che mờ và còn tiếp tục tái sinh không?.....	53
Người điếc không sợ súng	55
Có thân người mới đủ điều kiện tu hành thoát khổ	63
Được thân người khó	69
Con người ngày một đông hơn	72
Khỉ vượn có phải là thủy tổ của loài người không?	83
Nguồn gốc vũ trụ	89
Người hoàn hảo	93
Nẻo về đạo đức	98
Quy y Tam Bảo	101
Trung tâm an dưỡng Chơn Lạc	103
Đường đi nhân quả	104
Người cư sĩ ăn phi thời	112

Đức Phật không có dạy pháp môn đập phá.....	114
Ngày sinh nhật.....	130
Thọ bát quan trai là gieo duyên Phật pháp ở ngày mai	131
Hãy tiết kiệm	135
Nhóm tu học nguyên thủy Hoa Kỳ.....	137
Thỉnh kinh	138
Xá lợi có phải do tu thiền không?	142
Cúng dường đúng chánh pháp.....	156
Muốn nhập định thì phải siêng năng lễ Phật	163
Rèn luyện nghị lực, bền chí, kiên nhẫn	167
Tưởng tức	171
Chưa đủ duyên xuất gia.....	173
Tập II (bộ mới).....	180
Cõi trời.....	181
Hoài vọng	187
Nguyện ước	191
Xin thỉnh kinh.....	195
Tu sao lâu quá.....	196
Chấn hưng Phật pháp	198
Dùng thần thông độ chúng sanh.....	201
Thiền yoga cũng tịnh chỉ hơi thở được	204
Tâm lực pháp hướng	206

Cách tu định niệm hơi thở và định chánh niệm tỉnh giác	208
Quán và biết.....	212
Ly các loại hỷ tướng	216
Xả lạc, xả khổ, xả niệm thanh tịnh nào?.....	217
Ly hỷ trú xả có phải là pháp hướng tâm không? ...	222
Nghiệp tái sanh	224
Thức trong 12 nhân duyên và thức nào là linh hồn	226
Minh	229
Phương cách nhập nhị thiền	233
Hành các pháp thiện có phải là tu tập chánh niệm tỉnh giác và định niệm hơi thở không?	238
Pháp hướng tâm ngắn gọn có kết quả nhanh hơn..	241
Khi nào mới bắt đầu hướng tâm	243
Tu định vô lậu trên bốn chỗ thân, thọ, tâm pháp như thế nào?	246
Vén màn ngũ triền cái, bút sạch thất kiết sử	251
Cách thức tu hành thất Giác Chi.....	253
Dùng một hay nhiều câu pháp hướng trong một thời tu	270
Hướng tâm như thế nào có hiệu quả?	276
Thùy miên hay tùy miên.....	277
Hạnh độc cư.....	279
Sống thơ thân một mình	282
Thường bất khinh Bồ Tát	283

Thời khóa tu tập cho người cư sĩ.....	286
Bốn loại thức ăn	289
Một truyền thống đẹp “uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây”	292
Có ba hạng người tu tập Giới, Định, Tuệ.....	305
Sự tu tập khổ đế, diệt đế trong Tứ Niệm Xứ.....	314
Từ trường.....	316
Cúng dường và nhận đồ cúng dường như thế nào đúng pháp?	323
Nỗi đau về thể xác	328
Nhân quả.....	333
Phóng sanh	338
Nhân quả phải trả	344
Cầu cơ.....	346
Ma đề.....	354
Quy y Tam Bảo	356
Tri kiến và bản lĩnh của người tu theo chánh pháp nguyên thủy	361
5 năm và 13 năm, năm nào đức Phật chế giới luật	374
Bỏ những giới nhỏ nhất.....	381
Đừng lợi dụng linh động, sống động để sửa đổi giáo pháp và giới luật Phật	392
Khế lý, khế cơ	395
Những giới không thích hợp được thay bằng những giới khác	398

Tầm quan trọng của giới bốn tân tu.....	401
Những thầy phạm giới làm sao thay đổi và sửa đổi giới luật được.....	403
Giáo đoàn xuất gia còn là đạo Bụt còn.....	404
Cứ 25 năm giới luật phải được sửa đổi	406
Thay đổi giới luật có làm ảnh hưởng tới Phật giáo không?	409
Phạm hạnh có chấp nhận chùa to, Phật lớn không?	411

GIỚI THIỆU SÁCH

1. Đường về xứ Phật (Mười tập, bộ mới - 2011).
2. Những lời gốc Phật dạy (4 tập, bộ mới - 2011).
3. Văn hóa Phật giáo truyền thống (2 tập, bộ mới - 2011).
4. Đạo đức làm người (Tập I, II...).
5. Cẩm nang tu Phật (Hai tập).
6. Thiền căn bản.
7. Hành thập thiện & Tứ vô lượng tâm.
8. Những chặng đường tu học của người cư sĩ.
9. Thời khóa tu tập trong thời đức Phật.
10. Giáo án rèn nhân cách lớp Ngũ Giới:
Đức Hiếu Sinh (Tập I, II, III).
11. Giáo án rèn nhân cách lớp Ngũ Giới:
Đức Ly Tham (Tập I...).
12. Giáo án rèn nhân cách lớp Ngũ Giới:
Đạo Đức Gia Đình (Tập I...).
13. Mười Đức Thánh Sa Di (Tập I, II).

14. Giới đức Thánh Tăng, Thánh Ni.
15. Định niệm hơi thở.
16. Phật giáo có đường lối riêng biệt.
17. Pháp môn niệm Phật tứ bất hoại tịnh
18. Nghi thức thọ trai.
19. Những lời tâm huyết...
20. Mười hai cửa vào đạo (2009).
21. Tạo duyên giáo hóa chúng sinh (mới 2009).
22. Lòng yêu thương (2009).
23. Linh hồn không có (2010 quý I).
24. Muốn chứng đạo phải tu pháp môn nào? (2010)
25. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo (2010).
26. Giới đức làm người – 2 tập (bộ mới - 2010).
27. Lịch sử chùa Am (bộ mới - 2010).
28. Linh hồn không có – tái bản lần I (2010 quý IV).
29. Sống một mình như con Tê Ngưu (2010)
30. Thanh qui Tu viện Chơn Như (2010)
31. Lòng yêu thương – tập 2 (2011 quý I)
32. Sống mười điều lành (2011)

Các trang web hiện hành có đăng tải sách của Trưởng lão Thích Thông Lạc:

<http://www.nguyenthuychonnhu.net>

<http://www.chonlac.org>

<http://www.chonnhu.net>

<http://www.thuvienthaythonglac.net>

...

Ước mong mọi người sống không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sinh.

PHẬT TỬ ẤN TỔNG KINH

“ĐƯỜNG VỀ XỨ PHẬT - TẬP IX”

- Gia đình Thích Nữ Liễu Nghĩa
- Gia đình Thích Nữ Liễu Châu
- Gia đình Thích Nữ Liên Phước
- Gia đình Thích Nữ Diệu Minh
- Gia đình Thích Nữ Diệu Tâm
- Gia đình Thích Nữ Liễu Thắm
- Phật tử Hà Nội
- Phật tử Tp. Hồ Chí Minh
- Nhóm thọ bát quan trai sư P.N

ĐƯỜNG VỀ XỨ PHẬT - TẬP IX

Trưởng lão THÍCH THÔNG LẠC

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Phường Yên Hòa – Q.Cầu Giấy - Hà Nội

ĐT: (04) 37822845 - Fax: (04) 37822841

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Nguyễn Công Oánh

Biên tập: **Nguyễn Hà**

Bìa & Trình bày: **Thanh Tuệ**

Sửa bản in: **Ngọc Phúc**

Đối tác liên kết:

TU VIỆN CHƠN NHƯ

Điện thoại: 066.3892911 - 0988094445

Email: chonnhu.info@gmail.com

Số lượng in: 1.000 bản, khổ: 13 x 20,5 cm

In tại **CTY CỔ PHẦN IN KHUYẾN HỌC PHÍA NAM**

(Tp.HCM. ĐT: 38164415)

Số xuất bản: **282-2011/CXB/05-40/TG**

In xong và nộp lưu chiểu Quý III năm 2011